

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**



TRƯƠNG THỊ HOA

**GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KV HÀ NỘI QUA
THAM VẤN NGHỀ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**



TRƯƠNG THỊ HOA

**GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KV HÀ NỘI QUA
THAM VẤN NGHỀ**

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục

Mã số: 62.14.01.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN DỤC QUANG

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Trương Thị Hoa

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành công trình nghiên cứu này tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các tập thể và cá nhân.

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về sự giúp đỡ tận tình của thầy giáo hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. Nguyễn Dục Quang**

Tôi xin chân thành cảm ơn các nhà khoa học, các Thầy giáo, Cô giáo, Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng Viện Khoa học giáo dục Việt Nam đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành luận án.

Tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của Ban Giám Hiệu, thầy, cô và bạn bè đồng nghiệp Khoa Tâm lí - Giáo dục học trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã động viên, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác nhiệt tình của các công tác viên, giáo viên và học sinh các trường THPT Trần Nhân Tông - Quận Hai Bà Trưng, THPT Phan Đình Phùng - Quận Ba Đình, THPT Trần Phú, Quận Hoàn Kiếm, THPT Nguyễn Gia Thiều - Quận Long Biên; THPT Cao Bá Quát - Huyện Gia Lâm; THPT Ngọc Tảo - Huyện Phúc Thọ; THPT Vân Nội - Huyện Đông Anh, trường THPT Phú Xuyên A – Huyện Phú Xuyên.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè và các đồng nghiệp đã quan tâm, chia sẻ, động viên giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Tác giả luận án

Trương Thị Hoa

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....	1
2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU.....	3
3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU.....	3
3.1. KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU	3
3.2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	4
4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC	4
5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.....	4
6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU	4
7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	4
7.1. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	4
7.1.1. Tiếp cận theo Lý thuyết hoạt động.....	4
7.1.2. Tiếp cận theo Quan điểm hệ thống - cấu trúc	5
7.1.3. Tiếp cận theo năng lực	5
7.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	5
7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận.....	5
7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn.....	6
8. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN CẦN BẢO VỆ.....	8
9. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN.....	9
10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN.....	9
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP QUA	
THAM VẤN NGHỀ Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	10
1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ.....	10
1.1.1. Nghiên cứu trên thế giới.....	10
1.1.2. Nghiên cứu ở Việt Nam	14
1.2. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	21
1.2.1. Quan niệm về giáo dục hướng nghiệp.....	21
1.2.2. Giáo dục THPT trong hệ thống giáo dục quốc dân.....	23

1.2.3. Đặc điểm tâm –sinh lý của HS THPT ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề.	23
1.2.4. Quá trình GDHN ở THPT	25
1.3. GDHN QUA THAM VẤN NGHỀ Ở THPT.....	28
1.3.1. Quan niệm về tham vấn nghề.....	28
1.3.2. GDHN qua tham vấn nghề ở THPT.....	33
1.3.3. Ưu thế và hạn chế của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT	41
1.3.4. Mối quan hệ giữa con đường tham vấn nghề với các con đường GDHN khác.....	43
1.4. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH GDHN QUA THAM VẤN NGHỀ.....	45
1.4.1. Yếu tố thuộc về nhà tham vấn (GV)	45
1.4.2. Yếu tố thuộc về HS	46
1.4.3. Yếu tố thuộc về nhà trường.....	47
1.4.4. Các yếu tố khác	47
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH QUA THAM VẤN NGHỀ Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	50
2.1.1. Mục đích khảo sát.....	50
2.1.2. Đối tượng khảo sát	50
2.1.3. Nội dung khảo sát.....	50
2.1.4. Phương pháp khảo sát	50
2.1.5. Thời gian khảo sát	51
2.1.6. Xử lý kết quả khảo sát.....	51
2.2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG GDHN QUA THAM VẤN NGHỀ Ở CÁC TRƯỜNG THPT KV HÀ NỘI.....	52
2.2.1. Thực trạng GDHN ở các trường THPT KV Hà Nội	52
2.2.2. Thực trạng tham vấn nghề ở trường THPT KV Hà Nội	57
2.3. NHỮNG NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC	77
2.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến tham vấn nghề ở THPT KV Hà Nội.....	77
2.3.2. Những khó khăn khi tổ chức tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội.....	80

2.3.3. Biện pháp khắc phục khó khăn	81
CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	85
3.1. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ TRONG GDHN	85
3.1.1. Nguyên tắc xây dựng quy trình hoạt động tham vấn nghề.....	85
3.1.2. Nguyên tắc thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN	86
3.2. QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ	87
3.2.1. Quy trình hoạt động tham vấn nghề	87
3.2.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề	89
3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ CÓ HIỆU QUẢ	109
3.3.1. Về phía nhà trường:	109
3.3.2. Về phía giáo viên:	110
3.3.3. Về phía HS	111
3.4. THỰC HIỆN MẪU QUY TRÌNH THAM VẤN NGHỀ.....	111
3.4.1. Mô tả quy trình tham vấn cho nhóm HS	112
3.4.2. Mô tả quy trình tham vấn cho cá nhân HS	118
CHƯƠNG 4: THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM	124
4.1. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM	124
4.1.1. Mục đích thực nghiệm.....	124
4.1.2. Đối tượng thực nghiệm và thời gian tiến hành thực nghiệm.....	124
4.1.3. Nội dung thực nghiệm	125
4.1.4. Phương pháp thực nghiệm.....	125
4.1.5. Quy trình thực nghiệm	126
4.1.6. Tiêu chí và thang đánh giá	130
4.2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM	135
4.2.1. Phân tích kết quả thực nghiệm đợt 1	135
4.2.2. Phân tích kết quả thực nghiệm đợt 2	148
4.2.3. Nhận định chung	158

4.3. MÔ TẢ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP THỰC NGHIỆM	160
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	165
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN	169
TÀI LIỆU THAM KHẢO	170
PHỤ LỤC	179

MỤC LỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 2.1. Đánh giá của GV và HS về mức độ thực hiện các con đường GDHN.....	52
Bảng 2.2. Sự lựa chọn ngành, nghề của HS.....	56
Bảng 2.3. Lí do chọn nghề của HS.....	56
Bảng 2.4. Nhận thức của GV về tham vấn nghề trong GDHN.....	57
Bảng 2.5. Mức độ đạt mục tiêu tham vấn nghề trong GDHN.....	59
Bảng 2.6. Mức độ thực hiện nội dung tham vấn nghề trong GDHN.....	60
Bảng 2.7. Các hình thức tham vấn nghề trong GDHN.....	63
Bảng 2.8. Đánh giá của GV và HS về những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề.....	64
Bảng 2.9. Bối cảnh tham vấn nghề.....	70
Bảng 2.10. Kết quả chọn nghề của HS được tham vấn.....	72
Bảng 2.11. Khả năng nhận thức và đánh giá bản thân của HS.....	74
Bảng 2.12. Hiểu biết về nghề mà HS đã lựa chọn.....	75
Bảng 2.13. Hiểu biết về trường đào tạo mà HS đã lựa chọn.....	76
Bảng 2.14. Các yếu tố ảnh hưởng đến tham vấn nghề.....	78
Bảng 2.15. Những khó khăn khi tổ chức tham vấn nghề ở các trường THPT Hà Nội.....	80
Bảng 4.1. Đối tượng TN đợt 1.....	124
Bảng 4.2. Đối tượng TN đợt 2.....	125
Bảng 4.3. Nhận thức của HS trong quá trình chọn ngành, nghề trước TN.....	135
Bảng 4.4. Kết quả chọn ngành, nghề của HS trước TN.....	137
Bảng 4.5. Sự phù hợp với các chỉ số tâm lí.....	138
Bảng 4.6. Bảng phân phối tần xuất kết quả đánh giá của các lớp TN1 và ĐC1 trước TNSP.....	139
Bảng 4.7. Xếp loại kết quả lựa chọn ngành, nghề của HS các lớp TN1 và ĐC1 trước TNSP.....	139
Bảng 4.8. Mức độ nhận thức của HS trong quá trình chọn ngành, nghề sau TN.....	143
Bảng 4.9. Kết quả chọn ngành, nghề sau TN của lớp TN1 và lớp ĐC1.....	145
Bảng 4.10. Bảng phân phối tần xuất mức độ chọn ngành, nghề sau TNSP của lớp TN1 và ĐC1.....	145
Bảng 4.11. Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề lớp TN1 và ĐC1 sau TNSP.....	146
Bảng 4.12. Nhận thức của học sinh trong quá trình chọn ngành, nghề trước TN.....	149
Bảng 4.13. Kết quả chọn ngành, nghề của HS trước TN.....	150
Bảng 4.14. Sự phù hợp với các chỉ số tâm lí.....	150
Bảng 4.15. Bảng phân phối tần xuất kết quả đánh giá của các lớp TN 2 và ĐC 2 trước TNSP.....	151

Bảng 4.16. Xếp loại kết quả chọn ngành, nghề của các lớp TN2 và ĐC2 trước TNSP	152
Bảng 4.17. Mức độ nhận thức sau TN	154
Bảng 4.18. Kết quả chọn ngành, nghề sau TN của lớp TN2 và lớp ĐC2.....	155
Bảng 4.19. Bảng phân phối tần xuất mức độ chọn ngành, nghề sau TNSP của lớp TN2 và ĐC2.....	156
Bảng 4.20. Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề lớp TN2 và ĐC2 sau TNSP	157
Sơ đồ 3.1 Quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN cho HS	88
Biểu đồ 4.1: Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS hai lớp TN1 và ĐC1 trước TNSP.....	140
Biểu đồ 4.2: Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS lớp TN1 và ĐC1 sau TNSP	147
Biểu đồ 4.3: Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS hai lớp TN2 và ĐC2 trước TNSP.....	153
Biểu đồ 4.4: Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS lớp TN2 và ĐC2 sau TNSP	158

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CD: Cao đẳng

ĐC: Đối chứng

ĐH: Đại học

ĐTB/ \bar{X} : Điểm trung bình

GDH: Giáo dục học

GDHN: Giáo dục hướng nghiệp

GV: Giáo viên

HS: Học sinh

KTTH-HN: Kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp

KV: KV

TB: Thứ bậc

THPT: Trung học phổ thông

TLH: Tâm lí học

TN: Thực nghiệm

MỞ ĐẦU

1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Nghề nghiệp là vấn đề vô cùng quan trọng trong đời sống của mỗi con người. Có nghề nghiệp con người mới có cuộc sống ổn định, mới làm cho cuộc sống trở nên có ý nghĩa. Câu hỏi chọn nghề gì luôn là vấn đề trăn trở đối với các em khi bước vào ngưỡng cửa của cuộc đời, đặc biệt là đối với HS THPT. Vì vậy, GDHN hiện nay có vai trò rất lớn giúp cho HS nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, chọn được nghề phù hợp với bản thân đồng thời đáp ứng được nhu cầu của xã hội, góp phần vào việc phân luồng và sử dụng hợp lí nguồn lao động thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội bền vững. GDHN cho HS là một trong những vấn đề quan trọng được Đảng ta và Nhà nước ta quan tâm. Ngày 19 tháng 3 năm 1981, Hội đồng Chính phủ đã ban hành quyết định 126/CP về công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông và việc sử dụng HS các cấp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học tốt nghiệp ra trường. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nêu rõ: “Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng HS trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương” [59].

Thực tế những năm gần đây, nhiều sinh viên khi ra trường không có việc làm hoặc phải đào tạo lại, tình trạng ngời nhảm ĐH xảy ra nhiều năm với nhiều sinh viên. Những cử nhân, kĩ sư thất nghiệp quay lại học trung cấp với quyết tâm làm lại cuộc đời ngày càng phổ biến và trở thành vấn đề nhức nhối. Theo điều tra của Bộ GD&ĐT năm 2006 cho thấy, cả nước có tới 63% số sinh viên ra trường không có việc làm, 37% số còn lại có việc làm thì hầu hết phải đào tạo lại và nhiều người không làm đúng nghề mình đã học [41]. Theo công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quý IV/2013, cả nước có thêm 72.000 lao động trình độ ĐH, CĐ thất nghiệp.

Nguyên nhân của thực trạng trên là do sự chọn nghề của HS chưa phù hợp. Công tác GDHN thời gian qua trong nhà trường THPT chưa tốt. Việc GDHN cho HS chưa đồng bộ và hệ thống. Đội ngũ GV đảm nhiệm công việc này không được đào tạo bài bản, chính quy mà là GV môn khác chuyển sang hoặc kiêm nhiệm. Phân bố thời gian, số tiết học cho môn Hoạt động GDHN còn ít. Nội dung GDHN trong nhà trường hiện nay còn hạn chế: phiến diện, chưa nói rõ được bản chất của các

nghề, chưa xác lập được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của cá nhân phù hợp với nghề đó. Về hình thức, còn nghèo nàn mang tính chất xơ cứng, đại trà, hình thức mà chưa phân hóa theo các đối tượng HS. Trong quá trình hướng nghiệp chỉ hướng tới cung cấp thông tin, đưa ra những lời khuyên mang tính chủ quan đôi khi áp đặt của nhà giáo dục, của GV. HS không có cơ hội đi tham quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Như vậy chưa đủ cơ sở để giúp HS có những quyết định đúng đắn trong việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Sự hiểu biết về nghề nghiệp cũng như những yêu cầu của nghề nghiệp mà các em lựa chọn và sự đáp ứng những yêu cầu của bản thân đối với nghề nghiệp còn hạn chế. Điều này dẫn đến các em có những sai lệch về sự lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Đa số HS không thể hình dung ra nghề nghiệp sau này của mình như thế nào, vì thế, việc lựa chọn trường và nghề nghiệp của các em theo cảm tính, HS chạy theo ngành “hot”, ngành dễ học chứ không chọn theo năng lực và nhu cầu của xã hội. Tình trạng này một mặt sẽ gây khó khăn cho các trường ĐH có nhiều HS lựa chọn không có đủ điều kiện cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu của người học; Mặt khác những nghề xã hội đang cần lại thiếu sinh viên theo học. Số liệu trên cho thấy tình trạng mất cân đối trong việc HS lựa chọn các ngành nghề, gây ra sự lãng phí, cả về tiền của, công sức và thời gian của bản thân cũng như cho quá trình đào tạo, lãng phí nguồn nhân lực và phân bố nguồn nhân lực không hợp lý, làm ảnh hưởng lớn đến năng suất lao động, cản trở sự phát triển về kinh tế xã hội, ảnh hưởng đến tiềm lực quốc gia, sức mạnh dân tộc.

Trong quá trình chọn nghề, HS gặp rất nhiều khó khăn trong việc nhận thức và đánh giá được bản thân, trong việc tìm thông tin về ngành nghề, trường thi, mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái trong sự lựa chọn nghề. Những khó khăn này không được giải quyết kịp thời sẽ gây nên sự lo lắng cho các em và dẫn đến việc các em đưa ra những quyết định không đúng đắn trong chọn nghề. Ở nhà trường THPT có nhiều con đường GDHN cho HS như: Thông qua hoạt động dạy các môn khoa học cơ bản, môn công nghệ; thông qua hoạt động ngoại khóa; thông qua Hoạt động GDHN chính khóa; thông qua sinh hoạt hướng nghiệp. Các con đường trên, đều có những ưu thế riêng tuy nhiên đều hướng tới việc cung cấp kiến thức cho HS mà chưa chú trọng đến việc giải quyết những khó khăn, giải tỏa những vướng mắc của HS trong quá trình chọn nghề. Hiện nay, tham vấn nghề là con đường GDHN hiện đại và thể hiện được

ưu thế trong việc giải tỏa những khó khăn, vướng mắc của HS trong quá trình chọn nghề, khắc phục được những hạn chế của các con đường GDHN nêu trên, đồng thời trong quá trình trợ giúp HS giải quyết những khó khăn tham vấn nghề thực hiện được mục tiêu của GDHN đã đề ra là giúp cho HS chọn được nghề phù hợp với khả năng, sở thích, tính cách của bản thân và nhu cầu của xã hội.

Trên thế giới, tham vấn nghề đã xuất hiện từ thế kỉ thứ 19 nhưng ở Việt Nam tham vấn nói chung và tham vấn nghề còn rất mới mẻ. Ở các trường THPT tham vấn nghề dường như chưa được tiến hành, nếu có chỉ là sự thực hiện mang tính cá lẻ, chưa đồng bộ, thiếu hệ thống. Đặc biệt hiện nay chưa có những cơ sở lí luận cụ thể để chỉ dẫn hoạt động này. Bản chất của tham vấn nghề là trợ giúp HS giải tỏa được khó khăn gặp phải trong quá trình chọn nghề đồng thời phát huy tiềm năng của bản thân HS, nâng cao năng lực tự giải quyết vấn đề của bản thân để chọn được nghề phù hợp nhất. Tham vấn nghề không chú ý đến việc đưa ra lời khuyên trong việc lựa chọn trường thi, nghề nghiệp sau này mà chủ yếu hướng đến việc giúp HS phát triển được năng lực trong quá trình chọn nghề đó là năng lực nhận thức và đánh giá bản thân, năng lực ra quyết định chọn nghề, chọn trường đào tạo phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của bản thân cũng như phù hợp với nhu cầu xã hội và hoàn cảnh của gia đình.

Như vậy, xuất hiện mâu thuẫn: giữa một bên là vai trò quan trọng của công tác GDHN trong nhà trường để giúp HS lựa chọn được nghề phù hợp và một bên là sự yếu kém, hạn chế của công tác GDHN, trong đó việc vận dụng nghèo nàn, kém hiệu quả của các hình thức GDHN, đặc biệt là việc sử dụng những hình thức hiện đại phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi HS THPT còn hạn chế và vì lí do đó đề tài này nghiên cứu để giải quyết mâu thuẫn trên. Do vậy chúng tôi đã lựa chọn: “***Giáo dục hướng nghiệp cho HS THPT KV Hà Nội qua tham vấn nghề***” để nghiên cứu.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Xây dựng được quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN nhằm trợ giúp HS giải quyết những khó khăn trong quá trình chọn nghề góp phần nâng cao hiệu quả GDHN trong nhà trường THPT hiện nay.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

Hoạt động GDHN cho HS ở THPT

3.2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Quy trình tham vấn nghề trong GDHN

4. GIẢI THUYẾT KHOA HỌC

Trong quá trình chọn nghề HS đã gặp rất nhiều khó khăn: Khó khăn trong việc nhận thức và đánh giá bản thân, thiếu hiểu biết về ngành, nghề, về trường thi và khó khăn trong việc ra quyết định chọn ngành, nghề, trường thi, vì vậy có thể xây dựng quy trình hoạt động tham vấn nghề cho HS THPT phù hợp với mục tiêu, nội dung và phương pháp GDHN thông qua đó trợ giúp HS giải quyết được những khó khăn trong quá trình chọn nghề góp phần nâng cao hiệu quả GDHN ở THPT

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu cơ sở lí luận của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT;
- Phân tích thực trạng của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT;
- Xây dựng quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN ở THPT;
- Tổ chức thực nghiệm nhằm khẳng định hiệu quả và tính khả thi của quy trình hoạt động tham vấn nghề cho HS THPT.

6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đề tài tập trung nghiên cứu tham GDHN qua vấn nghề ở THPT với đối tượng tham vấn là HS lớp 10, 11, 12, và GV chủ nhiệm, GV kiêm nhiệm giảng dạy môn Hoạt động GDHN ở 4 trường nội thành và 4 trường ngoại thành KV Hà Nội: THPT Trần Nhân Tông - Quận Hai Bà Trưng, THPT Phan Đình Phùng - Quận Ba Đình, THPT Trần Phú, Quận Hoàn Kiếm, THPT Nguyễn Gia Thiều - Quận Long Biên; THPT Cao Bá Quát - Huyện Gia Lâm; THPT Ngọc Tảo - Huyện Phúc Thọ; THPT Vân Nội - Huyện Đông Anh, trường THPT Phú Xuyên A – Huyện Phú Xuyên.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

7.1.1. Tiếp cận theo Lý thuyết hoạt động

Việc nghiên cứu tham vấn nghề trong GDHN được thực hiện theo nguyên tắc thông qua hoạt động và bằng hoạt động. Trong quá trình nghiên cứu, chúng ta phải nghiên cứu các hoạt động GDHN của GV ở THPT, hoạt động tự nhận thức và đánh giá bản thân của HS, quá trình lựa chọn nghề của HS, các hoạt động khác của GV và HS có liên quan đến GDHN và tham vấn nghề ở THPT.

7.1.2. Tiếp cận theo Quan điểm hệ thống - cấu trúc

Bản thân hoạt động GDHN là một hệ thống cấu trúc trọn vẹn được thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau, trong đó tham vấn nghề là một con đường vừa có tính độc lập vừa có mối liên hệ với các con đường khác do vậy khi nghiên cứu hoạt động tham vấn nghề cần phải nghiên cứu trong mối quan hệ với GDHN nói chung và với các con đường khác.

7.1.3. Tiếp cận theo năng lực

Xu hướng hiện đại trong giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng là tiếp cận theo hướng hình thành các năng lực hoạt động thực tiễn, hoạt động trí tuệ cho HS vì vậy khi nghiên cứu hoạt động tham vấn nghề cũng như khi xây dựng quy trình tham vấn nghề không chỉ dừng lại ở mức giải quyết những khó khăn, nâng cao hiểu biết mà mục tiêu cuối cùng hướng đến góp phần hình thành năng lực chọn nghề cho HS thông qua hoạt động tham vấn nghề.

7.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Nghiên cứu các tài liệu, các công trình nghiên cứu về GDHN và tham vấn nghề trong và ngoài nước trên cơ sở phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hoá, khái quát hoá, từ đó rút ra những kết luận khái quát, làm cơ sở lí luận cho đề tài nghiên cứu. *Các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu bao gồm:*

- Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước Việt Nam về GDHN;
- Các công trình khoa học liên quan đến GDHN và GDHN cho HS THPT;
- Các tài liệu về tham vấn tâm lý và tham vấn nghề cho HS THPT;
- Các chương trình GDHN và tham vấn nghề của các trường THPT trong nước;
- Các bài báo khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của đề tài.

Quá trình nghiên cứu tài liệu được tiến hành như sau:

- Thu thập, lựa chọn và sàng lọc các tư liệu có liên quan đến GDHN và tham vấn nghề, đặc biệt là GDHN và tham vấn nghề cho HS ở THPT;
- Đọc và ghi chép các thông tin, số liệu có liên quan;
- Phân tích, đánh giá các thông tin, số liệu thu thập được;
- Khái quát hóa, hệ thống hóa những thông tin thu thập được;
- Xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài nghiên cứu.

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.2.1. Phương pháp quan sát sự phạm

Quan sát hoạt động GDHN và tham vấn nghề của GV ở các trường THPT, quan sát những biểu hiện của GV và HS trong quá trình tham vấn và lựa chọn nghề nhằm thu thập những thông tin thực tiễn bổ sung cho các tư liệu thu được từ các phương pháp nghiên cứu khác.

Quan sát thông qua dự giờ môn GDHN, các hoạt động ngoại khóa khác và các buổi tham vấn nghề cho HS ở một số lớp của các trường THPT. Trong quá trình quan sát có ghi chép, nhận xét, đánh giá những kết quả thu được, so sánh với những phương pháp nghiên cứu khác.

7.2.2.2. Phương pháp điều tra giáo dục

Sử dụng phương pháp điều tra giáo dục nhằm thu thập thông tin về thực trạng vấn đề nghiên cứu như: Thực trạng GDHN trong nhà trường THPT KV Hà Nội; Thực trạng tham vấn nghề trong nhà trường THPT KV Hà Nội; Sự lựa chọn nghề của HS các trường THPT KV Hà Nội; Những nguyên nhân ảnh hưởng đến GDHN và quá trình tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội

Xây dựng hệ thống câu hỏi đóng và mở về GDHN và tham vấn nghề ở THPT với 3 mẫu phiếu dành cho các thầy cô trong Ban Giám hiệu, các GV tham gia thực hiện công tác GDHN và HS lớp 10, 11, 12 ở 8 trường THPT KV Hà Nội.

Chúng tôi tiến hành điều tra bằng cách phát cho GV, HS mỗi người một phiếu và hướng dẫn cách trả lời đồng thời đề nghị họ trả lời đầy đủ tất cả các câu hỏi, sau khi trả lời xong thì thu lại phiếu điều tra.

7.2.2.3. Phương pháp đàm thoại

Tiến hành trò chuyện, phỏng vấn sâu với các GV và với HS nhằm làm rõ hơn những thông tin thu được về hoạt động GDHN và tham vấn nghề cho HS ở THPT và các vấn đề khác từ khảo sát thực tiễn được minh họa bằng lời phát biểu, lời nói của GV và HS THPT.

Thông qua việc trao đổi trực tiếp bằng những câu hỏi mở để GV và HS có thể trả lời một cách tự nhiên nhất. Nội dung đàm thoại được chuẩn bị một cách chi tiết, rõ ràng theo từng mảng vấn đề nghiên cứu. Trình tự nội dung phỏng vấn không bị cố định theo trình tự đã chuẩn bị, mà có thể linh động, mềm dẻo tùy theo từng

khách thể. Tùy theo đối tượng và khách thể của cuộc phỏng vấn sâu mà nội dung của mỗi cuộc đàm thoại có thể thay đổi.

7.2.2.4. Phương pháp trắc nghiệm

Dùng các trắc nghiệm đã được Việt hóa nhằm thu được những kết quả về tính cách, năng lực, sở thích, xu hướng nghề nghiệp của HS. Chúng tôi sử dụng 5 trắc nghiệm do các nhà nghiên cứu tâm lý, giáo dục nước ngoài xây dựng và đã được Việt hóa. Cụ thể: 1. Trắc nghiệm “Khả năng nghề nghiệp” của John Holland; 2. Trắc nghiệm IQ của Alfred.W.MunZent; 3. Trắc nghiệm Khí chất của H.J. Eysenck; 4. Trắc nghiệm Tính cách của MBTI; 5. Trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp của A.E.Gôlômstôc

Cách thức tiến hành: chúng tôi phát cho mỗi em một bản Phiếu trả lời trắc nghiệm, trong đó yêu cầu ghi đầy đủ những thông tin cần thiết. Ở mỗi nội dung trắc nghiệm khác nhau, chúng tôi phát những bản trắc nghiệm tới từng HS và hướng dẫn HS làm lần lượt với những thời gian cụ thể, rõ ràng.

7.2.2.5. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Phân tích một số trường hợp điển hình về sự lựa chọn nghề của HS lớp 12 để thấy rõ sự thay đổi trước và sau khi được tham vấn nghề.

Trong phương pháp này, chúng tôi lựa chọn những em có những khó khăn điển hình trong quá trình lựa chọn ngành, nghề. Mô tả một cách cụ thể về những khó khăn mà các em gặp phải đồng thời chỉ rõ những thay đổi của các em sau khi được GV tham vấn nghề.

7.2.2.6. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động giáo dục

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động được sử dụng trong việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng và phân tích kết quả thực nghiệm.

Sản phẩm hoạt động của HS được thể hiện qua kết quả của các bài thảo luận nhóm, kết quả tự đánh giá về bản thân HS thông qua bảng tự đánh giá, thông qua kết quả học tập của HS và kết quả trắc nghiệm và nghiên cứu việc lựa chọn nghề của HS trước và sau tham vấn nghề.

7.2.2.7. Phương pháp chuyên gia

Phương pháp chuyên gia được tiến hành nhằm tranh thủ ý kiến đóng góp của các nhà chuyên môn có kinh nghiệm trong lĩnh vực Giáo dục học và Tâm lý học về các vấn đề có liên quan đến GDHN và tham vấn nghề, để xây dựng khung cơ sở lý

luận, xử lí và giải thích các số liệu đặc biệt là quy trình hoạt động tham vấn nghề cho HS ở THPT.

Phương pháp này được tiến hành bằng hình thức tổ chức seminar, thảo luận khoa học, trao đổi trực tiếp và thông qua các phiếu đánh giá với chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục học và Tâm lý học

7.2.2.8. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Tiến hành tham vấn nghề cho HS theo quy trình hoạt động tham vấn nghề đã xây dựng cho HS lớp 12 khẳng định tính khả thi và tính hiệu quả của quy trình đó.

Chúng tôi lựa chọn những lớp HS có hiểu biết về bản thân, về ngành nghề, về trường thi tương đương nhau để tiến hành với hai hình thức tham vấn nhóm và tham vấn cá nhân.

7.2.2.9. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng phần mềm SPSS 13.0 để xử lí các thông tin thu được về định lượng và định tính từ đó rút ra những kết luận khái quát và cần thiết cho đề tài nghiên cứu

8. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN CẦN BẢO VỆ

8.1. Tham vấn nghề là một con đường GDHN có mục tiêu, nội dung, hình thức, quy trình nhất định nhằm trợ giúp HS giải quyết khó khăn trong quá trình chọn nghề và đạt được mục tiêu GDHN, góp phần nâng cao hiệu quả GDHN trong giai đoạn hiện nay.

8.2. Quy trình hoạt động tham vấn nghề xây dựng thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, cách thức và hình thức thực hiện; Nếu tổ chức tham vấn nghề cho HS theo quy trình đó sẽ góp phần nâng cao hiệu quả GDHN trong nhà trường THPT

8.3. Để thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề có hiệu quả cần có những điều kiện nhất định: Nhà trường cần trang bị cơ sở vật chất cần thiết, có tài liệu tham khảo: các thông tin về nhu cầu nhân lực của xã hội, các bản mô tả nghề, các trắc nghiệm liên quan đến việc định hướng nghề cho HS; nhà tham vấn cần phải có kiến thức và kĩ năng tham vấn, có hiểu biết sâu rộng về ngành nghề, hệ thống các trường đào tạo; HS chủ động tích cực trong việc tự nhận thức và đánh giá bản thân, chủ động trong việc tìm kiếm thông tin, tài liệu liên quan đến sự lựa chọn nghề của bản thân.

9. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

9.1. VỀ LÝ LUẬN

- Trên cơ sở phân tích, hệ thống hoá và kế thừa các lí thuyết về tham vấn, tham vấn nghề, luận án đã bổ sung và làm sáng tỏ thêm khái niệm; mục tiêu, nội dung, hình thức và quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN, góp phần bổ sung cho lí thuyết về GDHN ở THPT của Việt Nam hiện nay.

- Xây dựng được quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN với 3 giai đoạn và 11 bước cụ thể, rõ ràng về mục tiêu, nội dung, cách thức và hình thức tiến hành phù hợp với mục tiêu GDHN trong nhà trường THPT.

9.2. VỀ THỰC TIỄN

- Luận án đã phân tích làm rõ thực trạng GDHN và tham vấn nghề trong nhà trường THPT. Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDHN nói chung và tham vấn nghề nói riêng. Thực trạng cho thấy các trường THPT KV Hà Nội đã tiến hành hoạt động GDHN và tham vấn nghề nhưng kết quả là: nhiều HS chưa chọn được nghề cho bản thân; nhận thức và đánh giá về bản thân, hiểu biết về ngành, nghề và về trường đào tạo còn hạn chế; số lượng HS chọn được nghề theo cảm tính là chủ yếu. Kết quả này làm cơ sở quan trọng cho việc đổi mới và nâng cao hiệu quả GDHN cho HS THPT ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

- Mẫu thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề chỉ rõ cách thức tiến hành có thể làm tài liệu tham khảo cho các GV ở THPT khi họ muốn tiến hành tham vấn nghề cho HS theo quy trình đó đạt hiệu quả.

10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Khuyến nghị, luận án được cấu trúc thành 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT

Chương 2: Thực trạng GDHN cho HS qua tham vấn nghề ở THPT

Chương 3: Quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN ở THPT

Chương 4: Thực nghiệm sư phạm

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP QUA THAM VẤN NGHỀ Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1.1. Nghiên cứu trên thế giới

1.1.1.1. Nghiên cứu về GDHN

Năm 1848, ở Pháp xuất bản cuốn “Hướng dẫn chọn nghề” đầu tiên. Nội dung cuốn sách đề cập tới vấn đề phát triển đa dạng của nghề nghiệp do sự phát triển công nghiệp và việc nhất thiết phải giúp đỡ thanh niên trong sự lựa chọn nghề nghiệp [68].

Năm 1909, Frank Parsons bàn đến hướng nghiệp cho HS cần phải dựa trên năng lực, năng khiếu, hứng thú, sở thích của cá nhân [105];

Từ năm 1918 đến 1939, N.K.Krupskaia có nhiều bài viết khẳng định hiệu quả lao động phần lớn phụ thuộc vào sự phù hợp của con người đối với nghề nghiệp [1].

Các công trình nghiên cứu đề cập đến *các hình thức, phương thức hướng nghiệp* trong nhà trường bao gồm:

- Năm 1986, các tác giả H.Frankiewicz; Bernd Rothe; U.Viets; B.Germer, D. Marschneider đã đưa ra các phương thức: “Phối hợp, cộng tác chặt chẽ giữa trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp và các trường phổ thông trong việc lập kế hoạch thực tập cho HS THPT” [57];

- Các tác giả R.Oberliesen, H.Keim, M.Schumann, G.Duismann đã có những công trình nghiên cứu về phương thức tổ chức cho HS phổ thông thực tập ở các nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, họ đã khẳng định: “Hoạt động dạy học, lao động – kỹ thuật – kinh tế không chỉ mang tính quan trọng đối với các môn khoa học khác, mà còn là bộ phận cấu thành cơ bản của giáo dục THPT... bởi vì nó đã tạo điều kiện cho HS phát triển thành những con người trưởng thành trong cuộc sống lao động – xã hội” [44].

- Năm 1996, tác giả Schmidt, J.J [111] và năm 1998, Roger D. Herring [108] khuyến khích các GV phối hợp định hướng nghề cho HS thông qua những bài giảng hàng ngày trên lớp; Tổ chức hoạt động tập thể hoặc các sự kiện đặc biệt như đi dã ngoại, lựa chọn sách, phim, clip, và các phương tiện đại chúng khác. Với HS trung học, có nhiều chương trình sự kiện đặc biệt về nghề sẽ giúp HS hiểu được mối

tương tác giữa những trải nghiệm của bản thân với những ước mơ, khát vọng thành công trong tương lai. Các tác giả này đã khái quát mục tiêu hướng nghiệp cho từng cấp học và những cách thức để tiến hành những mục tiêu đó, đồng thời chỉ ra mối quan hệ giữa định hướng nghề và tham vấn nghề, các thành phần tạo nên mô hình GDHN hiệu quả.

Các tác giả Morgan và Hart (1977) nhấn mạnh *vai trò của GDHN trong nhà trường* đã khẳng định GDHN trong nhà trường cần phải khuyến khích HS suy nghĩ về bản thân mình và về thế giới công việc; yêu cầu HS cần có kiến thức, hiểu biết và kỹ năng trong quá trình chọn nghề trước khi đưa ra quyết định nghề nghiệp thông minh [trích theo 98].

Như vậy: Hướng nghiệp và GDHN đã xuất hiện từ rất lâu trên thế giới, các công trình nghiên cứu về hướng nghiệp, GDHN đều khẳng định vai trò của hướng nghiệp đối với thanh niên, HS Là giúp các em chọn được nghề phù hợp với năng lực, sở thích, hứng thú, khuyến khích kết hợp hướng nghiệp trong nhà trường với lao động sản xuất, tham quan, thực tập ở các nhà máy, xí nghiệp nhằm nâng cao nhận thức của HS về nghề.

1.1.1.2. Nghiên cứu về tham vấn nghề

Tham vấn nghề đã xuất hiện ở các nước trên thế giới vào cuối thế kỉ 19 và đầu những năm đầu của thế kỉ 20. Từ đó đến nay đã có rất nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Trên thế giới, các công trình nghiên cứu chủ yếu đề cập đến tham vấn nghề cho sinh viên tốt nghiệp đi tìm việc làm, những người thất nghiệp và những người gặp khó khăn trong quá trình làm việc. Do vậy, chúng tôi khái quát thành 2 khía cạnh nghiên cứu sau đây:

** Nghiên cứu về tham vấn nghề cho đối tượng ngoài nhà trường phổ thông*

Trong các nghiên cứu này đã chỉ ra các đối tượng tham vấn là những người đang thất nghiệp, những người gặp khó khăn trong công việc, những người muốn thay đổi công việc và những sinh viên đi tìm việc làm.

Từ năm 1987 đến năm 2011: Các tác giả Elizabeth B. Yost; M. Anne Corbishley (1987) [80]; Lynda Ali và Barbara Graham (1996) [93]; Gysbers N.C., Heppner. M.J. và Johnston J.A (1998) [85]; Robert Lee Metcalf (1999) [107]; Isaacson, L.E, & Brown, D (2000) [89]; Migel Jayasinghe (2001) [98]; UNESCO (2002) [113]; James P. Sampson, JR. Robert C. Readon, Gary W. Peterson, Janet G.

Lenz (2004) [90]; Mary McMahon và Wendy Patton (2006) [97]; Nathan, R và Hill, L. (2006) [100]; Ramesh Chatuverdi (2007) [106]; Norman C. Gysbers, Mary J. Heppner, Joseph A. Johnston (2009) [91]; David Capuzzi, Mark D. Stauffer (2011) [79], đã chỉ ra:

- Mục tiêu của tham vấn nghề là nhằm trợ giúp cho thân chủ tìm được một công việc phù hợp với bản thân.

- Các nội dung tham vấn bao gồm:

- + Nghiên cứu những đặc điểm của thân chủ như: Năng lực, sở thích, giá trị, hứng thú, năng khiếu và những yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề của thân chủ: Giáo dục, gia đình, xã hội, thái độ, cảm xúc, sự hài lòng. Bên cạnh đó nhà tham vấn hướng dẫn thân chủ tự khám phá và hiểu được chính bản thân mình.

- + Cung cấp thông tin về nghề, bức tranh việc làm của xã hội cho thân chủ và hướng dẫn thân chủ tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin và lựa chọn thông tin về nghề, về các công việc trong xã hội

- + Hướng dẫn thân chủ ra quyết định và hình thành những kỹ năng ra quyết định cho thân chủ, giúp cho thân chủ đưa ra được quyết định phù hợp nhất

- + Hướng dẫn thân chủ xác định mục tiêu và lập kế hoạch nghề nghiệp tương lai

- Các giai đoạn và các bước thực hiện tham vấn nghề

- Những yêu cầu, nhiệm vụ của một nhà tham vấn nghề và các khả năng, kỹ năng và phẩm chất cần có của nhà tham vấn.

Các công trình nghiên cứu trên đã chỉ ra mục tiêu, nội dung, quy trình tham vấn nghề cũng như những yêu cầu về phẩm chất, kỹ năng của nhà tham vấn nghề.

Nghiên cứu các đặc điểm của thân chủ trong quá trình tham vấn nghề có các công trình nghiên cứu Wendy Patton và Mary Mc Mahon (2006) [116]; Mark Pope [94] [95], Norman C. Gysbers [101]; Roger D. Herring [98]; Ginzberg, Ginsburg, Axelrad và Herma [83]; Crites [78]; Bordin; Dawis và Lofquyst, Brown [77]; Zunker [114]; Roe, A [80]; Holland [87] họ nhấn mạnh sự phù hợp giữa đặc điểm của cá nhân với nghề và với môi trường trong quá trình chọn nghề. Các tác giả này cho rằng mỗi nghề đều đòi hỏi sự tương ứng với năng lực, kỹ năng của mỗi cá nhân. Đây chính là những cơ sở để nhà tham vấn hướng dẫn thân chủ lựa so sánh, đối chiếu bản thân với những yêu cầu của nghề, công việc.

Nghiên cứu quá trình ra quyết định chọn nghề của cá nhân có thể kể đến các tác giả Krumboltz, Mitchell và Gellat (1975) [92]; Eugene Joseph Martinez (1980) [81]; L. S Gottfredson (1981) [84]; Gideon Arulmani và Sonali Nag Armani (2004) [82] các nghiên cứu này đã khẳng định rằng quyết định chọn nghề không phải là đưa ra một sự lựa chọn mà là cả một quá trình, quá trình này có nhiều yếu tố ảnh hưởng và đòi hỏi cần phải có những kỹ năng để ra quyết định: như kỹ năng hiểu bản thân, kỹ năng lựa chọn và phân tích thông tin,...

Tập trung nghiên cứu *các bước, các giai đoạn* của quá trình tham vấn nghề, có các công trình sau:

- *Tiếp cận từ phía nhà tham vấn*: Năm 1965, tác giả Williamson nghiên cứu và đưa ra 6 bước trong tham vấn: 1. Phân tích vấn đề; 2. Tổng hợp vấn đề; 3. Dự đoán những tình huống xảy ra; 4. Chẩn đoán những hành vi, suy nghĩ của thân chủ; 5. Tham vấn cho thân chủ; 6. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch của thân chủ [trích theo 91]. Bên cạnh đó tác giả nhấn mạnh đến *khó khăn của thân chủ* trong quá trình chọn nghề, đó là: Không có lựa chọn, lựa chọn không chắc chắn, lựa chọn không đúng, hoặc sự đối lập giữa năng lực và sở thích [trích theo 114].

Năm 2005, tác giả Winslade cho rằng buổi tham vấn nghề nên trải qua những bước sau: 1. Thiết lập mối quan hệ, xây dựng lòng tin, phát hiện vấn đề và dẫn dắt thân chủ đến với quá trình tham vấn; 2. Phát triển cuộc trò chuyện, phân tích vấn đề và xác định từng vấn đề trong cuộc trò chuyện; 3. Kết nối, liên hệ những ý kiến suy luận từ câu chuyện được kể từ thân chủ; 4. Nhận ra nỗ lực của thân chủ trong việc cố kháng cự lại những suy luận trên; 5. Tìm hiểu kỹ hơn khách hàng, đưa ra những suy luận khác; 6. Phát triển những suy nghĩ, mối quan hệ trong các buổi trò chuyện để đưa ra những phán quyết đúng đắn [trích theo 91].

- *Tiếp cận ở cả phía nhà tham vấn và thân chủ* tác giả Walsh (1990) đã xác định 7 giai đoạn trong tham vấn nghề bao gồm: Giai đoạn 1: Phỏng vấn; Giai đoạn 2: Xác định các yếu tố ảnh hưởng; Giai đoạn 3: Tự đánh giá bản thân; Giai đoạn 4: Xác định và giải quyết vấn đề; Giai đoạn 5: Đưa ra những phương án nghề nghiệp khác nhau; Giai đoạn 6: Khẳng định, khám phá và quyết định; Giai đoạn 7: Theo dõi [115].

* *Nghiên cứu tham vấn nghề cho HS trong nhà trường phổ thông*

Các tác giả Schmidt, J.J, (1996) [111]; Roger D. Herring (1998) [108]; Vernon G.Zunker (2002) [114] đã nghiên cứu về tham vấn nghề cho HS ở trường phổ thông. Các nghiên cứu này tập trung ở các vấn đề sau đây:

- Xác định vai trò của tham vấn viên trong việc định hướng nghề và tham vấn nghề. Họ khẳng định: Tham vấn viên giống như một nhà nghiên cứu hành vi ứng xử; tham vấn viên ở trường là tác nhân thay đổi; tham vấn viên được coi như một kỹ thuật viên.

- Xác định mục tiêu, hình thức, phương pháp định hướng nghề và tham vấn nghề cho HS từ cấp tiểu học đến THPT

- Cung cấp những dịch vụ nghề nghiệp cho HS

- Xác định các tiêu chí đánh giá, phương pháp đánh giá, nội dung đánh giá kiến thức, kỹ năng, khả năng, và các mục đích khác của chương trình GDHN và tham vấn nghề trong trường phổ thông.

Trong nghiên cứu của mình tác giả Roger D. Herring: đã xác định được những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề đó là: Không lựa chọn được nghề, không nhận thức rõ ràng khả năng, sở thích và giá trị, quan niệm của bản thân phù hợp với nghề nào.

Như vậy: Nghiên cứu về tham vấn nghề không phải là vấn đề mới mà đã được các nhà khoa học đề cập từ rất sớm. Các kết quả nghiên cứu trên đây cho thấy tham vấn nghề đã có một hệ thống lí luận làm cơ sở cho việc phát triển lí luận về hoạt động này trong GDHN ở Việt Nam.

1.1.2. Nghiên cứu ở Việt Nam

1.1.2.1. Nghiên cứu về GDHN

Những năm 60 của thế kỉ XX, ở Việt Nam, lí luận và thực tiễn hướng nghiệp được bắt đầu phát triển chủ yếu dựa trên cơ sở lí luận và kinh nghiệm thực tiễn hướng nghiệp của Liên Xô (cũ). Thời kì đầu, quan niệm hướng nghiệp đi đôi với giáo dục lao động, để định hướng nghề nghiệp cho HS trước hết cần giáo dục cho HS thái độ sẵn sàng bước vào các hoạt động nghề nghiệp. Quan điểm này thể hiện rõ trong cuốn “Một số vấn đề giáo dục lao động” [17].

Đến đầu những năm 80, khi xuất hiện nhu cầu đẩy mạnh giáo dục lao động, KTTH - HN nhằm chuẩn bị kỹ năng cho HS đi vào cuộc sống thì hướng nghiệp mới thực sự được nhà nước chú trọng đến [14]. Trong thời gian này có các bài viết của

các tác giả Phạm Tất Dong, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Thị Bình, Đoàn Chi, Đặng Danh Ánh, Nguyễn Minh Đường, Nguyễn Văn Hộ đã đề cập đến trách nhiệm của nhà trường trong việc định hướng nghề cho HS, biện pháp hướng nghiệp cho HS và xây dựng một số cơ sở lí luận nền tảng về hướng nghiệp [18], [30], [13], [15], [19]; [5].

Năm 1985 – 1987: Các tác giả Nguyễn Trọng Bảo, Đoàn Chi, Cù Nguyên Hanh, Hà Thế Ngữ, Tô Bá Trọng, Trần Đức Xước, Nguyễn Thế Quảng, Nguyễn Phúc Chính đi sâu nghiên cứu việc tiến hành công tác GDHN trong các trường phổ thông và đề cập đến các hình thức GDHN, dạy nghề trong trường phổ thông và trung tâm KTTH-HN như tổ chức lao động sản xuất cho HS; tư vấn nghề nghiệp cho HS [10], [12].

Từ năm 1996-2005: Nguyễn Việt Sự, Hà Thế Truyền đã đề cập các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục kĩ thuật và hướng nghiệp ở trường phổ thông [63]; [64], [72], [73].

Từ năm 2003- 2010, khái quát các kinh nghiệm hướng nghiệp của một số nước trên trên giới, có những đánh giá về công tác hướng nghiệp cho HS ở trường phổ thông và đã đưa ra những giải pháp về công tác GDHN ở Việt Nam giai đoạn 2005-2010 có các tác giả Phạm Tất Dong, Vũ Văn Tảo, Nguyễn Như Át, Lưu Đình Mạc, Phạm Huy Thụy, và sau này có Nguyễn Văn Lê, Trần Khánh Đức, Hà Thế Truyền, Bùi Văn Quân [20], [21], [22], [46], [47].

Các luận án của các tác giả Nguyễn Thị Nhung (2009): “*Biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông miền núi Tây Bắc*” [55] ; Bùi Việt Phú (2009): “*Tổ chức GDHN cho HS trung học phổ thông theo tinh thần xã hội hóa*” [57]; Huỳnh Thị Tam Thanh (2009): “*Tổ chức hoạt động GDHN cho HS bỏ túc trung học phổ thông tại các trung tâm giáo dục thường xuyên theo định hướng phát triển nhân lực*”[65]; Phạm Văn Khanh (2012): “*GDHN trong dạy học các môn học khoa học tự nhiên ở trường trung học phổ thông KV Nam Trung Bộ*” đã tập trung nghiên cứu những giải pháp để nâng cao chất lượng GDHN trong nhà trường phổ thông theo các hướng khác nhau [42].

Những công trình trên đều khái quát được các con đường GDHN và đã chỉ ra được những đặc trưng cơ bản của các con đường đó.

Như vậy: Các nhà khoa học đã đi sâu nghiên cứu những vấn đề lí luận chung về hướng nghiệp và GDHN, đã khái quát mục tiêu, nội dung, con đường hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông. Khẳng định vị trí và vai trò của hướng nghiệp và GDHN trong nhà trường THPT. Chính các nghiên cứu của các tác giả trên là cơ sở lí luận, thực tiễn cho việc thực hiện GDHN trong nhà trường phổ thông hiện nay.

1.1.2.2. Nghiên cứu về tham vấn nghề

Trước đây, để đưa ra lời khuyên cho HS về sự lựa chọn ngành nghề, trường thi phù hợp thì các nhà khoa học thường dùng thuật ngữ *tư vấn nghề*. Thuật ngữ *tham vấn nghề* mới xuất hiện ở nước ta cách đây vài năm. Do vậy, để tìm hiểu rõ về vấn đề này, chúng tôi khái quát các công trình nghiên cứu theo 2 thuật ngữ là tư vấn nghề và tham vấn nghề

**** Tiếp cận theo hướng tư vấn nghề***

Những năm 80, các tác giả Phạm Huy Thụ, Phạm Ngọc Luận, Phạm Tất Dong, Nguyễn Thế Trường, Đoàn Chi, Cù Nguyên Hanh tiến hành nghiên cứu đã xây dựng nội dung và phương pháp tư vấn nghề cho số thương binh được đi học nghề sau khi kết thúc chiến tranh.

Các tác giả Đặng Danh Ánh, Phạm Đức Quang, Phạm Ngọc Anh, Đỗ Thị Hòa cùng với Nguyễn Viết Sự đã nghiên cứu đề tài “Mô tả các nghề đào tạo nhằm mục đích hướng nghiệp” những công trình này chỉ tập trung đề cập đến việc xây dựng các phòng hướng nghiệp và việc tư vấn nghề trong trường nghề và trường phổ thông, tuy nhiên nó đã cung cấp nhiều tư liệu quý giá cho công tác hướng nghiệp ở các trường phổ thông. Cùng trong thời gian này Phạm Huy Thụ, Phạm Tất Dong, Nguyễn Thế Trường đã biên soạn tài liệu sinh hoạt hướng nghiệp cho HS cuối cấp phổ thông cơ sở và các lớp phổ thông trung học, trong đó đề cập rõ rệt vấn đề tư vấn nghề và đã xây dựng được nhiều bản họa đồ nghề có giá trị thực tiễn để phục vụ tư vấn nghề [trích theo 70].

Từ những năm 1996 – 2005, các tác giả: Phạm Tất Dong, Nguyễn Như Át, Đặng Danh Ánh, Hoàng Kiện, Nguyễn Thế Trường, Nguyễn Đức Trí, Nguyễn Văn Hộ, Lê Đức Phúc, Nguyễn Văn Lê, đã công bố nhiều kết quả nghiên cứu về hướng nghiệp, dạy nghề, tư vấn nghề cho HS, các nghiên cứu đã nhấn mạnh đến các đặc điểm của bản thân trong quá trình chọn nghề, tư vấn nghề [20], [22], [23], [7], [8], [9], [34], [43], [56], [71].

Năm 2010, tác giả Trần Khánh Đức dưới góc độ kết hợp TLH và GDH đã xây dựng mô hình nhân cách nghề nghiệp có tính đến vấn đề công nghệ đào tạo và phân hóa các giai đoạn phát triển nghề trong quá trình vận động và phát triển của nhân cách nghề thích ứng với từng giai đoạn đào tạo nghề trong hệ thống giáo dục liên tục [26].

Nhấn mạnh đến các giai đoạn, các bước trong tư vấn nghề, các nhà TLH cho rằng hoạt động tư vấn trong trường phổ thông bao gồm 3 bước: Bước 1: Đánh giá cá tính và năng lực của HS, thông qua các test, giúp HS hiểu được những năng lực chung và năng lực chuyên biệt, hứng thú, tính cách, khí chất và nguyện vọng của mình. Đồng thời thông qua quan sát, điều tra, trò chuyện, qua nhật kí, sổ ghi chép... cán bộ tư vấn thu được những tài liệu toàn diện xác thực về HS cần tư vấn, cuối cùng có sự đánh giá sơ bộ về các đặc điểm tâm lí và thể chất của HS; Bước 2: Phân tích yêu cầu của nghề đối với người lao động. Bước 3: Đối chiếu đặc điểm tâm sinh lí của HS đối với yêu cầu của nghề đặt ra đối với người lao động, từ đó giúp HS có sự lựa chọn sáng suốt và đúng đắn, loại bỏ những may rủi, thiếu chín chắn trong khi chọn nghề.

Năm 2010, tác giả Đặng Danh Ánh [9] chỉ ra quy trình tư vấn nghề bao gồm các bước như sau: Bước 1: Tìm hiểu nguyện vọng, sở trường, hứng thú, năng lực nghề, học lực, và hoàn cảnh của HS thông qua hồ sơ hoặc trao đổi trực tiếp với GV chủ nhiệm, HS và phụ huynh HS; Bước 2: Tiến hành những phép đo cần thiết; Bước 3: Nghiên cứu mô tả nghề, rút ra các yêu cầu về nghề; Bước 4: Đối chiếu các đặc điểm tâm sinh lí của HS với các yêu cầu của nghề và rút ra kết luận ban đầu; Bước 5: Nghiên cứu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động địa phương, quốc gia, KV và quốc tế; Bước 6: Đối chiếu kết quả thu được ở bước 5 với kết luận ban đầu ở bước 4 và đưa ra lời khuyên; Bước 7: Hướng dẫn tìm trường, tìm khoa đào tạo trong hệ thống dạy nghề, đào tạo CĐ, ĐH

Tuy nhiên với các quy trình trên, các tác giả mới chỉ đưa ra được các bước tiến hành, mà chưa đưa ra được nguyên tắc, biện pháp, kĩ thuật sử dụng các bước đó như thế nào. Bên cạnh đó, với các bước như ở trên thì các hành động hoàn toàn được thực hiện bởi GV, GV là trọng tâm trong quá trình tư vấn chứ không phải là HS và mục tiêu cuối cùng tư vấn nghề là đưa ra được lời khuyên chọn nghề cho HS.

Sau này, tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền (2009) với luận án “*Xây dựng mô hình tư vấn nghề trong nhà trường THPT KV miền núi Đông Bắc Việt Nam*” đã khái quát về lí luận và thực tiễn về tư vấn nghề, thực trạng tư vấn nghề ở trường THPT KV miền núi Đông Bắc Việt Nam, tác giả xây dựng thí điểm mô hình tư vấn nghề trong trường THPT KV miền núi Đông Bắc Việt Nam, đã chỉ ra được chức năng, nhiệm vụ, cũng như những yêu cầu về cơ sở vật chất, về đội ngũ tư vấn nghề. Đây là công trình đầu tiên về mô hình tư vấn nghề trong trường THPT KV miền núi Đông Bắc Việt Nam và một số các bài viết liên quan [35], [36], [37], [38], [39]; Lê Thị Thanh Hương (2010) với “*Tư vấn hướng nghiệp cho HS THPT thực trạng ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế*” đã chỉ ra những giai đoạn hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp, các lí thuyết tư vấn hướng nghiệp, các mô hình hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp ở các nước trên thế giới và nêu lên những thực trạng về tư vấn hướng nghiệp ở trường THPT [41]; Phạm Văn Sơn (2012) đã đề cập đến mục đích sử dụng bản mô tả nghề trong tư vấn, “bản mô tả nghề cung cấp những yêu cầu về phẩm chất, năng lực cần thiết giúp cán bộ tư vấn có cơ sở đối chiếu với từng HS để xác định sự phù hợp nghề. Bản mô tả nghề còn là tài liệu hữu ích giúp GV, nhà giáo dục, phụ huynh HS muốn tìm hiểu về nghề nghiệp phục vụ cho công tác tư vấn, chọn nghề tương lai” [62]; Phạm Ngọc Linh (2013) với luận án “*Tư vấn hướng nghiệp cho HS THPT*” đã khái quát thực trạng tư vấn hướng nghiệp ở một số trường THPT, các biểu hiện tâm lí trong tư vấn hướng nghiệp [48].

Như vậy, với các công trình nghiên cứu về tư vấn nghề ở trên cho thấy, hầu hết các công trình nghiên cứu đều khẳng định tư vấn nghề là một khâu trong GDHN chứ không phải là một hoạt động độc lập hoặc là một con đường để GDHN. Mục tiêu của tư vấn hướng nghiệp là đưa ra lời khuyên chọn nghề cho cá nhân, HS. Dù với cách làm khác nhau, các bước khác nhau nhưng đều cho chúng ta thấy vai trò của nhà tư vấn là chủ động, là trọng tâm trong buổi tư vấn nghề, là người quyết định chứ không phải là HS do vậy không phát huy được các khả năng của HS trong quá trình tư vấn. Bên cạnh đó, các công trình trên mới chỉ nêu ra được những lí luận về tư vấn nghề, chưa chỉ rõ cách thức tư vấn như thế nào, tư vấn với hình thức nào và được thực hiện trong bối cảnh nào.

*** Tham vấn nghề**

Các nghiên cứu về tham vấn nghề hiện nay đều tập trung nghiên cứu thực trạng, nhu cầu và hiệu quả tham vấn nói chung, tham vấn học đường nói riêng. Các tác giả mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu thực trạng về tham vấn nghề, tham vấn hướng nghiệp.

Năm 2007, Nguyễn Kim Quý đã khẳng định được vai trò của tham vấn hướng nghiệp: “Sự phát triển tham vấn hướng nghiệp ở các nước đã giúp thanh thiếu niên HS chọn nghề phù hợp với nguyện vọng, năng lực, sở trường của bản thân; đáp ứng được những đòi hỏi của nghề và đáp ứng những nhu cầu của xã hội về nghề” [61].

Nguyễn Thị Việt Thắng (2008); Nguyễn Thị Nhân Ái (2011), Nguyễn Mộng Đóa (2011) đã khái quát lại những lí thuyết phát triển nghề trong tham vấn nghề của các tác giả nước ngoài như lí thuyết Nhân cách và yếu tố của Parsons, lí thuyết của Holland, lí thuyết của Ann Roes, lí thuyết của Ginzberg, Krumboltz [66], [2], [25].

Nguyễn Thị Nhân Ái (2011) có bài viết “Sử dụng trắc nghiệm, thang đánh giá sự phát triển định hướng giá trị nghề trong tham vấn hướng nghiệp” đã tổng hợp những trắc nghiệm như trắc nghiệm Sở thích nghề nghiệp, trắc nghiệm trí tuệ, trắc nghiệm xu hướng nghề nghiệp trong quá trình tham vấn nghề cho HS [3].

Như vậy, ở Việt Nam, trong một số năm trở lại đây chưa có một nghiên cứu về tham vấn nghề một cách bài bản, hệ thống trong GDHN ở trường phổ thông nói chung và trường THPT nói riêng, chưa có một công trình nghiên cứu đi sâu về lí luận tham vấn nghề cho HS THPT. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu để làm rõ và phát triển thêm các vấn đề lí luận về tham vấn nghề nói chung và tham vấn nghề trong GDHN nói riêng ở Việt Nam.

Đánh giá chung:

Phân tích, tổng hợp các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề GDHN và tham vấn nghề, chúng tôi nhận thấy:

** Về GDHN*

Thứ nhất: Các công trình nghiên cứu trên đều khẳng định vai trò quan trọng của GDHN trong nhà trường trong việc định hướng nghề nghiệp cho HS. Xây dựng được hệ thống các khái niệm, mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức GDHN. Bên cạnh đó các công trình nghiên cứu đã đưa ra được những thực trạng GDHN. Đây chính là những thành tựu về cơ sở lí luận và thực tiễn giúp cho công tác GDHN trong nhà trường phổ thông được thực hiện một cách khoa học và hiệu quả.

Thứ hai: Các công trình nghiên cứu đã chỉ rõ GDHN được thực hiện bằng nhiều con đường, một trong những con đường mà các tác giả nhấn mạnh đó là GDHN cho HS thông qua các hoạt động lao động nghề nghiệp giúp các em làm quen với lao động, có hứng thú với nghề nghiệp. Tuy nhiên các tác giả mới chỉ ra được nội dung nhưng chưa có những chỉ dẫn cụ thể về phương pháp tiến hành biện pháp thực hiện GDHN. Hiện nay, một mặt các con đường trên đã không phát huy được hiệu quả của nó, mặt khác do sự phát triển của xã hội, do yêu cầu thực tiễn của nghề nghiệp đã xuất hiện nhiều con đường GDHN mới, và đã đem lại hiệu quả cao trong GDHN, một trong những con đường đó là tham vấn nghề. Đây chính là vấn đề mới, cần được tiếp tục nghiên cứu.

** Về tham vấn nghề:*

Thứ nhất: Các nhà khoa học đều coi tham vấn là một hoạt động chuyên nghiệp và thể hiện vai trò quan trọng nhằm giúp cho thân chủ - những người đang gặp khó khăn trong công việc, những người đang thất nghiệp hoặc những sinh viên tốt nghiệp ra trường tìm được một nghề phù hợp và giúp cho HS lựa chọn được nghề phù hợp.

Thứ hai: Các tác giả đều thống nhất về nội dung tham vấn nghề bao gồm: tìm hiểu đặc điểm của thân chủ đồng thời giúp cho thân chủ tự nhận thức và đánh giá các đặc điểm của bản thân từ đó trợ giúp thân chủ liên hệ đặc điểm của bản thân với những nghề tương ứng; Cung cấp cho thân chủ những thông tin về nghề, về thị trường lao động đồng thời hướng dẫn thân chủ các cách để tìm kiếm thông tin, phân tích và lựa chọn thông tin; Trợ giúp thân chủ ra quyết định chọn nghề và lập kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai.

Thứ ba: Các công trình nghiên cứu trên đã chỉ ra được các giai đoạn, các bước thực hiện, và đã cụ thể hóa được nội dung cũng như cách thức thực hiện các giai đoạn và các bước của quá trình tham vấn nghề. Tuy nhiên các giai đoạn và các bước này chỉ đề cập đến tham vấn cá nhân, chưa có những chỉ dẫn trong tham vấn nhóm.

Thứ tư: Các công trình nghiên cứu đã chỉ ra được nhiệm vụ của nhà tham vấn nghề, yêu cầu về phẩm chất, kỹ năng của nhà tham vấn nghề. Tuy nhiên các tác giả chưa nhấn mạnh vai trò của nhà tham vấn và thân chủ trong quá trình tham vấn.

1.2. GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.2.1. Quan niệm về giáo dục hướng nghiệp

Lý luận về GDHN trong nhà trường phổ thông đã được nghiên cứu tương đối cơ bản và hệ thống.

Tài liệu GDHN trong trường học của Australia quan niệm như sau: *Trong nhà trường phổ thông, hướng nghiệp là công việc của tập thể sư phạm nhằm giáo dục HS lựa chọn nghề một cách tốt nhất. Nghĩa là trong sự lựa chọn đó có sự phù hợp giữa nguyện vọng nghề nghiệp của cá nhân với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và có sự phù hợp giữa năng lực của cá nhân với đòi hỏi của nghề* [trích theo 57].

Hoyt (1987) cho rằng: GDHN là một quá trình giúp HS đạt được các kiến thức về nghề, biết sử dụng kiến thức, kỹ năng, và thái độ cần thiết trong quá trình làm việc, trong quá trình sản xuất và hài lòng với các hoạt động khác trong cuộc sống [trích theo 86].

Các nhà GDH Việt Nam quan niệm: *GDHN là một hoạt động của các tập thể sư phạm, của các cán bộ thuộc các cơ quan nhà máy khác nhau, được tiến hành với mục đích giúp HS chọn nghề đúng đắn phù hợp với năng lực, thể lực và tâm lý của cá nhân với nhu cầu nhân lực xã hội. Hướng nghiệp là một bộ phận cấu thành của quá trình giáo dục – học tập trong nhà trường* [9, tr. 121].

Các nhà TLH Việt Nam cho rằng: “*GDHN là hệ thống các biện pháp tâm lý – sư phạm và y học giúp cho thế hệ trẻ chọn nghề có tính đến nhu cầu của xã hội và năng lực của bản thân*” [9, tr. 121].

Các tác giả như Trần Trọng Thủy (1978) [69]; Phạm Tất Dong (1984) [20]; Nguyễn Trọng Bảo (1985) [10], Nguyễn Ngọc Quang (1989) [58]; Phạm Huy Thụ (1996) [68]; Đặng Danh Ánh [9]; Nguyễn Minh Đường; Hà Thế Truyền; Phùng Đình Mẫn (2005) đã đưa ra rất nhiều quan niệm khác nhau về GDHN. Tuy nhiên các tác giả đều thống nhất GDHN là một hệ thống các biện pháp tác động nhằm giúp HS chọn nghề phù hợp. Cụ thể:

Các tác giả Nguyễn Trọng Bảo (1985) [10, tr.29], Phùng Đình Mẫn (2005)[52]: *GDHN là một hệ thống các biện pháp giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội, nhằm chuẩn bị cho thế hệ trẻ về tư tưởng, tâm lý, tri thức, kỹ năng, để họ có thể sẵn sàng đi vào ngành nghề, vào lao động sản xuất, đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Tác giả Nguyễn Minh Đường (2005) đã định nghĩa: “GDHN là hệ thống những biện pháp dựa trên cơ sở tâm lí học, sinh lí học, giáo dục học, xã hội học và nhiều khoa học khác nhằm giúp HS, sinh viên định hướng nghề nghiệp một cách đúng đắn để có thể lựa chọn nghề cho phù hợp với nhu cầu xã hội, đồng thời thoả mãn tối đa nguyện vọng, thích hợp năng lực, sở trường và điều kiện tâm sinh lí cá nhân cũng như hoàn cảnh sống của mỗi người để có thể phát triển đến đỉnh cao trong nghề nghiệp, cống hiến được nhiều cho xã hội cũng như tạo lập được cuộc sống tốt đẹp hơn cho bản thân” [Trích theo 24, tr.51]

Tác giả Đặng Danh Ánh (2010): “GDHN là hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình, trong đó tập thể sư phạm nhà trường giữ vai trò quyết định nhằm giúp HS chọn nghề trên cơ sở khoa học” [9, tr.122].

Như vậy, có rất nhiều quan niệm khác nhau về GDHN của các nhà khoa học, dù ở khía cạnh nào thì các quan niệm trên cũng đã nhấn mạnh đến những vấn đề sau đây:

- *Thứ nhất*: GDHN là quá trình tác động của gia đình, nhà trường và xã hội, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo nhằm hướng dẫn và chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng đi vào lao động ở các ngành nghề tại những nơi xã hội đang cần, đồng thời giúp HS chọn nghề phù hợp với năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân và nhu cầu của xã hội.

- *Thứ hai*: GDHN là một hệ thống các biện pháp tác động: các biện pháp TLH, sinh lí học, GDH, xã hội học và nhiều khoa học khác để GDHN cho HS

- *Thứ ba*: Trong nhà trường phổ thông, GDHN vừa là hoạt động dạy của GV, là công việc của tập thể sư phạm vừa là hoạt động học của HS, HS lĩnh hội được những thông tin về nghề trong xã hội, đặc điểm yêu cầu của từng nghề ... và kết quả cuối cùng của GDHN là HS chọn được nghề phù hợp.

Trên cơ sở các quan niệm trên, theo chúng tôi: *GDHN là một tổ hợp các hoạt động của nhà trường, gia đình và xã hội trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo trong việc cung cấp tri thức, hình thành kĩ năng chọn nghề cho HS trên cơ sở đó HS lựa chọn nghề phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích, giá trị của bản thân, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của gia đình và phù hợp với nhu cầu của xã hội.*

Như vậy, các quan niệm trên cho thấy GDHN được thực hiện thông qua rất nhiều hoạt động, nhiều con đường khác nhau, với các mục tiêu và nội dung khác nhau nhưng đều hướng đến mục tiêu chung là giúp HS chọn được nghề phù hợp.

1.2.2. Giáo dục THPT trong hệ thống giáo dục quốc dân

Giáo dục THPT là một trong những bậc học có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học xong THCS, HS mới có thể học tiếp lên THPT và đây cũng là bậc học quan trọng để HS có thể tiếp tục học lên bậc ĐH. Với vị trí và vai trò như vậy, giáo dục THPT hướng tới mục tiêu giúp HS củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học ĐH, CĐ, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động. Như vậy, nội dung giáo dục THPT phải củng cố, phát triển những nội dung đã học ở trung học cơ sở, hoàn thành nội dung giáo dục phổ thông; ngoài nội dung chủ yếu nhằm bảo đảm chuẩn kiến thức phổ thông, cơ bản, toàn diện và hướng nghiệp cho mọi HS còn có nội dung nâng cao ở một số môn học để phát triển năng lực, đáp ứng nguyện vọng của HS. Vì lẽ đó, phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của HS; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS [50]

Có thể thấy rằng hướng nghiệp là một trong những nội dung quan trọng của giáo dục THPT. Để thực hiện GDHN có hiệu quả, nhà trường THPT cần phải chú ý những đặc điểm trên của bậc học và những đặc điểm về tâm sinh lý của HSTHPT.

1.2.3. Đặc điểm tâm –sinh lý của HS THPT ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề

Muốn tham vấn nghề có hiệu quả, người GV cần chú ý đến đặc điểm tâm sinh lý của HS THPT. Các đặc điểm tâm sinh lý của HS THPT được các tác giả tổng kết như sau:

* Sự phát triển của tự ý thức: Tác giả Lê Văn Hồng (2002) nhận định: lứa tuổi HS THPT phát triển mạnh mẽ tự ý thức; Ý thức về “cái Tôi”; Ý thức về những thuộc tính và phẩm chất tâm lý của mình; Điều này thuận lợi cho các em khi xác định về sự phù hợp của nghề nghiệp so với khả năng, tính cách, hứng thú... của các em. Trong giai đoạn này, vấn đề quan trọng là làm cho các em HS THPT hiểu được các giá trị xã hội nói chung và các giá trị của nghề nghiệp để các em có sự lựa chọn ngành nghề đúng đắn và phù hợp [33].

* *Lí tưởng sống của thanh niên*: Một điểm đặc trưng trong lí tưởng của thanh niên là lí tưởng nghề và lí tưởng đạo đức cao cả. Lí tưởng này được thể hiện qua mục đích sống, qua sự say mê với việc học tập, nghiên cứu và lao động nghề nghiệp [40];

* *Tính tích cực xã hội của thanh niên*: Thể hiện rõ ở việc các em quan tâm nhiều hơn đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trên thế giới và trong nước, bên cạnh đó các em đã có một quá trình tích lũy nhất định về một hệ thống tri thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, có kĩ năng lối sống và hành động... cho nên các em có thể đánh giá và có cách nhìn nhận riêng về thế giới, về con người và về bản thân. Tuy nhiên thế giới quan này của các em chưa đạt được mức độ sâu sắc và bền vững [45].

* *Hoạt động học tập của HS THPT*: Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi này là học tập – hướng nghiệp vì vậy ý thức về nghề và sự chuẩn bị cho cuộc sống tương lai của các em là một nhu cầu cấp bách. Việc học tập có tính lựa chọn rõ ràng, các em tập trung học nhiều hơn đối với các môn học liên quan đến nghề và trường chọn đề thi, hoặc các môn gây hứng thú đặc biệt. Động cơ học tập của thanh niên HS có tính hiện thực, gắn liền với nhu cầu và xu hướng nghề nghiệp chiếm ưu thế. Thái độ đối với môn học trở nên có lựa chọn hơn, các em đã hình thành hứng thú học tập gắn liền với khuynh hướng nghề nghiệp.

* *Sự phát triển trí tuệ và nhận thức liên quan đến định hướng nghề nghiệp*: Theo Muler P.H (2003) [53] lứa tuổi HS THPT là lứa tuổi phát triển trí tuệ thao tác hình thức, nhờ có sự phát triển về tư duy này mà HS THPT có những suy nghĩ, so sánh, cân nhắc, giả định, đối chiếu và rút ra những nhận định của bản thân về nghề trên cơ sở những thông tin có được về nghề (thông qua nhiều nguồn khác nhau: GDHN, truyền thông đại chúng, dư luận xã hội, bạn bè, gia đình,...).

* *Định hướng giá trị nghề nghiệp của HS THPT*

Theo các tác giả Ginzberg, Ginzburg, Axelrad, and Herme (1951) đồng tình rằng lứa tuổi từ 11 đến 18 là giai đoạn phức tạp với nhiều cung bậc của sự hứng thú, khả năng và giá trị. Các em nhận thức được bản thân mình có thể chọn nghề nào đó tận dụng được những kĩ năng đặc biệt của mình. Giai đoạn này HS bắt đầu nhận thấy cần phải có quyết định hướng nghiệp kịp thời, cụ thể và thực tế [83]. Tác giả Super [112]: HS phổ thông sẽ bắt đầu khám phá những nguồn tài nguyên có ích trong việc đưa ra quyết định chọn nghề và dành ít thời gian hơn cho các sở thích riêng của mình. Tất cả các kinh nghiệm các em có được trong nhà trường hay các

chương trình hướng nghề và các kinh nghiệm tích lũy bên ngoài đều là hành trang cho nghề nghiệp và cuộc sống của các em. Những sở thích cá nhân và những hoạt động khác cũng cung cấp cho các em những bài học rất giá trị về nghề nghiệp.

Như vậy, vấn đề quan trọng nhất và là sự bận tâm nhất của HS trong việc xây dựng kế hoạch đường đời là vấn đề *nghề và chọn nghề, chọn trường học nghề*. Việc chọn nghề trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng nhưng vô cùng khó khăn đối với các em. Về chủ quan, sự hiểu biết về nghề của HS còn hạn chế. Nhiều HS chưa thực sự hiểu rõ nghề nghiệp hiện có trong xã hội, chưa phân biệt rõ sự khác nhau giữa nghề và trường đào tạo nghề, nên ít em hướng đến việc chọn nghề mà chủ yếu chọn trường để học. Việc chọn nghề của số HS này không phải với tư cách là chọn một lĩnh vực việc làm ổn định phù hợp với khả năng và điều kiện của mình, không phải là một nghề để mưu sinh, mà chủ yếu chỉ là *sự khẳng định* mình trước bạn hoặc chủ yếu là theo đuổi *chí hướng* có tính chất lí tưởng hoá của mình. Vì vậy, mặc dù các em ý thức được tầm quan trọng của việc chọn nghề nhưng hành vi lựa chọn của các em vẫn *cảm tính*. Về khách quan, trong nền kinh tế hiện đại, hệ thống nghề rất đa dạng, phong phú và biến động, nên việc định hướng và lựa chọn giá trị nghề của HS trở lên rất khó do vậy giáo dục nghề và hướng nghề cho HS luôn là việc làm rất quan trọng của trường phổ thông và của toàn xã hội.

1.2.4. Quá trình GDHN ở THPT

GDHN ở THPT được nhiều tác giả tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên theo quy định về GDHN ở THPT của Bộ GD & ĐT ban hành, chúng tôi cho rằng GDHN được tiếp cận như là một quá trình giáo dục ở THPT và bao gồm các thành tố sau đây:

1.2.4.1. Mục tiêu của GDHN ở THPT

Trong chương trình giáo dục cấp THPT được ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ –BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT ngày 5/5/2006 [60], sau khi tham gia hoạt động GDHN ở THPT, HS cần đạt được:

Về kiến thức: 1/Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai; 2/ Biết được thông tin cơ bản về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước và KV; về thế giới nghề nghiệp, thị trường lao động, hệ thống giáo dục nghề nghiệp (trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề), CĐ, ĐH ở địa phương và cả nước.

Về kĩ năng:1/ Tự đánh giá được năng lực của bản thân và điều kiện gia đình trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai; 2/Tìm kiếm được những thông tin về nghề và thông tin cơ sở đào tạo cần thiết cho bản thân trong việc chọn nghề; 3/Định hướng và lựa chọn được nghề nghiệp tương lai.

Về thái độ:1/ Chủ động và tự tin trong việc chọn nghề phù hợp; 2/Có hứng thú và khuynh hướng chọn nghề đúng đắn.

1.2.4.3. Nội dung GDHN ở THPT

Theo Bộ GD&ĐT (2006), Trong nhà trường THPT, nội dung Hoạt động GDHN được tập trung ở 24 chủ đề và phân theo các 3 khối (xem phụ lục 5).

1.2.4.4. Các con đường GDHN

Hiện nay, GDHN ở trường THPT được thực hiện thông qua 5 con đường: *thông qua dạy học các môn khoa học cơ bản; thông qua việc tổ chức hoạt động GDHN chính khóa; thông qua hoạt động ngoại khóa; thông qua hoạt động dạy và học môn công nghệ; thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp.* Các con đường này được thực hiện dựa trên Thông tư 31/TT ngày 17/8/1981 của bộ GD & ĐT [67]. Cụ thể là:

* *GDHN thông qua dạy học các môn khoa học cơ bản* nhằm khai thác mối liên hệ giữa kiến thức môn học với các ngành nghề, gắn nội dung của bài học với cuộc sống sản xuất bằng cách tích hợp, lồng ghép những kiến thức môn học với kiến thức nghề nghiệp giúp cho HS hiểu biết những vấn đề liên quan đến các ngành nghề trong xã hội, phát hiện và bồi dưỡng những năng khiếu của HS. Trên cơ sở đó GV định hướng chọn nghề cho HS phù hợp với năng khiếu đó.

* *Thông qua việc tổ chức hoạt động GDHN chính khóa* nhằm mục đích giới thiệu cho HS những ngành nghề chủ yếu, cơ bản của đất nước, những ngành nghề mà Nhà nước đang cần phát triển một cách hệ thống; Những đặc điểm, yêu cầu của nghề...; Những thông tin đào tạo và hướng phát triển kinh tế của đất nước, của địa phương, tư vấn chọn nghề cho HS. Trên cơ sở nhận thức, HS hình thành hứng thú đối với nghề, có cơ sở khoa học để lựa chọn nghề tương lai phù hợp với năng lực, hứng thú, sở thích của cá nhân và phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương, của xã hội. Đây chính là con đường quan trọng nhất trong việc GDHN cho HS.

* *Thông qua hoạt động ngoại khóa* nhằm hỗ trợ cho các hoạt động GDHN khác trong việc giới thiệu, tuyên truyền nghề cho HS

* *Thông qua hoạt động dạy và học môn công nghệ nhằm cung cấp cho HS những nguyên lí cơ bản về kĩ thuật, công nghệ khoa học, quy trình sản xuất trong thực tế, làm cho HS hiểu được những ứng dụng của chúng trong hoạt động nghề nghiệp khác nhau, giúp HS có những kiến thức cơ bản về ngành nghề trong xã hội;*

* *Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp HS chia sẻ những hiểu biết của mình với bạn bè về nghề nghiệp đồng thời biết thêm được những kiến thức khác. Mỗi buổi sinh hoạt là một chủ đề, mỗi chủ đề đều đem lại cho các em những kiến thức mới, hình thành cho các em ý thức trong việc chọn nghề của bản thân.*

Các con đường GDHN nêu trên vừa có tính độc lập, vừa có mối quan hệ tương tác, hỗ trợ cho nhau đảm bảo hiệu quả tối ưu cho GDHN.

Như vậy cho đến nay, có thể coi 5 con đường trên là 5 con đường GDHN phổ biến nhất ở THPT và đã có những giá trị nhất định trong việc định hướng nghề nghiệp cho HS. Tuy nhiên, cả 5 con đường trên chưa đi sâu vào việc giúp HS giải tỏa về mặt tâm lí và giải quyết những băn khoăn, lo lắng, thắc mắc... khi các em chọn nghề. Mặt khác, trong xã hội hiện đại ngày nay đời sống tâm lí của con người nói chung và của HS THPT rất phức tạp: phải đối mặt với nhiều vấn đề của đời sống xã hội, thông tin bị rối nhiễu, chịu nhiều áp lực.... nên khó có thể tự mình quyết định đúng đắn được mọi vấn đề nảy sinh. Khi đó việc tìm đến các nhà tâm lí để xin tư vấn, trợ giúp cho bản thân là hết sức cần thiết đối với con người. Trong bối cảnh và trạng thái chung đó, HS THPT hơn lúc nào hết rất cần đến sự trợ giúp của cha mẹ, thầy cô và những người lớn tuổi khác trong việc giải quyết những khó khăn của các em trong học tập và lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Như vậy, người GV trong nhà trường THPT hiện nay bên cạnh việc làm tốt vai trò của một người GV thì cần phải là những nhà tham vấn tâm lí để trợ giúp HS những khi cần thiết.

*Từ sự phân tích nêu trên, theo chúng tôi **để tăng hiệu quả của GDHN ở nhà trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay cần đưa tham vấn nghề vào nhà trường THPT và coi nó như là một con đường GDHN.***

* *Thông qua tham vấn nghề: nhằm trợ giúp HS giải quyết được những khó khăn trong quá trình chọn nghề, đồng thời thông qua việc giải quyết những khó khăn đó nhà tham vấn sẽ trợ giúp HS có được những năng lực tự đánh giá bản thân, hiểu biết về ngành, nghề, về trường đào tạo và có năng lực lựa chọn ngành, nghề phù hợp.*

1.3. GDHN QUA THAM VẤN NGHỀ Ở THPT

1.3.1. Quan niệm về tham vấn nghề

1.3.1.1. Tham vấn

Theo tổ chức tham vấn thế giới: *Tham vấn là một quá trình trợ giúp dựa trên các kỹ năng, trong đó, một người dành thời gian, sự quan tâm và sử dụng thời gian một cách có mục đích để giúp đỡ thân chủ khai thác tình huống, xác định và triển khai các giải pháp khả thi trong một thời gian cho phép.*

Rogers, Jenny (1990) cho rằng: *Tham vấn là hoạt động nhằm giúp đỡ con người tự giúp chính họ. Hoạt động tham vấn sẽ giúp họ nâng cao khả năng tự tìm giải pháp đối phó với vấn đề và thực hiện tốt chức năng của mình trong cuộc sống* [75].

Theo Trần Thị Giông (1996) thì: *“Tham vấn là sự tương tác giữa nhà tham vấn và thân chủ, trong quá trình này nhà tham vấn sử dụng các kỹ năng chuyên môn giúp thân chủ khơi dậy tiềm năng để họ có thể tự giải quyết được vấn đề đang gặp”* [32].

Theo Trần Thị Minh Đức (2012) thì: *Tham vấn là sự tương tác giữa tham vấn – người có chuyên môn và kỹ năng tham vấn, có các phẩm chất đạo đức của nghề tham vấn – với thân chủ (còn được gọi là khách hàng) – người đang có vấn đề khó khăn về tâm lý cần được giúp đỡ. Thông qua sự trao đổi, chia sẻ thân mật tâm tình (dựa trên những nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ mang tính nghề nghiệp), thân chủ hiểu và chấp nhận thực tế của mình tự tìm lấy tiềm năng bản thân để giải quyết vấn đề của chính mình* [27, tr.12].

Còn nhiều quan niệm khác nữa về tham vấn và mỗi quan niệm đều diễn đạt theo các khía cạnh khác nhau, qua các quan niệm trên cho thấy tham vấn có các dấu hiệu đặc trưng sau:

- Là một quá trình tương tác giữa nhà tham vấn và thân chủ
- Trong quá trình tham vấn, nhà tham vấn phải vận dụng những kỹ năng của bản thân để tham vấn cho thân chủ - những người đang gặp khó khăn về tâm lý
- Trợ giúp thân chủ nhận thức được vấn đề của bản thân và nâng cao khả năng giải quyết vấn đề của bản thân.

Trên cơ sở các quan niệm trên, theo chúng tôi: *Tham vấn là quá trình tương tác giữa nhà tham vấn và thân chủ, trong đó nhà tham vấn vận dụng các kiến thức và kỹ năng của bản thân để trợ giúp thân chủ nhằm giúp họ nâng cao năng lực tự giải quyết những khó khăn gặp phải trong cuộc sống.*

1.3.1.2. Tham vấn nghề

Về tham vấn nghề, các tác giả nước ngoài đã nghiên cứu và đưa ra nhiều quan niệm khác nhau. Cụ thể:

Theo F.Parsons thì: *“Tham vấn nghề là việc trợ giúp một cá nhân lựa chọn một nghề”* [105, tr.5].

Brown và đồng sự (1990) quan niệm: *“Tham vấn nghề là một quá trình có sự tham gia của các tham vấn viên và thân chủ, quá trình này được thực hiện nhằm hỗ trợ thân chủ gặp khó khăn trong sự phát triển nghề nghiệp, và sự thay đổi trong công việc”*[90].

Theo Herr, E. L., & Cramer, S. H. (1996): *“Tham vấn nghề là một tiến trình tương tác bằng lời thông qua đó nhà tham vấn và người được tham vấn có mối quan hệ thúc đẩy và hợp tác, tập trung vào xác định và hành động theo các mục tiêu của người được tham vấn, trong đó nhà tham vấn thực hiện hàng loạt các kỹ năng và tiến trình tham vấn để giúp người được tham vấn tự hiểu biết, hiểu được các hành vi lựa chọn và tự ra quyết định, người được tham vấn có trách nhiệm với hành động của chính mình”* [86, tr.5].

Theo Mary J. Heppner and P. Paul Heppner (2004) cho rằng: *“Tham vấn nghề là sự tương tác trực tiếp của những người được đào tạo chuyên nghiệp nhằm hỗ trợ mọi người trong việc hiểu rõ về bản thân (ví dụ: hứng thú, kỹ năng, giá trị, đặc điểm tính cách) và bức tranh của thế giới công việc để họ có những sự lựa chọn hài lòng”* [96, tr.9];

Nystul, M.S (2005): Engel, Minor, Sam son và Splete cho rằng: *Tham vấn nghề là sự can thiệp của nhà tham vấn giúp thân chủ tìm hiểu bản thân, giải quyết lo lắng trong việc lựa chọn nghề nghiệp, cân bằng giữa công việc, gia đình và giải trí* [104, tr.14];

Jennifer M Kidd (2006): *Tham vấn nghề là sự tương tác cởi mở giữa tham vấn viên và khách hàng trong đó tham vấn viên vận dụng các thuyết tâm lý và các kỹ năng giao tiếp nhằm giúp khách hàng đưa ra quyết định và giải quyết các vấn đề liên quan tới nghề nghiệp* [91, tr.1];

Howard Figler & Richard Nelson Bolles (2009): *Tham vấn nghề được coi là sự nỗ lực của nhà tham vấn để chia sẻ với thân chủ về những “công cụ” như hiểu*

biết, kiến thức, thông tin bằng cách trợ giúp họ ứng dụng những công cụ đó trong lĩnh vực công việc và cuộc sống” [88, tr.11];

Rudolf Kohoutek (2012) đã quan niệm: “Tham vấn nghề là khám phá (phát hiện) các đặc điểm trí tuệ và tính cách của một người liên quan tới những dự đoán về khả năng thành công trong việc học tập hoặc công việc và giúp họ lựa chọn con đường học vấn và nghề nghiệp phù hợp” [109, tr. 24].

Vũ Mộng Đóa đã quan niệm như sau: “Tham vấn nghề nghiệp là một quá trình tương tác giữa nhà tham vấn và thân chủ, cùng nhau chia sẻ, thảo luận để giúp thân chủ khám phá bản thân về các khía cạnh cơ bản: sự hứng thú, năng lực, kiến thức và các nguồn lực hỗ trợ (gia đình và những người thân); khám phá thế giới nghề nghiệp và khám phá về nhu cầu xã hội để từ đó giúp thân chủ ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp” [25, tr.72].

Như vậy, tham vấn nghề theo quan niệm của các tác giả nêu trên có các đặc trưng sau:

- Tham vấn nghề là một quá trình tương tác giữa nhà tham vấn và thân chủ (có thể ở nhiều độ tuổi: HS, sinh viên, người lớn muốn lựa chọn nghề và tìm kiếm việc làm);

- Mục tiêu của tham vấn nghề là giúp thân chủ tự giải quyết những khó khăn để từ đó có quyết định lựa chọn nghề phù hợp: nhà tham vấn có vai trò giúp thân chủ tự khám phá bản thân, tìm hiểu về thế giới nghề, về hệ thống trường đào tạo trên cơ sở đó thân chủ tự đưa ra quyết định của mình.

Với sự phân tích trên, theo chúng tôi Tham vấn nghề là quá trình tương tác giữa nhà tham vấn và thân chủ, trong đó nhà tham vấn vận dụng các kiến thức và kỹ năng của bản thân để trợ giúp thân chủ nhằm giúp họ nâng cao năng lực tự giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình lựa chọn nghề tương lai.

1.3.1.3. GDHN qua tham vấn nghề

Với quan niệm về tham vấn nghề mà chúng tôi đưa ra, chúng ta có thể hiểu về GDHN qua tham vấn nghề như sau:

- Tham vấn nghề được thực hiện trong nhà trường phổ thông, là một trong những con đường GDHN cho HS, thông qua sự tương tác giữa nhà tham vấn (GV) và HS. Do đó mọi yêu cầu của sự tương tác phải được đảm bảo như: có sự tôn trọng lẫn nhau, chia sẻ và tác động qua lại lẫn nhau giữa nhà tham vấn và HS. Sự tương

tác này dẫn đến nhà tham vấn hiểu được những khó khăn, những vấn đề của HS đang gặp phải và HS cũng bày tỏ được những băn khoăn thắc mắc của mình.

- Sự tương tác giữa nhà tham vấn và HS được diễn ra theo một quy trình chặt chẽ. Quy trình này phải tuân theo các giai đoạn và các bước tham vấn nhất định và phải được diễn ra trong một không gian, thời gian, địa điểm rõ ràng với mục tiêu, nội dung, phương pháp nhất định.

- Trong quá trình tham vấn nghề, nhà tham vấn sử dụng những kiến thức và kỹ năng tham vấn như: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng phản hồi, kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng diễn đạt.... để giúp HS thấu hiểu về những khó khăn, trở ngại của bản thân và biết đối mặt với những khó khăn và trở ngại đó. Đồng thời thông qua sự trao đổi, thảo luận với nhà tham vấn và dưới sự trợ giúp của nhà tham vấn, HS tự giải quyết được những khó khăn, vướng mắc đó và tự mình đưa ra những quyết định phù hợp nhất. Vì vậy năng lực, khả năng giải quyết vấn đề của HS được nâng cao.

- Song song việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho HS, nhà tham vấn bằng cách khai thác, nhận biết và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc và hành vi của các em, nêu những câu hỏi định hướng giúp các em tự nhận thức được những hạn chế về năng lực, sở trường của mình. Đồng thời nhà tham vấn sử dụng những phương pháp, cách thức, phương tiện để giúp HS khám phá, tìm hiểu bản thân (tính cách, năng lực, nhu cầu, nguyện vọng, sở thích, hứng thú, điều kiện gia đình), hiểu về ngành nghề. Trên cơ sở đó, giúp đỡ, tạo điều kiện cho HS tự xem xét điều kiện, hoàn cảnh, hứng thú, nhu cầu, nhận thức, khả năng của mình, đối chiếu với yêu cầu của nghề, từ đó tự điều chỉnh hành vi, thái độ liên quan đến việc lựa chọn nghề và cuối cùng là tự chọn cho mình một nghề phù hợp.

- Tham vấn nghề không phải là nhà tham vấn đưa lời khuyên cho HS chọn nghề. Nhà tham vấn không thể làm thay, quyết định thay cho HS mà ở đây nhà tham vấn trợ giúp HS nâng cao năng lực tự đánh giá bản thân, tự khám phá thế giới nghề, tự mình giải quyết, khắc phục được khó khăn, giải tỏa được những vấn đề của bản thân trong quá trình chọn nghề trên cơ sở phương pháp luận đúng đắn, hình thành được hứng thú của HS đối với nghề, có thái độ đúng đắn khi lựa chọn nghề từ đó HS tự tin hơn trong quá trình chọn nghề và chọn được nghề phù hợp nhất.

Từ những phân tích ở trên, chúng tôi quan niệm: *GDHN qua tham vấn nghề là quá trình tương tác giữa nhà tham vấn (GV) và HS, trong đó nhà tham vấn (GV) vận dụng các kiến thức và kỹ năng của bản thân để trợ giúp HS nâng cao năng lực tự giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình lựa chọn nghề tương lai đồng thời thực hiện tốt mục tiêu GDHN.*

1.3.1.4. Tham vấn nghề và tư vấn nghề

Theo các tác giả: Trần Thị Giông, Trần Thị Minh Đức; Bùi Thị Xuân Mai thì tham vấn theo tiếng Anh là Counselling, tư vấn là Consultation [32]; [51]; [27]; [28], giữa tham vấn và tư vấn có sự giống nhau và khác nhau như sau. Dựa trên sự phân tích giống nhau và khác nhau giữa tham vấn và tư vấn của các tác giả trên, chúng tôi khái quát sự giống nhau và khác nhau của tham vấn nghề và tư vấn nghề như sau:

* *Giống nhau*: Tham vấn nghề và tư vấn nghề đều là hoạt động trợ giúp cá nhân giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công việc, trong lựa chọn nghề

* *Khác nhau giữa tham vấn và tư vấn ở những điểm sau đây*:

- Thứ nhất, về mục tiêu: Tư vấn nghề chủ yếu hướng tới đưa ra lời khuyên chọn nghề, chọn công việc, còn hoạt động tham vấn nghề hướng tới mục tiêu là trợ giúp cá nhân nâng cao năng lực giải quyết những khó khăn trong quá trình chọn nghề.

- Thứ hai, về tiến trình: vì tư vấn nghề thường là cung cấp thông tin hay đưa ra lời khuyên do vậy nó diễn ra trong một thời gian ngắn hơn, giải quyết vấn đề tức thời, còn tham vấn nghề có thể diễn ra trong thời gian dài hơn, có thể kéo dài vài buổi, hoặc hàng tuần

- Thứ ba, về cách thức tương tác: Trong tư vấn nghề cách thức thực hiện chính là cung cấp thông tin và lời khuyên bổ ích từ người tư vấn với đầy kiến thức chuyên sâu về vấn đề cần tư vấn. Đây là hình thức mà nhà tư vấn là chuyên gia, là người chủ động, tích cực, còn người được tư vấn thì thụ động nghe theo sự phân tích và khuyên bảo của nhà tư vấn. Như vậy, tư vấn thể hiện sự áp đặt một chiều từ phía nhà tư vấn đối với thân chủ và đó chính là một trong những biểu hiện rõ nét của việc “làm thay” thân chủ. Trong tham vấn nghề có sự tương tác chặt chẽ giữa nhà tham vấn và thân chủ, vai trò của nhà tham vấn chỉ là người trợ giúp còn thân chủ ở đây là trọng tâm vì vậy sự thành công của quá trình tham vấn nghề phụ thuộc vào

kỹ năng tương tác của nhà tham vấn để thân chủ tự nhận thức, hiểu chính mình và hoàn cảnh của mình để chủ động tìm kiếm giải pháp phù hợp và thực hiện nó.

Như vậy, chúng ta có thể thấy: Tham vấn nghề không phải là đưa ra lời khuyên cho người cần sự trợ giúp mà là quá trình tương tác giữa nhà tham vấn với thân chủ để đi đến chỗ thân chủ tự nhận thức lại vấn đề của mình và tự mình đưa ra được những giải pháp chọn nghề phù hợp.

1.3.2. GDHN qua tham vấn nghề ở THPT

1.3.2.1. Mục tiêu của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT

Một số tác giả đã nghiên cứu về mục tiêu của tham vấn nghề trong trường phổ thông như Super D.E (1980); Roger D. Herring (1998); Schmidt,J.J, (1996); Vernon G.Zunker (2001). Các tác giả này đều đưa ra mục tiêu tham vấn nghề trong nhà trường phổ thông là: Giúp các em tìm hiểu bản thân, hiểu về nghề nghiệp để các em có sự lựa chọn nghề đúng đắn; Đưa ra lời khuyên cho HS về học hành và dự định nghề nghiệp và giúp các em đạt được những vị trí phù hợp trong nghề và phát triển nghề nghiệp theo các giai đoạn phát triển của từng lứa tuổi [112], [108], [111], [114].

Căn cứ vào mục tiêu GDHN trong trường THPT, và khái quát các kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi cho rằng *mục tiêu của GDHN qua tham vấn nghề ở trường phổ thông đó là:*

- HS giải quyết được những khó khăn trong quá trình chọn nghề
- Đạt được mục tiêu của GDHN, cụ thể:
 - + HS có năng lực tự khám phá bản thân: Năng lực, tính cách, sở thích, giá trị, mong muốn, nguyện vọng của bản thân
 - + HS có hiểu biết đầy đủ về ngành nghề, trường thi
 - + HS có năng lực lựa chọn ngành nghề phù hợp

1.3.2.2. Nội dung của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT

Nghiên cứu của Schmidt (1996) cho rằng nội dung tham vấn nghề trong trường phổ thông bao gồm: (1) Cung cấp thông tin chính xác về thế giới nghề và những cơ hội việc làm đang có; (2) Chia sẻ kinh nghiệm giúp các em lựa chọn được nghề phù hợp với bản thân, phù hợp với sở thích và khả năng của các em; (3) Động viên, khuyến khích HS đưa ra nhiều sự lựa chọn để thích ứng với sự thay đổi về nghề nghiệp và thị trường lao động trong tương lai [111, tr. 270].

Theo UNESCO (2002) cho rằng tham vấn nghề về cơ bản bao gồm 4 nội dung: (1) Giúp đỡ cá nhân có sự tự nhận thức rõ hơn về sở thích, giá trị, khả năng và cá tính của bản thân; (2) Kết nối HS với các nguồn lực để họ có hiểu biết hơn về công việc và nghề nghiệp; (3) Thúc đẩy HS tham gia trong quá trình ra quyết định để họ có thể chọn một con đường sự nghiệp phù hợp với sở thích, giá trị, khả năng, phong cách và cá tính của mình; (4) trợ giúp HS chủ động quản lí con đường sự nghiệp của họ (bao gồm quản lí quá trình chuyển đổi nghề nghiệp và cân bằng các vai trò sống khác nhau) cũng như trở thành người học suốt đời [113, tr.4].

Từ những mục tiêu của tham vấn nghề, từ nội dung của GDHN trong trường và khái quát từ nội dung tham vấn nghề của các tác giả nước ngoài, chúng tôi khái quát nội dung của tham vấn nghề trong GDHN như sau:

*** *Trợ giúp HS tự nhận thức và đánh giá được bản thân***

Tự đánh giá bản thân tức là tự đánh giá về năng lực, sở thích, kĩ năng, việc làm yêu thích của từng cá nhân [90, tr.40]. Nhận thức về bản thân rất cần thiết để đưa ra quyết định lựa chọn việc làm phù hợp giống như kiến thức cần thiết để đưa ra lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân [117]. Cá nhân cũng có thể áp dụng năng lực, sở thích, kĩ năng và công việc yêu thích của bản thân để cân nhắc việc lựa chọn từ công việc bình thường đến công việc đặc biệt hơn. Theo Donald Super (1980): Mỗi người có khả năng và tính cách, nhu cầu, giá trị, sở thích, đặc điểm, và quan niệm bản thân khác nhau. Mỗi đặc điểm, mỗi tính cách tương ứng với nghề nghiệp khác nhau. Có nhiều loại khả năng, đặc điểm tính cách và những đặc tính khác mà mỗi người cần phải coi đó là điều kiện tiên quyết cho thành công của nhiều nghề. *Mỗi nghề nghiệp đòi hỏi mô hình tính cách, khả năng và đặc điểm của cá nhân – đủ rộng để cho phép một số nghề cho mỗi cá nhân và một số cá nhân cho mỗi nghề. Nghề nghiệp yêu thích và khả năng cá nhân trong cuộc sống và công việc, quan niệm của cá nhân sẽ thay đổi theo thời gian và theo kinh nghiệm, mặc dù những nhận thức đó là sản phẩm của sự học hỏi từ xã hội, đang ngày càng ổn định dần dần từ khi còn trẻ tới khi trưởng thành, chín chắn, do đó sẽ có những điều chỉnh và thay đổi thường xuyên* [112, tr. 18].

Như vậy, trong quá trình tham vấn nghề, nhà tham vấn (GV) trợ giúp HS đánh giá bản thân ở những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, trợ giúp HS khám phá hiểu được khả năng, năng lực nghề, năng lực học tập của bản thân

Thứ hai, trợ giúp HS khám phá hiểu được tính cách phù hợp với nghề

Thứ ba, trợ giúp HS tìm hiểu sở thích, hứng thú của bản thân

Ngoài những đặc điểm cơ bản nêu trên, nhà tham vấn cần trợ giúp HS tìm hiểu về xu hướng nghề, động cơ, giá trị nghề.

Trợ giúp HS xác định sự phù hợp giữa điều kiện, hoàn cảnh gia đình với sự lựa chọn nghề trong tương lai và đánh giá đúng sức khỏe, hình thức của bản thân đối với nghề

**** Trợ giúp HS tìm hiểu về ngành, nghề, hệ thống trường đào tạo***

Thứ nhất, tìm hiểu về ngành nghề: Điều quan trọng quá trình lựa chọn nghề đúng là HS phải hiểu rõ về nghề mình lựa chọn. Hiểu những đặc điểm của nghề, yêu cầu của nghề, chính vì lẽ đó HS cần phải biết thu thập thông tin về nghề nghiệp, biết phân tích và lựa chọn thông tin một cách toàn diện nhất.

Thứ hai, tìm hiểu về hệ thống trường, lớp đào tạo nghề của trung ương và địa phương, hệ thống các trường đại học, cao đẳng.

Thứ ba, tìm hiểu thông tin về ngành, nghề đào tạo

Thứ tư, tìm hiểu về nhu cầu thị trường lao động

Như vậy, sự nhận thức về nghề là kim chỉ nam, là cơ sở để thúc đẩy nhu cầu, hứng thú và tạo ra nguyện vọng chọn nghề cho HS. Nhận thức đúng và đủ sẽ giúp các em có những rung cảm nghề nghiệp tích cực và chọn nghề phù hợp. Nhận thức đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc về nghề nghiệp sẽ có tác dụng thúc đẩy hành động chọn nghề của HS phù hợp với nguyện vọng, khả năng của mình, hình thành tình cảm nghề nghiệp bền vững.

**** Trợ giúp HS ra quyết định chọn nghề phù hợp***

Có thể nói, chọn nghề phù hợp là nội dung rất quan trọng quá trình tham vấn nghề. Theo Eugene Joseph Martinez (1980) [81], James P. Sampson, JR. Robert C. Readon, Gary W. Peterson, Janet G. Lenz (2004) [90]; Mihai Jigău (2007) [99] cho rằng ra quyết định chọn nghề là một loạt kết luận và hoạt động của bản thân hoặc một lựa chọn được định giá, chọn lọc để đưa ra một quyết định đảm bảo đạt được một kết quả nào đó theo mong muốn của bản thân và được cam kết để hành động;

F.Parsons (1909) đã đưa ra các bước trong quá trình chọn nghề gồm có: (1) Đánh giá hiểu biết về bản thân; (2) Hiểu biết của bản thân về thế giới nghề; (3) Kết hợp giữa bản thân và thế giới nghề nghiệp [105, tr.13]. Tác giả Eugene Joseph Martinez (1980) chỉ ra rằng ra quyết định chọn nghề được thể hiện qua 3 giai đoạn: (1) Hiểu việc quyết định chọn nghề; (2) Tự hiểu bản thân; (3) Hiểu thông tin [81, tr.44]. UNESCO (2002) đã đưa ra 6 bước trong quá trình ra quyết định chọn nghề: (1) Nâng cao nhận thức bản thân; (2) Liên kết sự nhận thức bản thân với những yêu cầu nghề nghiệp; (3) Nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp; (4) Ra quyết định; (5) Xác định mục tiêu; (6) Kế hoạch tìm kiếm nghề nghiệp [113, tr. 27].

Khi đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp, điều quan trọng là cá nhân phải ý thức được giá trị, năng lực, sở thích của bản thân, sự hiểu biết đúng về bản thân là động lực kích thích sự lựa chọn nghề phù hợp. Do vậy, HS muốn có được những quyết định chọn nghề đúng đắn thì cần phải đối chiếu năng lực, sở thích, tính cách, của cá nhân với những đặc điểm, yêu cầu của ngành nghề, và với nhu cầu nhân lực của xã hội. Quan trọng và chủ yếu nhất là kết hợp hài hòa ba yếu tố trên trong đó yếu tố đặt lên hàng đầu đối với HS là “Nghề đó cần cho xã hội” [9, tr. 97]. Theo như Trần Thế Linh (1994): “Lựa chọn nghề nghiệp là quá trình đối chiếu so sánh những đặc điểm yêu cầu tính chất của một nghề với điều kiện của bản thân về năng lực, nhu cầu, nguyện vọng, sở thích để tìm cho mình một nghề nghiệp phù hợp. Việc lựa chọn này đòi hỏi một sự cân nhắc, suy nghĩ nghiêm túc xuất phát từ những điều kiện đã có của bản thân, kết hợp với việc tiếp thu kinh nghiệm của những người đi trước”[49].

*** Trợ giúp HS giải quyết những khó khăn khác**

Mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề: Hiện tượng HS bị cha mẹ, người thân trong gia đình phản đối việc chọn nghề của các em cũng khá phổ biến. Người lớn can thiệp vào việc chọn nghề của các em thường do động cơ muốn con em mình chọn những nghề mà theo chủ quan của họ thì đó là lĩnh vực hoạt động mang lại lợi ích thiết thực.

Mâu thuẫn giữa chọn nghề theo sở thích và chọn nghề theo năng lực: Bản thân HS sẽ có mâu thuẫn này, giữa một bên là năng lực không đủ với một bên là sở thích vượt quá so với khả năng, do vậy, người GV cần phải giúp HS hiểu được chọn nghề theo yếu tố nào là cần thiết.

*** *Trợ giúp HS giải tỏa những khó khăn tâm lí trong quá trình chọn nghề***

Cùng với các nội dung tham vấn nghề nêu trên, việc trợ giúp HS giải tỏa tâm lí là nội dung cuối cùng và không thể thiếu được trong tham vấn nghề. Chính vì thế giải tỏa tâm lí cho HS không những là nội dung mà còn là mục tiêu của tham vấn nghề. Trong quá trình trợ giúp HS tự đánh giá bản thân, tìm hiểu về ngành, nghề, về trường thi, trợ giúp HS lựa chọn nghề, người GV phải luôn luôn chú ý đến trạng thái tâm lí của HS: Băn khoăn, lo lắng, buồn bực, chán nản,... để nhận xét và đánh giá mức độ nhận thức và giải quyết những khó khăn trong quá trình chọn nghề của HS. Trạng thái tâm lí trên luôn tỉ lệ thuận với mức độ giải quyết khó khăn của HS. Nhờ có quá trình tham vấn của GV, những khó khăn trong quá trình chọn nghề của HS dần được tháo gỡ và cùng với nó là trạng thái tâm lí dần được cải thiện. Như vậy, việc giải tỏa tâm lí cho HS là hệ quả tất yếu có được sau khi GV thực hiện xong các nội dung trên. Để thực hiện tốt nội dung này, đòi hỏi người GV phải có kĩ năng và kinh nghiệm quan sát, phát hiện những biểu hiện tâm lí của HS trong quá trình tham vấn nghề. Sau khi được tham vấn nghề, HS hiểu biết hơn về bản thân, về ngành nghề và lựa chọn được ngành nghề phù hợp, từ đó HS có được trạng thái tâm lí thoải mái, vui vẻ, yên tâm, tin tưởng hơn vào bản thân và sự lựa chọn nghề của mình.

1.3.2.3. *Hình thức GDHN qua tham vấn nghề*

*** *Tham vấn nghề cho cá nhân HS***

Thông qua trao đổi, trò chuyện giữa nhà tham vấn (GV) và cá nhân HS, GV giúp HS giải tỏa được những băn khoăn, lo lắng để có sự an tâm trong quá trình chọn nghề. Đồng thời nâng cao năng lực tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc của HS, HS khẳng định lại bản thân mình, hiểu biết của mình, tự tin về bản thân trong quá trình chọn nghề thông qua đó HS tự chọn được nghề phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích của bản thân và nhu cầu của xã hội.

Đây là sự tương tác cơ bản giữa GV và HS. Trong sự tương tác này, GV cần tuân thủ những nguyên tắc của tham vấn như tôn trọng, thấu hiểu..., tuân thủ đạo đức của nhà tham vấn và đặc biệt là vận dụng tốt những kĩ năng tham vấn để giải tỏa tâm lí cho HS, đồng thời giúp cho các em hiểu về vấn đề của bản thân các em, từ đó các em có được những cách giải quyết phù hợp nhất. Khi tham vấn cá nhân, HS có thể hỏi bất kì vấn đề gì mà các em muốn biết. HS có thể bộc lộ những suy nghĩ riêng tư, thầm kín mà các em không tiện nói với các bạn trong nhóm.

Trong tham vấn cá nhân, có những hình thức tham vấn trực tiếp và gián tiếp qua điện thoại, qua thư điện tử.

*** Tham vấn nghề cho nhóm HS**

Nhóm chính là công cụ, phương tiện của nhà tham vấn để thông qua đó nhà tham vấn thực hiện nhiệm vụ của mình. Tham vấn nghề cho nhóm nhằm nâng cao được khả năng giải quyết khó khăn của từng HS trong nhóm đồng thời giải quyết được những khó khăn chung cho cả nhóm. Dưới sự trợ giúp của GV, HS trong nhóm trao đổi, thảo luận, chia sẻ các vấn đề, cảm xúc, suy nghĩ, và kinh nghiệm của mình với các thành viên còn lại và đón nhận sự phản hồi và hỗ trợ của nhau cũng như từ nhà tham vấn (GV) từ đó các em tự đưa ra những cách giải quyết phù hợp nhất cho từng thành viên trong nhóm và cho cả nhóm. Tham vấn nghề tiến hành theo nhóm sẽ rất có lợi, các thành viên trong nhóm hỗ trợ lẫn nhau để vượt qua vấn đề của họ.

1.3.2.4. Định hướng quy trình hoạt động tham vấn nghề

*** Quy trình tham vấn nghề**

* *Quy trình tham vấn nghề của Jennifer M Kidd (2006), tác giả đưa ra 4 giai đoạn trong quá trình tham vấn nghề như sau [91, tr.89-94]*

Giai đoạn 1: Xây dựng mối quan hệ

Trong giai đoạn này, nhà tham vấn tạo mối quan hệ hợp tác giữa nhà tham vấn với thân chủ. Vì vậy, việc quan trọng là giúp thân chủ hiểu được tham vấn là công việc mang tính hợp tác và họ cần mỗi người tham gia tích cực ở mỗi giai đoạn.

Giai đoạn 2: Giúp thân chủ tự nhận thức

Nhiệm vụ chính của giai đoạn này là nhà tham vấn giúp thân chủ hiểu hơn về vấn đề và tình huống liên quan đến họ. Trong giai đoạn này nhà tham vấn vận dụng những phương pháp và kỹ thuật để giúp thân chủ tự tìm hiểu bản thân, tìm ra điểm mạnh và điểm yếu; sở thích và giá trị của bản thân và xác định tình huống

Giai đoạn 3: Khám phá tìm ra những quan điểm mới

Nhà tham vấn giúp thân chủ khám phá, tìm ra những quan điểm mới về vấn đề, đồng thời điều chỉnh suy nghĩ và nhận thức sai lệch của họ. Nhà tham vấn giúp đỡ thân chủ một cách tế nhị, giúp họ đối mặt với những hành vi xấu mà ngăn cản họ phát triển trong công việc và cuộc sống.

Giai đoạn 4: Hình thành chiến lược và kế hoạch

Đặt mục tiêu: Khi chuẩn bị kết thúc quá trình tham vấn nghề, nhà tham vấn giúp thân chủ đặt mục tiêu và quyết định các bước cần làm để đi đến mục tiêu đó. Mục tiêu: Rõ ràng và cụ thể; Có thể đo lường được; Được làm chủ bởi những người đưa ra mục tiêu; Phù hợp với giá trị của mỗi người; Thời gian được sắp xếp hợp lý

Lập kế hoạch: Khi những mục tiêu này được thống nhất, thân chủ sẽ được khuyến khích thực hiện kế hoạch hành động. Một kỹ thuật có thể hữu ích trong việc đưa ra kế hoạch bao gồm những bước sau:

1. Thân chủ được yêu cầu liệt kê những rào cản mà họ vấp phải trong quá trình thực hiện kế hoạch hành động (như thiếu kỹ năng hay phản ứng của người khác).
2. Thân chủ liệt kê tất cả những nguồn lực thuận lợi để phát triển kế hoạch hành động.
3. Xác định nguồn lực quan trọng nhất trong số những nguồn lực đã được liệt kê.
4. Thân chủ tìm ra những cách để giảm thiểu tác động tiêu cực của các yếu tố và phát huy tối đa hiệu quả của các yếu tố thuận lợi.

Quy trình trên tiếp cận từ phía thân chủ, cho thấy nhà tham vấn đã thực hiện đúng vai trò, chức năng của mình là trợ giúp thân chủ tự nhận thức vấn đề của bản thân và nhà tham vấn giúp thân chủ có những quan điểm mới, cách nhìn nhận mới về vấn đề của mình và giúp họ đạt được mục tiêu, hình thành kế hoạch thực hiện.

** Quy trình tham vấn nghề của Norman C. Gysbers, Mary J. Heppner, Joseph A. Johnston (2009) [102, tr.64-68]*

Quy trình tham vấn nghề của các tác giả này bao gồm 5 giai đoạn sau đây:

Giai đoạn 1: Nhận dạng mục tiêu và vấn đề của thân chủ

- Xác định và phân biệt mối quan hệ của thân chủ và người tham vấn, trách nhiệm và các vấn đề đã thỏa thuận và tính bảo mật của quá trình tham vấn
- Nhận dạng được mục tiêu và khó khăn đầu tiên của thân chủ
- Lắng nghe những suy nghĩ và tình cảm cũng như những trở ngại của thân chủ

Giai đoạn 2: Thu thập thông tin thân chủ

Sử dụng cách thức tham vấn, dụng cụ đo lường và quy trình để làm rõ và chỉ rõ những khó khăn và mục tiêu hiện tại của thân chủ

- Tìm hiểu quan điểm của thân chủ về bản thân, người khác và thế giới của họ (thế giới quan) cũng như hoàn cảnh văn hóa, xã hội, lịch sử ảnh hưởng tới họ như thế nào

- Khám phá cách thân chủ làm rõ vai trò của họ trong cuộc sống, hoàn cảnh, sự kiện, quá khứ, hiện tại và tương lai

- Xem lại những rào cản và sức ép có thể từ bản thân và môi trường của thân chủ

- Nhận ra phong cách của thân chủ và những quyết định của thân chủ

Giai đoạn 3: Hiểu và đưa ra được giả thuyết về hành vi của thân chủ

- Hình thành giả thuyết dựa trên lý thuyết liên quan đến mục tiêu và khó khăn của thân chủ để lựa chọn biện pháp can thiệp phù hợp

- Tập trung vào các nét đa dạng trong giới tính, văn hóa có thể ảnh hưởng đến hành vi của thân chủ

- Lắng nghe và phản hồi những căng thẳng của thân chủ

Giai đoạn 4: Giúp thân chủ đạt được mục tiêu và giải quyết khó khăn

- Hành động: Nhà tham vấn can thiệp dựa các phương pháp tham vấn, đánh giá số lượng và chất lượng thông tin để trợ giúp thân chủ đạt được mục tiêu hoặc đối phó với những khó khăn.

- Phát triển mục tiêu nghề nghiệp và kế hoạch hành động: phát triển các mục tiêu nghề nghiệp của thân chủ và kế hoạch để đạt được mục tiêu, giải quyết vấn đề và vượt qua những rào cản, những kì thị của môi trường.

Giai đoạn 5: Đánh giá kết quả và kết thúc mối quan hệ

Chấm dứt mối quan hệ khi thân chủ đã đạt được mục tiêu hoặc vấn đề được giải quyết

Quy trình nêu trên cho thấy quy trình này tiếp cận từ góc độ của nhà tham vấn nghề, mọi giai đoạn của quy trình này đều được thực hiện bởi nhà tham vấn. Với quy trình này nhà tham vấn đã thực hiện nhiều hơn vai trò của mình. Do vậy, nhà tham vấn chưa khai thác hết được khả năng của thân chủ trong quá trình giải quyết những khó khăn của mình.

Như vậy, quy trình trên đã chỉ rõ các nội dung của từng giai đoạn cũng như cách thức thực hiện các giai đoạn đó, tuy nhiên quy trình trên chủ yếu được thực hiện trên đối tượng là những người đang đi tìm việc làm, những người gặp khó khăn trong công việc vì vậy quy trình trên có những nội dung, cách thức chưa phù hợp với đặc điểm tâm lí HS phổ thông. Trên cơ sở những quy trình trên, chúng tôi xây dựng nên quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN cho HS ở nhà trường THPT.

*** Định hướng quy trình hoạt động tham vấn nghề**

Quy trình là một trật tự logic tuyến tính bao gồm các giai đoạn, các bước hay các khâu, có tính chất chỉ dẫn quá trình thực hiện một hoạt động nào đó kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc hoạt động. Vậy *Quy trình hoạt động tham vấn nghề là một trật tự tuyến tính bao gồm các giai đoạn và các bước, có tính chất chỉ dẫn hoạt động tham vấn nghề trong GDHN.*

Định hướng quy trình hoạt động tham vấn nghề:

- *Xác định được các nguyên tắc xây dựng và nguyên tắc thực hiện quy trình để tham vấn nghề cho HS trong GDHN*
- *Lựa chọn được hình thức và cách thức triển khai quy trình phù hợp*
- *Xác định được giai đoạn và các bước triển khai quy trình. Thực chất đây là các giai đoạn và các bước tổ chức tham vấn nghề theo các cách đã lựa chọn.*
- *Xác định những yêu cầu để thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN đạt hiệu quả.*

1.3.3. Ưu thế và hạn chế của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT

1.3.3.1. Ưu thế của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT

Ở THPT, GDHN được thực hiện bằng nhiều con đường khác nhau: dạy học các môn học, tham vấn nghề, tổ chức hoạt động ngoại khóa,... Mỗi một con đường có ưu thế riêng trong hoạt động GDHN. Tham vấn nghề cũng vậy, với tư cách là một con đường GDHN, nó cũng có những ưu thế riêng đối với hoạt động này. Theo nghiên cứu của chúng tôi, tham vấn nghề trong GDHN có những ưu thế sau:

Thứ nhất, tham vấn nghề có thể giải quyết được những khó khăn liên quan đến việc chọn nghề của HS. Đây là ưu thế cơ bản, đặc trưng mà chỉ có tham vấn nghề mới thực hiện được trong GDHN: Thông qua quá trình tham vấn, GV ở trường THPT giúp HS tự phát hiện ra những băn khoăn, thắc mắc và những vấn đề cần phải giải quyết liên quan đến vấn đề chọn nghề của bản thân HS, từ đó trợ giúp HS tự lí giải và tự tìm cách giải quyết các vấn đề đó. Như vậy, nhờ có sự tham vấn của GV, HS sẽ cảm thấy tự tin hơn, thoải mái hơn và sẽ đi đến những quyết định chọn nghề đúng đắn, phù hợp.

Thứ hai, tham vấn nghề trong GDHN ở THPT thực hiện được mục tiêu kép. Mục tiêu kép của tham vấn nghề trong GDHN là vừa giải tỏa và giải quyết được những khó khăn trong quá trình chọn nghề cho HS và vừa thực hiện được mục tiêu

của GDHN là giúp HS có năng lực tự nhận thức và đánh giá bản thân, hiểu biết về ngành, nghề, trường đào tạo và đặc biệt là có năng lực lựa chọn được nghề phù hợp.

Thứ ba, có thể kết hợp dễ dàng tham vấn nghề với các con đường GDHN khác trong nhà trường THPT: Tham vấn nghề trong quá trình dạy học các môn khoa học cơ bản và môn công nghệ; tham vấn nghề trong tổ chức hoạt động GDHN chính khóa; tham vấn nghề trong quá trình tổ chức các hoạt động ngoại khóa; tham vấn nghề trong các buổi sinh hoạt hướng nghiệp. Khi kết hợp tham vấn nghề với các con đường GDHN nêu trên sẽ tăng hiệu quả cho chính hoạt động tham vấn, cho các con đường và cho hoạt động GDHN ở nhà trường THPT. Như vậy, tham vấn nghề là một con đường GDHN có thể tham gia vào mọi giai đoạn của GDHN và có mối quan hệ tương tác chặt chẽ với các con đường GDHN khác tạo nên một chỉnh thể thống nhất trong GDHN.

Thứ tư, tham vấn nghề có thể được thực hiện trong mọi giai đoạn của hoạt động GDHN, giáo dục tuyên truyền nghề đến thích ứng nghề. Bởi lẽ, trong bất kì giai đoạn nào, HS cũng gặp những khó khăn, những vướng mắc mà bản thân các em không giải quyết được, do vậy với vai trò là nhà tham vấn (GV) sẽ vận dụng những kiến thức và kĩ năng của mình trợ giúp HS giải tỏa được những thắc mắc, băn khoăn, lo lắng đó. Tuy nhiên khi tham gia vào các giai đoạn này, tham vấn chỉ thực hiện một vài chức năng của nó, do vậy để có thể thực hiện được tốt hoạt động tham vấn thì cần phải được thực hiện theo một qui trình nhất định.

Thứ năm, quá trình tham vấn nghề hỗ trợ cho quá trình dạy học, giáo dục và GDHN ở nhà trường THPT. Thông qua quá trình tham vấn nghề cho HS, sẽ giúp GV và nhà trường phát hiện và giải tỏa kịp thời những khó khăn tâm lí liên quan đến chọn nghề tương lai của HS, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, xu thế chọn nghề của HS. Trên cơ sở đó nhà trường THPT sẽ có những cơ sở quan trọng cho việc điều chỉnh, đổi mới hoạt động dạy học, giáo dục và GDHN cho phù hợp và kịp thời.

Thứ sáu, tham vấn nghề là một con đường GDHN thuận lợi trong nhà trường THPT. Đây là con đường GDHN rất thuận lợi đối với cả nhà tham vấn (GV) và HS. HS có thể tìm đến tham vấn (GV) của mình bất cứ lúc nào ở trường khi các em cần và tham vấn (GV) cũng có thể tiến hành tham vấn nghề cho HS bất cứ lúc nào khi HS có nhu cầu. HS không phải tìm kiếm nhà tham vấn tâm lí bên ngoài trường học.

Bên cạnh đó khi người GV đồng thời là một nhà tham vấn tâm lí trong việc định hướng nghề nghiệp cho HS, GV có thể tham vấn nghề cho HS thông qua quá trình dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Vì là tham vấn nghề trong GDHN nên người GV luôn giữ vai trò chủ động của một nhà giáo dục và sẵn sàng tham vấn nghề cho HS bất cứ lúc nào khi HS có nhu cầu. Như vậy, tham vấn nghề trong GDHN cần được người GV xác định rõ mục tiêu tham vấn, nội dung tham vấn, kĩ thuật tham vấn.... trong khuôn khổ phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức GDHN. Sau mỗi lần tham vấn nghề cho HS, người GV cần phải tiến hành tổng kết và đánh giá các đối tượng, độ tuổi HS tìm đến nhà tham vấn, các vấn đề HS cần tham vấn, những khó khăn cần được giải tỏa, các nghề HS đã lựa chọn và những nguyên nhân của những vấn đề này... để từ đó có những nhận xét, kết luận về quá trình tham vấn và công tác GDHN ở nhà trường THPT, cũng như có sự điều chỉnh cho các hoạt động này trong thời gian tiếp theo.

Thứ bảy, việc tiến hành hoạt động tham vấn nghề trong nhà trường THPT sẽ giúp cho HS và gia đình giảm chi phí và tiết kiệm thời gian. HS và phụ huynh có thể gặp các nhà tham vấn tâm lí ngay trong trường học hoặc là chính những GV thân thuộc hàng ngày dạy dỗ các em. Khi đó GV coi HS và gia đình không phải là những khách hàng (thân chủ) của mình mà coi việc tham vấn nghề cho HS là một trong những nội dung giáo dục thuộc chức năng, nhiệm vụ của người GV THPT.

1.3.3.2. Hạn chế của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT

Ngoài những ưu thế đã nêu ở trên, thì tham vấn nghề trong GDHN còn có những hạn chế nhất định như sau:

Thứ nhất, do chức năng nổi trội của tham vấn nghề là trợ giúp HS giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chọn nghề, nên việc cung cấp thông tin về nghề và về các trường đào tạo cho HS không được hệ thống như những con đường GDHN khác.

Thứ hai, do bản chất của tham vấn nghề là tham vấn, trợ giúp cho HS khi các em gặp khó khăn. Vì vậy, chỉ tác động được đối với số ít HS (so với các con đường khác).

1.3.4. Mối quan hệ giữa con đường tham vấn nghề với các con đường GDHN khác

GDHN trong nhà trường được thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau. Tham vấn nghề là một con đường GDHN vừa có tính độc lập vừa có mối liên

hệ với các con đường khác. Mỗi con đường đều có những ưu thế và những hạn chế nhất định. Ưu thế của *GDHN thông qua dạy học các môn khoa học cơ bản* chỉ ra được mối liên hệ giữa kiến thức môn học với các ngành nghề, trong xã hội, phát hiện và bồi dưỡng những năng khiếu của HS. *Thông qua việc tổ chức hoạt động GDHN chính khóa* cung cấp những thông tin về những ngành nghề chủ yếu, cơ bản của đất nước, những ngành nghề mà Nhà nước đang cần phát triển một cách hệ thống. *Thông qua hoạt động ngoại khóa* nhằm hỗ trợ cho các hoạt động GDHN khác trong việc giới thiệu, tuyên truyền nghề cho HS. *Thông qua hoạt động dạy và học môn công nghệ* HS hiểu được những nguyên lí cơ bản về kĩ thuật, công nghệ khoa học, quy trình sản xuất trong thực tế và những ứng dụng của chúng trong hoạt động nghề nghiệp khác nhau. *Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp* HS có được những hiểu biết thêm về nghề nghiệp thông qua sự chia sẻ với các bạn. *Thông qua tham vấn nghề* sẽ giúp HS giải quyết được những khó khăn, giải tỏa những lo lắng của HS, tạo hứng thú, củng cố niềm tin cho HS trong quá trình chọn nghề phù hợp, đồng thời góp phần nâng cao năng lực tự nhận thức và đánh giá bản thân, hiểu biết về ngành, nghề, trường thi và ra quyết định chọn nghề phù hợp.

Có thể khẳng định rằng 6 con đường GDHN nêu trên ở THPT có mối quan hệ tương tác, chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Con đường GDHN này tương tác, hỗ trợ cho con đường GDHN kia. Bởi lẽ, khi HS có những kiến thức về ngành, nghề, có hiểu biết về hệ thống các trường đào tạo thì nhà tham vấn sẽ tiến hành quá trình tham vấn một cách nhanh chóng hơn, tiết kiệm được thời gian và công sức nhờ vậy mà quá trình tham vấn sẽ đạt hiệu quả cao hơn. Ngược lại, chính những kết quả mà tham vấn đem lại sẽ giúp HS chủ động hơn trong việc tiếp nhận thông tin, tìm kiếm thông tin và chủ động tham gia vào các hoạt động khác để bổ sung những kiến thức cho mình đầy đủ nhất và trong thời gian nhanh nhất. Do đó nếu thiếu đi một trong các con đường này thì GDHN sẽ không trọn vẹn mặc dù GDHN vẫn được tiến hành nhưng nó không đầy đủ và gặp nhiều khó khăn.

Như vậy, trong nhà trường THPT, GDHN là một tổ hợp các hoạt động và được thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau trong đó có con đường tham vấn nghề. Do đó muốn đạt được hiệu quả cao trong GDHN ở THPT thì các con đường này phải được thực hiện một cách đồng bộ, hệ thống và khoa học.

1.4. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH GDHN QUA THAM VẤN NGHỀ

Trong quá trình tham vấn nghề có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng, những yếu tố này có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực làm tăng lên hoặc giảm đi hiệu quả của quá trình tham vấn. Việc xác định được các yếu tố ảnh hưởng sẽ giúp chúng ta biết lựa chọn và vận dụng những yếu tố đó vào trong quá trình tham vấn một cách linh hoạt để từ đó nâng cao hiệu quả của GDHN qua tham vấn nghề ở THPT.

1.4.1. Yếu tố thuộc về nhà tham vấn (GV)

* *Hiểu biết về lĩnh vực tham vấn nghề*: Ngoài hiểu biết về lĩnh vực tham vấn tâm lý như tác giả Y. Anthony (1993) cho rằng những người thực hiện tham vấn cần được trang bị kiến thức tham vấn một cách bài bản và có hệ thống [76], đó là những kiến thức đặc điểm, bản chất, cách thức tham vấn giúp cho nhà tham vấn (GV) thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của mình. Mặt khác nhà tham vấn nhất thiết phải *hiểu biết về lĩnh vực tham vấn nghề*. Đó là những hiểu biết về những đặc trưng của tham vấn nghề, những khó khăn mà HS thường gặp phải trong việc xác định nghề cho bản thân. Đồng thời nhà tham vấn (GV) biết thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và những giới hạn của tham vấn nghề.

* *Kiến thức và kỹ năng tham vấn*: Samuel H. Osipow (1987) [trích theo 111, tr. 56]; Jennifer M Kidd [91, tr.95]; Lynda Ali and Barbara Graham [93, tr. 18], Norman C. Gysbers, Mary J. Heppner, Joseph A. Johnston [102, tr.284]; Trần Thị Minh Đức [28] thì nhà tham vấn nghề cần phải có những kiến thức và kỹ năng của một nhà tham vấn, đó là: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ; Kỹ năng lắng nghe; Kỹ năng thấu hiểu; Kỹ năng chia sẻ; Kỹ năng quan sát; Kỹ năng phản hồi; Kỹ năng khai thác thông tin; Kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin; Kỹ năng sử dụng các trắc nghiệm tâm lý; Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý HS. Bởi vậy nếu nhà tham vấn không có những kỹ năng trên sẽ không đem lại hiệu quả cao trong hoạt động tham vấn nghề.

* *Hiểu biết về hệ thống ngành nghề đào tạo trong xã hội, xu thế phát triển xã hội và nhu cầu thị trường lao động*: Hiểu biết về hệ thống ngành nghề đào tạo, các nghề truyền thống ở Việt Nam. Hiểu biết về đặc điểm, yêu cầu của ngành nghề đào tạo và xu thế phát triển của các ngành nghề trong xã hội. Nhà tham vấn ngoài những

hiểu biết nêu trên thì cần phải có hiểu biết về các vấn đề xã hội như kinh tế, văn hóa,... đây chính là những thông tin quan trọng trong việc định hướng nghề cho HS.

** Nhà tham vấn yêu thích, nhiệt tình và trách nhiệm với công việc tham vấn:* Tham vấn nghề đòi hỏi có thời gian, dành sự tâm huyết đối với nghề mới đem lại hiệu quả cao. Bởi vì theo Pope, Mark (2003) [94]; [98], trong nghiên cứu của mình tác giả đã chỉ ra rằng tham vấn nghề là một nghề bình thường và nhàm chán. E.D. Neukrug (1999) cũng đã đề cập đến vai trò của sự nhiệt tình hay yêu thích công việc như một khía cạnh của đặc điểm nhân cách mà người trợ giúp cần có để thực hiện công việc này có kết quả. Như vậy, hiệu quả của tham vấn nghề luôn gắn với sự say mê, yêu thích công việc trong việc tham vấn nghề cho HS [103].

1.4.2. Yếu tố thuộc về HS

** Ý thức được sự cần thiết phải đánh giá bản thân:* Trình độ, năng lực, tính cách, sở thích nhu cầu, nguyện vọng, động cơ, giá trị của bản thân là yếu tố cơ bản, làm cơ sở để xác định nghề phù hợp. HS luôn cần phải đánh giá về mình trong bất kì hoàn cảnh và hoạt động nào để tự nhận ra mình có những năng lực, tính cách, sở thích, nguyện vọng ra sao. Dựa trên sự nhận thức đúng về bản thân, HS sẽ dễ dàng đối chiếu, so sánh để lựa chọn cho mình một nghề phù hợp trong hệ thống nghề của xã hội. Do vậy, HS càng nhận thức rõ mình bao nhiêu thì việc lựa chọn nghề càng dễ dàng bấy nhiêu.

** Chủ động tích cực trong việc tìm kiếm thông tin, lựa chọn thông tin và phân tích các thông tin:* Chủ động, tích cực trong việc tìm kiếm thông tin thì HS sẽ nhanh chóng tìm được những thông tin về nghề, về trường đào tạo nghề và về thị trường lao động và dần dần sẽ xuất hiện ở các em các kĩ năng tìm kiếm thông tin. Bên cạnh đó đòi hỏi HS cần phải có kĩ năng lựa chọn và phân tích thông tin, tức là các em phải biết thông tin mình tìm được là đúng hay sai, có điểm nào tốt và có điểm nào chưa tốt, thông tin đó giúp ích gì trong việc lựa chọn nghề. Do vậy, HS càng có kĩ năng này bao nhiêu thì việc tìm ra được những ưu điểm của nghề, những yêu cầu của nghề càng dễ dàng bấy nhiêu và điều này góp phần mang lại hiệu quả cho quá trình tham vấn và trong sự lựa chọn nghề của chính các em.

** Chủ động, tích cực xin ý kiến, trao đổi, chia sẻ những băn khoăn thắc mắc với thầy cô, bạn bè, gia đình về các vấn đề liên quan đến lựa chọn ngành nghề cho bản thân:* Trong quá trình định hướng nghề, quá trình chọn nghề cho bản thân HS

gặp rất nhiều khó khăn, nếu như bằng kinh nghiệm của bản thân các em thì các em khó có thể giải quyết được những khó khăn đó một cách tốt nhất. HS càng chủ động, tích cực và vượt qua được những e ngại để gặp gỡ nhà tham vấn đồng thời các em sẵn sàng chia sẻ những khó khăn, vướng mắc đó để cùng nhà tham vấn tìm ra được những cách giải quyết nhanh nhất và hiệu quả nhất.

1.4.3. Yếu tố thuộc về nhà trường

** Điều kiện cơ sở vật chất*

Phòng phục vụ cho tham vấn nghề cần có đầy đủ về trang thiết bị, các phương tiện nghe nhìn, công cụ, những nguồn tài liệu, bàn ghế rời phù hợp cho việc làm việc nhóm, làm việc cá nhân.

Tài liệu phục vụ cho tham vấn nghề phải phong phú, và được cập nhật thường xuyên: các công cụ, các trắc nghiệm tâm lý để đánh giá đặc điểm tâm lý của HS; các tài liệu về các ngành nghề trong xã hội, những thông tin về thị trường lao động của địa phương và của xã hội; những trang Web hướng nghiệp, các đĩa CD-ROM để bất kì nhà tham vấn và HS có thể vào đó để tìm kiếm được những thông tin mà mình cần; các Video ghi lại những buổi tham vấn hướng nghiệp ở các trường học, ở trên đài báo, ti vi, dựa trên đó nhà tham vấn rút ra được những kinh nghiệm cho bản thân.

** Sự quan tâm của các cấp quản lí:* Sự quan tâm của các cấp quản lí thể hiện ở sự quan tâm đối với GV thực hiện tham vấn nghề cũng như GDHN thông qua sự động viên, khích lệ GV khi họ thực hiện công việc. Bên cạnh đó còn thể hiện ở sự nhận thức đúng về vai trò, ý nghĩa của GDHN và tham vấn nghề, xây dựng được lực lượng chuyên trách và có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn cho các lực lượng này.

1.4.4. Các yếu tố khác

** Mối quan hệ giữa nhà tham vấn và HS trong quá trình tham vấn:* Sự thành công của buổi tham vấn phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ giữa nhà tham vấn và HS. Mối quan hệ thân thiết, cởi mở giữa nhà tham vấn và HS thì HS sẽ dễ dàng giải bày, thổ lộ những khó khăn vướng mắc của các em trong khi chọn nghề, điều đó tạo điều kiện cho nhà tham vấn thực hiện tốt vai trò của mình.

** Môi trường, không gian tham vấn:* môi trường này đòi hỏi sự thuận tiện nhất đối với nhà tham vấn và HS trong quá trình tham vấn. Môi trường không gian này không chỉ là những bài trí trong phòng, mà còn có thể có những không gian mở ở

ngoài phòng tham vấn. Không gian thuận tiện, thoải mái sẽ giúp cho quá trình tham vấn diễn ra hiệu quả hơn.

* *Thời gian, thời lượng dành cho tham vấn nghề*: Điều này muốn đề cập đến thời gian, nội dung cho một buổi tham vấn và thời điểm tham vấn. Thời gian tham vấn ngắn cũng không đem lại hiệu quả, mà thời gian dài cũng làm cho nhà tham vấn và thân chủ mệt mỏi. Nội dung tham vấn quá nhiều cũng không đem lại hiệu quả. Việc qui định thời gian và xác định thời lượng cho mỗi một buổi tham vấn là rất cần thiết. Khi xác định thời gian tham vấn nhà tham vấn cần căn cứ vào đối tượng tham vấn, nội dung tham vấn cho phù hợp. Bên cạnh đó nhà tham vấn cũng cần lựa chọn những thời điểm tham vấn phù hợp với từng HS như tâm trạng, sức khỏe....

* *Yếu tố văn hóa và gia đình HS*: Đa đa số các bậc phụ huynh trong các gia đình ở nước ta đều mong muốn con mình thi đỗ vào một các trường đại học. Yếu tố gia đình có thể hỗ trợ, hoặc cũng có thể làm giảm đi mức độ sẵn sàng trong quyết định lựa chọn nghề nghiệp. Nhiều cha mẹ bắt ép con cái theo ý của mình trong việc chọn nghề sẽ gây khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề của học sinh. Còn một số phụ huynh khác thì lại tỏ ra không mấy quan tâm đến nghề nghiệp tương lai của con, để mặc con mình tự đăng kí thi vào trường nào cũng được. Do vậy cha mẹ HS nhận thức rõ được tầm quan trọng của tham nghề sẽ sẵn sàng hợp tác với GV quá trình tham vấn sẽ thuận lợi hơn, việc lựa chọn nghề của các em sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn, giúp các em sự tự tin trong việc ra quyết định nghề nghiệp của bản thân.

* *Cơ chế chính sách*: Mỗi trường THPT cần có chỉ tiêu cho GV chuyên trách thực hiện công tác GDHN nói chung và tham vấn nghề nói riêng. Cơ chế cho những GV là một trong những động lực để giúp cho người GV thực hiện tốt công việc của mình, thúc đẩy GV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó muốn tổ chức cho HS đi tham quan thực tế những cơ sở sản xuất, các nhà máy xí nghiệp, hoặc mời các chuyên gia, hoặc các doanh nhân thành đạt thì cũng cần phải có kinh phí.

Kết luận chương 1

1. Vấn đề tham vấn nghề trong GDHN ở THPT ở Việt Nam là vấn đề mới, chưa có nhiều công trình nghiên cứu và vấn đề này.

2. GDHN hướng nghiệp có thể được thực hiện qua nhiều con đường: Thông qua hoạt động dạy các môn khoa học cơ bản, môn công nghệ; thông qua hoạt động ngoại khóa; thông qua Hoạt động GDHN chính khóa; thông qua sinh hoạt hướng

nghiệp. Các con đường này có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Có một con đường vừa có thể tương tác, hỗ trợ với các con đường GDHN này, vừa có thể tồn tại một cách độc lập, riêng rẽ và thực hiện được mục tiêu GDHN, đó là tham vấn nghề. Tham vấn nghề được coi là một trong những con đường GDHN cần thiết và có hiệu quả ở nhà trường THPT hiện nay.

3. Tham vấn nghề trong GDHN nhằm: trợ giúp HS khắc phục khó khăn của bản thân khi lựa chọn nghề tương lai; nâng cao hiểu biết về các nghề, về hệ thống các trường đào tạo nghề, trường thi; phát triển năng lực tự nhận thức và đánh giá bản thân; năng lực lựa chọn nghề phù hợp, thông qua việc HS tự phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc chọn nghề. Đây là những ưu thế của tham vấn nghề mà các con đường GDHN nêu trên không thể có được.

4. Được nghiên cứu với tư cách là một con đường GDHN độc lập, tham vấn nghề có mục tiêu, nội dung riêng và được tiến hành theo một quy trình nhất định, đảm bảo cho hoạt động tham vấn nghề phát huy hết những ưu thế của nó và thực sự mang lại hiệu quả tốt cho GDHN ở THPT.

5. Tham vấn nghề trong GDHN chịu sự tác động của nhiều yếu tố: Yếu tố thuộc về GV, yếu tố thuộc về HS, yếu tố thuộc về nhà trường, gia đình, xã hội.... Trong quá trình tham vấn nghề cho HS THPT, GV cần tính đến mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này đến việc lựa chọn nghề của HS thì công tác tham vấn mới mang lại hiệu quả và đạt được mục tiêu GDHN.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH QUA THAM VẤN NGHỀ Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT

2.1.1. Mục đích khảo sát

Trên cơ sở nghiên cứu và đánh giá thực trạng GDHN qua tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội từ đó rút ra những kết luận cần thiết, làm cơ sở thực tiễn cho đề tài nghiên cứu

2.1.2. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát được chọn ngẫu nhiên phân tầng, bao gồm:

- Khảo sát 217 giáo viên thuộc 8 trường nội và ngoại thành Hà Nội giảng dạy các môn: GDHN, công nghệ và các môn khác đã từng tham gia tham vấn nghề và làm công tác GDHN cho HS.

- Khảo sát 2131 HS thuộc các khối lớp 10, 11 và 12.

2.1.3. Nội dung khảo sát

Đề tài tiến hành khảo sát thực trạng GDHN qua tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội với những nội dung cơ bản sau:

- Thực trạng GDHN trong nhà trường THPT KV Hà Nội
- Thực trạng tham vấn nghề trong nhà trường THPT KV Hà Nội
- Sự lựa chọn nghề của HS các trường THPT KV Hà Nội
- Những nguyên nhân ảnh hưởng đến GDHN và quá trình tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội

2.1.4. Phương pháp khảo sát

Các phương pháp sau được dùng để khảo sát thực trạng tham vấn nghề trong GDHN ở các trường THPT KV Hà Nội

Phương pháp điều tra giáo dục

Chúng tôi xây dựng bộ công cụ điều tra khảo sát gồm 03 bộ phiếu điều tra gồm hệ thống các câu hỏi đóng và mở xung quanh các vấn đề về tham vấn nghề trong GDHN, dành cho các đối tượng sau: HS lớp 10, 11, 12; GV tham gia công tác GDHN ở các trường THPT và phiếu hỏi dành cho Ban giám hiệu các trường THPT để nghiên cứu thực trạng tham vấn nghề ở các trường KV Hà Nội.

Phương pháp quan sát sự phạm

Phương pháp này được thực hiện thông qua việc quan sát hoạt động tham vấn của GV trong nhà trường, các biểu hiện tâm lí của HS trong quá trình tham vấn.

Phương pháp đàm thoại

Phương pháp này được tiến hành khi tổ chức đàm thoại với GV và HS một số trường THPT KV Hà nội nhằm thu thập thêm những thông tin cần thiết về vấn đề tham vấn nghề trong GDHN ở các trường THPT Hà Nội hiện nay.

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động giáo dục

Chúng tôi nghiên cứu kết quả tự đánh giá về bản thân HS thông qua kết quả trắc nghiệm của các em và kết quả lựa chọn nghề của HS .

Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Chúng tôi chọn một số trường hợp điển hình trong số các HS lớp 12 đã từng được tham vấn nghề để nghiên cứu nhằm thu thập những thông tin cần thiết về tham vấn nghề trong GDHN ở THPT, từ đó rút ra những kết luận khái quát cho việc tham vấn nghề ở những HS khác.

2.1.5. Thời gian khảo sát

Việc khảo sát thực trạng GDHN qua tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội được thực hiện cuối học kì 1 năm học 2012-2013

2.1.6. Xử lí kết quả khảo sát

Việc xử lí được tiến hành trên phần mềm SPSS for Window 13.0. Quy trình xử lí như sau:

Bước 1: Kiểm tra, hiệu chỉnh các câu trả lời của bảng hỏi

Bước 2: Mã hoá các câu trả lời

Bước 3: Nhập dữ liệu đã được mã hoá trên máy tính

Bước 4: Xác định lỗi trong cơ sở dữ liệu và làm sạch dữ liệu

Bước 5: Tạo bảng cho dữ liệu và phân tích.

Đối với các bảng hỏi, các dữ liệu thu được sẽ được mã hoá thành số, các ý hỏi được trả lời sẽ được mã hóa số 1, ý nào không trả lời mã hóa số 0. Tuy nhiên có những câu trả lời được mã hóa theo các mức độ, cụ thể mức cao nhất là 5 điểm, mức thấp nhất là 1 điểm. Với số điểm đó chúng tôi đánh giá theo 5 mức độ sau đây:

Mức 1 (Rất thấp): Từ 1 điểm đến cận 1,5 điểm

Mức 2 (Thấp): Từ 1,5 điểm đến cận 2,5 điểm

Mức 3 (TB): Từ 2,5 điểm đến cận 3,5 điểm

Mức 4 (Cao): Từ 3,5 điểm đến cận 4,5 điểm

Mức 5 (Rất cao): Từ 4,5 điểm đến cận 5,0 điểm

Đối với các kết quả trắc nghiệm: được chúng tôi mã hóa thành các số, những kết quả đó dùng để phân tích xem xét đối chiếu so sánh để tìm ra sự phù hợp hay không phù hợp giữa sự lựa chọn ngành, nghề, trường thi của HS với các chỉ số tâm lý đã đo được và với những kết quả khảo sát khác.

Đối với các kết quả thu được qua các biểu: dùng so sánh, phân tích đánh giá thực trạng tham vấn nghề ở trường THPT KV Hà Nội

Sau khi mã hoá, các số liệu được tính toán trên phần mềm SPSS 13.0 theo các tham số: Trung bình cộng; phương sai; độ lệch chuẩn; tần suất; khoảng biến thiên; sai số trung bình mẫu được sử dụng để tìm sự khác biệt giữa các nhóm HS ở các trường THPT KV Nội thành và các trường THPT KV Ngoại thành, theo khối lớp của HS.

2.2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG GDHN QUA THAM VẤN NGHỀ Ở CÁC TRƯỜNG THPT KV HÀ NỘI

2.2.1. Thực trạng GDHN ở các trường THPT KV Hà Nội

2.2.1.1. Các con đường GDHN

Bảng 2.1. Đánh giá của GV và HS về mức độ thực hiện các con đường GDHN

STT	Các con đường GDHN	GV			HS					
		KV		Tổng số	KV		Khối lớp			Tổng số
		Nội thành	Ngoại thành		Nội thành	Ngoại thành	10	11	12	
1	Thông qua dạy học các môn khoa học cơ bản	3,37	3,47	3,42	2,63	2,64	2,18	2,56	3,17	2,63
2	Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp	3,59	3,60	3,59	2,63	2,67	2,29	2,55	3,10	2,65
3	Thông qua hoạt động ngoại khóa	3,78	3,38	3,58	2,76	2,70	2,24	2,75	3,19	2,73
4	Thông qua môn công nghệ	3,18	3,51	3,35	2,74	2,79	2,29	2,83	3,15	2,76
5	Các giờ học môn Hoạt động GDHN	4,08	4,17	4,12	3,35	3,41	3,00	3,43	3,70	3,38
6	Thông qua tham vấn nghề	4,05	3,85	3,95	2,39	2,31	1,87	2,19	2,98	2,35

7	Mời các chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề cho HS	1,72	1,61	1,66	1,48	1,42	1,31	1,33	1,69	1,45
8	Tổ chức ngày hội hướng nghiệp	1,80	1,76	1,78	2,19	2,14	2,04	2,16	2,27	2,16
9	Tham quan các làng nghề và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các trường đại học	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
10	Kết hợp với các trường đại học, cao đẳng tổ chức hướng nghiệp cho HS	2,50	1,95	2,23	1,61	1,49	1,34	1,41	1,90	1,55
Tổng ĐTB		2,91	2,83	2,87	2,28	2,26	1,96	2,22	2,62	2,27

** Đánh giá của GV*

Từ kết quả bảng 2.1, chúng ta có thể thấy: Trong tất cả các con đường GDHN trên GV đánh giá mức độ thực hiện ở mức trung bình (ĐTB = 2,87).

Các con đường GDHN được thực hiện ở mức rất thường xuyên nhất đó là: *Thông qua các giờ học môn Hoạt động GDHN* với ĐTB là 4,12; *Thông qua tham vấn nghề* với ĐTB= 3,95; *Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp* với ĐTB là 3,59; Mặc dù được đánh giá cao về các con đường này, nhưng trong quá trình quan sát, trò chuyện với các GV thì một số GV trả lời rất thật đó là: *“Nhà trường giao cho em dạy môn này, nhưng em có dạy đâu, trường em hầu như không thực hiện dạy môn này”*. Với con đường *Thông qua tham vấn nghề* thì khi được hỏi GV trả lời như sau: *“Tôi giải đáp thắc mắc khi HS hỏi, và thường tranh thủ ở giờ ra chơi”*; *“Trong giờ sinh hoạt, một số em có hỏi tôi về những khó khăn của các em khi lựa chọn nghề, lúc đó tôi tranh thủ giải đáp cho các em”*.

Những con đường GDHN hiếm khi hoặc không thực hiện đó là *Tổ chức cho HS tham quan các làng nghề và các cơ sở sản xuất* với ĐTB là 1,0; và *Mời các chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề cho HS*. Để lí giải điều này, qua trao đổi với GV và Ban Giám hiệu nhà trường, chúng tôi được biết: *“Việc tổ chức đi tham quan các cơ sở sản xuất thì hầu như không tổ chức được vì không có kinh phí, và hiện nay HS cũng học quá nhiều nên không có thời gian tổ chức cho các em”*. *“Việc mời chuyên gia hoặc các nghệ nhân, các nhà sản xuất giỏi đến nói chuyện thì rất hiếm khi thực hiện được, có một năm trường chúng tôi có mời một người giỏi trong*

lĩnh vực kinh doanh đến nói chuyện nhưng thấy không hiệu quả nên những năm sau chúng tôi không thực hiện nữa” (Nguyễn Thị Th, Trường THPT CBQ).

So sánh mức độ thực hiện các con đường GDHN thì GV KV nội thành đánh giá mức độ thực hiện các con đường GDHN thường xuyên hơn (ĐTB=2,91) so với đánh giá của GV KV ngoại thành (ĐTB=2,83). Đa số có sự đánh giá thống nhất về mức độ thực hiện các con đường. Tuy nhiên, khi trao đổi với GV thì đa phần GV trả lời: GDHN hiện nay trong nhà trường không được thực hiện và dường như không được lồng ghép vào các môn học. *“Môn công nghệ của chúng em dạy còn không đủ giờ nên không có thời gian để lồng ghép GDHN đâu ạ”* (Trần Tuyết L, trường THPT TNT). Qua quan sát các hoạt động GDHN trong nhà trường chúng tôi nhận thấy ở các trường nội thành thực hiện hoạt động ngoại khóa về GDHN cho HS tốt hơn so với các trường ngoại thành và đặc biệt là ở khối 12, trong đó các trường thường xuyên tổ chức các hoạt động này được thực hiện vào buổi sáng thứ hai đầu tuần như trường THPT Trần Phú, Nguyễn Gia Thiều và Phan Đình Phùng.

** Đánh giá của HS*

Từ kết quả bảng 2.1, cho thấy: HS đánh giá mức độ thực hiện các con đường GDHN ở mức thấp (ĐTB=2,27). Và sự đánh giá của HS thấp hơn so với sự đánh giá của GV. Xem xét tất cả các con đường mà HS đã đánh giá thì không có con đường GDHN nào được đánh giá ở mức độ cao mà chỉ đạt được ở mức độ trung bình. Cụ thể: Con đường GDHN thông qua *Các giờ học môn Hoạt động GDHN* (ĐTB=3,38); Thông qua môn Công nghệ (ĐTB=2,76); *Thông qua hoạt động ngoại khóa* (ĐTB=2,73); *Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp* (ĐTB=2,65); *Thông qua dạy học các môn khoa học cơ bản* (ĐTB=2,63); Đặc biệt là *Thông qua tham vấn nghề* (ĐTB=2,35). Con đường GDHN được đánh giá ở mức độ thấp nhất là *Tham quan các làng nghề và các cơ sở sản xuất, kinh doanh* (ĐTB=1): *Mời các chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề cho HS; Kết hợp với các trường ĐH, CĐ tổ chức hướng nghiệp cho HS*, và sự đánh giá này cũng đồng nhất với sự đánh giá của GV.

So sánh sự đánh giá của HS KV nội thành và KV ngoại thành có sự khác nhau, tuy nhiên sự khác nhau này là không đáng kể. Có sự thống nhất trong đánh giá thứ bậc. So sánh sự đánh giá của HS giữa các khối có sự khác biệt, HS khối 12 đánh giá mức độ thực hiện cao hơn so với HS khối 11 và khối 10, HS khối 11 đánh

giá mức độ thực hiện cao hơn so với HS khối 10, điều này được thể hiện lần lượt qua ĐTB (khối 12: 2,63; khối 11: 2,25; khối 10: 1,93). Sở dĩ có sự khác nhau như vậy, bởi lẽ HS khối 12 cần được định hướng nghề nhiều hơn so với HS các khối khác do vậy, GV nhận thức được điều đó nên họ cũng thực hiện thường xuyên hơn so với sự thực hiện ở các khối khác.

Qua kết quả trên cho thấy, đánh giá mức độ thực hiện các con đường GDHN ở GV và HS có sự khác nhau. GV tự đánh giá mức độ thực hiện các con đường GDHN cao hơn so với đánh giá của HS. GV KV nội thành đánh giá mức độ thực hiện cao hơn so với KV ngoại thành. HS KV nội thành đánh giá mức độ thực hiện cao hơn so với HS KV ngoại thành. HS khối 12 đánh giá mức độ thực hiện các con đường giáo dục cũng cao hơn so với HS khối 10 và khối 11.

Như vậy, ngoài *con đường Hoạt động GDHN được thực hiện thường xuyên nhất* thì *con đường tham vấn nghề cũng được tất cả GV ở các trường thực hiện*. Điều này cho thấy, tham vấn nghề là một trong những con đường không thể thiếu được trong GDHN và kết quả trên cho thấy con đường này đã được GV đánh giá cao và thực hiện ở mức độ thường xuyên. Chứng tỏ là tham vấn nghề đã thể hiện được những ưu thế nhất định của nó trong việc định hướng ngành, nghề cho HS. Tuy nhiên khi trao đổi với GV và HS thì được biết con đường này được thực hiện chủ yếu dưới hình thức giải đáp thắc mắc cho các em HS và đưa ra lời khuyên cho HS liên quan đến sự lựa chọn nghề thông qua những giờ giải lao và thỉnh thoảng trong giờ sinh hoạt lớp.

2.2.1.2. Kết quả chọn nghề của HS

Trong nội dung này, chúng tôi đánh giá kết quả GDHN của HS ở sự lựa chọn nghề của các em. Với câu hỏi 5 (phụ lục 1.1) dành cho HS, kết quả như sau:

Bảng 2.2. Sự lựa chọn ngành, nghề của HS

STT		Không chọn được nghề		Chọn được nghề	
		SL	%	SL	%
KV	Nội thành	529	48,62	559	51,38
	Ngoại thành	504	48,32	539	51,68
Khối lớp	10	385	57,04	290	42,96
	11	390	53,79	335	46,21
	12	258	35,29	473	64,71
Tổng số		1033	48,19	1098	51,81

Theo kết quả ở bảng trên, chúng ta có thể khẳng định, kết quả GDHN ở nhà trường THPT không cao thể hiện ở tỉ lệ HS chọn được ngành, nghề chỉ chiếm tỉ lệ hơn một nửa (51,81%).

Với kết quả ở trên cho thấy HS KV nội thành và KV ngoại thành không có sự khác nhau về kết quả chọn nghề. Tuy nhiên có sự khác nhau giữa các khối lớp. Lớp 12 tỉ lệ HS chọn được nghề cao hơn so với HS khối 10 và HS khối 11. Bởi lẽ nhu cầu lựa chọn nghề của HS khối 10 và khối 11 chưa cấp thiết so với HS khối 12, đặc biệt là HS khối 10 khi các em vừa bước chân vào trường THPT, ý thức trong lựa chọn nghề còn chưa cao. Tuy nhiên đây cũng là một trong những hạn chế của GDHN trong nhà trường hiện nay. Bên cạnh đó, để khẳng định thêm điều này, chúng tôi tìm hiểu những lí do HS chọn nghề, kết quả được thể hiện ở nội dung sau.

2.2.1.3. Lí do chọn nghề của HS

Với câu hỏi “Tại sao em chọn nghề đó” thì kết quả thu được ở bảng sau:

Bảng 2.3. Lí do chọn nghề của HS

STT	Lí do chọn nghề	Tổng	
		SL	%
1	Không đưa ra lí do	660	60,11
2	Thích	210	19,13
3	Phù hợp với khả năng	78	7,10
4	Do gia đình định hướng	50	4,55
5	Kiểm được nhiều tiền, thu nhập cao	22	2,00
6	Dễ xin việc	16	1,46
7	Được đi nhiều nơi	10	0,91
8	Có ý nghĩa, có ích	10	0,91
9	Ổn định	5	0,46
10	Phù hợp với nhu cầu của xã hội	3	0,27
11	Những lí do khác	34	3,10
Tổng		1098	100

Nhìn vào bảng trên, chúng ta nhận thấy: đa số HS (60,11%) không đưa ra được lí do chọn nghề. Số HS còn lại thì các em chọn nghề theo sở thích chiếm tỉ lệ cao nhất (19,13%), sau đó chọn nghề phù hợp với khả năng (7,10%); Do gia đình định hướng (4,55%),... và các lí do khác: Nghề được mọi người trọng vọng; nghề nổi tiếng; nghề có cơ hội thăng tiến....Khi trò chuyện với một số HS với câu hỏi: tại sao em thích nghề đó thì các lí do các em đưa ra cho thấy đó cũng chỉ là thích theo cảm tính như: Em thấy thích nó, em thấy nghề đó kiếm được nhiều tiền.....

Như vậy, có thể thấy trong nhà trường THPT KV Hà Nội, GDHN đã được thực hiện và được thực hiện ở mức độ thường xuyên thông qua các con đường cơ bản như: Thông qua Hoạt động GDHN; thông qua hoạt động ngoại khóa; thông qua sinh hoạt hướng nghiệp; Tuy nhiên có tới gần một nửa số HS không chọn được nghề. Chỉ có hơn 50% số HS đã chọn được nghề đã đưa ra nhiều lí do khác nhau, ngay cả khi các em thích nghề đó cũng chỉ là cảm tính. Như vậy, kết quả lựa chọn nghề của HS chưa được như sự mong đợi và chưa đạt được mục tiêu của GDHN.

2.2.2. Thực trạng tham vấn nghề ở trường THPT KV Hà Nội

Với kết quả ở trên, chúng ta thấy tất cả các trường và tất cả các GV được điều tra đều thực hiện tham vấn nghề. Vậy tham vấn nghề đã được thực hiện như thế nào và kết quả của tham vấn nghề ra sao. Chúng ta cùng nhau xem xét những nội dung dưới đây.

2.2.2.1. Nhận thức của GV về tham vấn nghề cho HS trong GDHN

Với câu hỏi mở: Thầy/cô hiểu thế nào là tham vấn nghề cho HS?" (câu hỏi số 2, phụ lục 1.2). Kết quả được thống kê ở bảng sau:

Bảng 2.4. Nhận thức của GV về tham vấn nghề trong GDHN

STT	Nhận thức của GV về tham vấn nghề cho HS	Tổng số	
		SL	%
Hiểu đúng bản chất của tham vấn nghề			
1	Là hoạt động hỗ trợ HS lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với khả năng của bản thân, thỏa mãn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động	18	8,29
2	Đưa ra những lời gợi ý định hướng nghề nghiệp, để giúp HS lựa chọn cho mình hướng đi phù hợp với năng lực của các em	7	3,23
3	Tham gia vào việc giúp đỡ HS tìm hiểu và quyết định chọn nghề nghiệp phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội	5	2,30
Hiểu gần đúng về tham vấn nghề			
4	Giải đáp thắc mắc đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về nghề nghiệp để HS có định hướng lựa chọn nghề phù hợp sở thích, khả năng và nhu cầu xã hội	9	4,15

Nhằm lẫn sang mục tiêu và ý nghĩa của GDHN			
5	Giúp cho HS định hướng được nghề nghiệp một cách hợp lý	48	22,12
6	Định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, trình độ, sở thích và điều kiện môi trường xã hội của bản thân HS.	22	10,14
Hiểu nhầm tham vấn nghề sang các hình thức GDHN khác			
7	Là buổi tọa đàm trao đổi cung cấp những thông tin cần thiết, giải thích hướng dẫn và đưa ra lời khuyên đối với đối tượng tham gia	27	12,44
8	Là một buổi tọa đàm trao đổi giữa GV với HS và giữa HS với HS về vấn đề nghề nghiệp trong tương lai để từ đó HS có những định hướng nghề sau tốt nghiệp THPT	25	11,52
9	Là cung cấp thông tin cơ bản về nghề để HS lựa chọn cho phù hợp với năng lực, trình độ, sở thích và điều kiện môi trường xã hội của bản thân	20	9,22
10	Giúp cho HS khi HS lựa chọn một nghề nào đó bằng cách có thể cho HS tham quan học tập	2	0,92
Tổng		217	100

Nhìn vào kết quả trên, chúng ta khẳng định hầu hết GV không hiểu về tham vấn và đã nhầm lẫn tham vấn với các hình thức GDHN khác. Cụ thể:

Chỉ có 13,82% hiểu đúng bản chất của tham vấn nghề, tức là “Là hoạt động hỗ trợ HS lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với khả năng của bản thân, thỏa mãn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động”. Tỷ lệ GV hiểu gần đúng về tham vấn nghề là 4,15%. Như vậy, số GV hiểu được đúng và gần đúng về tham vấn nghề chiếm tỷ lệ 17,97%. Tỷ lệ GV nhầm lẫn tham vấn nghề sang mục tiêu GDHN chiếm tỷ lệ 32,26%. Tỷ lệ GV nhầm lẫn tham vấn nghề với các hình thức GDHN khác là 34,1%.

Qua kết quả trên cho thấy hiểu biết về khái niệm tham vấn nghề của GV còn hạn chế. Qua phỏng vấn, chúng tôi được biết: “Tôi hiểu như thế nào thì tôi viết thế thôi, chứ có bao giờ được học đâu mà biết” (Cô Trần Thị H, trường THPT NGT); “Mấy năm gần đây người ta nói nhiều về tham vấn, nên tôi cũng hiểu một chút về nó” (Trần T Thu H, THPT CBQ). Do vậy có thể khẳng định, GV hiểu về tham vấn nghề theo cảm tính, họ chưa hiểu đúng về bản chất của tham vấn nghề. Như chúng ta đều biết, nhận thức là kim chỉ nam cho mọi hành động, nhận thức đúng, sâu sắc sẽ có thái độ tích cực và hành vi đúng, do vậy với tỷ lệ lớn GV hiểu không đúng về tham vấn nghề sẽ ảnh hưởng tới những hoạt động tiếp theo.

2.2.2.2. Thực hiện mục tiêu tham vấn nghề trong GDHN ở các trường THPT KV Hà Nội

Chúng tôi tiếp tục tìm hiểu nội dung này với câu hỏi 3 (phụ lục 1.2) dành cho GV. Kết quả được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.5. Mức độ đạt mục tiêu tham vấn nghề trong GDHN

STT	Mục tiêu của tham vấn nghề	KV Nội thành		KV Ngoại thành		Tổng số	
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	HS giải tỏa được những khó khăn, lo lắng, băn khoăn trong quá trình chọn nghề	4,29	1	4,28	1	4,29	1
2	HS đánh giá và phân tích được năng lực của bản thân	4,25	2	4,18	2	4,21	2
3	HS đánh giá và phân tích được sở thích, xu hướng nghề của bản thân	4,16	3	4,13	3	4,14	3
4	HS đánh giá và phân tích được tính cách của bản thân	4,10	4	4,12	4	4,11	4
5	Đánh giá và phân tích được giá trị nghề của bản thân	4,06	6	4,07	5	4,07	5
6	Tìm được những thông tin tuyển sinh ở các trường đại học, cao đẳng	4,07	5	4,03	7	4,05	6
7	Tìm được thông tin về nghề, yêu cầu, đặc điểm của nghề từ nhiều nguồn khác nhau	3,98	8	3,76	8	3,87	8
8	Tìm được những thông tin về nhu cầu thị trường lao động, tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	3,52	10	3,36	10	3,44	10
9	HS xác định được mục tiêu nghề nghiệp và lập được kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai	3,68	9	3,56	9	3,62	9
10	HS tự tin khi quyết định chọn nghề phù hợp	4,02	7	4,05	6	4,03	7
Tổng ĐTB		4,01		3,95		3,98	

Từ kết quả bảng 2.5, cho thấy: Theo đánh giá của GV thì mức độ đạt mục tiêu của tham vấn nghề ở mức độ cao (ĐTB=3,98). Cụ thể: Mục tiêu đạt được ở mức độ cao nhất đó là: *HS giải tỏa được những khó khăn, những lo lắng, những băn khoăn trong quá trình chọn nghề* (thứ bậc 1); *Đánh giá và phân tích được năng lực của bản thân so với đặc điểm, yêu cầu của nghề* (thứ bậc 2); *Đánh giá và phân tích được sở thích, xu hướng nghề của bản thân* (thứ bậc 3); *Đánh giá và phân tích được tính cách của bản thân so với đặc điểm yêu cầu của nghề* (thứ bậc 4); *Đánh giá và phân tích được giá trị nghề của bản thân* (thứ bậc 5). Những mục tiêu tham vấn nghề đạt được ở mức độ thấp nhất đó là: *Tìm được những thông tin về nhu cầu thị trường lao động, tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương* (thứ bậc

10); HS xác định được mục tiêu nghề nghiệp và lập được kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai (thứ bậc 9); Tìm được thông tin về nghề, yêu cầu, đặc điểm của nghề từ nhiều nguồn khác nhau (thứ bậc 8).

So sánh sự đánh giá của GV ở KV nội thành và KV ngoại thành có sự khác nhau. Nhìn chung, GV KV nội thành đánh giá mức độ đạt mục tiêu cao hơn ($\overline{DTB}=4,01$) so với KV ngoại thành ($\overline{DTB}=3,95$), tuy nhiên sự khác nhau này là không đáng kể. Mặc dù có sự chênh lệch về \overline{DTB} trong đánh giá nhưng về thứ bậc các mục tiêu thì cả GV KV nội thành và KV ngoại thành có sự đồng nhất ở các mục tiêu 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10.

Trao đổi với một số GV, chúng tôi được biết: Trong quá trình chọn nghề, HS gặp không ít khó khăn như khó khăn trong việc đánh giá bản thân, mâu thuẫn với cha mẹ chọn nghề, trong việc tìm kiếm những thông tin về nghề, về yêu cầu của các nghề, về các trường đào tạo. Vì vậy với khả năng của GV, họ có thể giúp các em giải tỏa được những khó khăn đó. Bên cạnh đó, GV có thể chỉ ra cho các em hiểu rõ hơn về những đặc điểm tính cách của từng HS. Bởi vì, chính GV là người trực tiếp giảng dạy và giáo dục các em, do vậy mà GV có thể hiểu rõ đặc điểm tâm lí của từng HS trong lớp, đây chính là cơ sở để hướng dẫn HS chọn nghề phù hợp. Tuy nhiên cả GV và HS đều gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các thông tin về nhu cầu thị trường lao động, sự phát triển kinh tế đất nước vì thiếu nguồn thông tin về những vấn đề này.

Như vậy, qua kết quả trên cũng cho thấy mục tiêu mà đạt được ở mức độ cao nhất là giải tỏa những khó khăn, lo lắng trong quá trình chọn nghề, điều này chứng tỏ một lần nữa ưu thế của tham vấn nghề trong quá trình GDHN.

2.2.2.3. Nội dung tham vấn nghề trong GDHN

GV đã thực hiện những nội dung tham vấn nghề ở mức độ nào, để tìm hiểu nội dung này, chúng tôi sử dụng câu hỏi 4 trong (phụ lục 1.2) dành cho GV. Kết quả được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.6. Mức độ thực hiện nội dung tham vấn nghề trong GDHN

STT	Nội dung tham vấn nghề	KV Nội thành		KV Ngoại thành		Tổng số	
		\overline{X}	TB	\overline{X}	TB	\overline{X}	TB
1	Trợ giúp HS giải tỏa những khó khăn, lo lắng, băn khoăn trong quá trình chọn nghề	4,39	1	4,36	1	4,35	1

2	Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích năng lực của bản thân	4,31	4	4,34	2	4,33	2
3	Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích sở thích, xu hướng nghề của bản thân	4,23	6	4,34	3	4,29	3
4	Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích tính cách của bản thân	4,34	2	4,33	4	4,27	4
5	Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích giá trị nghề của bản thân	4,21	8	4,23	5	4,22	5
6	Trợ giúp HS tìm những thông tin tuyển sinh ở các trường đại học, cao đẳng	4,29	5	4,10	6	4,20	7
7	Trợ giúp HS tìm thông tin về nghề, yêu cầu, đặc điểm của nghề từ nhiều nguồn khác nhau	4,22	7	4,03	9	4,12	8
8	Trợ giúp HS tìm những thông tin về nhu cầu thị trường lao động, tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	4,07	10	4,04	8	4,06	10
9	Trợ giúp HS xác định được mục tiêu nghề nghiệp và lập được kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai	4,20	9	4,00	10	4,10	9
10	Trợ giúp HS ra quyết định chọn nghề phù hợp	4,33	3	4,08	7	4,21	6
Tổng ĐTB		4,26		4,19		4,21	

Qua bảng 2.6, chúng tôi nhận thấy: GV thực hiện nội dung tham vấn nghề ở mức độ cao (ĐTB = 4,21). Những nội dung được thực hiện ở mức độ cao nhất đó là: *Trợ giúp HS giải tỏa những khó khăn, lo lắng, băn khoăn trong quá trình chọn nghề phù hợp* (thứ bậc 1). Mức độ thực hiện nội dung xếp ở vị trí thứ 2 đó là: *Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích đặc điểm bản thân như: năng lực, tính cách, sở thích, xu hướng nghề*. Theo như GV nhận định: “*HS có nhận thức được bản thân, hiểu được về chính các em thì các em mới có thể chọn được nghề phù hợp*” (Cô Kiều Thị M, trường THPT NT); “*Tôi nghĩ rằng HS phải hiểu về mình thì các em mới học tốt được và mới có thể chọn nghề phù hợp được*” (Trần Thị M, trường THPT PDP). Tuy nhiên khi được hỏi tiếp là các thầy cô thường hướng dẫn HS đánh giá phân tích đặc điểm bản thân các em bằng cách nào, thì đa phần GV đánh giá thông qua các giờ học trên lớp, chứ không hề có một phương tiện nào để thực hiện đánh giá các đặc điểm của HS. “*HS đánh giá về mình thường không đầy đủ, do đó qua quá trình giảng dạy, cũng như làm GV chủ nhiệm lớp, tôi hiểu được tính cách của từng em vì vậy trong quá trình giúp các em chọn nghề tôi thường phân tích rõ đặc điểm tính cách của các em đó*” (Cô Trần Thị Khánh L, trường THPT CBQ). Như vậy, với cách trả lời trên, chúng ta có thể hiểu rằng, GV chưa có cách thức,

phương tiện nào để giúp HS đánh giá chính bản thân các em, và GV không hướng dẫn HS tự đánh giá bản thân.

Những nội dung được thực hiện ở mức độ thấp nhất đó là: Trợ giúp HS tìm những thông tin về nhu cầu thị trường lao động, tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương (thứ bậc 10), lí do rất đơn giản mà các GV đưa ra đó là: không có thông tin nên việc này khó thực hiện.

So sánh sự đánh giá của GV KV nội thành và KV ngoại thành có sự khác nhau. Nhìn chung, GV KV nội thành đánh giá mức độ thực hiện các nội dung tham vấn nghề cao hơn (ĐTB=4,26) so với KV ngoại thành (ĐTB=4,19). Để lí giải điều này, chúng tôi trò chuyện với GV thì được biết là HS ở KV nội thành bạo dạn hơn, không nhút nhát, rụt rè như HS ở KV ngoại thành, do vậy việc các em chủ động đến gặp gỡ GV, nhờ GV tháo gỡ những khó khăn, nhờ sự giúp đỡ của GV trong việc tìm kiếm những thông tin liên quan đến nghề.

Qua trò chuyện, phỏng vấn với các GV, chúng tôi cũng nhận thấy giữa kết quả phỏng vấn và kết quả điều tra có sự khác biệt. Cụ thể: Với câu hỏi GV: Các thầy cô thường tham vấn cho học sinh những nội dung nào? Thì GV trả lời: “*Em HS nào đến gặp tôi nhờ giúp em đó nên chọn trường nào thì tôi đưa ra lời khuyên cho em đó*” và “*Những câu hỏi nào mà các thầy cô hay gặp nhất?*”; “*Câu hỏi mà HS thường hỏi là không biết mình nên lựa chọn ngành nghề nào, thi vào trường nào cho phù hợp*”. Mặt khác khi được hỏi về cách đánh giá năng lực, tính cách, sở thích của HS thì đa phần GV cho rằng đánh giá qua kinh nghiệm của bản thân cộng với việc hiểu các em trong hoạt động học tập cũng như các hoạt động khác.

Như vậy, với những nội dung mà GV đã thực hiện thì nội dung được thực hiện nhiều nhất đó là *Trợ giúp HS giải tỏa những khó khăn, lo lắng, băn khoăn trong quá trình chọn nghề*. Do đó có thể khẳng định đây chính là nội dung cơ bản của tham vấn nghề trong GDHN. Chúng ta đều biết rằng, đối với các con đường GDHN khác thì có thể giúp HS nhận thức và đánh giá bản thân, nâng cao hiểu biết về ngành nghề, nhưng còn việc giải tỏa những khó khăn, lo lắng của HS trong quá trình chọn nghề chỉ có con đường tham vấn nghề.

2.2.2.4. Hình thức tham vấn nghề trong GDHN ở THPT KV Hà Nội

Ở trường THPT, các thầy cô thường tham vấn cho HS với những hình thức nào? Để tìm hiểu nội dung này, chúng tôi sử dụng câu hỏi 5 (phụ lục 1.2) dành cho

GV. Kết quả được thể hiện như sau:

Bảng 2.7. Các hình thức tham vấn nghề trong GDHN

STT	Hình thức tham vấn nghề	KV Nội thành		KV Ngoại thành		Tổng số	
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	Tham vấn trực tiếp cá nhân	4,19	1	4,20	1	4,20	1
2	Tham vấn nhóm	3,91	4	3,88	4	3,89	4
3	Tham vấn tập thể thông qua các buổi đối thoại trực tiếp với HS	4,12	3	4,13	2	4,12	2
4	Tham vấn cá nhân qua điện thoại	3,90	5	3,68	5	3,79	5
5	Tham vấn cá nhân qua thư điện tử	4,13	2	3,91	3	4,02	3
ĐTB		3,21		3,12		3,16	

Qua bảng 2.7, cho thấy: GV đã thực hiện các hình thức tham vấn cho HS ở mức độ trung bình ($\text{ĐTB}=3,16$), trong đó hình thức mà GV thực hiện thường xuyên nhất đó là *Tham vấn trực tiếp cá nhân* (thứ bậc 1); Tiếp theo đó là *Tham vấn cá nhân qua thư điện tử* (thứ bậc 2), ở thứ bậc 3 là *Tham vấn tập thể thông qua các buổi đối thoại trực tiếp với HS* và ở mức độ hiếm khi là *Tham vấn cá nhân qua điện thoại* (thứ bậc 5). Qua trao đổi với GV, chúng tôi được biết: “Đa phần là HS đến hỏi trực tiếp về những khó khăn và chúng tôi có thể chia sẻ với các em và giúp các em giải tỏa những khó khăn đó. Bên cạnh đó, em nào ngại không dám hỏi thì các em hỏi qua điện thoại, còn lại các hình thức khác thì rất ít khi thực hiện” (Cô Trần Thị Thu H, trường THPT CBQ).

So sánh sự đánh giá của GV hai KV có sự khác nhau. GV KV nội thành đánh giá mức độ thực hiện các hình thức tham vấn thường xuyên hơn so với đánh giá của GV KV ngoại thành. Về thứ bậc các hình thức thực hiện thì cả GV KV nội thành và ngoại thành thống nhất trong đánh giá đó là: *Tham vấn trực tiếp cá nhân* (thứ bậc 1) và *Tham vấn nhóm* (thứ bậc 4); *Tham vấn cá nhân qua điện thoại* (thứ bậc 5).

Vậy GV đã tham vấn cho HS theo nhóm, theo cá nhân như thế nào? Qua trao đổi với GV đa phần GV được hỏi đều khẳng định rằng HS nào có vấn đề thì sẽ giúp các em giải quyết ngay trong giờ giải lao hoặc trong những giờ sinh hoạt. Hoặc có một nhóm HS kéo lên hỏi thì GV trả lời chung cho tất cả các em đó.

Như vậy, có thể khẳng định, việc thực hiện tham vấn với hình thức trực tiếp cá nhân vẫn là ưu thế hơn so với các hình thức khác. Đối với tham vấn nghề ngoài tham vấn trực tiếp cá nhân thì tham vấn theo nhóm cũng có những ưu thế của nó, bởi lẽ khi tham vấn nhóm thì nhóm sẽ là phương tiện, là công cụ thông qua đó mà nhà tham vấn thực hiện quá trình tham vấn của mình một cách tốt nhất. Các thành viên trong nhóm có thể chia sẻ những hiểu biết, những kinh nghiệm của bản thân với các thành viên khác, chính vì vậy mà thông qua đó các thành viên khác cũng học hỏi được những kinh nghiệm của bạn bè để có những suy nghĩ, cách thức giải quyết phù hợp nhất. Tuy nhiên với hình thức mà GV đã thực hiện như trên thì chúng ta thấy GV chưa thực hiện đúng kĩ thuật của tham vấn cho cá nhân và nhóm HS.

2.2.2.5. Những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề

Để tìm hiểu HS gặp phải những khó khăn nào trong quá trình chọn nghề, chúng tôi đã điều tra GV với câu hỏi 7 (Phụ lục 1.2) trong bảng hỏi dành cho GV. Và câu hỏi 2 (Phụ lục 1.1) trong phiếu hỏi dành cho HS. Kết quả như sau:

Bảng 2.8. Đánh giá của GV và HS về những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề

STT	Những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề	GV				HS			
		KV		Tổng		KV		Tổng	
		Nội thành	Ngoại thành			Nội thành	Ngoại thành		
		%	%	SL	%	%	%	SL	%
1	Khả năng tự đánh giá bản thân của HS còn hạn chế	100	100	217	100	84,10	92,43	1879	88,17
2	HS không biết mình phù hợp với ngành nghề nào	100	100	217	100	84,19	93,38	1890	88,69
3	Không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề	96,33	90,74	203	93,55	63,42	42,09	1129	52,98
4	HS không biết quyết định lựa chọn ngành nghề nào	87,16	86,11	188	86,64	62,32	58,39	1287	60,39
5	HS gặp khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin	77,98	83,33	175	80,65	62,41	72,00	1430	67,10
6	Hiểu biết về ngành nghề của HS còn hạn chế	69,72	75,93	158	72,81	74,72	88,21	1833	86,02
7	Hiểu biết về các trường đào tạo còn hạn chế	66,06	73,15	151	69,59	60,39	68,36	1370	64,29
8	Thiếu tài liệu liên quan đến chọn nghề	57,80	70,37	139	64,06	42,65	44,30	926	43,45

Từ sự đánh giá của GV và HS ở bảng trên, chúng ta nhận thấy HS gặp Những khó khăn chủ quan và những khó khăn khách quan như sau:

** Những khó khăn chủ quan*

Khả năng tự đánh giá bản thân của HS còn hạn chế (GV: 100%; HS: 88,17%)

Đây là một khó khăn cơ bản của HS trong quá trình chọn nghề. Các em không trả lời được câu hỏi: Khả năng của mình là gì? Tính cách của mình như thế nào? Và sở thích của mình ra sao? Qua trò chuyện với GV thì họ đều có sự nhận định: HS thường mơ hồ trong việc đánh giá bản thân mình. HS không biết mình có những sở thích gì, năng lực nổi trội. Và đối với sự nhận định của HS cũng vậy, các em rất lúng túng khi đánh giá bản thân mình.

Không biết mình phù hợp với ngành nghề nào (GV: 100%; HS: 88,69%)

Đây cũng là một trong những khó khăn phổ biến của HS, nhiều HS không biết mình phù hợp với ngành nghề nào, khó khăn này xảy ra khi các em không nhận thức được bản thân mình một cách rõ ràng, không có đầy đủ những thông tin về ngành nghề do vậy các em lúng túng trong việc lựa chọn nghề.

Không biết quyết định lựa chọn ngành nghề nào (GV: 86,64%; HS: 60,39%)

Khó khăn này thể hiện trong việc các em lúng túng khi đưa ra quyết định chọn nghề. Trong xã hội có rất nhiều nghề do vậy các em không biết lựa chọn nghề nào phù hợp với mình. HS thường có xu hướng băn khoăn giữa lựa chọn nghề theo sở thích và lựa chọn nghề theo khả năng. Hoặc những HS này thường tham khảo ý kiến của rất nhiều người, mỗi người lại đưa ra ý kiến riêng, ngành nghề riêng và ngành nghề nào cũng phù hợp. Do vậy HS rất khó khăn khi đưa ra quyết định chọn nghề nào cho mình. GV cho chúng tôi biết HS rơi vào những trường hợp này thì nghề gì cũng muốn chọn.

HS không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề (GV: 93,55%; HS: 52,98%)

Điều này cho thấy, cha mẹ ảnh hưởng không nhỏ đến sự lựa chọn nghề của các em. Sự ảnh hưởng này thể hiện ở hai mặt: Tích cực và tiêu cực. Ảnh hưởng tích cực ở chỗ: Cha mẹ là nguồn động viên con cái trong quá trình chọn nghề, định hướng ngành nghề cho con với khả năng hiểu biết của mình. Ảnh hưởng tiêu cực đó là: Cha mẹ thường bắt con lựa chọn nghề theo ý của cha mẹ, không cho con quyền quyết định. Do vậy dẫn đến mâu thuẫn trên. GV tâm sự: “*Có em HS đến nhờ tôi đến*

nhà thuyết phục bố mẹ để em đó có sự tự do, tôn trọng trong sự lựa chọn nghề”. Hoặc: “*Có những gia đình có nghề truyền thống, bố mẹ đều làm ngân hàng nên bắt con phải theo, nhưng HS đó lại rất đam mê và có khả năng về lĩnh vực nghệ thuật, cậu ta muốn theo con đường nghệ thuật nhưng bố mẹ nhất định không cho*”. Như vậy, yếu tố gia đình đặc biệt là ý muốn của cha mẹ áp đặt vào con cái là một trong những khó khăn trong sự lựa chọn nghề của HS, điều này dẫn đến sự buồn bực, bất an đối với các em HS, do vậy, khi biết được điều này, nhà tham vấn (GV) cần kịp thời tháo gỡ giúp HS, để các em có thể yên tâm trong học tập cũng như có những quyết định đúng đắn trong sự lựa chọn ngành, nghề. Vậy với những mâu thuẫn trên thì GV đã giải quyết theo cách nào? Khi trao đổi với GV thì được biết, đối với những trường hợp này thì các GV thường làm đó là an ủi, động viên em HS đó và khuyên em nên từng bước trao đổi với cha mẹ thì dần dần cha mẹ sẽ hiểu ra.

Kiến thức về ngành nghề của HS còn hạn chế (GV: 92,63%; HS: 64,29%)

HS chỉ hiểu biết về ngành nghề một cách khái quát, các em thật sự chưa đi sâu tìm hiểu đầy đủ về các ngành nghề. Qua trao đổi, GV cho chúng tôi biết HS chỉ biết đến ngành nghề một cách phiến diện, tức là các em biết là ngành nghề đó lương cao hay thấp, làm việc ở những nơi nào. Rất ít HS hiểu biết ngành nghề ở những khía cạnh khác như: yêu cầu, đòi hỏi của những ngành nghề đó.

Kiến thức về trường của HS còn hạn chế (GV: 79,72%; HS: 43,45%)

Kiến thức về trường bao gồm những rất nhiều thông tin, tuy nhiên HS chỉ hiểu biết các trường về chỉ tiêu tuyển sinh, điểm chuẩn, tỉ lệ cạnh tranh... Rất ít HS tìm hiểu những nội dung khác về trường như: môi trường học tập, học phí,....

** Những khó khăn khách quan*

HS gặp khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin (GV: 80,65%; HS: 67,10%)

Việc tìm kiếm thông tin đối với HS là tương đối khó khăn. Có những em không biết tìm thông tin ở đâu. Qua trao đổi thì hầu hết HS cho rằng thông tin trên mạng Internet rất khác nhau, do vậy HS không biết thông tin nào là đúng hay là sai. Những thông tin đó có đảm bảo sự chính xác, chân thực hay không? Và những thông tin đó được cập nhật từ bao giờ... Do vậy, việc tìm hiểu thông tin, lựa chọn thông tin và phân tích thông tin là một vấn đề tương đối phức tạp mà bản thân HS phải giải quyết.

Thiếu tài liệu, sách, thông tin liên quan đến chọn nghề (GV: 64,06%; HS: 86,02%)

Đây là khó khăn mà không chỉ có HS gặp phải mà ngay cả GV cũng thấy rằng thiếu tài liệu, sách, những thông tin liên quan đến ngành nghề cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn nghề của HS. HS chia sẻ với chúng tôi: *“Trường em thì hầu như không có tài liệu nào về vấn đề hướng nghiệp cho chúng em tham khảo cả. Trên thư viện có mỗi 3 cuốn Hoạt động GDHN trong trường THPT”*. Bên cạnh đó, thực tế trên thị trường, HS khó có thể tìm được nhiều tài liệu về hướng nghiệp, chọn nghề. Những thông tin về ngành nghề còn ít, mang tính chất đại khái, chung chung, những thông tin về nhu cầu thị trường lao động dường như rất ít và thiếu tính cập nhật.

Những khó khăn khác mà HS kể ra đó là: học tập kém nhưng ước mơ cao; không có những thông tin chính xác; không biết nghề đó sau 4 năm có phát triển không và cơ hội việc làm thế nào?; Cơ hội kiếm việc làm trong tương lai và nhu cầu của xã hội; Thiếu sự hướng dẫn nhiệt tình của GV.

Có sự khác nhau về đánh giá mức độ khó khăn giữa KV nội thành và KV ngoại thành. Cụ thể: đối với GV: GV KV ngoại thành đánh giá khó khăn cao hơn so với đánh giá của GV KV nội thành ở Kiến thức về ngành nghề; Kiến thức về các trường đào tạo; Khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin của HS. Qua trao đổi với GV, chúng tôi nhận định: HS nội thành có cơ hội tiếp xúc các thông tin một cách nhanh chóng hơn. Các em có điều kiện hơn so với các bạn ở ngoại thành, mỗi em đều có một chiếc máy tính cho riêng mình, điều này tạo điều kiện cho HS dễ dàng tiếp cận với thông tin liên quan đến việc lựa chọn ngành nghề. Tuy nhiên khó khăn HS *Không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề* thì ở KV nội thành có tỉ lệ cao hơn so với HS KV ngoại thành. Qua điều tra và trò chuyện với GV, chúng tôi được biết, vì HS KV nội thành đa số bố mẹ là cán bộ nhà nước, thậm chí có những gia đình bố mẹ là cán bộ cấp cao, có nhiều mối quan hệ, mặt khác cũng nhận thấy được sự khó khăn vất vả khi SV ra trường đi tìm việc, do đó họ thường yêu cầu con em mình phải nghe theo ý kiến của họ, không cho các em có quyền tự do quyết định. Còn ở các trường KV ngoại thành, đa phần HS là con em nông dân, sự hiểu biết của họ về ngành, nghề chưa nhiều, do đó họ cho tôn trọng ý kiến của con, họ chỉ mong sao con họ đỗ vào trường ĐH để sau này có việc làm ổn định, cuộc sống đỡ vất vả hơn;

Đối với HS: So sánh sự đánh giá của HS KV nội thành và KV ngoại thành thì đa phần HS KV ngoại thành gặp khó khăn nhiều hơn so với KV nội thành. Tuy nhiên có một khó khăn đó là *HS Không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề* thì HS KV nội thành lại chiếm tỉ lệ cao hơn. HS ngoại thành tâm sự: “*Bố mẹ làm nông nghiệp, nên mối quan hệ xã hội ít, do vậy bố mẹ em hoàn toàn ủng hộ quyết định của em, chỉ mong em làm sao đỡ được ĐH để thoát khỏi cái vất vả của nhà nông, vì vậy bố mẹ không gây áp lực gì cho em cả*”.

Như vậy, có thể khẳng định rằng HS đã gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình chọn nghề, những khó khăn chủ quan đó là khó khăn về tự nhận thức và đánh giá bản thân chưa tốt, hiểu biết về ngành, nghề còn hạn chế, khó khăn trong việc lựa chọn ngành, nghề, trường thi. Những khó khăn khách quan đó là thiếu tài liệu tham khảo, đặc biệt là mâu thuẫn giữa sự chọn nghề của cha mẹ với sự chọn nghề của con. Đây chính là những nguyên nhân dẫn đến việc lựa chọn nghề của HS không đạt như kết quả mong muốn.

2.2.2.5. Các bước tiến hành tham vấn nghề của GV ở các trường THPT KV Hà Nội

Nhằm tìm hiểu GV ở các trường THPT KV Hà Nội tiến hành tham vấn theo các bước như thế nào, chúng tôi sử dụng câu hỏi số 9 (Phụ lục 1.2). Kết quả tổng hợp cho thấy GV đã liệt kê những bước tiến hành tham vấn nghề chủ yếu theo những bước sau đây:

* Quy trình tham vấn nghề của nhóm GV 1 (KV nội thành có 95 GV (87,16%); KV ngoại thành có 90 GV (83,33%) cơ bản gồm 4 bước như sau:

Bước 1: Hỏi và lắng nghe HS trình bày vấn đề

Bước 2: Phân tích cho HS hiểu vấn đề

Bước 3: Đưa ra lời khuyên cho HS

Bước 4: Động viên HS

* Quy trình tham vấn nghề của nhóm GV 2 (KV nội thành có 5 GV (4,59%); KV ngoại thành có 5 GV (4,63%) với 5 như sau:

Bước 1: Trao đổi về những vướng mắc, khó khăn của HS

Bước 2: Đưa ra các phương án giải quyết cho HS để HS xem xét

Bước 3: Phân tích các phương án giải quyết cho HS hiểu rõ

Bước 4: Đưa ra lời khuyên cho HS

Bước 5: Động viên HS

* Quy trình tham vấn nghề của nhóm GV 3 (KV nội thành có 3 GV (2,75%); KV ngoại thành có 5 GV (4,63%) với 5 bước như sau:

Bước 1: Hỏi và lắng nghe HS trình bày vấn đề

Bước 2: Phân tích vấn đề của các em

Bước 3: Kể cho các em nghe tình huống tương tự

Bước 4: Đưa ra lời khuyên cho các em

Bước 5: Động viên, khuyến khích HS để các em không lo lắng

* Ngoài ra, một số GV khác đưa ra những quy trình 3 bước như:

Bước 1: Trao đổi với HS về vấn đề của các em

Bước 2: Phân tích, giải thích cho HS về vấn đề đó

Bước 3: Đưa ra lời khuyên cho HS

* Quy trình khác:

Bước 1: Hỏi cặn kẽ về vấn đề của các em và hỏi các em đã giải quyết như thế nào rồi

Bước 2: Phân tích, giải thích cho các em hiểu vấn đề

Bước 3: Đưa ra lời khuyên cho HS

Kết quả ở các bảng trên cho thấy, GV đã tiến hành tham vấn nghề cho HS theo nhiều cách khác nhau. Mỗi cách bao gồm các bước được sắp xếp theo trật tự tuyến tính và mang tính kinh nghiệm của các GV. Với các bước tham vấn này, GV cũng thể hiện được vai trò của nhà tham vấn là giúp HS giải quyết được những khó khăn chọn nghề bằng cách đưa ra lời khuyên cho các em dựa trên sự hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân. Nhìn vào các quy trình trên đều cho thấy rằng, GV và HS thiếu sự tương tác, trao đổi đặc biệt là GV không phát huy được vai trò trọng tâm của HS đúng với bản chất của tham vấn nghề, HS thụ động nghe theo sự phân tích và khuyên bảo của GV, thể hiện sự áp đặt một chiều từ phía GV. Với cách tham vấn này, GV không giúp được học sinh tự đánh giá năng lực, sở thích, tính cách của các em, trong khi đó việc lựa chọn nghề của HS lại rất cần đến vấn đề này.

Như vậy, cần phải có một quy trình khoa học với những hướng dẫn cụ thể cho các nhà tham vấn (GV) để họ có thể làm tốt được công việc này.

2.2.2.6. Bối cảnh tham vấn nghề

Kết quả tham vấn nghề có liên quan đến bối cảnh tham vấn. Các bối cảnh tham vấn nghề của GV các trường THPT KV Hà Nội được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2.9. Bối cảnh tham vấn nghề

STT	Bối cảnh tham vấn nghề	KV Nội thành		KV Ngoại thành		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Khi giáo viên cảm thấy cần thiết	53	48,62	63	58,33	116	53,46
2	Khi HS gặp khó khăn trong chọn nghề	49	44,95	44	40,74	94	43,32
3	Thường xuyên trong quá trình tổ chức các hoạt động ngoại khóa	40	36,70	34	31,48	74	34,10
4	Thường xuyên trong quá trình dạy học các môn học cơ bản	45	41,28	41	37,96	86	39,63
5	Thường xuyên trong dạy học môn Hoạt động giáo dục hướng nghiệp	64	58,72	69	63,89	133	61,29
6	Thường xuyên trong giờ sinh hoạt	48	44,04	55	50,93	103	47,47

Qua bảng trên cho thấy, GV đã thực hiện tham vấn nghề trong những con đường khác và khi HS có nhu cầu cũng như khi GV cảm thấy cần thiết. Trong đó GV thực hiện tham vấn nghề nhiều nhất là *Thông qua dạy học môn Hoạt động giáo dục hướng nghiệp* (61,29%); tiếp đó là *Khi giáo viên cảm thấy cần thiết* (53,46%); sáu đó là *Thường xuyên trong giờ sinh hoạt* (47,47%); Tuy nhiên, khi trao đổi với GV về việc GV đã tiến hành trong những con đường đó như thế nào thì GV trả lời như sau: “*Trong quá trình lên lớp dạy các em, có em nào thắc mắc thì tôi trả lời giải đáp luôn về vấn đề đó. Hoặc có em nào có khó khăn tôi cũng giúp các em giải quyết vấn đề của mình*” (Thầy Trần Văn Th, GV trường THPT NT). Hoặc: “*Các em HS hỏi gì thì tôi trả lời câu hỏi đó và nhắc nhở chung cả lớp, hoặc cả khối*” (Thầy Trần Văn L, trường THPT CBQ); “*Em nào có năng khiếu, nổi trội môn học nào thì tôi khuyên nên thi vào trường nào và ngành nghề đó*”. Tuy nhiên đây cũng là cách hiểu rất phiến diện, vì không phải cứ học giỏi môn nào thì sẽ thi vào trường có môn học đó. Đây là một trong những sai lầm khi HS chọn nghề. Thành tích cao trong các môn học không có nghĩa là các em sẽ có khả năng trong nghề mà các em lựa chọn, GV cần phải làm cho HS hiểu rằng muốn lựa chọn nghề không phải chỉ dựa vào khả

năng học các môn học như thế nào mà còn phụ thuộc vào sở thích, năng lực về nghề, những yêu cầu về tính cách đối với nghề....hoặc “*Thời điểm cần thiết nhất đó là đối với HS khối lớp 12, khi các em chuẩn bị đăng kí vào trường thi và chọn ngành nghề*”; hoặc “*Nói thực là khi nào chúng tôi giải quyết hết những công việc của lớp, của trường sau đó còn thời gian mới đề cập đến vấn đề hướng nghiệp cho HS*” và “*Chúng tôi chỉ tập trung nhiều hơn đối với khối lớp 12 khi các em cận kề với ngày đăng kí hồ sơ*”. Như vậy có nghĩa là đối với HS khối 10 và khối 11 chưa cần thiết để có thể tham vấn nghề cho các em. Cách hiểu này là chưa đúng vì HS càng được trang bị kiến thức, kĩ năng chọn nghề sớm bao nhiêu thì các em càng có sự lựa chọn nghề đúng đắn và phù hợp bấy nhiêu. Thời điểm mà HS bắt đầu đăng kí ngành nghề, trường thi vào cuối tháng 3 và đầu tháng 4. Tuy nhiên với thời điểm này HS có được lời khuyên chọn nghề, chọn trường từ GV là tương đối muộn vì các em không có thời gian để tìm hiểu kĩ về nghề về trường mà các em đã lựa chọn.

Tham vấn *Khi HS gặp khó khăn trong quá trình chọn nghề* (43,32%). Như vậy, khi nào HS có những vướng mắc và nhờ GV giúp đỡ thì họ mới giúp HS giải quyết những vướng mắc đó và đồng thời cho các em lời khuyên trong sự lựa chọn nghề. Với nội dung này, chúng tôi trao đổi với GV thì được biết HS hay đến hỏi những vấn đề như: sở thích của em là ở ngành, nghề này nhưng bố mẹ lại bắt thi vào ngành, nghề khác hoặc đa phần HS không biết mình phù hợp với ngành nghề nào? Qua đây, cũng có thể cho thấy nhu cầu tham vấn của HS là tương đối cao. Tuy nhiên các em mới chỉ dừng lại ở mong muốn giải quyết được mâu thuẫn giữa cha mẹ và con, chứ chưa hướng đến hình thành năng lực chọn nghề cho bản thân.

So sánh sự đánh giá của GV KV Nội thành và KV Ngoại thành có sự khác nhau. Với thời điểm tham vấn nghề *Khi GV cảm thấy cần thiết, Thường xuyên trong quá trình tổ chức các hoạt động ngoại khóa và Thường xuyên trong quá trình dạy học các môn học cơ bản* thì ở KV Nội thành có sự đánh giá cao hơn. Còn đối với những thời điểm *Khi HS gặp khó khăn trong chọn nghề, Thường xuyên trong dạy học môn Hoạt động GDHN và Thường xuyên trong giờ sinh hoạt* thì đánh giá của GV KV Ngoại thành cao hơn.

Ngoài những thông tin trên mà chúng tôi đưa ra, thì không có một ý kiến nào khác về nội dung này.

Như vậy, có thể khẳng định, mặc dù tham vấn nghề là một con đường độc lập nhưng nó có thể được thực hiện đan xen vào những hoạt động khác và những con đường GDHN khác và đây cũng chính là một trong những ưu thế của tham vấn nghề. Tuy nhiên với cách thức mà GV thực hiện chúng ta có thể thấy rằng GV tham vấn nghề cho HS mang tính tự phát, họ tham vấn theo cách hiểu riêng của họ, với tư cách là một người giải đáp thắc mắc, đưa ra lời khuyên cho HS, chứ không phải là người định hướng, hướng dẫn để các em tự đưa ra những cách giải quyết của bản thân.

2.2.2.7. Kết quả chọn nghề của HS

Từ cách hiểu của GV về tham vấn nghề, cũng như những mục tiêu, nội dung tham vấn nghề mà GV đã thực hiện, với những cách thức mà GV giải quyết khó khăn cho HS thì HS có những kết quả như thế nào trong quá trình chọn nghề. Tuy nhiên để thấy được đây có đúng là kết quả của tham vấn nghề hay là kết quả của cả quá trình GDHN thì chúng tôi đã chọn ra những HS đã từng được GV tham vấn nghề để so sánh với những HS không được tham vấn nghề. Trong tổng số 2131 HS thì có 429 HS đã từng được GV tham vấn nghề.

Để tìm hiểu kết quả chọn nghề của HS, chúng tôi sử dụng câu hỏi 5 (Phụ lục 1.1). Kết quả được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2.10. Kết quả chọn nghề của HS được tham vấn

STT		Không chọn được nghề		Chọn được nghề	
		SL	%	SL	%
KV	Nội thành	37	15,29	205	84,71
	Ngoại thành	42	22,46	145	77,54
Khối lớp	10	8	30,77	18	69,23
	11	17	19,32	71	80,68
	12	54	17,14	261	82,86
Tổng số		79	18,41	350	78,09

Trong tổng số 429 HS được GV tham vấn nghề thì có 350 (78,09%) HS chọn được nghề và 79 (18,41%) chưa chọn được nghề.

So sánh sự chọn nghề giữa các KV nội thành và ngoại thành, giữa các khối lớp và giữa nam và nữ, giữa học lực của HS thì nhận thấy có sự khác nhau đó là:

HS KV nội thành chọn được nghề cao hơn so với HS KV ngoại thành (nội thành: 84,71%; ngoại thành: 77,54%); Qua điều tra, quan sát và trò chuyện với HS và với GV chúng tôi nhận thấy HS KV nội thành có điều kiện tiếp xúc và cập nhật

thông tin thuận lợi hơn so với KV ngoại thành. Bởi vì mỗi em HS KV nội thành đều có một chiếc máy tính, đây chính là một trong những kênh để các em truy cập thông tin nhanh nhất. Bên cạnh đó, việc các em tìm các tài liệu tham khảo về ngành nghề cũng dễ dàng, thuận lợi hơn so với HS ngoại thành.

HS khối lớp 12 chọn được nghề cao hơn so với các khối lớp khác (Khối 12: 82,86%; Khối 11: 80,68%; Khối 10: 69,23%). Điều này là hoàn toàn hợp lí, vì đối với HS lớp 12, sắp tốt nghiệp và sắp phải đăng kí hồ sơ dự thi, do vậy các em cần phải lựa chọn được cho mình một nghề nhất định, chính vì lẽ đó mà HS lớp 12 chọn được nghề có tỉ lệ cao hơn so với HS các khối lớp khác. Bên cạnh đó, nhu cầu chọn nghề của HS lớp 12 so với các lớp khác cao hơn rất nhiều, ý thức về nghề nghiệp và sự chuẩn bị cho cuộc sống tương lai của các em là một nhu cầu cấp bách.

Qua kết quả trên cho thấy: Những HS này đã được GV tham vấn nghề nhưng kết quả chưa thật sự tốt. Không phải HS nào được tham vấn nghề cũng đều chọn được nghề. Nhiều em, vẫn chưa chọn được nghề. Mặt khác, một số em chọn được nghề nhưng đưa ra tên nghề không chính xác và không cụ thể, mơ hồ về các ngành, nghề mình chọn, như: Kỹ sư, Quân sự, Thiết kế... Qua thống kê số liệu thì chúng ta có: Tỉ lệ HS chọn nghề GV cao nhất: chiếm tỉ lệ 14,21%, Bác sĩ (7,69%); Kế toán (7,23%); Công an và Kinh doanh (4,2%).... (phụ lục 4.2)

Khi được hỏi lí do vì sao chọn nghề đó thì có: 236 (55%) HS không đưa ra được lí do; 54 HS (12,59%) chọn nghề vì Sở thích; 24 HS (5,59%) vì do gia đình; 16 HS (3,73%) chọn nghề vì phù hợp với khả năng; 9 HS (2,1%) chọn nghề vì kiếm được nhiều tiền; 6 HS (1,40%) chọn nghề vì nghề đó có ý nghĩa; 3 HS (0,7%) chọn nghề vì được đi nhiều nơi; 2 HS (0,47%) chọn nghề vì vừa phù hợp khả năng vừa phù hợp với sở thích; 2 HS (0,47%) chọn nghề vì phù hợp với nhu cầu của XH.

Điều này cho thấy, mặc dù được tham vấn nghề với của GV nhưng khi các em đặt bút chọn nghề các em vẫn bị lung lay bởi nhiều lí do khác nhau. Do vậy, ở thời điểm này, HS thật sự phải có sự hiểu biết đầy đủ về bản thân mình, hiểu rõ về ngành, nghề, trường đào tạo và như vậy HS mới có đủ tự tin để đưa ra sự lựa chọn ngành, nghề đúng đắn và phù hợp.

2.2.2.8. Khả năng nhận thức và đánh giá bản thân của HS

Để tìm hiểu khả năng nhận thức và đánh giá bản thân của HS, chúng tôi tìm hiểu qua câu hỏi số 4 (phụ lục 1.1), kết quả thu được thể hiện ở bảng 2.11 dưới đây:

Bảng 2.11. Khả năng nhận thức và đánh giá bản thân của HS

STT	Khả năng nhận thức và đánh giá bản thân	KV				Khối lớp						Tổng	
		Nội thành		Ngoại thành		10		11		12			
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	Khả năng đánh giá năng lực bản thân	2,33	3	2,29	2	1,85	3	2,10	1	2,41	3	2,31	3
2	Khả năng đánh giá tính cách bản thân	2,45	1	2,19	3	1,88	2	2,09	2	2,44	2	2,34	2
3	Khả năng đánh giá sở thích, hứng thú của bản thân	2,41	2	2,49	1	2,08	1	2,10	1	2,57	1	2,45	1
ĐTB		2,40		2,32		1,94		2,10		2,48		2,37	

Theo kết quả bảng 2.11 cho thấy khả năng đánh giá bản thân của HS đạt ở mức độ thấp (ĐTB=2,37).

Trong đó Khả năng đánh giá về sở thích, hứng thú ở mức độ cao hơn cả tiếp sau đó đến Khả năng đánh giá tính cách của bản thân và cuối cùng là Khả năng đánh giá năng lực của bản thân.

So sánh sự đánh giá của HS KV nội thành và HS KV ngoại thành thì có sự khác nhau, đánh giá của HS KV nội thành cao hơn so với HS KV ngoại thành ở hai khả năng đó là *Khả năng đánh giá năng lực bản thân* và *Khả năng đánh giá tính cách bản thân*.

So sánh các khối lớp, cũng có sự khác nhau giữa các khối lớp và khối lớp 12 có những khả năng này cao hơn hẳn so với HS khối 11, HS khối 10. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy bởi vì HS khối 12 đánh giá bản thân là điều quan trọng trong quá trình chọn nghề. Điều này phù hợp với sự phát triển tâm lí lứa tuổi. HS khối 12 có sự nhận thức về bản thân cao hơn, rõ ràng hơn so với HS các khối khác. HS khối 12 có Ý thức về “cái Tôi”; Ý thức về những thuộc tính và phẩm chất tâm lí của bản thân cao hơn so với HS khối lớp 10 và khối lớp 11. Đồng thời với việc đáp ứng nhu cầu lựa chọn ngành, nghề phù hợp với bản thân, HS khối 12 tích cực hơn trong việc nhận thức và đánh giá chính bản thân mình, và đó là lí do các em hiểu rõ về mình hơn.

Như vậy, qua kết quả trên chúng ta khẳng định khả năng đánh giá về bản thân của HS không tốt mặc dù các em đã được GV tham vấn nghề. Điều này cho thấy hoạt động tham vấn GV đã thực hiện chưa mang lại hiệu quả cao.

2.2.2.9. Hiểu biết về nghề mà HS đã lựa chọn

Để khẳng định thực trạng chọn nghề của HS ở trên, chúng tôi điều tra sự hiểu biết về ngành, nghề mà các em đã chọn ở mức độ nào. Chúng tôi sử dụng câu hỏi 6 (phụ lục 1.1) trong phiếu dành cho HS. Kết quả này phải thể hiện được sự hiểu biết của HS về ngành nghề mà HS lựa chọn và sự phù hợp giữa ngành nghề đó với đặc điểm cá nhân HS. Kết quả ở đây chúng tôi chỉ xử lý số liệu của các em HS đã chọn được nghề trong quá trình tham vấn nghề (350/429). Kết quả được thể hiện ở bảng 2.12 dưới đây:

Bảng 2.12. Hiểu biết về nghề mà HS đã lựa chọn

STT	Hiểu biết về ngành, nghề	KV				Khối lớp						Tổng	
		Nội thành		Ngoại thành		10		11		12			
			TB		TB		TB		TB		TB		TB
1	Năng lực, phẩm chất cần có của nghề	2,41	2	2,42	2	2,09	4	2,46	2	2,7	1	2,41	2
2	Đặc điểm của ngành nghề	2,24	3	2,09	5	2,04	5	2,18	5	2,26	5	2,16	5
3	Công việc cụ thể của nghề	2,39	4	2,31	3	2,32	1	2,41	3	2,33	3	2,35	3
4	Nơi làm việc sau này của nghề	2,49	1	2,44	1	2,28	2	2,5	1	2,62	2	2,46	1
5	Những trường đào tạo nghề	2,24	3	2,21	4	2,1	3	2,3	4	2,28	4	2,23	4
ĐTB		2,35		2,29		2,17		2,37		2,44		2,32	

Nhìn vào bảng 2.12 chúng ta thấy hiểu biết của HS về nghề mà các em đã lựa chọn ở mức thấp (ĐTB = 2,32), Cụ thể: Thông tin mà các em chỉ ra được ở mức cao nhất, xếp vị trí thứ 1 đó là: Ở vị trí thứ 1 đó là *Nơi làm việc sau này của nghề* (ĐTB = 2,46); Ở vị trí thứ 2 là *Năng lực cần có của nghề* (ĐTB = 2,41); Vị trí thứ 3 là *Những công việc cụ thể của nghề* đó (ĐTB = 2,35); Ở vị trí thứ 4 đó là: *Những phẩm chất cần có của nghề* (ĐTB = 2,23); Vị trí thứ 5 là *Đặc điểm của ngành nghề* (ĐTB = 2,16). Có sự đánh giá cao hơn ở những tiêu chí như: Nơi làm việc sau này của nghề hoặc những công việc của nghề, ... thì hầu hết HS nào cũng có thể tìm được ở trên mạng hoặc ở trong cuốn *Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ* hàng năm của Bộ GD & ĐT. Tiêu chí mà HS đánh giá ở mức độ thấp nhất đó là *Đặc điểm của ngành nghề*, chúng ta đều biết khi nói đến đặc điểm của ngành nghề thì có nhiều nội dung như: mục đích của

ngành nghề, công cụ, đối tượng, nội dung lao động của ngành nghề đó. Với những nội dung này, HS khó có thể tìm được thông tin một cách đầy đủ nhất.

So sánh giữa KV nội thành và KV ngoại thành thì HS KV nội thành có sự hiểu biết ở mức độ cao hơn so với HS KV ngoại thành (KV nội thành ĐTB = 2,35; KV ngoại thành ĐTB = 2,29); HS khối 12 có hiểu biết về nghề cao hơn so với HS các khối 11 và 10 (Khối 12: ĐTB = 2,44; Khối 11: ĐTB = 2,37; Khối 10: ĐTB = 2,17). Đa phần có sự thống nhất trong đánh giá các thứ bậc giữa KV, giữa các khối lớp. Sở dĩ có sự khác nhau giữa KV nội thành và KV ngoại thành, qua quan sát và trò chuyện với GV và HS cho thấy HS KV nội thành có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp xúc những thông tin liên quan đến quá trình chọn nghề. Và đối với HS lớp 12 thì việc tìm hiểu ngành, nghề của các em là một nhu cầu tất yếu. Tuy nhiên việc hiểu biết này ở mức độ không cao hơn so với HS khối 11 và khối 10.

Như vậy, qua bảng trên có thể khẳng định mặc dù GV có thực hiện tham vấn nhưng chưa đem lại hiệu quả, HS vẫn lúng túng trong sự lựa chọn nghề. Có những em chọn được nghề nhưng hiểu biết về nghề mình chọn còn hạn chế, thậm chí có những em chỉ chọn nghề đó thôi mà không hiểu nghề đó như thế nào. Qua phỏng vấn HS, chúng tôi được biết: “*Em nghe nói nghề này sau này ra trường xin được việc dễ dàng hơn so với các nghề khác nên em chọn chứ em cũng chưa hiểu nhiều về nghề này lắm*” (Trần Thị Th- trường THPT NT – chọn nghề Kế toán); Hoặc: “*Em chỉ biết là nghề này sau này kiếm được nhiều tiền, còn tìm hiểu về nó thì em chưa tìm hiểu kỹ lắm, nhưng em thích kiếm được nhiều tiền*” (Nguyễn Văn L, trường THPT CBQ – chọn nghề Kiểm toán).

2.2.2.10. Hiểu biết về trường mà HS đã lựa chọn

Để tìm hiểu nội dung này, chúng tôi sử dụng câu hỏi 8 (phụ lục 1.1) trong phiếu hỏi dành cho HS. Kết quả thể hiện ở bảng 2.13 dưới đây:

Bảng 2.13. Hiểu biết về trường đào tạo mà HS đã lựa chọn

STT	Hiểu biết về trường đào tạo	KV				Khối lớp						Tổng	
		Nội thành		Ngoại thành		10		11		12			
			TB		TB		TB		TB		TB		TB
1	Tỉ lệ cạnh tranh của trường	0,83	1	0,85	1	0,57	2	0,86	1	1,09	3	0,84	1
2	Điểm chuẩn của trường	0,82	2	0,82	3	0,51	3	0,81	3	1,16	2	0,82	3
3	Điểm chuẩn của ngành	0,57	4	0,50	5	0,31	5	0,48	5	0,57	5	0,54	5

4	Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, nghề	0,69	3	0,68	4	0,73	1	0,57	4	0,71	44	0,69	4
5	Chỉ tiêu của trường	0,83	1	0,84	2	0,48	4	0,85	2	1,18	1	0,84	1
ĐTB		0,75		0,74		0,52		0,71		0,94		0,75	

Qua bảng 2.13, cho thấy: HS có sự hiểu biết về trường là rất thấp với ĐTB=0,75. Một số HS chỉ liệt kê được điểm chuẩn của trường, còn điểm chuẩn của ngành thì hầu như các em không chỉ ra được. Tại sao kết quả hiểu biết về trường lại thấp như vậy? Thời điểm mà chúng tôi điều tra là cuối học kì 1, do đó đối với các HS khối lớp 11, 10 do nhu cầu chưa cấp bách do vậy các em không để ý đến những thông tin này, hoặc có để ý nhưng khi yêu cầu liệt kê chính xác thì các em liệt kê sai. Còn đối với HS khối 12, qua trao đổi HS đều cho biết là các em chỉ nhớ mang máng, không nhớ một cách tuyệt đối về những tiêu chí mà chúng tôi đưa ra. Vì vậy kết quả cho thấy hiểu biết về trường dự định thi của các em là rất thấp.

So sánh sự hiểu biết của HS KV nội thành và KV ngoại thành dường như có sự tương đương, nếu có khác biệt thì sự khác biệt này là không đáng kể. So sánh sự hiểu biết của HS các khối lớp thì chúng ta thấy có sự khác biệt. HS khối 12 có hiểu biết về trường cao hơn so với HS khối 11 và khối 10. HS khối 11 có hiểu biết cao hơn so với khối 10.

Tuy nhiên để tìm hiểu ngoài những thông tin mà chúng tôi đã liệt kê ra, thì HS cần phải tìm hiểu thêm những thông tin nào nữa về các trường thì rất ít HS trả lời được những thông tin đó là: Môi trường học tập của trường, Ưu đãi của trường; Học phí của trường,....

Như vậy, qua thực trạng trên cho thấy, hoạt động GDHN nói chung và hoạt động tham vấn nghề nói riêng trong nhà trường THPT hiện nay chưa mang lại hiệu quả. Vậy nguyên nhân nào ảnh hưởng đến kết quả đó? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu những nguyên nhân đó ở nội dung sau đây.

2.3. NHỮNG NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

2.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến tham vấn nghề ở THPT KV Hà Nội

Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi sử dụng câu hỏi số 10 (Phụ lục 1.2) trong phiếu hỏi dành cho GV, kết quả được tổng kết trong bảng dưới đây:

Bảng 2.14. Các yếu tố ảnh hưởng đến tham vấn nghề

STT	Các yếu tố ảnh hưởng đến tham vấn nghề	KV Nội thành		KV Ngoại thành		Tổng số	
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo về hoạt động tham vấn nghề	2,84	7	3,05	5	2,95	5
2	Sự hợp tác của cha mẹ với nhà tham vấn trong quá trình tham vấn nghề cho HS	3,61	4	3,73	3	3,67	4
3	Kinh phí dành cho tham vấn nghề	2,89	6	2,93	6	2,91	6
4	Cơ sở vật chất dành cho tham vấn nghề	2,96	5	2,83	7	2,90	7
5	Cơ chế chính sách của nhà nước về tham vấn nghề	2,63	10	2,54	10	2,59	10
6	Nhận thức của GV về tham vấn nghề	3,85	3	3,61	4	3,73	3
7	Khả năng tìm hiểu đặc điểm tâm lí HS	2,78	8	2,79	8	2,78	8
8	Nhu cầu tham vấn của HS	2,71	9	2,57	9	2,64	9
9	Kĩ năng của GV trong việc sử dụng các công cụ đánh giá các đặc điểm tâm lí cho HS	4,06	2	4,16	2	4,11	2
10	Kĩ năng tham vấn nghề của GV	4,09	1	4,19	1	4,14	1
ĐTB		3,24		3,24		3,24	

Qua kết quả bảng 2.14, có thể thấy GV đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố đến tham vấn nghề ở mức độ trung bình (ĐTB=3,24). Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó được xếp theo thứ tự giảm dần như sau:

Thứ nhất, *Kĩ năng tham vấn nghề của GV* (ĐTB=4,14). Đây chính là yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quá trình tham vấn nghề cho HS. Trong quá trình tham vấn, GV cần phải có các kĩ năng như: kĩ năng lắng nghe, kĩ năng đặt câu hỏi, kĩ năng thấu cảm, kĩ năng diễn giải.

Thứ hai, *Kĩ năng của GV trong việc sử dụng các công cụ đánh giá các đặc điểm tâm lí* cho HS (ĐTB=4,11);

Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu với một số GV đã thực hiện tham vấn nghề cho HS ở các trường THPT KV Hà Nội, được biết 100% ý kiến đều cho rằng kĩ năng tham vấn của họ còn nhiều hạn chế: chủ yếu việc tham vấn còn chưa đồng bộ, riêng lẻ, chưa tuân thủ theo một quy trình

tham vấn chung, kỹ năng sử dụng các công cụ đánh giá HS còn có những hạn chế nhất định.

Thứ ba, *Nhận thức của GV về tham vấn nghề* (ĐTB=3,73): Ở đây khi nói đến nhận thức của GV về tham vấn nghề tức là hiểu biết của GV về hoạt động tham vấn này có ý nghĩa như thế nào? Hiểu biết về hoạt động này ra sao. Với những kết quả nghiên cứu hiểu biết của GV về tham vấn nghề và thông qua sự trao đổi thì GV chúng ta nhận thấy GV chưa có những hiểu biết đúng về tham vấn nghề. Do vậy yếu tố này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động tham vấn nghề cho HS

Thứ tư, *Sự hợp tác của cha mẹ với nhà tham vấn trong quá trình tham vấn nghề cho HS* (ĐTB=3,67). Bởi lẽ sự lựa chọn ngành, nghề của HS THPT hiện nay chịu sự chi phối, áp đặt của cha mẹ trong sự lựa chọn ngành, nghề. Với tâm lý muốn con theo đuổi những ngành nghề truyền thống của gia đình, muốn con chọn ngành, nghề mà bố mẹ có thể xin việc được cho con ở những nơi làm tốt nhất, muốn con lựa chọn ngành, nghề sau này có thu nhập cao... những mong muốn đó của bố mẹ không phù hợp với bản thân HS thì sẽ trở thành những cản trở, những khó khăn trong quá trình chọn nghề của các em. Chính vì lẽ đó mà ảnh hưởng không nhỏ quá trình tham vấn nghề cho HS có hiệu quả.

Bên cạnh đó, một yếu tố cũng không thể không nhắc đến đó là: Nhu cầu tham vấn của HS. Mặc dù theo như đánh giá của GV thì nhu cầu tham vấn của HS là không lớn, tuy nhiên trong thực tế chọn nghề thì HS gặp rất nhiều những khó khăn. Nhưng tại sao GV lại đánh giá nhu cầu của các em là không lớn bởi lẽ chúng ta nhận thấy một điều rằng đặc điểm tâm lý của HS đó là khi gặp khó khăn thường tự mình giải quyết dựa trên kinh nghiệm cá nhân, hoặc nhờ những người thân cận, bạn bè, hơn là nhờ đến sự giúp đỡ của thầy cô, nhờ sự giúp đỡ của các chuyên gia.

Với kết quả trên có thể thấy rằng nguyên nhân dẫn đến kết quả tham vấn nghề của GV chưa được như mong muốn là do kỹ năng tham vấn nghề của GV THPT chưa tốt, kỹ năng của GV trong việc sử dụng các công cụ đánh giá các đặc điểm tâm lý cho HS vẫn còn hạn chế. Như vậy, cần phải có biện pháp nâng cao các kỹ năng này cho GV nhằm nâng cao kết quả tham vấn nghề ở THPT.

Với kết quả nghiên cứu này, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu những khó khăn trong việc tổ chức tham vấn nghề ở các trường THPT để khẳng định thêm nguyên nhân dẫn tới kết quả tham vấn nghề hiện nay ở các trường THPT Hà Nội.

2.3.2. Những khó khăn khi tổ chức tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội

Chúng tôi sử dụng câu hỏi số 11 (Phụ lục 1.2) trong phiếu hỏi dành cho GV để tìm hiểu vấn đề này, kết quả được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2.15. Những khó khăn khi tổ chức tham vấn nghề

STT	Những khó khăn khi tổ chức tham vấn nghề	KV				Tổng số	
		Nội thành		Ngoại thành			
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	Thời lượng dành cho hoạt động hướng nghiệp còn ít	4,14	5	4,27	4	4,10	5
2	Kỹ năng tham vấn nghề của GV còn hạn chế	4,47	3	4,63	2	4,53	2
3	HS chưa chủ động tìm đến GV để tham vấn nghề	3,51	7	3,56	7	3,81	7
4	Thiếu tài liệu cho hoạt động tham vấn nghề	2,64	8	2,65	8	2,89	8
5	Thiếu chuyên gia tham vấn nghề trong trường	4,69	1	4,74	1	4,67	1
6	Hiểu biết về tham vấn nghề còn hạn chế	4,55	2	4,36	3	4,38	3
7	Chưa có sự đầu tư cho hoạt động tham vấn nghề trong các trường THPT	3,75	6	3,82	6	3,84	6
8	Chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện hoạt động tham vấn nghề hiệu quả	4,17	4	4,19	5	4,18	4
Tổng		3,99		4,03		4,05	

Với kết quả ở bảng trên cho thấy có nhiều khó khăn khi các trường THPT Hà Nội tổ chức tham vấn nghề cho HS. Có 4 khó khăn với tỷ lệ cao nhất được xếp theo thứ tự giảm dần, đó là:

Thứ nhất, *Thiếu chuyên gia tham vấn nghề trong nhà trường THPT KV Hà Nội* (ĐTB=4,67);

Thứ hai, *Kỹ năng tham vấn nghề của GV còn hạn chế* (ĐTB=4,53);

Thứ ba, *Hiểu biết về tham vấn nghề còn hạn chế* (ĐTB=4,38);

Thứ tư, *Chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện hoạt động tham vấn nghề hiệu quả* (ĐTB=4,18);

Như ở trên đã khẳng định, chính những hiểu biết hạn chế về tham vấn nghề, hạn chế về kỹ năng trong quá trình tham vấn là những khó khăn lớn nhất ảnh hưởng tới kết quả tham vấn nghề. Đặc biệt trong nội dung này, chúng ta thấy một khó khăn mà GV cũng đánh giá ở mức độ cao đó là *Chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện*

hoạt động tham vấn nghề hiệu quả. Điều này cho thấy, để thực hiện tham vấn nghề hiệu quả thì cần phải có sự hướng dẫn cụ thể thông qua quy trình cụ thể.

Căn cứ vào kết quả này, chúng tôi tiếp tục trò chuyện với các cán bộ quản lý, các giáo viên đã thực hiện tham vấn nghề ở một số trường THPT KV Hà Nội. Kết quả cho thấy: 97% các cán bộ quản lý cho rằng sở dĩ nhà trường không tổ chức thường xuyên hoạt động tham vấn là do thiếu các chuyên gia tham vấn nghề, quan trọng hơn cả là kỹ năng tham vấn nghề của GV còn những hạn chế nhất định và chưa có những tài liệu hướng dẫn cụ thể để có thể giúp GV thực hiện được hoạt động này một cách tốt nhất. Kết hợp với những khó khăn khác nêu trên, có thể khẳng định rằng đây là những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả tham vấn nghề chưa được như mong muốn ở các trường THPT KV Hà Nội.

2.3.3. Biện pháp khắc phục khó khăn

Với câu hỏi mở: Theo các thầy/cô giáo, để nâng cao chất lượng tham vấn nghề trong GDHN ở trường THPT thì cần có những biện pháp gì? Các câu trả lời của GV được chúng tôi thống kê và kết quả thể hiện như sau:

- Có 100% GV cho rằng cần tăng thời lượng cho môn GDHN ở các trường THPT thành phố Hà Nội từ một tiết/1 tháng một tiết/1tuần

- Có 100% GV cho rằng cần phải có một phòng tham vấn và có một chuyên gia tham vấn học đường. Nhà tham vấn này có thể tham vấn về học tập, về tình cảm và tham vấn nghề cho HS.

- 95,39% GV cho rằng cần phải có tài liệu hướng dẫn một cách cụ thể, khoa học để thực hiện hoạt động tham vấn nghề trong nhà trường.

- Có 90,2% ý kiến cho rằng cần nâng cao trách nhiệm của cán bộ, GV đặc biệt là GV chủ nhiệm về công tác GDHN và tham vấn nghề; GV nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc tham vấn nghề đối với việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai của HS thông qua việc tổ chức các hội thảo, các hoạt động GDHN và các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp GV và HS thay đổi quan niệm về vai trò của tham vấn nghề trong GDHN ở THPT

- Có 83,48% GV cho rằng cần bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng tham vấn nghề cho GV: Các kỹ năng của một nhà tham vấn, kỹ năng sử dụng các trắc nghiệm tâm lý về tích cách, năng lực, sở thích... để đánh giá sự phù hợp giữa các mặt tâm lý đó của HS đối với ngành nghề HS nên lựa chọn; kỹ năng phát hiện các vấn đề của HS trong

quá trình tham vấn; kỹ năng hướng dẫn HS tự đánh giá bản thân; kỹ năng giúp HS tìm kiếm thông tin về ngành nghề đào tạo; kỹ năng hướng dẫn HS lập kế hoạch nghề nghiệp tương lai. Đây là biện pháp quan trọng nhất để nâng cao kết quả tham vấn nghề vì biện pháp này giúp khắc phục được những khó khăn lớn nhất, căn bản nhất và chủ yếu nhất trong quá trình tổ chức tham vấn nghề hiện nay ở các trường THPT KV Hà Nội.

- Có 75,51% GV cho rằng cần tăng đầu tư cho GDHN: đầu tư về tài liệu về tham vấn nghề; đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho tham vấn nghề như: có chế độ bồi dưỡng cho các GV phổ thông thực hiện tham vấn nghề cho HS; tăng cường các trắc nghiệm tâm lý; các phương tiện kỹ thuật nghe nhìn, phòng tham vấn nghề...

- Nhà trường cần chủ động phối hợp với gia đình và các tổ chức xã hội- nghề nghiệp để cùng thống nhất trong việc giáo dục định hướng giá trị nghề nghiệp cho HS cũng như nâng cao kết quả tham vấn nghề cho các em (67,62%)

- Cần có sự phối hợp giữa GV chủ nhiệm và GV bộ môn trong công tác GDHN và tham vấn nghề cho HS (55,85%)

- GV cần phải thường xuyên tự mình cập nhật thông tin về GDHN và tham vấn nghề (55,34%)

- Tổ chức cho HS tham quan thực tế các trường đại học, các cơ sở sản xuất, các cơ quan (66,74%)

Từ thực trạng trên cho thấy còn nhiều bất cập và tồn tại trong công tác GDHN nói chung và tham vấn nghề nói riêng. Để khắc phục những tồn tại trên, nhất thiết chúng ta phải có những biện pháp GDHN hợp lí, và một trong những biện pháp chúng tôi hướng tới đó là tổ chức GDHN cho HS thông qua tham vấn nghề trong đó xây dựng quy trình hoạt động tham vấn nghề là một việc làm cần thiết.

Kết luận chương 2

1. Hiện nay trong nhà trường THPT KV Hà Nội, GDHN đã được thực hiện và được thực hiện ở mức độ thường xuyên thông qua các con đường cơ bản sau: Thông qua giảng dạy các môn khoa học cơ bản; thông qua Hoạt động GDHN; thông qua hoạt động ngoại khóa; thông qua sinh hoạt hướng nghiệp; thông qua dạy học môn công nghệ và thông qua tham vấn nghề. Trong đó GDHN qua các giờ học môn Hoạt

động GDHN và qua tham vấn nghề là 2 con đường được các nhà trường THPT KV Hà Nội thực hiện nhiều nhất. Tuy nhiên, hiệu quả của GDHN của các con đường này chưa cao, chưa được như sự mong đợi và chưa thực hiện tốt mục tiêu GDHN.

2. Hoạt động tham vấn nghề của các nhà trường THPT KV Hà Nội được thực hiện chưa đồng bộ giữa các nhà trường, giữa các GV. Hiểu biết của GV về tham vấn nghề còn hạn chế. Cách thức tham vấn nghề của các GV chưa thống nhất, chưa khoa học, chỉ dựa trên kinh nghiệm cá nhân và chưa theo quy trình nhất định. Vì thế chưa phát huy được những ưu thế của tham vấn nghề, kết quả của hoạt động tham vấn nghề không cao, chưa trợ giúp HS được nhiều trong việc giải tỏa khó khăn, trong việc chọn nghề, mục tiêu GDHN ở THPT KV Hà Nội chưa đạt được như mong muốn.

3. Kết quả tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội chưa được như mong muốn. Thực tế cho thấy HS đã gặp nhiều khó khăn trong việc tự đánh giá năng lực, tính cách bản thân nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình chọn nghề, chọn trường thi, khối thi,... Những khó khăn này của HS chưa được GV giải quyết một cách thỏa đáng do công tác tham vấn nghề ở các trường THPT KV Hà Nội còn nhiều bất cập và hạn chế như đã nói ở trên.

4. GDHN ở các trường THPT KV Hà Nội còn gặp nhiều khó khăn: Sự hạn chế trong nhận thức của GV về tham vấn nghề, trong kỹ năng tham vấn nghề của GV, trong kỹ năng sử dụng các công cụ đánh giá đặc điểm tâm lý HS của GV; chưa có sự đầu tư cho hoạt động GDHN; thời lượng dành cho hoạt động GDHN còn hạn chế; thiếu chuyên gia tham vấn nghề; thiếu tài liệu cho hoạt động tham vấn nghề. Đặc biệt các trường THPT KV Hà Nội hiện nay chưa có một quy trình tham vấn nghề khoa học và thống nhất kèm theo những hướng dẫn cụ thể thực hiện quy trình này.

5. Có nhiều biện pháp để nâng cao kết quả GDHN ở trường THPT KV Hà Nội hiện nay: Bồi dưỡng, nâng cao hiểu biết và kỹ năng tham vấn nghề cho GV; tăng thời lượng cho GDHN; đầu tư cơ sở vật chất cho GDHN; phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội, giữa GV chủ nhiệm và GV bộ môn; giữa nhà trường và HS trong công tác GDHN. Tuy nhiên một trong các biện pháp được coi là quan trọng và cơ bản trong việc nâng cao kết quả GDHN là các GV phải tiến hành tham vấn

nghe theo một quy trình nhất định phù hợp với mục tiêu, nội dung và phương pháp GDHN.

CHƯƠNG 3

QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ TRONG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Qua kết quả nghiên cứu về lí luận và thực trạng của tham vấn nghề trong GDHN cho thấy: Tham vấn nghề có những ưu thế nhất định trong GDHN cho HS; GV ở các trường THPT cũng đã tiến hành thực hiện con đường này, tuy nhiên, bản chất của việc thực hiện này chưa phù hợp với bản chất và đặc trưng của tham vấn nghề. Có nhiều cách để khắc phục thực trạng này, trong đó GV phải xây dựng và thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề dựa trên mục tiêu GDHN, đồng thời xác định cách thức triển khai quy trình phù hợp theo những bước nhất định để GDHN cho HS. Tuy nhiên, trong thực tiễn GDHN, khi tiến hành hoạt động tham vấn nghề cần phối hợp với các con đường GDHN khác để đảm bảo hiệu quả của con đường tham vấn nghề và hiệu quả GDHN.

3.1. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ TRONG GDHN

3.1.1. Nguyên tắc xây dựng quy trình hoạt động tham vấn nghề

Quy trình tham vấn nghề trong GDHN cần được xây dựng theo những nguyên tắc nhất định để đảm bảo cho quy trình có tính khả thi. Các nguyên tắc được xác định như sau:

3.1.1.1. Quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN được xây dựng trên cơ sở quy trình tham vấn tâm lí và quy trình tư vấn hướng nghiệp

Tham vấn nghề là một loại của tham vấn tâm lí, vì vậy khi xây dựng quy trình tham vấn nghề cần phải tuân thủ theo quy trình của tham vấn tâm lí: có thể tương tác với HS nhằm chia sẻ, thấu hiểu, đồng cảm với các em các vấn đề liên quan đến lựa chọn ngành nghề cho tương lai, từ đó có thể làm thay đổi nhận thức, quan niệm, thái độ và sự lựa chọn ngành nghề của HS.

Mặt khác, tham vấn nghề là một trong những con đường để GDHN vì vậy nó là một thành tố của GDHN. Trong GDHN có quy trình tư vấn hướng nghiệp vì vậy cần thiết phải dựa trên quy trình tư vấn hướng nghiệp nhằm đảm bảo tính khoa học và logic của quy trình.

3.1.1.2. Đảm bảo phù hợp với mục tiêu GDHN ở THPT

Quy trình tham vấn nghề trong GDHN phải góp phần thực hiện mục tiêu GDHN ở THPT, đó là trợ giúp HS tự phát hiện, tự giải quyết, và tự đưa ra được

quyết định chọn nghề cho bản thân. Như vậy sau khi thực hiện tham vấn nghề theo quy trình này sẽ đảm bảo cho HS:

- Giải quyết được những khó khăn trong quá trình chọn nghề
- Có năng lực nhận thức và đánh giá bản thân: khả năng, tính cách, sở thích, hứng thú của bản thân;
- Hiểu rõ được yêu cầu, đặc điểm của ngành nghề, trường thi
- Có năng lực chọn nghề phù hợp;

3.1.1.3. Đảm bảo tính hiệu quả và khả thi

Quy trình tham vấn nghề đảm bảo cho GV có thể vận dụng được trong thực tiễn GDHN ở THPT. Sau khi thực hiện tham vấn theo quy trình này có thể nâng cao được kết quả GDHN trong nhà trường THPT: HS sẽ lựa chọn được ngành nghề phù hợp hơn với năng lực, tính cách của các em, góp phần thực hiện tốt mục tiêu GDHN trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam.

3.1.2. Nguyên tắc thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN

3.1.2.1. Đảm bảo lợi ích của học sinh

Đảm bảo lợi ích của cả nhóm, đồng thời đảm bảo lợi ích của từng cá nhân, Trong quá trình tham vấn nghề cho HS, GV luôn coi HS là trọng tâm, đặc biệt là đối với cá nhân HS, bởi vì có những khó khăn mà các em không thể nói ra với mọi người do đó GV cần bảo mật những thông tin của các em HS đó. Bên cạnh đó, mỗi nhóm, mỗi cá nhân đều có một mục tiêu nhất định tuy nhiên mục tiêu cuối cùng của các em vẫn là làm sao chọn được nghề phù hợp do vậy, GV luôn luôn hướng tới điều đó để thực hiện quá trình tham vấn một cách tốt nhất.

3.1.2.2. Tôn trọng và hợp tác với HS

Đây là nguyên tắc cơ bản trong quá trình giao tiếp, làm việc. Do vậy ở bất kì tình huống nào, giai đoạn nào GV cần tôn trọng HS, tôn trọng những ý kiến, những suy nghĩ của các em trong quá trình lựa chọn nghề cũng như trong quá trình trao đổi với GV. GV phải hiểu rằng mỗi một HS đều có những lí do, hoàn cảnh, điều kiện riêng khi các em đưa ra những nhận định, suy nghĩ của bản thân. Vì vậy bất kì một ý kiến nào của các em, người GV cần phải tôn trọng các em để quá trình tham vấn nghề diễn ra một cách thoải mái và hiệu quả.

3.1.2.3. Linh hoạt mềm dẻo trong quá trình tham vấn

Trong khi thực hiện các bước, các giai đoạn của quá trình tham vấn, không nhất thiết chúng ta phải theo thời gian cố định và những nội dung cố định. Mà ở đây, nhà tham vấn (GV với tư cách là một nhà tham vấn) cần phải linh hoạt tùy thuộc vào khả

năng của HS. Trong từng nội dung, nếu như HS đã đạt được mức độ cao ở nội dung nào thì GV có thể bỏ qua bước đó và chuyển sang bước tiếp theo để tiến hành những nội dung tiếp theo. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện các bước tiếp nếu như cần thiết phải quay lại bước trước chúng ta vẫn phải quay trở lại để thực hiện nó. Tức là nhà tham vấn (GV) có thể quay lại bất kì bước nào nếu thấy cần thiết. Trong quá trình tham vấn, có thể tham vấn nhóm trước và tham vấn cá nhân sau hoặc ngược lại, hoặc cũng có thể tham vấn song song cả cá nhân và cả nhóm.

3.2. QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ

3.2.1. Quy trình hoạt động tham vấn nghề

Tham vấn nghề là một trong những con đường GDHN quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự lựa chọn nghề của HS. Trên cơ sở trợ giúp HS tự giải quyết những khó khăn của bản thân, tự nhận thức và đánh giá bản thân, hiểu biết về ngành nghề, trường thi và khả năng ra quyết định chọn nghề phù hợp năng lực, tính cách, sở thích của cá nhân.

Để đảm bảo tính khoa học và hiệu quả khi tham vấn nghề, cần phải tuân thủ theo một quy trình gồm các giai đoạn và các bước như sau:

Giai đoạn 1: Khảo sát tìm hiểu đặc điểm HS

Bước 1: Chuẩn bị

Bước 2: Điều tra, khảo sát sơ bộ về HS

Bước 3: Tổ chức cho HS làm trắc nghiệm

Bước 4: Phân loại nhóm và xác định vấn đề của HS

Bước 5: Lập kế hoạch tham vấn nghề

Giai đoạn 2: Tham vấn nghề cho HS

Bước 6: Thiết lập mối quan hệ và xác định mục tiêu, cách thức thực hiện tham vấn nghề

Bước 7: Trợ giúp HS nhận thức vấn đề

Bước 8: Trợ giúp HS giải quyết vấn đề

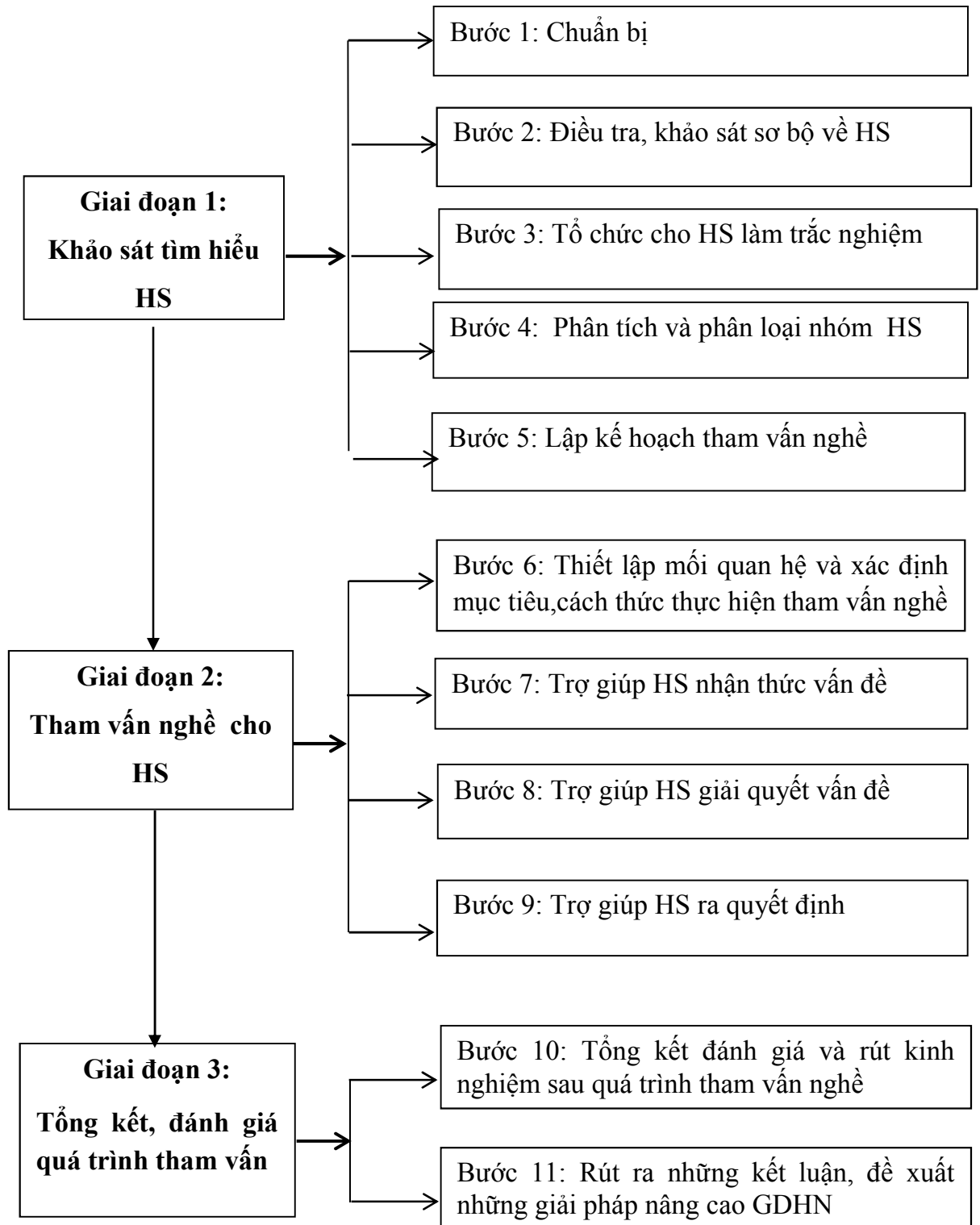
Bước 9: Trợ giúp HS ra quyết định

Giai đoạn 3: Tổng kết, đánh giá quá trình tham vấn

Bước 10: Tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm sau quá trình tham vấn nghề

Bước 11: Rút ra những kết luận, đề xuất những giải pháp nâng cao GDHN

Quy trình trên được sơ đồ hóa như sau:



Sơ đồ 3.1 Quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN cho HS

3.2.2. Hướng dẫn thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề

3.2.2.1. Giai đoạn 1: Chuẩn bị cho hoạt động tham vấn nghề

Bước 1: Chuẩn bị

*** Chuẩn bị cho việc điều tra, khảo sát sơ bộ về HS**

Để điều tra, khảo sát HS đạt hiệu quả cao, nhà tham vấn cần phải chuẩn bị những điều kiện, phương tiện cần thiết, đó là:

- *Phiếu điều tra*: bao gồm hệ thống câu hỏi thu thập thông tin cá nhân và thông tin cần thiết khác (xem phụ lục 2);

- Những câu hỏi phỏng vấn cha mẹ HS, GV về HS

- *Bộ công cụ trắc nghiệm*: Các trắc nghiệm được sử dụng ở đây bao gồm: Trắc nghiệm Chỉ số thông minh; trắc nghiệm Tính cách; trắc nghiệm khả năng nghề nghiệp; trắc nghiệm hứng thú, sở thích về nghề. Bộ trắc nghiệm này là một trong những kênh thông tin để giúp cho nhà tham vấn biết về HS và HS hiểu bản thân mình hơn (phụ lục 3).

- Chuẩn bị các thông tin cần thiết khác: các slide hướng dẫn HS làm phiếu và trả lời trắc nghiệm

*** Chuẩn bị cho việc thực hiện quá trình tham vấn nghề**

- *Các điều kiện, phương tiện cần thiết cho quá trình tham vấn*: Phòng học, bàn ghế, các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho quá trình tham vấn; Chuẩn bị của HS về các nội dung mà nhà tham vấn yêu cầu; Các kết quả trắc nghiệm; Giấy A0, giấy A4; bút dạ, ghim.

- *Hệ thống câu hỏi tham vấn*: với những câu hỏi làm quen, câu hỏi gợi mở nhằm xây dựng mối quan hệ thân thiết giữa nhà tham vấn và HS trong quá trình tham vấn. Đồng thời những câu hỏi dẫn dắt, giúp nhà tham vấn tìm hiểu được thông tin về HS;

- *Dự kiến các tình huống, vấn đề nảy sinh*: Việc dự kiến các tình huống nảy sinh trong quá trình tham vấn nghề cho HS là điều rất cần thiết, nó giúp cho nhà tham vấn chủ động, linh hoạt và lường trước được những kết quả sẽ xảy ra để nhà tham vấn chủ động linh hoạt trong quá trình tham vấn của mình. Nhà tham vấn cần xác định có những tình huống sau đây:

- Tình huống liên quan đến xúc cảm, tình cảm nghề nghiệp

- Tình huống liên quan đến sự hiểu biết về nghề

- Những băn khoăn, thắc mắc liên quan đến việc lựa chọn nghề của HS

Bước 2: Điều tra, khảo sát sơ bộ về HS

**** Mục tiêu điều tra, khảo sát sơ bộ đối với HS***

Điều tra khảo sát sơ bộ nhằm tìm hiểu những thông tin về HS nhằm hiểu rõ HS về nhu cầu, nguyện vọng, về sự nhận thức nghề, về sự lựa chọn nghề, về những khó khăn của HS để từ đó xác định được những vấn đề mà HS đang gặp phải.

**** Những nội dung điều tra, khảo sát sơ bộ đó là:***

- Đối với HS: 1/Thông tin cá nhân: Học lực, khối thi, về gia đình, sức khỏe; trường thi, ngành nghề dự thi; 2/Tìm hiểu sơ bộ về năng lực, tính cách của bản thân; 3/Sở thích nghề nghiệp; 4/Những khó khăn, những mong muốn, nhu cầu của HS trong quá trình chọn nghề

- Đối với GV: trò chuyện với GV về từng HS trong lớp nhằm tìm hiểu về tính cách, năng lực, năng khiếu, sở trường của các em

- Đối với cha mẹ HS: trò chuyện, trao đổi nhằm tìm hiểu về HS, hiểu biết của cha mẹ trong việc lựa chọn ngành nghề cho con, thái độ của cha mẹ khi con lựa chọn ngành, nghề. Việc định hướng nghề cho con của cha mẹ

**** Cách thức thực hiện điều tra khảo sát sơ bộ:***

- Đối với HS: làm tại lớp: Phát phiếu điều tra cho HS và Yêu cầu HS trả lời đầy đủ những câu hỏi trong phiếu hỏi trong 45 phút (phụ lục 2)

- Đối với GV và cha mẹ HS: Phỏng vấn, trò chuyện

- Tổng hợp kết quả học tập của HS từ sổ điểm

- * ***Kết quả:*** có thông tin sơ bộ về HS, có bảng số liệu về đặc điểm HS: tính cách, năng lực, sở thích, học lực và những khó khăn của HS thường gặp phải

Bước 3: Tổ chức cho HS làm trắc nghiệm

- * ***Mục đích:*** Tổ chức HS làm trắc nghiệm nhằm tìm hiểu khả năng, sở thích, tính cách của HS để so sánh với kết quả tự đánh giá của HS, kết quả trắc nghiệm là một trong những cơ sở để đánh giá về đặc điểm của HS.

- * ***Hình thức tổ chức:*** tổ chức cho toàn bộ HS trong lớp học

**** Nội dung các trắc nghiệm***

- 1/Trắc nghiệm chỉ số IQ của Alfred.W.MunZent nhằm đánh giá mức độ trí tuệ của HS.

- 2/Trắc nghiệm “Khả năng nghề nghiệp” của John Holland nhằm đánh giá khả

năng nghề nghiệp của cá nhân.

3/Trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp của A.E.Gôlômstôc nhằm đánh giá hứng thú, sở thích về nghề nghiệp

4/Trắc nghiệm tìm hiểu khí chất của H.J. Eysenck nhằm đánh giá khí chất của HS.

5/Trắc nghiệm tìm hiểu tính cách MBTI nhằm hiểu rõ hơn về tính cách của HS.

*** Cách thức tổ chức làm trắc nghiệm như sau:**

1/ Phát cho các em một phiếu trả lời trắc nghiệm (phụ lục 3.1)

2/ Yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong phiếu trả lời trắc nghiệm

3/ Yêu cầu HS làm lần lượt từng trắc nghiệm:

+ Trắc nghiệm chỉ số thông minh (IQ) (thời gian 45 phút)

+ Trắc nghiệm tìm hiểu tính cách MBTI (5-7 phút)

+ Trắc nghiệm khí chất của H.J. Eysenck (5-7 phút)

+ Trắc nghiệm tìm hiểu sở thích nghề nghiệp của A.E.Gôlômstôc (5-7 phút)

+ Trắc nghiệm khả năng nghề nghiệp của John Holland (10 phút)

- Sau khi HS đã làm xong GV hướng dẫn HS tính điểm của từng trắc nghiệm theo hướng dẫn của các trắc nghiệm

*** Kết quả:** HS có đầy đủ kết quả của 5 trắc nghiệm

Bước 4: Phân loại nhóm và xác định vấn đề của HS

*** Mục tiêu:** Nhằm phân loại theo từng vấn đề mà HS thường gặp phải

*** Nội dung:**

Phân tích thông tin thu được và đánh giá sơ bộ về mức độ nhận thức, hiểu biết của HS liên quan đến việc chọn nghề

Ở nội dung này, cần phân tích những thông tin của HS thông qua phiếu trả lời trắc nghiệm, thông qua việc trao đổi với GV và phụ huynh HS nhằm tìm hiểu mức độ nhận thức và hiểu biết của HS về những vấn đề sau:

- Khả năng nhận thức bản thân của HS: năng lực, tính cách, sở thích

- Hiểu biết của HS về ngành, nghề, về yêu cầu của nghề mà HS đã lựa chọn: yêu cầu về năng lực, phẩm chất cần có của người làm trong ngành nghề đó; đặc điểm lao động của ngành nghề; công việc cụ thể của ngành nghề; nơi làm việc của ngành nghề; các trường đào tạo ngành nghề.

- Hiểu biết của HS về trường mà HS dự định thi: Hiểu biết về điểm chuẩn của trường; chỉ tiêu của trường; điểm chuẩn của ngành, nghề; chỉ tiêu của ngành, nghề; tỉ lệ cạnh tranh của trường

Phân loại nhóm HS theo từng vấn đề tham vấn

Trên cơ sở kết quả trên và căn cứ vào câu trả lời của HS về ngành, nghề về trường thi, phân loại theo từng vấn đề mà HS gặp phải. Có thể phân ra thành các nhóm vấn đề sau:

- **Nhóm 1:** HS nhận thức chưa đầy đủ về bản thân và thiếu hiểu biết về ngành nghề và không chọn được ngành nghề, trường thi

- **Nhóm 2:** HS có sự nhận thức và đánh giá về bản thân, hiểu biết về ngành nghề tốt và đầy đủ, chọn sai trường, sai ngành nghề

- **Nhóm 3:** HS có sự nhận thức và đánh giá về bản thân, hiểu biết về ngành nghề tốt và đầy đủ, đã chọn đúng ngành nghề nhưng chọn sai trường thi

- **Nhóm 4:** HS gặp những khó khăn ngoài những khó khăn trên như: Mâu thuẫn giữa sự chọn nghề của bản thân với sự chọn nghề của bố mẹ; Mâu thuẫn giữa năng lực và sở thích chọn nghề; Không biết quyết định chọn nghề gì.....

- **Nhóm 5:** HS có sự nhận thức và đánh giá về bản thân, hiểu biết về ngành nghề tốt và đầy đủ, chọn đúng ngành nghề và chọn đúng trường thi

*** Cách phân loại nhóm và xác định vấn đề của HS**

Phân tích thông tin thu được và đánh giá sơ bộ về mức độ nhận thức, hiểu biết của HS liên quan đến việc chọn nghề bằng cách

- Đánh giá khả năng nhận thức bản thân:

- + Căn cứ vào câu trả lời của HS về tính cách, năng lực, sở thích
- + So sánh kết quả tự đánh giá của HS với kết quả của trắc nghiệm
- + Tìm ra được những câu trả lời đúng trong phiếu hỏi của HS
- + Tổng hợp kết quả về mức độ nhận thức của HS về bản thân

- Đánh giá khả năng hiểu biết về nghề bằng cách:

- + Căn cứ vào câu trả lời của HS về nghề mà HS đã chọn
- + So sánh kết quả tự đánh giá của HS với yêu cầu về ngành nghề, về đặc điểm cơ bản của ngành nghề, nơi làm việc của ngành nghề, công việc cụ thể của ngành nghề, các trường đào tạo

- + Tìm ra được những câu trả lời đúng trong phiếu hỏi của HS

- + Thống kê kết quả hiểu biết của HS về ngành nghề
- Đánh giá hiểu biết về trường bằng cách:
 - + Căn cứ vào câu trả lời của HS về trường mà HS đã chọn
 - + So sánh câu trả lời của HS với thông tin của từng trường về tỉ lệ cạnh tranh của trường, điểm chuẩn của ngành, điểm chuẩn của trường, chỉ tiêu của ngành, chỉ tiêu của trường
 - + Tìm ra được những câu trả lời đúng trong phiếu hỏi của HS
 - + Thống kê sự hiểu biết những thông tin về trường đào tạo của HS

Như vậy, với cách làm trên sẽ đánh giá được HS ở khả năng hiểu biết về bản thân, hiểu biết về ngành nghề, về trường đào tạo

Cách phân loại nhóm

- Thống kê thành điểm TB các câu trả lời của HS về nhận thức bản thân, về ngành nghề, về trường thi
- Căn cứ vào điểm TB để phân loại và sắp xếp HS
- HS nào có số điểm TB tương đương ở vấn đề nào thì xếp vào thành một nhóm
- So sánh sự chọn nghề của HS với kết quả trắc nghiệm để tìm ra sự phù hợp hay không phù hợp của HS.

* **Kết quả:** Có được các nhóm HS theo vấn đề

Bước 5: Lập kế hoạch tham vấn

*** Xác định mục tiêu tham vấn**

Mục tiêu chung: HS có kĩ năng phân tích, so sánh, đánh giá vấn đề; HS có năng lực giải quyết vấn đề và có thái độ, ý thức đúng đắn trong quá trình chọn nghề

Mục tiêu cụ thể: bao gồm 2 mục tiêu: mục tiêu cho nhóm HS và mục tiêu cho cá nhân HS

- *Mục tiêu tham vấn nghề cho nhóm HS:* Ngoài những mục tiêu mà tham vấn nghề hướng tới thì việc tổ chức tham vấn nghề cho HS theo nhóm *nhằm tối đa hoá mức độ tham gia và phát huy cao độ sự tương tác, chia sẻ của từng thành viên trong quá trình tham vấn. Nhóm chính là công cụ, phương tiện để nhà tham vấn thực hiện nhiệm vụ tham vấn của mình.* Khi tham gia vào quá trình tham vấn nhóm, mỗi HS có một nhiệm vụ riêng nhưng đều hướng tới giải quyết nhiệm vụ chung của cả nhóm. Mục tiêu cụ thể của từng nhóm như sau:

- + **Nhóm 1:** HS đánh giá được đầy đủ và chính xác về bản thân, hiểu biết về ngành nghề, trường thi HS chọn được trường thi, ngành nghề phù hợp
- + **Nhóm 2:** HS chọn được trường thi, ngành nghề phù hợp
- + **Nhóm 3:** HS chọn được trường thi phù hợp
- + **Nhóm 4:** HS giải quyết được những khó khăn trong quá trình chọn nghề
- + **Nhóm 5:** Vì là các em đã đánh giá đúng bản thân, có hiểu biết về ngành nghề và đã chọn được ngành nghề, trường thi phù hợp nên nhóm này chúng tôi không tiến hành tham vấn

Mục tiêu tham vấn nghề cho cá nhân: Trợ giúp từng HS giải tỏa được những khó khăn, lo lắng và nâng cao khả năng giải quyết vấn đề cho HS, trợ giúp HS lựa chọn được ngành nghề, trường thi phù hợp.

*** Xác định nội dung tham vấn**

Nội dung chung của tham vấn bao gồm: 1/Trợ giúp HS nâng cao năng lực nhận thức và đánh giá bản thân; 2/Trợ giúp HS tìm hiểu thông tin về ngành nghề, trường thi; 3/Trợ giúp HS ra quyết định chọn nghề; 4/Trợ giúp HS giải quyết những khó khăn khác.

Ngoài những nội dung chung ở trên, căn cứ vào các nhóm đã được phân loại ở bước 4, thì nội dung của mỗi nhóm được xác định cụ thể như sau:

- **Nhóm 1:** HS không nhận thức được bản thân và thiếu hiểu biết về ngành nghề và không chọn được ngành nghề, trường thi. Ở nhóm này cần tham vấn hướng dẫn HS theo *nội dung tìm hiểu bản thân, tìm hiểu về ngành nghề, tìm hiểu về trường đào tạo.*

- **Nhóm 2:** HS có sự nhận thức và đánh giá về bản thân, hiểu biết về ngành nghề tốt và đầy đủ, chọn sai trường và sai ngành nghề. Nhóm này cần tham vấn cho HS *nội dung là trợ giúp HS tìm hiểu về ngành nghề, trường đào tạo.*

- **Nhóm 3:** HS có sự nhận thức và đánh giá về bản thân, hiểu biết về ngành nghề tốt và đầy đủ, đã chọn đúng ngành nghề nhưng chọn sai trường thi. Chọn sai trường thi ở đây có nghĩa là các em chọn trường chưa phù hợp với năng lực học tập của bản thân, các em chọn trường thi quá cao so với khả năng của mình, hoặc những lí do khác. Do vậy nhóm này cần tham vấn nội dung là *hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin về trường đào tạo.*

- **Nhóm 4:** Ngoài những khó khăn, vướng mắc đã xác định ở nhóm 1, 2, 3 HS còn có những khó khăn khác như mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái trong sự lựa chọn nghề; không biết ra quyết định lựa chọn nghề gì. Do vậy nội dung của nhóm này là trợ giúp HS giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình chọn nghề.

Nội dung tham vấn cá nhân HS : Tùy thuộc vào từng HS mà có nội dung tham vấn cụ thể. Tuy nhiên nội dung của cá nhân cũng bao gồm những nội dung cơ bản đã nêu ở trên.

*** Xác định cách thức tham vấn**

- Cách thức tham vấn nghề là sự chia sẻ, trao đổi, thảo luận giữa HS với HS, giữa nhà tham vấn với nhóm, trong đó nhà tham vấn chỉ đóng vai trò là người trợ giúp, hướng dẫn còn HS là người tự đưa ra những cách giải quyết của bản thân và tự quyết định lựa chọn phương án tốt nhất.

Xác định cách thức tham vấn nhóm

Cách chia nhóm: Việc chia nhóm theo vấn đề mà HS gặp phải. Mỗi nhóm thường có từ 4 đến 6 HS, trong đó:

+ Một nhóm trưởng điều hành hoạt động chung của nhóm và có nhiệm vụ phát huy tính tích cực của từng thành viên trong việc tham gia đóng góp ý kiến.

+ Một thư ký ghi lại các ý kiến của các thành viên trong nhóm vào biên bản làm việc của nhóm. Biên bản này là căn cứ để các thành viên trong nhóm đánh giá mức độ và hiệu quả tham gia của các thành viên.

+ Các thành viên còn lại thực hiện nhiệm vụ của mình.

+ Các thành viên của nhóm cần được bố trí chỗ ngồi theo vòng tròn hoặc chữ U

Cách thức tham vấn nhóm

+ Mỗi nhóm có vấn đề riêng và cả nhóm có chung một vấn đề giải quyết,

+ Mỗi HS trong nhóm phải làm việc độc lập, tích cực, không dựa vào các thành viên khác vì mỗi thành viên đều phải giải quyết khó khăn, vấn đề của riêng mình và cũng là giải quyết khó khăn, vấn đề của nhóm.

+ Kết quả đạt được của cả nhóm phải là sự tổng hợp các kết quả của từng HS trong nhóm. Biên bản làm việc của nhóm phải được GV thu lại. GV coi đó là một trong cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành việc giải quyết vấn đề của nhóm

Cụ thể:

- *HS làm việc cá nhân*: Mỗi HS xác định nhiệm vụ của bản thân, chủ động nghiên cứu, đọc và thu thập các thông tin có liên quan đến vấn đề của bản thân sau đó từng HS báo cáo kết quả thực hiện của mình, phân tích, giải thích, chia sẻ với các thành viên trong nhóm. Trong khi HS báo cáo thì các thành viên khác trong nhóm lắng nghe

- *HS làm việc nhóm*: Trước hết các thành viên trong nhóm thảo luận, đóng góp ý kiến, chia sẻ thông tin với nhau, sau khi trao đổi xong, nhóm thống nhất kết quả thực hiện và làm biên bản báo cáo kết quả thảo luận.

- *Báo cáo kết quả*: Đại diện HS báo cáo những gì mà nhóm đã làm được. Trong khi HS báo cáo GV và các HS khác lắng nghe. Sau khi HS báo cáo xong, GV trao đổi thảo luận với HS và khẳng định kết quả làm việc của HS nếu cần, GV định hướng lại kết quả của các em bằng những câu hỏi gợi mở

+ HS lắng nghe, bổ sung những thông tin còn thiếu

*** *Xác định vai trò của nhà tham vấn và HS trong quá trình tham vấn***

Vai trò của HS trong quá trình tham vấn

HS luôn là trọng tâm trong quá trình tham vấn. Vai trò này thể hiện như sau:

+ HS tự thực hiện nhiệm vụ của bản thân: phân tích, chia sẻ, bổ sung những thông tin còn thiếu

+ HS tự thu thập thông tin liên quan đến vấn đề của bản thân

+ Tự đưa ra những phương án giải quyết vấn đề, và ra quyết định

Vai trò của nhà tham vấn trong quá trình tham vấn nhóm

Nhà tham vấn luôn đóng vai trò là người hướng dẫn, trợ giúp HS trong quá trình tham vấn. Vai trò này thể hiện như sau:

+ Định hướng cho HS thực hiện các nhiệm vụ của bản thân

+ Hướng dẫn HS thu thập và tìm kiếm thông tin những khi cần thiết.

+ Trợ giúp, hướng dẫn, gợi ý cho HS khi họ phải cân nhắc, đánh giá và lựa chọn các phương án giải quyết vấn đề.

+ Điều tiết mọi diễn biến trong quá trình tham vấn nhóm bao gồm: trạng thái tâm lý của HS trong quá trình làm việc nhóm; mức độ tham gia của các thành viên trong nhóm; tốc độ và cường độ làm việc của cả nhóm; Việc điều tiết phải đảm bảo mức độ tham gia làm việc nhóm của từng HS là như nhau, với tốc độ và cường độ tích cực trong một khoảng thời gian quy định và đúng mục tiêu.

Nhà tham vấn giới thiệu các nguồn tài liệu, hướng dẫn các cách tìm kiếm thông tin cho HS: Nhà tham vấn cung cấp cho HS những tài liệu liên quan đến chọn ngành, nghề, hướng dẫn các cách tìm kiếm thông tin ngành, nghề; các địa chỉ tìm kiếm thông tin

Giao nhiệm vụ về nhà cho HS: Mỗi một nội dung, mỗi một vấn đề lại có những nhiệm vụ riêng, và cần phải có thời gian để cho HS tìm kiếm thông tin, xem xét, đánh giá những thông tin do vậy nhất thiết chúng ta phải giao nhiệm vụ về nhà cho các em để các buổi tiếp theo tiến hành tham vấn nhanh hơn và hiệu quả hơn.

**** Xác định các kỹ năng tham vấn***

Mỗi nhóm khác nhau, mỗi cá nhân khác nhau đều có mục tiêu khác nhau, nội dung khác nhau do vậy cần có những kỹ năng tham vấn chủ đạo, phù hợp với từng nhóm và từng HS. Tuy nhiên trong quá trình tham vấn kỹ năng mà nhà tham vấn thường xuyên sử dụng đó là kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng tường thuật, và trong tham vấn nhóm thì người nhà tham vấn cần phải có kỹ năng điều hành nhóm.

**** Xác định nguồn tài liệu tham vấn***

Tài liệu hướng dẫn cho mỗi nhóm, cho mỗi đối tượng là cần thiết và với nội dung khác nhau, mục tiêu khác nhau nên sự chuẩn bị tài liệu khác nhau. Cụ thể: Các thông tin về ngành, nghề; các địa chỉ tìm kiếm thông tin; mục tiêu và bảng kế hoạch thực hiện; kết quả trải nghiệm; giấy A0; Bút dạ,....

**** Xác định thời điểm, thời gian tham vấn***

Xác định thời điểm, thời gian tham vấn cho nhóm: Nhà tham vấn cần xác định thứ tự các nhóm tham vấn, xem xét nên tham vấn cho nhóm nào trước. Tuy nhiên với tính chất phức tạp tăng dần của các vấn đề nên sẽ tham vấn những nhóm có nhiều vấn đề phức tạp nhất tham vấn trước tiên. Mỗi nhóm sẽ cần một thời gian nhất định để tham vấn từ 120 – 150 phút.

Xác định thời điểm, thời gian cho từng cá nhân: Lựa chọn những buổi tham vấn thích hợp với những không gian riêng để tham vấn cho từng em HS và thời gian tham vấn từ 90- 120 phút.

Lưu ý: Giữa tham vấn nhóm và tham vấn cá nhân, có thể tham vấn cá nhân trước rồi đến tham vấn nhóm, hoặc có thể tham vấn nhóm trước rồi tham vấn cá nhân sau. Tuy nhiên trong đề tài này, chúng tôi lựa chọn tham vấn nhóm trước, sau

đó mới tham vấn cá nhân. Chúng tôi lựa chọn tham vấn nhóm trước bởi lẽ khi tham vấn nhóm, nhờ sự trợ giúp của nhóm, mỗi cá nhân sẽ tự giải quyết được vấn đề của bản thân. Chỉ khi nào tham vấn nhóm xong mà cá nhân vẫn mơ hồ, lúng túng trong sự lựa chọn ngành nghề của mình hoặc có những vấn đề mà bản thân cá nhân không tiện nói ra trong nhóm thì chúng tôi sẽ tiến hành tham vấn cá nhân. Như vậy sẽ tiết kiệm thời gian, đồng thời tăng khả năng tự giải quyết vấn đề của từng HS khi tham gia vào quá trình tham vấn nhóm.

3.2.2.2. Giai đoạn 2: Tham vấn nghề cho HS

Bước 1: Thiết lập mối quan hệ và xác định mục tiêu, cách thức thực hiện tham vấn nghề

**** Thiết lập mối quan hệ***

- *Mục tiêu:* Nhằm tạo mối quan hệ thân thiết đối với HS, tạo niềm tin cho HS

Thiết lập mối quan hệ giữa nhà tham vấn và HS khi bắt đầu quá trình tham vấn sẽ tạo được sự tương tác chặt chẽ giữa nhà tham vấn và HS trong quá trình tham vấn và nhằm xóa đi những rào cản tâm lý của HS. Nhà tham vấn cần tạo được niềm tin đối với HS, cần có sự cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu, chân thành, cởi mở, nhiệt tình với các em. Như vậy HS sẽ an tâm và tin tưởng vào nhà tham vấn khi đó các em sẵn sàng bộc lộ, chia sẻ thông tin, khó khăn, vướng mắc của bản thân.

Đối với nhóm, mối quan hệ trong nhóm nhỏ là rất quan trọng để tạo tiền đề cho sự thành công của quá trình tham vấn. Mối quan hệ giữa HS trong nhóm với nhau cũng thật sự quan trọng. Kết quả của quá trình tham vấn nhóm phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ này. Do vậy nhà tham vấn cần có những cách thức để HS trong nhóm có sự chia sẻ, hợp tác với nhau trong quá trình làm việc.

Muốn thiết lập được mối quan hệ tốt đẹp thì người nhà tham vấn cần phải thực hiện những cách thức sau đây:

- Tạo ấn tượng ban đầu đối với HS: Tạo ấn tượng ban đầu đối với HS tức là nhà tham vấn sẽ tạo ra được hình ảnh chung về bản thân mình sau khi tiếp xúc lần đầu tiên với HS. Tạo ấn tượng ban đầu là cơ sở xây dựng mối quan hệ lâu dài và nó chi phối những cảm xúc, ảnh hưởng đến cách cư xử về sau giữa nhà tham vấn và HS. Tạo ấn tượng ban đầu thể hiện ở cách ăn mặc; khuôn mặt tươi cười, ánh mắt thân thiện.

- Tạo niềm tin cho HS bằng cách: Mở đầu bằng câu chuyện, hoặc tình huống với thái độ cởi mở, giọng nói nhẹ nhàng

- Giúp HS bộc lộ cảm xúc, chia sẻ khó khăn bằng cách: Xác định mục tiêu của buổi làm việc; Đặt những câu hỏi gợi mở và lắng nghe những câu trả lời, những chia sẻ của HS

Với những cách làm trên sẽ đem lại sự thân thiện, cởi mở, nhà tham vấn tạo được niềm tin, sự an tâm cho HS để từ đó HS sẵn sàng chia sẻ, trao đổi với nhà tham vấn trong quá trình tham vấn.

** Xác định mục tiêu và cách thức tham vấn nghề*

- Nhà tham vấn nhắc lại mục tiêu, yêu cầu của buổi tham vấn nghề, xác định nhiệm vụ của nhóm, của từng cá nhân. Ngoài những mục tiêu chung thì cần phải thực hiện những mục tiêu cụ thể của từng nhóm đã xác định

- Cách thức tham vấn nghề là sự chia sẻ, trao đổi, thảo luận giữa HS với HS, giữa nhà tham vấn với nhóm, trong đó người nhà tham vấn chỉ đóng vai trò là người trợ giúp, hướng dẫn còn HS là người tự đưa ra những cách giải quyết của bản thân và tự quyết định lựa chọn phương án tốt nhất.

Đối với nhóm HS thì cách làm việc như sau:

- Mỗi cá nhân HS:

+ Cần phải xác định và thực hiện những nhiệm vụ riêng của bản thân. Nhiệm vụ này có thể được thực hiện ở nhà, có thể được thực hiện ở trên lớp. Vì vậy HS cần phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ của mình, chủ động nghiên cứu, đọc và thu thập các thông tin có liên quan đến vấn đề của bản thân.

+ Báo cáo kết quả thực hiện của mình, phân tích, giải thích, chia sẻ với các thành viên trong nhóm, lắng nghe những phân tích của các thành viên trong nhóm, của GV và bổ sung những thông tin còn thiếu, thay đổi những thông tin sai lệch.

- Nhóm có nhiệm vụ lắng nghe, thảo luận, đóng góp ý kiến, giúp đỡ, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm để mỗi thành viên đạt được kết quả như mong muốn. Thống nhất kết quả thực hiện và làm biên bản báo cáo kết quả thảo luận của nhóm

- Nhà tham vấn có nhiệm vụ trợ giúp, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng mục tiêu đã xác định bằng cách lắng nghe, trao đổi thảo luận và khẳng định

kết quả làm việc của HS. Nếu cần, nhà tham vấn định hướng lại kết quả của các em bằng những câu hỏi gợi mở.

Bước 2: Trợ giúp HS nhận thức vấn đề

*** Mục tiêu:** Trợ giúp HS tự nhận thức rõ vấn đề mà mình đang gặp phải

Nhận thức vấn đề tức là HS cần phải hiểu rõ được bản thân các em đang gặp vướng mắc gì, và ở mức độ nào. Ở bước này, HS phải phát hiện đúng vấn đề của bản thân, phân tích được vấn đề của mình trên cơ sở kinh nghiệm của bản thân, dựa trên những tri thức, thông tin thu được và từ đó HS đánh giá vấn đề của mình đang gặp phải.

*** Nội dung:**- Những khó khăn mà HS đang gặp phải: 1/Chưa nhận thức đầy đủ về bản thân; 2/Thiếu hiểu biết về ngành, nghề, về trường thi; 3/Không biết chọn, ngành nghề nào;4/Mâu thuẫn giữa cha mẹ và con trong chọn nghề

*** Cách thức thực hiện:**

Làm việc cá nhân: HS tự phân tích đánh giá về vấn đề của bản thân; So sánh với kết quả trải nghiệm và kết quả tự đánh giá và đưa ra những nhận xét, đánh giá về vấn đề đang gặp phải

Làm việc nhóm: Các thành viên khác trong nhóm lắng nghe khi bạn trình bày sau đó HS trong nhóm trao đổi, chia sẻ, bổ sung những thông tin còn thiếu cho các cá nhân khác và hỗ trợ các cá nhân nhận thức vấn đề của bản thân một cách đầy đủ và sâu sắc hơn.

Nhà tham vấn lắng nghe, đặt câu hỏi khi cần thiết và giới thiệu các nguồn tài liệu, các cách tìm kiếm thông tin cho HS: Nhà tham vấn cung cấp cho HS những tài liệu liên quan đến chọn ngành, nghề, các cách tìm kiếm thông tin ngành, nghề; các địa chỉ tìm kiếm thông tin

Giao nhiệm vụ về nhà cho HS: Mỗi một nội dung, mỗi một vấn đề lại có những nhiệm vụ riêng, và cần phải có thời gian để cho HS tìm kiếm thông tin, xem xét, đánh giá những thông tin do vậy nhất thiết chúng ta phải giao nhiệm vụ về nhà cho các em để các buổi tiếp theo tiến hành tham vấn nhanh hơn và hiệu quả hơn.

Bước 3: Trợ giúp HS giải quyết vấn đề

- **Mục tiêu:** HS giải quyết được vấn đề của bản thân

- **Hình thức:** Tham vấn nhóm, tham vấn cá nhân

- **Nội dung và cách thức thực hiện:**

*** Trợ giúp HS nhận thức và đánh giá bản thân**

Ở nội dung này, HS chưa thể hiểu hết bản thân mình do vậy các em gặp khó khăn trong việc lựa chọn ngành nghề. Ở nội dung này chúng tôi hướng dẫn HS nhận thức và đánh giá bản thân về các nội dung:

- Khả năng, năng lực: khả năng nổi trội, sở trường, năng khiếu, các môn học tốt.

- Tính cách, khí chất: Là người như thế nào, hướng nội hay hướng ngoại, thuộc loại khí chất nóng nảy; hoạt bát; trầm hay ưu tư.

- Sở thích của bản thân: có những sở thích gì đặc biệt

Để có thể giúp HS đánh giá bản thân một cách tốt nhất, nhà tham vấn hướng dẫn HS tự đánh giá bản thân bằng cách sau:

1/Tự nhận thức và đánh giá bản thân bằng cách:

- Tự mình đặt ra những câu hỏi và trả lời những câu hỏi về bản thân: Tôi là ai? Sở thích của tôi là gì? Năng khiếu của tôi là gì? Niềm đam mê của tôi là gì? Công việc tôi yêu thích là gì? Môi trường làm việc tôi yêu thích là gì? Thời gian rảnh rỗi của mình tôi thường làm gì? Thường ngày em thích làm gì? Các bạn em hay khen em ở điểm nào? Chê điểm nào?.....

- Liệt kê những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân: Có thể liệt kê tất cả những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân về ngoại hình, về tính cách...

2/ Dựa vào kết quả trắc nghiệm mà HS đã làm, GV hướng dẫn các em tổng hợp và phân tích kết quả trắc nghiệm.

- Tổng hợp các kết quả trắc nghiệm từ phiếu trả lời trắc nghiệm của HS

+ Kết quả trắc nghiệm chỉ số thông minh HS sẽ biết được chỉ số thông minh của mình và chỉ số não phải, não trái

+ Kết quả trắc nghiệm Khả năng nghề nghiệp của Holland đánh giá được khả năng nổi trội nhất của các em.

+ Kết quả trắc nghiệm tính cách MBTI HS sẽ biết về tính cách của mình một cách cụ thể hơn.

+ Kết quả trắc nghiệm sở thích, hứng thú nghề nghiệp của A.E.Gôlômstốc HS sẽ biết được hứng thú của bản thân thuộc lĩnh vực nào

+ Kết quả trắc nghiệm Khí chất của H.J.Eysenck HS sẽ biết được khí chất điển hình của cá nhân

- Phát cho HS đáp án của các trắc nghiệm và yêu cầu các em đọc những thông tin tương ứng với kết quả trắc nghiệm của bản thân.

- Yêu cầu HS so sánh kết quả tự đánh giá của bản thân trong phiếu điều tra với kết quả trắc nghiệm để khẳng định bản thân mình.

- Yêu cầu HS thống kê lại tất cả những điểm nổi bật, những ưu và nhược điểm của bản thân từ kết quả trắc nghiệm và từ phiếu tự đánh giá của bản thân

3/ Tìm hiểu bản thân thông qua bạn bè, thầy cô và cha mẹ: Rất nhiều những đặc điểm mà khi bạn bộc lộ, mọi người sẽ nhận thấy nó. Do đó, những lời nhận xét từ bố mẹ, thầy cô và bè bạn là nguồn thông tin tham khảo để bạn hiểu chính mình hơn.

4/ So sánh mình với người khác: Mỗi người xung quanh là một chiếc gương để bạn tự soi vào. So sánh với những người khác là một cách để bạn nhận ra mình đang cao hay thấp, trắng hay đen, giỏi chỗ nào và dở chỗ nào.

5/ Ngoài ra, có thể hướng dẫn HS tự tìm hiểu về bản thân mình trong các hoạt động: chỉ có tham gia các hoạt động, HS mới nhận thức được những điểm mạnh, điểm yếu, khả năng trong các lĩnh vực nào.

Sau khi HS tìm hiểu về bản thân, các em sẽ xác định được mình cần bổ sung những gì, thiếu những gì, yếu những gì... do vậy tự bản thân HS sẽ xác định vấn đề hiện tại của bản thân. Với cách như vậy, HS nhận thức được mình hiểu về mình ở bản thân mình về các nội dung trên ở mức độ nào và đưa ra nhận định ban đầu về bản thân: tính cách, khí chất, năng lực, sở thích, hứng thú.

Từ sự phân tích, nhận xét và đánh giá bản thân GV yêu cầu các em đưa ra những ngành nghề có thể phù hợp với những đặc điểm đó.

Lưu ý khi tham vấn nhóm: Mỗi HS sẽ tự trả lời những câu hỏi đó và trao đổi với cả nhóm và các HS khác trong nhóm sẽ lắng nghe, bổ sung cho bạn những đặc điểm mà bản thân bạn không nhận ra.

*** *Trợ giúp HS tìm hiểu thông tin về ngành nghề đào tạo, trường đào tạo***

Trợ giúp HS tìm kiếm thông tin về ngành nghề đào tạo

Nhà tham vấn hướng dẫn cho HS cách thức tìm kiếm thông tin về ngành, nghề, yêu cầu của nghề, nhu cầu thị trường lao động của xã hội. Hướng dẫn HS đánh giá, phân tích các thông tin mà các em tìm được và những thông tin mà do nhà tham vấn cung cấp. Thông qua đó các em nâng cao hiểu biết về ngành, nghề, về các yêu cầu, đặc điểm của ngành, nghề, về hệ thống các trường đào tạo trong cả nước và

về nhu cầu thị trường lao động, về tình hình phát triển kinh tế đất nước, địa phương.

- Nhà tham vấn trao đổi với HS bằng những câu hỏi mở nhằm đánh giá sự lựa chọn thông tin của HS khi tìm hiểu về ngành, nghề:

1. Khi tìm hiểu về ngành, nghề, em thường tìm hiểu những vấn đề gì?
2. Khi tìm hiểu về ngành, nghề, em thường tìm hiểu nghề ở đâu?
3. Khi tìm hiểu về ngành, nghề, em thường gặp những khó khăn gì?

- Nhà tham vấn trao đổi, phân tích và giúp HS tự nhận định những thiếu hụt về thông tin mà các em tìm kiếm

- Nhà tham vấn định hướng cho HS những nội dung cơ bản của ngành nghề mà các em cần phải tìm hiểu đó là: (1) Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của nghề; (2) Đối tượng lao động; (3) Mục đích lao động; (4) Công cụ lao động; (5) Điều kiện lao động; (6) Những chống chỉ định y học; (7) Những điều kiện cần thiết để theo học nghề; (8) Công việc cụ thể của nghề; (9) Nơi làm việc sau này của nghề; (10) Những trường đào tạo nghề

- Nhà tham vấn hướng dẫn HS cách tìm kiếm thông tin về ngành nghề:

+ Tìm hiểu danh mục đào tạo của Bộ GD&ĐT

+ Tìm hiểu ở trên thông báo tuyển sinh hàng năm của các trường ĐH, CĐ, các trường trung học và dạy nghề trên các trang web,

+ Đọc các tạp chí khoa học và kỹ thuật, các quảng cáo sản phẩm của nhiều nghề trên các báo và truyền hình

+ Tham gia các hoạt động mà nhà trường tổ chức có thể giúp HS tăng thêm nhận thức về thế giới nghề như: Tham gia viết hoặc hùng biện về các đề tài liên quan đến hướng nghiệp; Tham gia các buổi tọa đàm, giao lưu với những người hoạt động giỏi trong lĩnh vực nghề nghiệp đó...,

+ Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp ở cấp quốc gia và quốc tế qua mạng, dùng những công cụ tìm kiếm như google hay yahoo là một cách dễ làm nhất.

- Nhà tham vấn và HS cùng nhau tổng kết được những khó khăn mà HS gặp phải trong quá trình tìm kiếm thông tin.

Hướng dẫn HS cách tìm hiểu về hệ thống các trường đào tạo:

- Nhà tham vấn trao đổi với HS bằng những câu hỏi mở nhằm đánh giá sự lựa chọn thông tin của HS khi tìm hiểu về trường đào tạo:

1. Khi em tìm hiểu về trường, em thường tìm hiểu về những vấn đề gì?

2. Khi tìm hiểu về trường, em thường tìm hiểu ở đâu?

3. Khi tìm hiểu về hệ thống các trường đào tạo, em thường gặp những khó khăn gì?

- Nhà tham vấn và HS cùng nhau trao đổi, thảo luận giúp HS khẳng định được những thông tin mà bản thân các em tìm được là chưa đầy đủ.

- Trên cơ sở đó, Nhà tham vấn định hướng những thông tin về trường đào tạo mà HS cần phải tìm kiếm. Nhà tham vấn giới thiệu cho học sinh những nội dung tìm hiểu về trường như sau: (1) Có bao nhiêu hệ thống trường đại học, cao đẳng; (2) Điểm chuẩn của trường, điểm chuẩn của ngành; (3) Chỉ tiêu của trường, chỉ tiêu của ngành nghề; (4) Môi trường, điều kiện học tập; (5) Địa điểm trường đào tạo; (6) Mức học phí của trường; (7) Chất lượng đào tạo của trường...

GV trao đổi và hướng dẫn HS cách tìm kiếm thông tin về hệ thống trường đào tạo như:

- Tìm kiếm thông tin qua mạng, qua các trang website: Website của Bộ GD&ĐT, của các trường ĐH, CĐ; Các website cung cấp các thông tin hướng nghiệp uy tín: Tuổi trẻ, Dân trí, Thanh niên; www.emchonnghegi.edu.vn, www.cadasa.vn; <http://hocmai.vn/course/175/12/huong-nghiep.html>;

- Tìm thông tin qua sách, vở, tài liệu hướng nghiệp; Báo chí đó là: Cẩm nang tuyển sinh; Tủ sách hướng nghiệp Nhất nghệ tinh; sách Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm của Bộ GD&ĐT phát hành, các tập san của các báo Giáo dục, Tuổi trẻ, Thanh niên.

- Tham quan các trường ĐH, CĐ

Bước 4: Trợ giúp HS ra quyết định

- **Mục tiêu:** HS tự tin đưa ra được những quyết định chọn nghề phù hợp và đưa ra được cách giải quyết những khó khăn của bản thân một cách hợp lí nhất

- **Hình thức:** Tham vấn nhóm, tham vấn cá nhân

- **Nội dung và cách thức thực hiện:**

*** *Trợ giúp HS ra quyết định chọn nghề phù hợp***

- *Trợ giúp HS tự xác định mối liên hệ giữa khả năng, tính cách, sở thích của bản thân với các ngành nghề đào tạo*

Đây là một hành động rất khó khăn, đòi hỏi HS phải có khả năng phân tích để tìm ra mối liên hệ giữa đặc điểm của bản thân với những ngành, nghề nhất định, Các em càng phân tích được những đặc điểm của bản thân một cách kĩ càng, đầy đủ

và sâu sắc bao nhiêu thì việc liên hệ đến các ngành, nghề phù hợp càng chính xác bấy nhiêu.

Trong quá trình chọn nghề, bước này là bước rất quan trọng để có thể lựa chọn được nghề phù hợp hay không. Nhà tham vấn hướng dẫn HS phân tích, đối chiếu so sánh tính cách, năng lực, sở thích hứng thú, hoàn cảnh của bản thân với yêu cầu đặc điểm của nghề, với nhu cầu của xã hội. Mục đích nhằm để tìm ra được sự phù hợp giữa những đặc điểm đó và ngành, nghề lựa chọn với nhu cầu của xã hội.

Trong quá trình này HS phân tích, so sánh, liên kết giữa những đặc điểm của bản thân và kiến thức về nghề, về thị trường lao động của xã hội. Tức là so sánh những đặc điểm của bản thân bao gồm năng lực, giá trị, hứng thú, sở thích, tính cách và hoàn cảnh gia đình giữa kiến thức về nghề bao gồm hiểu biết về đặc điểm, nội dung, công cụ, môi trường, làm việc của nghề, những yêu cầu của nhà tuyển dụng, loại hình công việc. Quá trình phân tích được xem như quá trình đang được diễn ra để HS đánh giá được những gì các em biết, thông tin liên quan và những gì các em học được, sẽ giúp HS xác định rõ hơn về bản thân, về nghề và sự lựa chọn nghề của mình.

Trong quá trình đối chiếu, so sánh sẽ có rất nhiều tình huống xảy ra như: nghề phù hợp với tính cách nhưng không phù hợp với năng lực, nghề phù hợp năng lực nhưng lại không phù hợp với sở thích; Nghề phù hợp với tính cách, năng lực nhưng lại không phù hợp với nhu cầu lao động... Do vậy, nhà tham vấn phải hướng dẫn HS cân nhắc thật cụ thể để lựa chọn nghề cho phù hợp. Trong quá trình tham vấn nhà tham vấn luôn hướng dẫn cho HS phải biết cân bằng những lĩnh vực yêu thích với những điểm mạnh của bản thân và xác định được mục tiêu nghề nghiệp. Làm thế nào để có sự kết hợp tốt giữa những sở thích nghề nghiệp và những nét tính cách cá nhân trong quá trình chọn nghề.

Cách thức thực hiện:

- Phân tích đặc điểm tâm lí bản thân về năng lực, tính cách, sở thích và đưa ra 5 lựa chọn về ngành nghề có liên quan đến đặc điểm tâm lí trên
- Phân tích các yêu cầu về năng lực, phẩm chất cần có của nghề
- Tìm ra điểm chung giữa năng lực, tính cách, sở thích và yêu cầu về năng lực, phẩm chất của các nghề nói trên
- Trợ giúp HS xác định 3 dải nghề phù hợp, trường đào tạo dự kiến sẽ chọn

+ Tham vấn cho HS xác định 3 dải nghề phù hợp: Có nhiều lựa chọn khác nhau dựa trên sự kết hợp đa dạng của năng lực, giá trị, sở thích, tính cách, hứng thú của mỗi người. Lúc này HS sẽ đưa ra nhiều lựa chọn khác nhau về nghề nghiệp, trường thi phù hợp với năng lực, tính cách, hứng thú, sở thích, của mỗi em. Tuy nhiên nếu lựa chọn nhiều nghề quá HS sẽ rất lúng túng khi quyết định chọn nghề do vậy nhà tham vấn cần phải hướng dẫn HS thu hẹp sự lựa chọn về nghề nghiệp, bằng cách loại bỏ sự lựa chọn thay thế không cần thiết, không phù hợp với năng lực, tính cách, hứng thú, sở thích của bản thân. Hướng dẫn cho HS thực hiện theo cách thức sau đây:

- Sắp xếp theo thứ tự các ngành nghề có nhiều điểm chung nhất với đặc điểm bản thân

- Chỉ giữ lại các ngành nghề mà các em thấy phù hợp nhất ở trên

- Nếu không có lựa chọn nào giúp HS lựa chọn được nghề phù hợp thì HS cần phải mở rộng số lượng danh sách nghề và trường đào tạo mà HS quan tâm và sau đó xem xét lại những tiêu chuẩn gì là quan trọng nhất trong lựa chọn nghề. Kết quả của sự phân tích là có được một danh sách các ngành, nghề

Trợ giúp HS tìm trường đào tạo mà HS đã chọn. Nhiệm vụ của nhà tham vấn là hướng dẫn HS tìm được trường đào tạo ngành, nghề mà HS đã lựa chọn ở trên bằng cách: 1/ Liệt kê những trường mà có đào tạo các ngành nghề trên; 2/ Phân tích khả năng, năng lực học tập của bản thân; 3/ Xác định trường đào tạo phù hợp

- Trợ giúp HS phân tích, đối chiếu, so sánh mức độ phù hợp giữa bản thân và những dải nghề sẽ lựa chọn và ra quyết định chọn ngành, nghề phù hợp

+ Nhà tham vấn trao đổi với HS về sự phù hợp nghề đó là: Phù hợp nghề được xem là sự phù hợp, ăn khớp, sự tương xứng trong cặp “nghề - con người”, cụ thể hơn là sự tương ứng giữa những phẩm chất đặc điểm tâm - sinh lý của con người với những yêu cầu cụ thể của công việc trong nghề đối với người lao động. Có 4 mức độ sau đây:

(1) *Không phù hợp*: Sự chọn nghề không căn cứ vào năng lực, tính cách, sở thích của bản thân. Mà sự chọn nghề ở đây là theo bạn bè, theo sự áp đặt của cha mẹ, theo sự nổi tiếng của trường đào tạo....

(2) *Ít phù hợp*: Ở mức độ này, nhiều phẩm chất, nhiều đặc điểm tâm - sinh lý của người lao động không đáp ứng được hết những yêu cầu do nghề đặt ra. Nếu chỉ phù hợp một phần thì con người rất khó trở thành một chuyên gia giỏi trong nghề.

(3) *Tương đối phù hợp*: Trong trường hợp này, những phẩm chất cá nhân đáp ứng được hầu hết các yêu cầu cơ bản của nghề hoặc của nhóm nghề. Có được sự phù hợp này con người sẽ thuận lợi trong phấn đấu trở thành người lao động có tay nghề cao hoặc người dễ có được những thăng tiến trong nghề.

(4) *Phù hợp hoàn toàn (Ở mức lí tưởng)*: Đạt đến mức độ này, ta thấy con người đáp ứng được tất cả những yêu cầu cơ bản do nghề đặt ra. Dẫn đến việc khi tham gia nghề người lao động sẽ có năng suất lao động cao, thể hiện rõ xu hướng hoạt động và lý tưởng nghề nghiệp

Nhà tham vấn tiếp tục hướng dẫn HS so sánh đối chiếu bản thân với nghề đã lựa chọn:

Với khoảng 3 lựa chọn được xác định ở trên, Nhà tham vấn hướng dẫn HS phân tích từng điểm mạnh, điểm yếu của mình đối với yêu cầu, đặc điểm của từng ngành nghề. Phân tích ưu, nhược điểm về nghề mà mình lựa chọn. Cân nhắc những điều bất cập và lợi ích của mỗi lựa chọn đến bản thân và những người trong gia đình, bên cạnh đó HS cũng cần cân nhắc tới điều có lợi và có hại cho từng vùng miền có nền văn hóa riêng biệt và cộng đồng xã hội ở phạm vi rộng. Sau khi cân nhắc khía cạnh có lợi và có hại, HS đặc biệt ưu tiên tới quyết định của mình.

HS phân tích từng nghề theo cách sau đây:

- Phân tích kĩ càng từng nghề về ưu nhược điểm của ngành, nghề và ưu nhược điểm của bản thân

- Đối chiếu, so sánh với nhu cầu thị trường lao động, điều kiện gia đình

- Sắp xếp các ngành nghề, các trường đào tạo theo thứ tự ưu tiên

Với cách thức đó, HS dần dần khẳng định lại được bản thân mình và lựa chọn được ngành, nghề phù hợp nhất, như vậy, HS sẽ xác định đúng ngành, nghề mà mình lựa chọn.

Khi đã cân nhắc kĩ càng rồi thì HS sẽ tự tin ra quyết định cho mình. Lúc này Nhà tham vấn chỉ là người động viên và khẳng định những khả năng của HS để các em vững tin khi đưa ra sự lựa chọn phù hợp.

*** Trợ giúp HS giải quyết khó khăn khác**

Như ở trên đã đề cập đến HS gặp nhiều khó khăn, việc giải quyết khó khăn trong quá trình chọn nghề là tương đối khó, nhất là giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái trong việc lựa chọn ngành, nghề. Cụ thể:

- Nhà tham vấn định hướng cho HS thực hiện những nhiệm vụ sau:

+ Xác định khó khăn của bản thân

+ Xác định và phân tích được những lí do, những nguyên nhân dẫn đến những khó khăn đó

- GV hướng dẫn HS đưa ra các phương án giải quyết và phân tích những thuận lợi và khó khăn của những phương án mà HS đã đưa ra, trên cơ sở phân tích đó trợ giúp HS lựa chọn phương án giải quyết phù hợp nhất.

3.2.2.3. Giai đoạn 3: Tổng kết, đánh giá quá trình tham vấn

*** Tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm sau quá trình tham vấn nghề**

Tổng kết và đánh giá sau quá trình tham vấn nghề

- *Xem xét HS đã đạt được những gì so với lúc ban đầu:* Điều này là rất quan trọng, bởi khi chúng ta xem xét, đánh giá những kết quả đạt được so với mục tiêu. Kết quả đạt được có đúng với mục tiêu mà đã đặt ra hay chưa. Nếu mục tiêu chưa đạt được thì cần phải tìm ra được những nguyên nhân, những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện mục tiêu đó. Để từ đó, trong quá trình tham vấn lần sau sẽ hạn chế những nguyên nhân đó.

- *Xem xét vai trò của HS trong quá trình tham vấn và những kĩ năng mà HS học được:* Với việc xem xét vai trò của HS trong quá trình tham vấn để nhà tham vấn nhìn nhận lại việc nhà tham vấn đã phát huy đúng vai trò của các em hay chưa, nhà tham vấn có làm thay hoặc lấn vai của HS ở khâu nào. Từ đó nhà tham vấn rút kinh nghiệm cho bản thân mình trong quá trình tham vấn lần sau. Chính việc đánh giá và thực hiện đúng vai trò của nhà tham vấn, HS được thể hiện đúng vai trò của các em thì chính là điều kiện để HS hình thành và rèn luyện được những kĩ năng trong quá trình chọn nghề như: kĩ năng nhận thức và đánh giá bản thân, kĩ năng tìm kiếm thông tin, kĩ năng ra quyết định chọn nghề và kĩ năng lập kế hoạch nghề nghiệp.

- *Mức độ chọn nghề phù hợp sau khi tham vấn nghề:* Nhà tham vấn đánh giá được mức độ chọn nghề của các em ở mức độ cao hay thấp để từ đó nhà tham vấn rút ra những bài học kinh nghiệm cho lần sau

Tổng kết những vấn đề cần tham vấn liên quan đến lựa chọn ngành, nghề của HS

- *Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình tham vấn:* Chắc chắn trong quá trình tham vấn nghề cho HS, nhà tham vấn sẽ có những thuận lợi và gặp không ít khó khăn. Vì vậy, nhà tham vấn cần phải tổng kết được những khó khăn và thuận lợi để làm bài học cho bản thân và cho những nhà tham vấn khác khi thực hiện quá trình tham vấn nghề để hiệu quả của quá trình tham vấn nghề ngày một cao

- *Những vấn đề mà HS hay vướng mắc nhất:* Tìm ra được những vướng mắc cơ bản và phổ biến của HS để người nhà tham vấn có những hình thức, cách thức cũng như lựa chọn những nội dung tham vấn nghề phù hợp để tránh mất nhiều thời gian cũng như công sức của nhà tham vấn.

- *Những vấn đề mà tự mình bản thân HS không giải quyết được:* như những khó khăn xuất phát từ mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái trong việc chọn nghề, nếu bản thân HS gặp khó khăn trong quá trình giải quyết mâu thuẫn này thì nhà tham vấn cần có kế hoạch tham vấn cho cả cha mẹ HS để họ hiểu rõ hơn vấn đề chọn nghề của con em mình.

*** Rút ra những kết luận, đề xuất những giải pháp nâng cao GDHN**

- Rút ra những kinh nghiệm tham vấn nghề
 - + Xác định cụ thể, rõ ràng mục tiêu, nội dung, cách thức và hình thức tham vấn
 - + Tùy thuộc vào từng cá nhân HS, nhóm vấn đề mà nhà tham vấn có những cách thức triển khai khác nhau.
 - + Trong quá trình tham vấn nhà tham vấn luôn đề cao vai trò trọng tâm của HS, nhà tham vấn không làm thay, không quyết định thay và không đưa ra lời khuyên cho HS, mà chỉ giữ vai trò là người định hướng, trợ giúp cho HS
 - + Vận dụng những kỹ năng tham vấn một cách linh hoạt, tạo sự tương tác chặt chẽ giữa nhà tham vấn và HS.
 - Đề xuất những giải pháp nâng cao GDHN

3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NGHỀ CÓ HIỆU QUẢ

3.3.1. Về phía nhà trường:

Cần trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cho hoạt động GDHN nói chung và tham vấn nghề nói riêng, cụ thể:

- Cơ sở vật chất: mỗi nhà trường có một phòng tham vấn riêng, có đầy đủ bàn ghế rời, máy tính, máy chiếu để hỗ trợ quá trình tham vấn.

- Tài liệu: Trang bị đầy đủ các tài liệu liên quan đến GDHN như: Các cuốn sách “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ”, những bản mô tả nghề, hệ thống các trắc nghiệm hoặc những đĩa CD, VCD ghi lại thông tin về hệ thống trường đào tạo, những công việc cụ thể của các ngành, nghề trên thế giới và ở Việt Nam.

- Đặc biệt cần phải có sự ủng hộ từ phía lãnh đạo nhà trường, tạo mọi điều kiện, thời gian, không gian cũng như những cơ chế, chính sách cho các nhà tham vấn (GV) tham gia vào công tác GDHN nói chung và tham vấn nghề nói riêng.

3.3.2. Về phía GV:

- GV cần có kiến thức về tham vấn, có kiến thức về kỹ năng tham vấn và các kiến thức liên quan đến ngành nghề, hệ thống trường đào tạo và xu thế phát triển của nghề cũng như xu thế phát triển của xã hội.

- GV cần vận dụng những kỹ năng tham vấn một cách mềm dẻo, linh hoạt. Mỗi kỹ năng có những ưu thế riêng và mỗi bước tham vấn khác nhau sẽ có những kỹ năng chủ đạo do vậy GV cần biết vận dụng những kỹ năng mềm dẻo và linh hoạt. Trong quá trình tham vấn ngoài những kỹ năng như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng thấu hiểu,... thì kỹ năng thúc đẩy quá trình ra quyết định của HS là điều rất quan trọng. Khi HS ra quyết định chọn nghề, GV cần phải có sự đồng viên, khuyến khích và thể hiện sự tin tưởng vào HS khi các em ra quyết định. Điều này sẽ dẫn đến việc tự tin ra quyết định chọn nghề của các em.

- Kỹ năng sử dụng các trắc nghiệm: Khi làm trắc nghiệm, GV cần nắm vững những yêu cầu và kỹ thuật khi sử dụng các trắc nghiệm. Đặc biệt là kỹ năng phân tích kết quả trắc nghiệm. Tuy nhiên chỉ coi kết quả trắc nghiệm là một trong những cơ sở để đánh giá đặc điểm của HS.

- Kỹ năng tổ chức và điều hành nhóm: Ngoài những kỹ năng trên, kỹ năng tổ chức và điều hành nhóm rất quan trọng, trong quá trình tham vấn nhóm, nhà tham vấn (GV) cần phải hiểu rõ được vai trò của mình khi HS thảo luận nhóm, Làm thế nào để HS thực hiện được mục tiêu của mình đưa ra một cách tốt nhất. Vậy những kỹ năng tổ chức và điều hành nhóm bao gồm: Kỹ năng đưa và nhận thông tin phản hồi, kỹ năng điều hành nhóm, kỹ năng quản lý nhóm... Vận dụng những kỹ năng này GV sẽ giúp HS đạt được mục tiêu, hoàn thành được nhiệm vụ đã giao.

- GV nhận thức và đánh giá được những yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề của HS. GV cần có hiểu biết về sự ảnh hưởng của văn hóa địa phương, thông tin đại chúng, hoàn cảnh gia đình, giới tính, đặc điểm tâm sinh lí của HS. Việc lựa chọn nghề nghiệp của HS bị chi phối bởi nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Một mặt sự lựa chọn nghề nghiệp hướng tới sự thoả mãn những nhu cầu hoạt động, hứng thú, khả năng, sở thích cá nhân mỗi HS đối với nghề nghiệp tương lai; mặt khác sự lựa chọn ấy lại chịu sự chi phối của những tác động và chế ước của hoàn cảnh xã hội mà họ đang sống. Những nguyên nhân chủ quan và khách quan này không tồn tại riêng rẽ mà xâm nhập vào nhau, tác động lẫn nhau trong việc chi phối sự lựa chọn nghề của HS. Bởi vậy, tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề của HS THPT là cần thiết và quan trọng điều này giúp cho GV có được những đánh giá đúng đắn hơn về những quan điểm, tư tưởng chọn nghề của HS để từ đó có những sự định hướng phù hợp đối với từng em.

3.3.3. Về phía HS

- HS tích cực và chủ động trong quá trình lựa chọn nghề của bản thân. HS cần chủ động trong việc tự tìm hiểu bản thân, chủ động trong việc tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin và lựa chọn thông tin của HS: vì có như vậy HS mới hiểu mình hơn, hiểu về thế giới nghề hơn do đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tham vấn nghề, giúp cho tiến trình tham vấn nghề diễn ra một cách nhanh chóng và thuận lợi hơn.

- Cần chủ động hợp tác và hợp tác chặt chẽ với GV trong quá trình tham vấn. Sự hợp tác này thể hiện ở sự tôn trọng những ý kiến của GV, thực hiện những yêu cầu của GV một cách nghiêm túc, sẵn sàng trao đổi, chia sẻ những khó khăn trong sự lựa chọn nghề của bản thân. Điều đó sẽ giúp cho quá trình tham vấn nghề đạt hiệu quả.

3.4. THỰC HIỆN MẪU QUY TRÌNH THAM VẤN NGHỀ

Dưới đây là quá trình tham vấn nghề mà tác giả đã thực hiện tham vấn nghề cho nhóm HS và cho cá nhân HS điển hình ở THPT thành phố Hà Nội. Quá trình tham vấn mẫu này có tác dụng chỉ dẫn cho nhà tham vấn (GV) khi muốn tiến hành tham vấn nghề cho HS theo quy trình tham vấn đạt hiệu quả. Dưới đây là quá trình tham vấn của tác giả cho nhóm đối tượng đó. Ở đây, chúng tôi chỉ mô tả giai đoạn 2: Giai đoạn tham vấn nghề. Vì giai đoạn 1 đã được thực hiện với toàn lớp và đã có

kết quả cụ thể về nhận thức và đánh giá bản thân, kết quả hiểu biết về ngành nghề, trường dự định thi của HS. Dựa trên kết quả đã có được ở giai đoạn 1, chúng tôi tiến hành tham vấn nghề cho HS một cách chi tiết giai đoạn 2.

3.4.1. Mô tả quy trình tham vấn cho nhóm HS

Trường hợp nhóm ở đây là gặp phải vấn đề đó là các em HS nhận thức và đánh giá chưa đầy đủ về bản thân như: tính cách, sở thích, năng lực; thiếu hiểu biết về ngành nghề và trường dự định thi. Do vậy các em này chưa chọn được nghề phù hợp.

Buổi 1:

Thiết lập mối quan hệ

GV: Chào các em, hôm nay cô trò mình cùng tiếp tục thực hiện công việc chọn nghề của các em nhé! Em nào cho cô biết là nhóm chúng ta hôm nay cần giải quyết vấn đề gì?

HS: Chọn nghề ạ

GV: Đúng rồi, chúng ta phải chọn nghề và chọn nghề phù hợp. Vậy khi các em chọn nghề phù hợp thì cần phải căn cứ vào tiêu chí nào để chọn?

HS: Căn cứ vào năng lực, sở thích ạ!

GV: Ngoài năng lực và sở thích, chúng ta còn phải căn cứ vào tính cách cũng như nhu cầu của xã hội và các đặc điểm khác của bản thân và của gia đình.

Tất cả các em ở đây đều mong muốn tìm và lựa chọn cho mình được ngành nghề phù hợp nhất đúng không? Vì vậy để quá trình làm việc của cô trò mình đạt hiệu quả thì chúng ta cần có những nguyên tắc làm việc như sau:

- Thứ nhất, các em cần cởi mở, chia sẻ với bạn, với cô về tất cả những suy nghĩ của bản thân, không e ngại, không giấu diếm, các em có nhất trí không?

- Thứ hai, khi một thành viên khác đang nói, các thành viên còn lại cần phải lắng nghe, và đóng góp ý kiến cho bạn

- Thứ ba, các em sẽ làm chủ trong quá trình này và cô giáo chỉ là người trợ giúp khi thấy cần thiết do vậy các em cần phải tích cực, chủ động trong quá trình thảo luận

- Thứ tư, về cách làm việc: trước mỗi một vấn đề, từng em làm việc cá nhân trước, các em sẽ phân tích, chia sẻ những thông tin về vấn đề của bản thân, sau đó các thành viên khác sẽ chia sẻ, đóng góp ý kiến bổ sung cho bạn khi cần thiết

Bây giờ còn em nào có ý kiến gì không? Nếu không thì chúng ta cùng nhau tiến hành thực hiện nhiệm vụ của mình.

Trợ giúp HS nhận thức vấn đề

** Trợ giúp HS nhận thức và đánh giá bản thân*

GV: Các em có biết vì sao các em chưa chọn được nghề cho mình không?

HS: + HS1: Chưa hiểu biết về ngành nghề ạ

+ HS2: Chưa biết mình phù hợp với ngành nghề nào ạ

GV: Tại sao các em lại không biết mình phù hợp với ngành nghề nào?

HS: ***Vì chưa hiểu rõ bản thân mình ạ!***

GV: Vậy hiểu rõ bản thân mình là hiểu cái gì về bản thân?

HS: Hiểu về năng lực, tính cách, sở thích của mình ạ

GV: Vậy khi các em đã hiểu bản thân mình rồi, nhưng vẫn lúng túng khi lựa chọn ngành nghề, vậy còn nguyên nhân nào nữa không?

HS: - ***Nhiều ngành nghề quá mà không biết lựa chọn ngành nghề nào ạ***

- ***Không hiểu hết về ngành nghề mà mình lựa chọn ạ***

Như vậy, HS đã nhận thức được vì sao các em chưa lựa chọn được ngành nghề, lí do ở đây là HS chưa nhận thức rõ về bản thân, chưa hiểu hết ngành nghề mà mình lựa chọn

Trợ giúp HS giải quyết vấn đề

GV: Các em nói rất đúng, khi chưa biết mình phù hợp với ngành nghề nào có nghĩa là các em chưa hiểu rõ mình là ai, mình có khả năng gì và mình thực sự thích làm gì? Bên cạnh đó, thiếu hiểu biết về ngành, nghề, trường thi cũng làm cho chúng ta lúng túng trong sự lựa chọn nghề. Vậy ở những buổi trao đổi này, chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu bản thân mình, tìm hiểu về ngành nghề và trường thi để chúng ta có sự lựa chọn phù hợp nhất.

** Trợ giúp HS tìm hiểu về bản thân*

Bây giờ, vấn đề đầu tiên mà cô muốn các em tìm hiểu đó là tìm hiểu về bản thân mình, khi các em đã hiểu rõ bản thân mình thì các em sẽ có thể tìm hiểu được ngành nghề cho mình. Các em hãy:

- Từng em phân tích về bản thân mình: khả năng, năng lực, sở thích, hứng thú.

Nếu HS nào chưa có khả năng đưa ra được những đặc điểm về bản thân thì GV hỗ trợ bằng các câu hỏi: Em đạt điểm cao ở những môn học nào nhất? em thích

tham gia những hoạt động nào? Những hoạt động đó em thường có vai trò gì? Lúc rỗi rảnh em thường thích làm gì?....

- Các thành viên trong nhóm lắng nghe, nhận xét và bổ sung về những đặc điểm còn thiếu của các bạn mà các bạn chưa nhận ra

- So sánh, đối chiếu với kết quả trắc nghiệm, với kết quả học tập, với kết quả tự đánh giá trong phiếu điều tra

Sau khi HS phân tích, tự đánh giá bản thân, cùng với kết quả của trắc nghiệm, kết quả học tập và thông qua trao đổi, đóng góp của bạn bè, hướng dẫn của GV, mỗi HS sẽ đánh giá bản thân mình một cách sâu sắc và toàn diện hơn.

GV: Như vậy là các em đã biết rõ về bản thân mình rồi, để hiểu rõ hơn nữa về bản thân các em cần tìm hiểu thông qua bố mẹ, thầy cô giáo đặc biệt là GV chủ nhiệm. Từ những đặc điểm về bản thân các em hãy đánh giá việc lựa chọn ngành, nghề và trường thi của mình đã phù hợp chưa?

*** Trợ giúp HS lựa chọn ngành, nghề phù hợp**

GV: Mỗi em hãy tự nhận định về sự lựa chọn ngành, nghề trường thi của bản thân, bằng cách:

- Dựa trên kết quả trắc nghiệm, dựa trên kết quả nhận thức và đánh giá về bản thân: năng lực, tính cách, sở thích mà các em vừa xác định xong, các em hãy liên hệ đến những ngành nghề mà yêu cầu của những ngành nghề đó tương ứng với những năng lực, tính cách, sở thích của bản thân. Mỗi em tìm cho cô tối đa 5 ngành nghề phù hợp với những đặc điểm của bản thân, và cần phân tích tại sao các em lại lựa chọn 5 ngành, nghề đó?

HS: Mỗi em sẽ tự lựa chọn cho mình 5 ngành nghề tương ứng với những đặc điểm của tính cách, năng lực, sở thích. Và các em đã phân tích với các bạn trong nhóm về lí do mình lựa chọn các ngành nghề đó. Các HS trong nhóm đã bổ sung và đóng góp cho bạn để hiểu rõ hơn việc lựa chọn ngành nghề.

Tuy nhiên, khi thảo luận đến đây, nhà tham vấn (GV) không nên tiếp tục buổi thảo luận vì như vậy buổi thảo luận sẽ bị kéo dài và sẽ không hiệu quả do vậy nên dừng lại buổi tham vấn ở đây. Và nhất thiết phải giao nhiệm vụ về nhà cho các em.

GV: Bây giờ cô giao nhiệm vụ về nhà cho các em:

- Thứ nhất: Suy nghĩ thêm về bản thân và sự việc lựa chọn ngành, nghề

- Thứ hai: Tìm thông tin về ngành, nghề mà các em đã lựa chọn

- Thứ ba: Tìm những trường đào tạo những ngành, nghề mà các em đã lựa chọn.

GV: Tuy nhiên, để làm được nhiệm vụ thứ hai, chúng ta cần thảo luận thêm một chút nữa: hãy cho cô biết muốn tìm thông tin về ngành, nghề, trường thì cần tìm những thông tin nào? Và tìm ở đâu?

HS: - Tìm hiểu về ngành, nghề đó sau này xin việc có dễ không? Lương có cao không? Và ra trường làm việc ở đâu ạ (Với câu trả lời này, chúng tôi HS thiếu hiểu biết về ngành nghề, chưa biết được những thông tin cơ bản về ngành, nghề cần tìm là gì)

GV: Tại sao các em lại lựa chọn ngành nghề đó? Ngành nghề đó có liên quan gì đến năng lực, phẩm chất, tính cách của các em không? Ngành nghề đó có những đặc điểm như thế nào? Tại sao ngành nghề đó phù hợp với người này mà không phù hợp với người khác? Ngoài những thông tin đó, thì cần tìm hiểu thêm những thông tin nào nữa?

HS: - Tìm hiểu về những yêu cầu của ngành nghề: ngành nghề đó đòi hỏi con người có những năng lực, phẩm chất nào.

- Theo như chúng em được biết thì cần phải tìm hiểu về ý nghĩa, công cụ, nội dung của ngành nghề đó nữa ạ

- Ngành nghề đó cần đòi hỏi thể lực và sức khỏe phù hợp nữa ạ

GV: Đúng như vậy, các em đã xác định được những thông tin mà mình cần phải tìm hiểu. Vậy các em sẽ tìm những thông tin đó ở đâu?

HS: Chúng em sẽ tìm hiểu qua Internet; cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH và CĐ của Bộ GD&ĐT”; bố mẹ, thầy cô, bạn bè, anh chị sinh viên quen biết đang học trong các trường đó ạ...

Buổi 2:

Trợ giúp HS giải quyết vấn đề

Sau khi HS đã lựa chọn được ngành, nghề, trường đào tạo, tìm được những thông tin về ngành, nghề, về trường đào tạo, GV tiếp tục hướng dẫn các em tìm ra những ngành, nghề phù hợp nhất với khả năng, học lực, tính cách và sở thích của bản thân, GV tiếp tục trợ giúp HS khẳng định những kết quả mà các em đã lựa chọn. Bằng cách:

GV: Mỗi em báo cáo kết quả về ngành, nghề đào tạo đã lựa chọn và giải thích tại sao lại chọn ngành, nghề đó? Và báo cáo kết quả về những thông tin mà các em

đã tìm được về những ngành, nghề đó. Còn các em khác trong nhóm lắng nghe, thảo luận, chia sẻ, bổ sung, góp ý cho các thành viên cho bạn nhé!

HS: Từng HS thực hiện nhiệm vụ của mình, các em đã báo cáo, giải thích được tại sao lại lựa chọn những ngành, nghề đó và đưa ra được nhiều thông tin về các ngành nghề. Các thành viên trong nhóm chia sẻ với nhau, bổ sung cho nhau để các em có được những thông tin đầy đủ nhất.

GV lắng nghe, khẳng định sự lựa chọn của HS, nếu cần thiết thì định hướng lại cho các em

Trợ giúp HS ra quyết định chọn ngành, nghề phù hợp nhất

GV: Như vậy các em đã có đầy đủ thông tin về các ngành, nghề, đã hiểu rõ về bản thân, vậy làm thế nào để có thể lựa chọn được ngành nghề phù hợp nhất trong số những ngành, nghề mà các em đã chọn? Muốn làm được như vậy, các em hãy:

- Liệt kê tất cả những đặc điểm của bản thân về sở thích, tính cách, năng lực
- Liệt kê những yêu cầu của từng ngành, nghề
- Sau đó căn cứ vào năng lực, sở thích, tính cách so sánh với những yêu cầu của ngành, nghề để tìm ra những đặc điểm chung nhất giữa ngành, nghề và đặc điểm của bản thân.
- Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên: từ ngành, nghề nào có nhiều điểm chung nhất với đặc điểm bản thân thì xếp thứ nhất, cứ dần dần như vậy làm cho đến hết các ngành, nghề mà các em đã lựa chọn.

HS: Mỗi em sẽ tự làm và sau đó chia sẻ với các bạn, các bạn lại bổ sung, đóng góp ý kiến để các em hoàn thành được nhiệm vụ của mình.

Bằng cách phân tích, so sánh, đối chiếu, sắp xếp như vậy, HS sẽ lựa chọn được ngành, nghề phù hợp với khả năng, năng lực, sở thích, tính cách của bản thân. HS tự tin ra quyết định lựa chọn được ngành, nghề phù hợp nhất.

GV: Bây giờ chúng ta làm công việc cuối cùng đó là lựa chọn trường thi. Với ngành, nghề mà các em đã lựa chọn được thì các em xem có những trường nào đào tạo những ngành, nghề đó? Theo các em, khi lựa chọn trường thi thì chúng ta căn cứ vào những yếu tố nào?

HS: Thừa cô, cần căn cứ vào học lực ạ!

GV: Đúng rồi, bên cạnh đó chúng ta cần căn cứ chỉ số thông minh nếu có. Vậy khi tìm hiểu về trường, chúng ta cần tìm hiểu những thông tin nào?

HS: Thưa cô, tìm hiểu về điểm tuyển sinh của trường, tỉ lệ cạnh tranh, chỉ tiêu của trường ạ!

GV: Ngoài những thông tin đó ra, cần tìm hiểu thêm những thông tin nào nữa?

HS:????

GV: Chúng ta cần tìm hiểu chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, điểm tuyển sinh của ngành, môi trường học tập của trường đó, học phí của trường, khoảng cách của trường. Vậy từ các ngành, nghề đó các em hãy tìm cho mình những trường đào tạo phù hợp với những ngành, nghề mà các em đã lựa chọn.

HS: Mỗi HS tự tìm hiểu để tìm ra trường đào tạo phù hợp

GV: Sau khi các em tìm được trường đào tạo rồi, hãy phân tích và giải thích cho cô và các bạn biết tại sao lại lựa chọn trường thi đó?

HS: Từng HS trình bày, các thành viên trong nhóm lắng nghe, trao đổi, chia sẻ thông tin, phân tích sự lựa chọn của từng thành viên trong nhóm và đưa ra ý kiến đóng góp cho bạn và nhận xét sự lựa chọn trường của bạn là đúng hay sai

GV: Khi lắng nghe HS trình bày, GV có thể trao đổi, định hướng cho HS thông qua một số câu hỏi:

+ Kết quả học tập của em như thế nào?

+ Điểm tuyển sinh của trường đó hai năm vừa rồi là bao nhiêu?

+ Với kết quả học tập đó, với điểm tuyển sinh của trường đó thì sự lựa chọn của em đã phù hợp chưa?

GV: Mỗi em liệt kê những đặc điểm về trường mà các em đã lựa chọn: điểm tuyển sinh của trường, điểm tuyển sinh của ngành, tỉ lệ cạnh tranh, chỉ tiêu của trường, chỉ tiêu của ngành

- So sánh, đối chiếu với học lực, kết quả học tập, chỉ số thông minh

- Căn cứ vào sở thích của bản thân

- Sắp xếp từ trên xuống dưới những trường phù hợp với bản thân nhất

HS: Mỗi HS tự làm và sau đó chia sẻ với các bạn, các bạn sẽ đóng góp ý kiến, bổ sung.

Với sự hướng dẫn của GV, HS sẽ tự lựa chọn được trường thi phù hợp với khả năng, năng lực học tập, sở thích của bản thân, HS sẽ tìm được trường mà các em thấy phù hợp nhất. Từ đó HS tự tin ra quyết định chọn trường phù hợp với bản thân mình.

GV: Như vậy, hôm nay mỗi em đã tìm ra được những ngành, nghề, trường thi phù hợp nhất, nhưng các em cần về nhà tìm hiểu thêm về những ngành, nghề, về những trường đào tạo để bổ sung những thông tin cho đầy đủ nhé!

Kết quả: *Tất cả HS trong nhóm đã tìm ra được những ngành nghề, trường dự định thi cho bản thân, và tất cả các em đều hài lòng với kết quả của mình, các em không còn băn khoăn, lo lắng nữa.*

3.4.2. Mô tả quy trình tham vấn cho cá nhân HS

3.4.2.1. Mô tả trường hợp

Trần Văn V: Em V là HS lớp 12^a15 trường THPT Ngọc Tảo, Học lực khá. Bố mẹ đều làm ruộng. Kinh tế gia đình ở mức trung bình. Một số đặc điểm cơ bản về V: Học lực: Khá; Khối ôn thi: A; Ba môn ôn thi là Toán: 8,5; Lí: 8,3; Hóa: 8,8. Tính cách, Khí chất: bình thản, Khả năng nghề nghiệp: Kỹ thuật, nghiên cứu; Sở thích nghề nghiệp: Kỹ thuật, điện tử

Trước khi tham vấn thì khả năng nhận thức bản thân: ĐTB=1,67; Nhận thức về nghề: ĐTB = 1,62; Nhận thức về trường: ĐTB= 0,6.

Trao đổi với bố mẹ, thì được biết là bố mẹ của V rất quan tâm tới việc học của con, cũng lo lắng cho việc lựa chọn trường thi, ngành nghề của con mình. Tuy nhiên, bố mẹ em nói là việc lựa chọn ngành, nghề, và trường dự thi là do con cái quyết định, bố mẹ chỉ biết động viên em để em học tốt.

Trao đổi với GV chủ nhiệm thì được biết: V là HS khá trong lớp, nhưng ít nói, tính tình điềm đạm, nhút nhát trong quá trình giao tiếp, ít tham gia hoạt động của lớp.

Sau khi tham gia quá trình tham vấn nhóm về những nội dung: tìm hiểu về bản thân, tìm hiểu về nghề, về thị trường lao động và ra quyết định chọn nghề, em đã đạt những mức độ tốt ở nội dung tìm hiểu về bản thân, có sự hiểu biết về nghề, và chọn được nhiều ngành nghề tuy nhiên lại lúng túng trong việc đưa ra quyết định chọn nghề gì là phù hợp nhất.

3.4.2.1. Tiến hành tham vấn theo quy trình

Buổi 1:

Thiết lập mối quan hệ

GV: Chào em, em đến đây gặp cô không biết là em gặp khó khăn trong quá trình chọn nghề của mình?

HS: Thưa cô, em đang lúng túng không biết mình nên chọn ngành nghề gì và học trường nào, vì em thấy khó ra quyết định quá cô ạ.

GV: Cô rất vui vì em đã mạnh dạn chia sẻ với cô điều đó. Cô tin tưởng rằng, sau buổi trò chuyện giữa cô trò mình em sẽ có được những quyết định đúng đắn nhất trong chọn nghề.

HS: Vâng ạ, em cũng rất mong điều đó cô ạ!

GV: Vậy thì buổi nói chuyện hôm nay, cô trò mình cùng nhau trao đổi, chia sẻ, em đừng ngại ngần khi đưa ra ý kiến của mình. Trong những buổi này, em là người hoàn toàn quyết định, và cô sẽ là người trợ giúp, định hướng cho em để em có những quyết định đúng nhất. V có nhất trí với cô như vậy không?

HS: Vâng ạ.

Trợ giúp HS nhận thức vấn đề

GV: Như lúc đầu gặp cô, V có nói là em không biết quyết định lựa chọn ngành nghề nào đúng không? Em có biết vì sao mình lại không biết quyết định lựa chọn ngành, nghề nào không?

HS: Em thấy nhiều ngành nghề mà em lựa chọn, ngành nghề nào cũng thấy hay và thấy hợp với em cô ạ, nên em không biết lựa chọn ngành, nghề nào.

GV: Vậy em đã lựa chọn được những ngành nghề nào rồi?

HS: Công nghệ thông tin, cơ khí, công an cô ạ!

GV: Vậy vì sao em lại lựa chọn những ngành nghề đó?

HS: Vì những ngành nghề đó em thấy phù hợp với em, với sở thích và khả năng của em.

GV: V cho cô hỏi nhé: hôm trước em đã cùng các bạn tìm hiểu và đánh giá về bản thân mình rồi đúng không? Em có thể nói lại cho cô biết về bản thân mình? V hãy nói cho cô biết em có những khả năng gì? Em là người như thế nào? Và sở thích của em là gì?

HS: Dạ, hôm trước được sự hướng dẫn của cô, em cùng các bạn đã hiểu về chính bản thân mình một cách rõ ràng rồi ạ: Em là người trầm tính, ngại giao tiếp với các bạn, ít nói chuyện, đối với bạn bè thì em chơi với các bạn rất chân thành cô ạ. Còn về năng lực thì em thấy em có khả năng tính toán, tư duy khá tốt, em thấy em cũng cận thận ạ, các bạn em thường khen em là có khả năng quan sát vì khi các bạn chưa phát hiện ra em đã nhận ra được những điểm khác biệt của các bạn khác rồi ạ. Bên cạnh đó, em thích máy móc, nhưng không phải sửa chữa đâu ạ, em chỉ thích đem nó ra mày mò xem nó được thiết kế như thế nào thôi ạ. Em thích tìm

hiểu, khám phá về kỹ thuật cô ạ!

GV: Như vậy em đã hiểu rất rõ về bản thân mình, cô nói lại về em như thế này xem có đúng không nhé: Em là người trầm tính, có khả năng quan sát, tư duy, tính toán tốt và thích tìm hiểu, khám phá đúng không? Và như trong trắc nghiệm thì em đạt điểm cao nhất ở khả năng về *Thực tế - kỹ thuật; Văn phòng*. Và em đã lựa chọn được 3 ngành nghề là *Công nghệ thông tin, cơ khí, công an*.

Vậy, em đã cùng các bạn phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, những yêu cầu đầy đủ về các ngành nghề đó chưa?

HS: Dạ, hôm trước cùng với các bạn, chúng em cũng phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và cũng như những yêu cầu của ngành. Nhưng cái khó là em chưa quyết định được cho bản thân mình là chọn nghề nào phù hợp nhất cô ạ,

GV: Em đã làm theo hướng dẫn của cô là lập một bảng về các ngành, nghề, các yêu cầu của nghề rồi đánh dấu xem ngành nghề nào phù hợp nhất với bản thân mình chưa?

HS: Thưa cô, em đã làm rồi ạ, nhưng mà khi em lập bảng em thấy khó xác định về những yêu cầu năng lực của các ngành, nghề, vì nó có nhiều ngành, nghề quá cô ạ. Ví dụ như công nghệ thông tin thì trong đó có khoa học máy tính, có quản trị mạng....

GV: Như vậy là em thấy khó khi chưa biết hết được yêu cầu của các nghề mà em thích chứ gì? Vậy thì đến bây giờ em biết là vì sao em lại thấy khó như vậy không?

HS: *Có lẽ em chưa tìm hiểu hết về ngành nghề một cách cụ thể cô ạ!*

Trợ giúp HS giải quyết vấn đề

GV: Đúng rồi, như vậy, em thấy khó khi đưa ra quyết định là bởi vì em chưa thật sự tìm hiểu cụ thể về từng ngành nghề. Vậy thì bây giờ V hãy về nhà và đọc trong cuốn “Tìm hiểu các trường ĐH qua những số liệu tuyển sinh nhé” và lên mạng tìm hiểu thêm. Em đã biết mình cần phải tìm những thông tin nào chưa?

HS: Em biết cần phải tìm hiểu về yêu cầu phẩm chất, năng lực của người làm trong ngành, nghề đó, đặc điểm của các ngành nghề đó và các trường đào tạo, nơi làm việc, và công việc cụ thể sau này ạ.

GV: Khi tìm hiểu xong những thông tin đó thì em cần phải làm gì?

HS: Em cần phải phân tích những ưu nhược điểm của từng ngành, nghề so với

đặc điểm tâm lí của bản thân em và những yếu tố khác như nhu cầu của xã hội và điều kiện gia đình. khi đọc và tìm hiểu trên mạng, em phải tự hỏi xem mình có thích học ngành này không, và nếu thích thì mình có đủ khả năng học hay không?

GV: Như vậy là em đã biết mình cần phải làm gì? Nếu như em đã tìm hiểu được thông tin rồi mà vẫn còn thấy khó thì cô trò mình lại gặp nhau và cùng giải quyết vấn đề của em nhé.

HS: Vâng ạ, em chào cô ạ!

Buổi 2:

Trợ giúp HS ra quyết định chọn nghề

GV: Chào em, như hôm trước cô trò mình đã giao hẹn, em đã về nhà tìm hiểu kĩ những thông tin về ngành nghề chưa? Và em đã tìm hiểu được những gì về các ngành nghề đó?

HS: Em đã tìm hiểu ở các cuốn sách tham khảo, xem trên trang mạng của các trường về các ngành nghề đó. Ở đó có nhiều thông tin về những môn học, yêu cầu về năng lực, phẩm chất của các ngành, nghề đó. Em đã tìm hiểu được về các ngành nghề đó một cách đầy đủ nhất rồi ạ.

GV: Em đã quyết định chọn ngành nghề nào rồi?

HS: Thưa cô em đã tìm hiểu kĩ rồi ạ, và theo sự hướng dẫn của cô ngày hôm trước, em đã cân nhắc kĩ càng, đã so sánh và đối chiếu từng ngành, nghề và kết quả là em đã tìm ra được ngành, nghề cho mình rồi ạ.

GV: Cô rất vui khi nghe em nói vậy, vậy V có thể nói cho cô biết em đã lựa chọn ngành nghề nào để đăng kí thi?

HS: Thưa cô vì em thích tính toán, thích được tìm hiểu khám phá, nghiên cứu nên **em sẽ chọn Công nghệ kĩ thuật điện tử, truyền thông** ạ.

GV: Vậy em biết ngành, nghề của em có các trường đào tạo nào? Ra trường làm những việc gì? Và làm việc ở đâu?

HS: Trường ĐH Bách khoa, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp, trường ĐH Điện lực, ĐH Công nghiệp HN, trường ĐH Nông nghiệp, ĐH Mỏ - Địa chất, Nhưng em thi vào ĐH Bách khoa và cô ạ, vì em thích trường đó, trường đó nổi tiếng, khó nhưng khả năng em có thể thi được.

Ra trường em sẽ trở thành một kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện tử có thể làm việc ở các công ty, tập đoàn Bưu chính viễn thông, tại các phòng kỹ thuật của các đài truyền thanh, truyền hình, các cục Bưu điện.... nhiều lắm ạ!

GV: Ngoài trường trường ĐH Bách khoa Hà Nội thì em còn dự định đăng kí vào trường nào nữa?

HS: Vì là thi khối A, nên các trường đều thi cùng một đợt nên em chọn thi ĐH Bách khoa Hà Nội, ngoài ra em sẽ đăng kí nguyện vọng 2 vào trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

GV: Như vậy là tốt rồi, vậy em đã chọn được ngành nghề phù hợp với em, đã lựa chọn được trường thi, em có thể yên tâm học cho tốt để thi vào ngành và trường mình muốn đăng kí. Cô chúc em thành công!

HS: Em cảm ơn cô ạ! Em chào cô ạ!

Như vậy, em V đã quyết định thi ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông và dự thi vào trường ĐH Bách khoa Hà Nội

Kết luận chương 3

1. Để tham vấn nghề trở thành một con đường GDHN có hiệu quả, cần thực hiện theo quy trình hợp lí và logic. Việc xây dựng quy trình tham vấn phải tuân theo các nguyên tắc: Quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN được xây dựng trên cơ sở quy trình tham vấn tâm lí và quy trình tư vấn hướng nghiệp; đảm bảo phù hợp với mục tiêu GDHN ở THPT; đảm bảo tính hiệu quả và khả thi; đảm bảo lợi ích của học sinh; tôn trọng và hợp tác với HS; linh hoạt mềm dẻo trong quá trình tham vấn.

2. Quy trình hoạt động tham vấn nghề được xây dựng với những mục tiêu, nội dung, cách thức và hình thức tham vấn cụ thể, rõ ràng. Quy trình gồm 3 giai đoạn: 1/ Khảo sát tìm hiểu đặc điểm HS; 2/ Tham vấn nghề cho HS; 3/ Tổng kết, đánh giá quá trình tham vấn và 11 bước. Trong quá trình tham vấn GV trợ giúp tự đánh giá trình độ, hiểu biết, tính cách, năng lực của bản thân; trợ giúp HS giải tỏa những khó khăn tâm lí liên quan đến việc chọn khối thi, trường thi, ngành thi và nghề nghiệp tương lai; trợ giúp HS chọn được ngành, nghề phù hợp với bản thân, nhu cầu nhân lực của xã hội. Đồng thời sau khi thực hiện quy trình tham vấn này, kĩ năng tham vấn nghề của nhà tham vấn (GV) sẽ được nâng lên, HS có năng lực tự đánh giá bản

thân, có khả năng hiểu biết đầy đủ về ngành, nghề đào tạo, trường thi, tự tin ra quyết định chọn nghề phù hợp.

3. Để thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề đạt hiệu quả trong GDHN cần phải đảm bảo những yêu cầu sau: Cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu của công tác tham vấn; GV nắm vững và thực hiện đúng quy trình tham vấn, sử dụng thành thạo các trắc nghiệm đánh giá đặc điểm tâm lí HS; Hiểu biết sâu sắc về ngành, nghề đào tạo, hệ thống giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; HS cần tích cực, chủ động hợp tác với GV trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp để được GV tham vấn một cách kịp thời nhằm lựa chọn được ngành, nghề phù hợp với bản thân. Nếu đáp ứng được tốt những yêu cầu đó, sẽ đảm bảo quá trình hoạt động tham vấn nghề cho HS đạt được kết quả cao, góp phần nâng cao chất lượng GDHN nói chung và tham vấn nghề nói riêng ở trường THPT.

CHƯƠNG 4

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

Quy trình hoạt động tham vấn nghề mà luận án xây dựng ở chương 3 cần phải được TN để khẳng định tính khả thi và hiệu quả sử dụng của nó. Trước khi tiến hành TN sư phạm, chúng tôi đã tiến hành khảo nghiệm nhằm xin ý kiến các chuyên gia TLH, GDH, đặc biệt là các chuyên gia trong lĩnh vực GDHN và tư vấn, tham vấn ngành, nghề. Kết quả khảo nghiệm cho thấy gần 100% ý kiến các chuyên gia cho rằng quy trình tham vấn nghề trong GDHN của luận án là có tính khả thi và mang lại hiệu quả nhất định (Phụ lục 4.1). Để khẳng định điều đó, chúng tôi tiếp tục tiến hành TN sư phạm. Quá trình TN và kết quả TN được trình bày và phân tích dưới đây.

4.1. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1.1. Mục đích thực nghiệm

TN được tiến hành nhằm kiểm tra tính đúng đắn của giả thuyết khoa học, qua đó khẳng định tính khả thi của quy trình hoạt động tham vấn nghề đã xây dựng (*xem Mục 3.2, Chương 3*)

4.1.2. Đối tượng thực nghiệm và thời gian tiến hành thực nghiệm

* *Đối tượng của TN đợt 1* (xem bảng 4.1): HS lớp 12A3 trường THPT Nguyễn Gia Thiều

* Thời gian TN: Học kì 1 năm học 2013 – 2014

Bảng 4.1. Đối tượng TN đợt 1

Lớp	Số số	Học lực									
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN1 (12A3)	45	24	53,3	21	46,7	0	0	0	0	0	0
ĐC1 (12A1)	45	26	57,8	19	42,2	0	0	0	0	0	0

* *Đối tượng của TN đợt 2* (xem bảng 4.2): HS lớp 12A15 trường THPT Ngọc Tảo

* *Thời gian: Học kì 2 năm học 2013 – 2014*

Bảng 4.2. Đối tượng TN đợt 2

Lớp	Số sĩ	Học lực									
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN2 (12A15)	45	3	6,7	23	51,1	19	42,2	0	0	0	0
ĐC2 (12A6)	47	4	8,5	23	48,9	20	42,6	0	0	0	0

Việc lựa chọn các lớp TN và ĐC đã đảm bảo nguyên tắc lựa chọn đối tượng trong nghiên cứu TN, đó là có sự tương đương nhau về số lượng, tương đương nhau về trình độ, tương đương nhau về kết quả chọn ngành, nghề, các điều kiện học tập không có gì khác biệt.

4.1.3. Nội dung thực nghiệm

Tham vấn ngành, nghề cho HS theo quy trình tham vấn nghề đã xây dựng để giúp HS giải quyết được những khó khăn trong quá trình chọn ngành, nghề: đó là những khó khăn trong việc nhận thức và đánh giá được bản thân, hiểu biết về ngành, ngành, nghề và trường thi và khó khăn trong việc lựa chọn ngành, nghề phù hợp với năng lực, sở thích, hứng thú, tính cách, điều kiện của bản thân.

Tham vấn nhóm: tham vấn được thực hiện sau khi đã có các kết quả khảo sát ban đầu của HS ở giai đoạn 1 của quy trình hoạt động tham vấn nghề. Tham vấn được thực hiện với tất cả các HS nhóm TN trong 2 đến 3 buổi làm việc, với thời gian mỗi buổi là 120 - 150 phút, được thực hiện theo quy trình tham vấn ngành, nghề.

Tham vấn cá nhân: sau khi tham vấn nhóm, những HS nào còn có vấn đề mà chưa thể giải quyết được thì chúng tôi sẽ tiến hành tham vấn cá nhân. Tham vấn cá nhân – tham vấn được thực hiện giữa GV với từng cá nhân mỗi buổi từ 90 - 120 phút, số lượng buổi tùy theo vấn đề cần tham vấn. GV bằng đạo đức, kiến thức của mình và với các kỹ năng nghề nghiệp xây dựng lòng tin đối với HS, khai thác các vấn đề, dẫn dắt HS suy nghĩ sâu vào vấn đề và đưa ra quyết định đúng đắn, phù hợp với bản thân.

4.1.4. Phương pháp thực nghiệm

Quá trình TN, được tiến hành theo hình thức song song, GV tiến hành tham vấn nghề theo quy trình và kỹ thuật do chúng tôi thiết lập ở lớp TN, còn ở lớp ĐC thì thực hiện các chủ đề nội dung GDHN theo cách truyền thống trong cùng một thời điểm.

Kết thúc đợt tham vấn nghề chúng tôi tiến hành đánh giá việc lựa chọn ngành, nghề của HS 2 lớp TN và ĐC trong cùng một thời gian. Kết quả TN được xử lý và phân tích bằng phương pháp thống kê toán học.

4.1.5. Quy trình thực nghiệm

Tiến trình TN được chia làm ba giai đoạn với 2 đợt TN.

Ba giai đoạn bao gồm: Giai đoạn chuẩn bị TN, giai đoạn tiến hành TN và giai đoạn xử lý kết quả TN.

Hai lần TN bao gồm: TN đợt 1 và TN đợt 2: Tổ chức tham vấn nghề theo quy trình đã xây dựng (*xem Mục 3.2, Chương 3*) nhằm khẳng định tính khả thi của quy trình.

Giai đoạn chuẩn bị TN

Đợt 1: TN đợt 1 được tiến hành ở lớp 12A3 trường THPT Nguyễn Gia Thiều học kì 1 năm học 2013-2014

Bước 1: Chọn đối tượng TN: Như đã xác định ở phần 4.1. Các lớp TN và ĐC có sự tương đương nhau về học lực, hiểu biết và sự lựa chọn ngành, nghề.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch TN

Kế hoạch tổ chức TN được xây dựng căn cứ trên mục tiêu, nội dung GDHN trong nhà trường

- Nghiên cứu các mục tiêu, nội dung GDHN
- Xây dựng hệ thống câu hỏi, lựa chọn các trắc nghiệm

Kế hoạch TN sơ phạm được triển khai như sau:

1. Trước khi tổ chức TN: Dựa trên kết quả điều tra và thông qua trắc nghiệm để xác định lớp TN và lớp ĐC

2. Trong thời gian TN: Tổ chức thực hiện tham vấn nghề, nghề theo quy trình đã xây dựng

3. Sau thời gian TN: Tổ chức đánh giá kết quả nhận thức bản thân, nhận thức về ngành, nghề, nhận thức về trường, sự lựa chọn ngành, nghề phù hợp của HS lớp TN

Bước 3: Chuẩn bị các điều kiện, cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật cho quá trình TN.

- Tài liệu in được phát cho HS gồm: Bảng câu hỏi tự đánh giá bản thân bao gồm: đánh giá về tính cách, năng lực, sở thích; Các trắc nghiệm đánh giá bản thân bao gồm: Xu hướng nghề nghiệp, tính cách, chỉ số thông minh, hứng thú nghề

nghiệp của cá nhân HS và sự lựa chọn ngành, nghề (chi tiết về từng trắc nghiệm xem phụ lục 3)

Chúng tôi sử dụng 5 trắc nghiệm do các nhà nghiên cứu tâm lí, giáo dục nước ngoài xây dựng và đã được Việt hóa. Cụ thể:

1. Trắc nghiệm “Khả năng nghề nghiệp” của John Holland
2. Trắc nghiệm IQ của Alfred.W.MunZent
3. Trắc nghiệm Khí chất của H.J. Eysenck
4. Trắc nghiệm Tính cách của MBTI
5. Trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp của A.E.Gôlômstốc

- Chuẩn bị phòng học; máy tính, máy chiếu để sử dụng khi cần thiết.

- Lên kế hoạch TN và tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm TN đợt 1 để chuẩn bị cho TN đợt 2.

Đợt 2: TN đợt 2 được tiến hành ở lớp 12A15 trường THPT Ngọc Tảo ở học kì 2 năm học 2013-2014

Các bước cần chuẩn bị cho TN đợt 2 cũng tương tự như các bước chuẩn bị cho TN đợt 1.

Giai đoạn triển khai TN

Đợt 1: Các bước triển khai như sau:

Bước 1: Kiểm tra sự chuẩn bị cho TN

Bước 2: Tiến hành TN

- GV tiến hành thực hiện tham vấn nghề theo quy trình đã được xây dựng ở Mục 3.2, Chương 3

Bước 3: Phân tích và đánh giá kết quả TN

Bước này bao gồm: Phân tích và đánh giá kết quả TN đợt 1 và Phân tích, đánh giá toàn bộ tiến trình TN đợt 1.

**** Phân tích, đánh giá kết quả TN đợt 1***

Phân tích, đánh giá kết quả TN đợt 1 được tiến hành thông qua kết quả nhận thức bản thân, nhận thức về ngành, nghề, nhận thức về trường, khả năng ra quyết định chọn ngành, nghề, khả năng giải quyết vấn đề, giải quyết khó khăn và mức độ chọn ngành, nghề từ các phiếu trắc nghiệm của HS, từ các kết quả điều tra, kết quả học tập, phỏng vấn HS, biểu hiện của các em trong quá trình tham vấn.

Đánh giá được thực hiện cả về định lượng và định tính. Cụ thể là:

- Phân tích và đánh giá sau khi tiến hành tham vấn theo quy trình: cho HS 2 nhóm TN và ĐC chọn ngành, nghề trên cơ sở hiểu biết bản thân về năng lực, tính cách, sở thích, hứng thú và nhu cầu của xã hội.

- Kiểm tra, đánh giá tổng kết toàn bộ tiến trình TN đợt 1 nhằm rút kinh nghiệm cho việc tiến hành TN đợt 2 tốt hơn.

Đợt 2: Tiến hành các bước sau: Nhìn chung tiến hành thực hiện giống như ở đợt TN 1

Bước 1: Kiểm tra sự chuẩn bị cho TN đợt 2

Bước 2: Tiến hành TN: Nhìn chung ở bước này được thực hiện giống với đợt 1

Bước 3: Kiểm tra, đánh giá kết quả TN

Về cơ bản, các bước phân tích đánh giá kết quả chọn ngành, nghề của HS sau TNSP đợt 2 giống như ở TN đợt 1. Kết quả kiểm tra của TNSP đợt 2 của cả nhóm TN và ĐC là thông tin quan trọng để đánh giá kết quả TN của cả hai đợt và đánh giá mức độ khả thi của quy trình tham vấn nghề.

Giai đoạn xử lý kết quả TN:

- Xử lý riêng kết quả hai đợt TN.

- Các bước sau dùng chung cho hai lần TN

Bước 1: *Xác định căn cứ để xử lý kết quả TN.*

Kết quả của chọn ngành, nghề của học sinh trước tác động và sau tác động sư phạm được xây dựng trên tiêu chí và thang đánh giá như đã xác định ở mục 4.1.6.4

Bước 2: Xử lý kết quả TN

**Xử lý kết quả về mặt định lượng:* Những kết quả TN có thể đánh giá định lượng hoặc lượng hoá, được xử lý bằng phép tính thống kê toán học qua phần mềm SPSS 13.0

Các kiểu phân tích, thống kê được sử dụng ở đây là thống kê mô tả (Descriptive Statistics) và thống kê suy luận (Inferential Statistics).

** Phân phân tích thống kê mô tả sử dụng các chỉ số sau:*

- Thống kê mô tả bao gồm thống kê tóm lược và công cụ hình tóm lược. Trong đó, thống kê mô tả chủ yếu sử dụng các tham số: Trung bình cộng (Mean); Tần suất (Frequency) với tỷ lệ %; Sai số trung bình cộng (Std Error Mean); Phương sai (Variance); Độ lệch chuẩn (Std Deviation); Hệ số biến thiên. Các công thức tính giá trị các tham số này là:

+ Tính trung bình cộng theo công thức: $\bar{X} = \sum_{i=1}^n \frac{X_i f_i}{n}$

Trong đó: n là số học sinh, \bar{X} : Là Trung bình cộng
 f_i : Là tần số của giá trị i

Phương sai: $S^2 = \sum \frac{f_i (X_i - \bar{X})^2}{n - 1}$

Trong đó: +) S^2 : Phương sai của NTN
 +) X_i : Giá trị thứ i
 +) \bar{X} : Giá trị trung bình
 +) f_i : Tần số

Hệ số biến thiên: $C_v = \frac{S}{\bar{X}} \times 100\%$

$$t = \frac{\bar{X}_{TN} - \bar{X}_{DC}}{\sqrt{\frac{S_{TN}^2}{n_{TN}} + \frac{S_{DC}^2}{n_{DC}}}}$$

Trong đó:

- +) \bar{X}_{TN}, S_{TN}^2 là giá trị trung bình và phương sai của nhóm TN
- +) \bar{X}_{DC}, S_{DC}^2 là giá trị TBC phương sai của nhóm ĐC
- +) n là số học sinh tham gia TN

+ **Giá trị trung bình cộng**: Đặc trưng cho sự tập trung của số liệu nhằm so sánh mức độ nhận thức về bản thân, về ngành, nghề và về trường của HS hai lớp TN và ĐC.

+ **Phương sai và độ lệch chuẩn**: Là các tham số đo mức độ phân tán của các số liệu quanh giá trị trung bình cộng.

Độ lệch tiêu chuẩn phản ánh sự sai lệch hay độ dao động của các số liệu xung quanh giá trị trung bình. Độ lệch càng nhỏ thì kết quả của HS phân tán quanh giá trị trung bình cộng càng ít và ngược lại.

+/ **Hệ số biến thiên**: Là tham số so sánh mức độ phân tán của các số liệu, hệ số này càng nhỏ chứng tỏ số liệu khá tập trung và ngược lại.

- Công cụ hình tóm lược: sử dụng biểu đồ hình thanh (Bar Charts) và các đồ thị.

** Phần phân tích thống kê suy luận sử dụng các phép thống kê sau:*

Thống kê suy luận được sử dụng để kiểm định giả thuyết. Đại lượng kiểm định T (Student) được sử dụng để so sánh các giá trị trung bình. Dạng kiểm định T được sử dụng là kiểm định đối với cặp quan sát (Paired- Sample T Test). Kiểm định dạng này dùng để kiểm định giá trị trung bình của hai mẫu quan sát liên quan có bằng nhau hay không.

Thực hiện thao tác kiểm định này ta được kết quả thể hiện ở ba bảng: Bảng thống kê (Paired- Sample Statistics), và bảng kiểm định T (Paired- Sample T Test). Trong đó, Pair là cặp quan sát được đưa ra so sánh; Mean ở bảng Paired- Sample Statistics là giá trị trung bình của cặp; Mean ở bảng Paired- Sample T Test là sai biệt về trung bình điểm số; N là số trường hợp quan sát; Sig là mức ý nghĩa kiểm tra một đuôi; Std. Deviation là độ lệch chuẩn (độ lệch tiêu chuẩn so sánh giữa hai dãy phân phối).

Dãy nào có độ lệch chuẩn nhỏ hơn, được coi là đồng nhất hơn, độ phân tán nhỏ hơn và ngược lại); Std. Error Mean là trung bình sai số chuẩn;

** Xử lý kết quả TN về mặt định tính:*

Bên cạnh đánh giá, phân tích về định lượng, chúng tôi tiến hành phân tích mức độ hoàn thành các câu hỏi đưa ra trong phiếu đánh giá và mức độ thỏa mãn của HS trong quá trình tham vấn để đánh giá chất lượng thực hiện các yêu cầu và qua đó đánh giá chất lượng các khả năng được yêu cầu.

4.1.6. Tiêu chí và thang đánh giá

4.1.6.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả tham vấn ngành, nghề trong GDHN nhằm vào việc đánh giá khả năng chọn ngành, nghề của HS theo quy trình đã xây dựng, từ đó khẳng định kết quả tham vấn ngành, nghề và rút ra những kết luận cần thiết cho đề tài nghiên cứu.

4.1.6.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá kết quả tham vấn ngành, nghề với các nội dung sau:

- Đánh giá mức độ nhận thức và đánh giá bản thân của HS;
- Đánh giá mức độ hiểu biết về ngành, nghề của HS;
- Đánh giá mức độ hiểu biết về trường đào tạo của HS
- Đánh giá mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS

4.1.6.3. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá thông qua sử dụng trắc nghiệm “Khả năng nghề nghiệp” của John Holland và Trắc nghiệm Tính cách của MBTI nhằm đánh giá khả năng tự nhận thức bản thân của HS về tính cách, năng lực trước khi tiến hành tham vấn cho HS

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Sử dụng phiếu điều tra với hệ thống các câu hỏi đóng và mở, trên cơ sở các câu trả lời của HS, tổng kết và phân tích, đánh giá số liệu thu được, nhằm rút ra những kết luận về sự hiểu biết về ngành, nghề đào tạo của HS.

4.1.6.4. Tiêu chí đánh giá và thang đánh giá

Chúng tôi sử dụng thang 5 mức để định mức các tiêu chí, theo quy ước:

Mức 1 (Thấp): Từ 1 điểm đến cận 1,5 điểm

Mức 2 (Dưới TB): Từ 1,5 điểm đến cận 2,5 điểm

Mức 3 (TB): Từ 2,5 điểm đến cận 3,5 điểm

Mức 4 (Trên TB): Từ 3,5 điểm đến cận 4,5 điểm

Mức 5 (Cao): Từ 4,5 điểm đến cận 5,0 điểm

* Tiêu chí và thang đánh giá khả năng nhận thức bản thân của HS

Tiêu chí và thang đánh giá khả năng tự nhận thức bản thân của HS về tính cách và năng lực được chúng tôi sử dụng các tiêu chí và thang đánh giá của trắc nghiệm “Khả năng nghề nghiệp” của John Holland và Trắc nghiệm Tính cách của MBTI, và dựa vào kết quả học tập của HS, do vậy tiêu chí và thang đánh giá được xác định như sau:

1/Tính cách của bản thân

2/Năng lực/Khả năng của bản thân

3/Sở thích của bản thân

Chúng tôi đánh giá mức độ nhận thức và đánh giá bản thân như sau:

- Mức 5 (rất tốt): Ở mức độ này, HS đánh giá và hiểu được chính xác, đầy đủ, rõ ràng về bản thân, tức là hiểu rõ về đặc điểm của bản thân như tính cách, năng lực, sở thích, hứng thú về ngành, nghề. Có thể miêu tả được chính xác về bản thân mình với mọi người xung quanh. Các em có thể liệt kê ra cho mình ít nhất 5 yếu tố trong mỗi đặc điểm trên

- Mức 4 (Tốt): Mức độ nhận thức bản thân trên TB thể hiện HS chỉ đánh giá và hiểu về bản thân mình rõ ràng và chính xác, tuy nhiên không đầy đủ. Tức là HS

có thể biết được rõ ràng, chính xác những đặc điểm của bản thân nhưng các em liệt kê ra được tối đa 4 yếu tố trong mỗi đặc điểm trên, về tính cách, năng lực, hứng thú, sở thích.

- Mức 3 (TB): Ở mức này, HS hiểu về bản thân mình ở mức độ tương đối, Có những đặc điểm của bản thân có thể chính xác hoặc không chính xác. Tức là HS có thể liệt kê ra được tối đa 3 yếu tố trong mỗi đặc điểm về tính cách, năng lực, hứng thú, sở thích.

- Mức 2 (chưa tốt): Ở mức độ này, HS có đánh giá được về bản thân mình nhưng đa phần là thiếu sự chính xác, rõ ràng và không đầy đủ. Tức là HS liệt kê ra được tối đa 2 yếu tố trong mỗi đặc điểm trên: về tính cách, năng lực, hứng thú, sở thích.

- Mức 1 (không đánh giá được bản thân): HS thiếu hiểu biết về bản thân hoặc hiểu sai về bản thân mình, không chỉ ra được những đặc điểm trong tính cách, năng lực, sở thích của bản thân, tức là HS có thể liệt kê ra được tối đa 1 yếu tố trong mỗi đặc điểm trên: về tính cách, năng lực, hứng thú, sở thích

* Tiêu chí và thang đánh giá mức độ hiểu biết về ngành ngành, nghề của HS

Với phụ lục 1.3 chúng tôi đưa ra câu hỏi để tìm hiểu mức độ hiểu biết về ngành ngành, nghề đào tạo của HS. Chúng tôi thu thập số liệu và đánh giá với các tiêu chí sau:

- Hiểu được yêu cầu về năng lực, phẩm chất cần có của người làm ngành, nghề
- Hiểu được đặc điểm của ngành ngành, nghề
- Biết được những công việc cụ thể của ngành, ngành, nghề
- Biết được nơi làm việc của ngành ngành, nghề
- Biết được các trường đào tạo ngành ngành, nghề

Chúng tôi đánh giá mức độ hiểu biết về ngành, nghề như sau:

- Mức 5 (Rất hiểu biết): Liệt kê được 5 yêu cầu về năng lực và phẩm chất cần có của người làm ngành, nghề, 5 đặc điểm ngành, nghề ; 5 công việc cụ thể của ngành, nghề đó đối với người theo học; 5 nơi làm việc cụ thể của ngành, nghề; 5 trường đào tạo ngành, nghề

- Mức 4 (Hiểu biết): Liệt kê được 4 yêu cầu về năng lực và phẩm chất cần có của người làm ngành, nghề, 4 đặc điểm ngành, nghề ; 4 công việc cụ thể của ngành,

ngành đó đối với người theo học; 4 nơi làm việc cụ thể của ngành, nghề; 4 trường đào tạo ngành, nghề

- Mức 3 (Trung bình): Liệt kê được 3 yêu cầu về năng lực và phẩm chất cần có của người làm ngành, nghề, 3 đặc điểm ngành, nghề ; 3 công việc cụ thể của ngành, nghề đó đối với người theo học; 3 nơi làm việc cụ thể của ngành, nghề; 3 trường đào tạo ngành, nghề

Mức 2 (Kém hiểu biết): Liệt kê được 2 yêu cầu về năng lực và phẩm chất cần có của người làm ngành, nghề, 3 đặc điểm ngành, nghề ; 2 công việc cụ thể của ngành, nghề đó đối với người theo học; 2 nơi làm việc cụ thể của ngành, nghề; 2 trường đào tạo ngành, nghề

Mức 1 (Rất kém hiểu biết): Liệt kê được 0-1 yêu cầu về năng lực và phẩm chất cần có của người làm ngành, nghề, 0-1 đặc điểm ngành, nghề ; 0-1 công việc cụ thể của ngành, nghề đó đối với người theo học; 0-1 nơi làm việc cụ thể của ngành, nghề; 0-1 trường đào tạo ngành, nghề

* Tiêu chí và thang đánh giá mức độ hiểu biết về trường mà HS lựa chọn

Tiêu chí: Hiểu biết về trường mà HS lựa chọn đăng kí dự thi đó là HS cần phải hiểu biết về những vấn đề sau:

- 1/Tỉ lệ cạnh tranh của trường
- 2/ Điểm chuẩn của trường
- 3/ Điểm chuẩn của ngành
- 4/ Chỉ tiêu của trường
- 5/ Chỉ tiêu của ngành

Để đánh giá mức độ nhận thức về trường của HS có chính xác hay không, chúng tôi căn cứ vào câu trả lời của HS so sánh và so sánh với thông tin về trường ở trong các cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH và CĐ” và trên dựa trên trang Website của các trường.

Chúng tôi đánh giá mức độ hiểu biết về trường như sau:

- Mức 5 (Hoàn toàn chính xác): Ở mức này HS nêu được chính xác 5 thông tin đúng về trường mà HS đã lựa chọn: Tỉ lệ cạnh tranh của trường; điểm chuẩn của trường, điểm chuẩn của ngành; chỉ tiêu của trường; chỉ tiêu tuyển sinh của ngành ngành, nghề

- Mức 4 (Phần lớn là chính xác): Ở mức này HS chỉ ra được chính xác 4 thông tin đúng về trường mà HS đã lựa chọn: Tỷ lệ cạnh tranh của trường; điểm chuẩn của trường, điểm chuẩn của ngành; chỉ tiêu của trường; chỉ tiêu tuyển sinh của ngành ngành, nghề

- Mức 3 (Không hoàn toàn chính xác): Ở mức này HS chỉ ra được 3 thông tin chính xác về trường mà HS đã chọn: Tỷ lệ cạnh tranh của trường; điểm chuẩn của trường, điểm chuẩn của ngành; chỉ tiêu của trường; chỉ tiêu tuyển sinh của ngành ngành, nghề

- Mức 2 (Phần lớn là sai): Học sinh kể ra được 1- 2 thông tin đúng trường mà HS đã chọn: Tỷ lệ cạnh tranh của trường; điểm chuẩn của trường, điểm chuẩn của ngành; chỉ tiêu của trường; chỉ tiêu tuyển sinh của ngành ngành, nghề

- Mức 1 (Không biết, hoàn toàn không đúng): HS không kể ra được thông tin đúng hoặc không chỉ ra được những những số liệu cụ thể những thông tin về trường như: Tỷ lệ cạnh tranh của trường; điểm chuẩn của trường, điểm chuẩn của ngành; chỉ tiêu của trường; chỉ tiêu tuyển sinh của ngành ngành, nghề

* Tiêu chí và thang đánh giá sự lựa chọn ngành, nghề của HS

Tiêu chí: chúng tôi căn cứ vào những tiêu chí sau để đánh giá mức độ chọn ngành, nghề phù hợp:

Ngành, nghề phù hợp với năng lực, khả năng (2 điểm)

Ngành, nghề phù hợp với tính cách, khí chất (2 điểm)

Ngành, nghề phù hợp với sở thích (1 điểm)

Chúng tôi đánh giá sự lựa chọn ngành, nghề của HS như sau:

- Mức 5 (Lí tưởng): Ở mức này, HS chọn ngành, nghề phù hợp hoàn toàn với tất cả các đặc điểm của bản thân như phù hợp với tính cách, năng lực, sở thích, hứng thú của bản thân

- Mức 4 (Chọn ngành, nghề tương đối phù hợp): Ngành, nghề HS chọn phù hợp với phần lớn các đặc điểm của bản thân: phù hợp với năng lực, phù hợp với tính cách nhưng không phù hợp với sở thích,

- Mức 3 (Chọn ngành, nghề ít phù hợp): Ngành, nghề HS chọn chỉ phù hợp với một phần trong đặc điểm của bản thân, ví dụ: phù hợp với sở thích và năng lực; hoặc phù hợp với sở thích và tính cách của bản thân

- Mức 2 (Chọn ngành, nghề không phù hợp): Ngành, nghề HS chọn không phù hợp với sở thích, hứng thú, năng lực, tính cách của bản thân

- Mức 1 (Không chọn được ngành, nghề): Ở mức này, HS không chỉ ra được ngành, nghề cho mình

4.2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

4.2.1. Phân tích kết quả thực nghiệm đợt 1

4.2.1.1. Phân tích kết quả trước TN

* Phân tích về mặt định lượng

Trước khi tiến hành TN, dựa vào kết quả khảo sát, và tiến hành làm trắc nghiệm. Căn cứ vào thang đánh giá (mục 4.1.6.4), chúng tôi thống kê, phân tích và đánh giá kết quả trước TN. Kết quả thu được thể hiện như sau:

** Khả năng nhận thức và đánh giá bản thân; nhận thức về ngành, nghề, trường thi*

Ở nội dung này, chúng tôi đánh giá mức độ nhận thức bản thân của HS thông qua phiếu khảo sát ban đầu về đặc điểm của bản thân: Năng lực, tính cách, sở thích của bản thân. Kết quả tổng hợp được thể hiện ở bảng 4.3 như sau:

Bảng 4.3. Nhận thức của HS trong quá trình chọn ngành, nghề trước TN

STT	Nội dung	TN1	TB	ĐC1	TB
1	Nhận thức và đánh giá bản thân	2,32	1	2,33	1
2	Nhận thức về ngành, nghề	1,49	3	1,49	3
3	Nhận thức về trường đào tạo	2,11	2	2,16	2
Tổng		1,97		1,99	

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN1 và lớp ĐC1 có sự nhận thức về đặc điểm tâm lí bản thân, về ngành, nghề, về trường đều ở mức độ dưới TB và nhận thức của các cặp TN và ĐC có sự tương đương. Cụ thể:

- Nhận thức về và đánh giá bản thân \bar{X} của lớp TN1 là 2,32 và lớp ĐC1 2,33; Độ chênh lệch là 0,01

- Nhận thức về ngành, nghề \bar{X} của lớp TN1 là 1,49 và lớp ĐC1 là 1,49; Không có sự chênh lệch

- Nhận thức về trường \bar{X} của lớp TN1 là 2,11 và lớp ĐC1 là 2,16; Độ chênh lệch là 0,05.

Nhận thức và đánh giá về bản thân

Phân tích từng yếu tố cho thấy: HS nhận thức và đánh giá bản thân của HS trước TN ở mức độ chưa tốt (ĐTB= 2,32 – 2,33), tuy nhiên cao hơn so với mức độ nhận thức về ngành, nghề và về trường dự thi của HS. Theo kết quả tổng hợp trong 3 yếu tố: nhận thức về tính cách, năng lực, sở thích, HS nhận thức về tính cách của bản thân cao hơn cả, HS liệt kê được đặc điểm về tính cách của bản thân mình nhiều hơn so với năng lực và sở thích. Tuy nhiên có HS liệt kê những đặc điểm trong tính cách của mình còn rất mâu thuẫn nhau ví dụ: Tính cách: Là người trầm tính, nóng nảy, ưu tư (Nguyễn Thị P); Hoặc tính cách: Trầm, nóng nảy, hài hước, bốc đồng (Vũ Thị T).

Đánh giá mức độ nhận thức về ngành, nghề:

Trong nội dung này, chúng tôi đánh giá nhận thức của HS về ngành, nghề như: yêu cầu năng lực, về phẩm chất, về đặc điểm của ngành, nghề, các trường đào tạo, địa chỉ nơi làm việc sau này của ngành, nghề. Qua bảng trên cho thấy, mức độ nhận thức về ngành, nghề cũng ở mức kém hiểu biết (ĐTB = 1,49)

Khi yêu cầu HS liệt kê các yêu cầu về phẩm chất, về năng lực, về đặc điểm của ngành, nghề như: mục đích lao động, công cụ lao động, đối tượng lao động, nơi làm việc của ngành, nghề và các trường đào tạo ngành, nghề, đa phần HS liệt kê được về phẩm chất, năng lực, nơi làm việc của ngành, nghề, các trường đào tạo ngành, nghề tuy nhiên số lượng mà các em liệt kê ra được là không nhiều. Trong đó hầu hết các em không liệt kê được mục đích lao động của ngành, nghề, đối tượng lao động của ngành, nghề và công cụ lao động của ngành, nghề. Thậm chí khi yêu cầu các em trả lời những câu hỏi này, có em còn không biết nó là gì. Có những em hỏi chúng tôi: “*Cô ơi, đối tượng lao động nghĩa là gì?*”.

Đánh giá mức độ nhận thức về trường mà HS lựa chọn:

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS có sự nhận thức về trường của lớp TN1 và ĐC1 đều ở mức độ thấp (ĐTB= 1,97-1,99). Khi yêu cầu HS liệt kê những đặc thông tin về trường như điểm chuẩn của ngành, điểm chuẩn của trường, chỉ tiêu của ngành, chỉ tiêu của trường thì hầu như các em không nhớ, và không để ý đến những chi tiết như vậy. Các em chỉ quan tâm đến điểm chuẩn của trường, hoặc là tỉ lệ cạnh tranh của trường, còn những thông tin như chỉ tiêu của ngành, nghề, chỉ điểm chuẩn của ngành, nghề thì các em dường như không biết.

Bên cạnh đó khi yêu cầu HS liệt kê tính cách của bản thân và nêu những yêu cầu của ngành, nghề thì thấy có sự khác biệt và dường như không có sự khớp nhau giữa hai nội dung này. Ví dụ: Khi yêu cầu HS liệt kê phẩm chất và năng lực của ngành, nghề so với tính cách thì có HS viết như sau: “*Tính cách: Hơi nóng nảy, vui vẻ, hoạt bát, thích giao tiếp; Chọn nghề Bác sĩ: Trung thực, cần sự tỉ mỉ, có tính kiên trì*” (Nguyễn Thị N, THPT NT). Như vậy là HS chọn ngành, nghề thì cứ chọn còn không biết là ngành, nghề đó có phù hợp với bản thân hay không, hoặc yêu cầu như thế nào về phẩm chất, năng lực .

Như vậy có thể khẳng định, hiểu biết của HS còn rất nhiều hạn chế, rất lúng túng và cảm thấy khó khăn trong việc trả lời những câu hỏi về đánh giá về bản thân mình, hiểu biết về trường, hiểu biết về ngành, nghề.

*** Đánh giá mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS trước TN**

Bảng 4.4. Kết quả chọn ngành, nghề của HS trước TN

STT	Chọn ngành, nghề	TN1		ĐC1	
		SL	%	SL	%
1	Chưa chọn được ngành, nghề	19	42,22	20	44,44
2	Bác sĩ, y, dược	4	8,89	4	8,89
3	Bộ đội công an, cảnh sát	1	2,22	2	4,44
4	Máy tính và công nghệ thông tin	3	6,67	1	2,22
5	Kỹ thuật, cơ khí	2	4,44	1	2,22
6	Sư phạm, giáo viên	3	6,67	5	11,11
7	Kinh tế, tài chính ngân hàng	7	15,56	7	15,56
8	Nghiên cứu sinh học	1	2,22	0	0
9	Dịch vụ xã hội (hướng dẫn viên du lịch, công tác xã hội,,)	2	4,44	1	2,22
10	Quản lý và quản trị	1	2,22	1	2,22
11	Kiến trúc và xây dựng	2	4,44	2	4,44
12	Nghệ thuật, diễn viên điện ảnh	0	0	1	2,22
Tổng		45	100	45	100

Ở bảng trên, chúng ta thấy tỉ lệ chưa chọn được ngành, nghề chiếm tương đối cao (lớp TN1: 42,22%; Lớp ĐC1: 44,44%). Số còn lại chọn được ngành, nghề trong

đó lựa chọn kinh tế, tài chính ngân hàng vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất, sau đó đến ngành ngành, nghề y, dược. Còn lại rải đều ở các ngành, nghề khác.

Đánh giá mức độ chọn ngành, nghề phù hợp qua các trắc nghiệm: thông qua 5 chỉ số tâm lí: chỉ số Thông minh/kết quả học tập, chỉ số về Tính cách, chỉ số về Khả năng nghề nghiệp, chỉ số về Sở thích nghề nghiệp, chỉ số về Khí chất. Bước đầu chúng ta đánh giá mức độ phù hợp trong chọn ngành, nghề của HS như sau:

Bảng 4.5. Sự phù hợp với các chỉ số tâm lí

STT	Sự phù hợp với các chỉ số tâm lí	TN1		ĐC1		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	<i>Phù hợp với cả 5 chỉ số (Lí tưởng)</i>	0	0	0	0	0	0
2	<i>Phù hợp với 4 chỉ số (Trọng đối phù hợp)</i>	2	4,44	2	4,44	4	4,44
3	Không phù hợp với sở thích	0	0	0	0	0	0
4	Không phù hợp với IQ/kết quả học tập	0	0	0	0	0	0
5	Không phù hợp với Tính cách	0	0	1	2,22	1	2,22
6	Không phù hợp với Khí chất	1	2,22	1	2,22	2	4,44
7	Không phù hợp với khả năng	1	2,22			1	2,22
8	<i>Phù hợp với 3 chỉ số ít phù hợp</i>	19	42,22	18	40,44	37	41,11
9	Không phù hợp với Sở thích và IQ/kết quả học tập	0	0	0	0	0	0
10	Không phù hợp với IQ/kết quả học tập và Tính cách	0	0	0	0	0	0
11	Không phù hợp với Tính cách và Khí chất	10	22,22	5	11,11	15	16,67
12	Không phù hợp với Khí chất và Sở thích	4	8,89	6	13,33	10	11,11
13	Không phù hợp với khả năng và tính cách	5	11,11	9	20	14	15,56
14	<i>Không phù hợp với tất cả các chỉ số</i>	5	11,11	5	11,11	10	11,11
15	<i>Chưa chọn được ngành, nghề</i>	19	42,22	20	44,44	39	43,33

Qua bảng trên, chúng ta thấy HS chưa chọn được ngành, nghề chiếm tỉ lệ tương đối cao, số lượng HS chọn ngành, nghề phù hợp so với các chỉ số trắc nghiệm, so với sự đánh giá của bản thân ở mức độ thấp, đa số ở mức độ ít phù hợp.

Căn cứ vào phiếu điều tra và phiếu đánh giá trước TN, so sánh với kết quả trắc nghiệm của HS, kết quả học tập của HS. Sau khi xử lý thông tin thu được, chúng tôi tổng hợp kết quả thu được bằng bảng phân phối tần suất kết quả đánh giá trước TNSP trong bảng dưới đây:

Bảng 4.6. Bảng phân phối tần suất kết quả đánh giá của các lớp TN1 và ĐC1 trước TNSP

Lớp	n	Mức độ chọn ngành, nghề phù hợp					
		1	2	3	4	5	
TN1	45	19	5	19	2	0	2,09
ĐC1	45	20	5	18	2	0	2,04
Tổng	90	39	10	37	4	0	2,07

Kết quả ở bảng 4.6 cho thấy, ĐTB kết quả của cặp TN và ĐC là tương đương nhau:

- Điểm \bar{X} của lớp TN1 là 2,09 và \bar{X} của ĐC1 là 2,04 độ chênh lệch là 0,05, tần suất điểm số cũng tương đương nhau.

Từ bảng 4.6, chúng tôi có bảng 4.7 để xếp loại kết quả đánh giá mức độ chọn ngành, nghề của HS lớp TN1 và ĐC1 trước TNSP như sau:

Bảng 4.7. Xếp loại kết quả lựa chọn ngành, nghề của HS các lớp TN1 và ĐC1 trước TNSP

Lớp	SL	Kết quả đánh giá sự lựa chọn ngành, nghề trước TNSP									
		Chưa chọn được ngành, nghề		Không Phù hợp		Ít Phù hợp		Tương đối Phù hợp		Lí tưởng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN1	45	19	42,22	5	11,11	19	42,22	2	4,44	0	0
ĐC1	45	20	44,44	5	11,11	18	40,00	2	4,44	0	0
Tổng	90	39	43,33	10	11,11	37	41,11	4	4,44	0	0

Nếu xếp loại các kết quả trên theo các mức độ: Lí tưởng, Tương đối phù hợp, Ít phù hợp, Không phù hợp; Không chọn được ngành, nghề, thống kê số liệu trong bảng thấy rõ các mức độ này ở các lớp TN và ĐC cũng tương đương nhau:

Qua bảng 4.7 có thể dễ dàng nhận thấy tỷ lệ HS chọn được ngành, nghề của các lớp TN1 và ĐC1 là tương đương nhau, mức độ chênh lệch là không đáng kể. Cụ thể là:

* Loại Lí tưởng: Cả lớp TN1 và ĐC1 không có em nào chọn được ngành, nghề phù hợp hoàn toàn

* Loại Tương đối phù hợp: Lớp TN1 là 4,44%, lớp ĐC1 là 4,44% ; không có độ chênh lệch

* Loại Ít phù hợp: Lớp TN1 là 42,22%, lớp ĐC1 là 40,0%; độ chênh lệch là 2,22%

* Loại Không phù hợp: Cả lớp TN1 và lớp ĐC1 là 11,11%

* Loại không chọn được ngành, nghề: Lớp TN1 là 42,22%, lớp ĐC1 là 44,44%; độ chênh lệch là 2,22%.

Kiểm nghiệm T với hai mẫu độc lập, chúng tôi thu được kết quả ở lớp TN 1 và ĐC 1: $t = 0,13$ và $\text{sig.} = 0,756 > 0,05$.

Kết luận: Từ kết quả kiểm tra đầu vào lớp TN1 và ĐC1 cho thấy: Không có sự khác biệt về ý nghĩa ĐTB trước TN giữa 2 lớp TN1 và ĐC1. Hoàn toàn có thể sử dụng 2 lớp này để TN sự phạm.

Biểu đồ dưới đây biểu thị kết quả chọn ngành, nghề trước TNSP hai nhóm TN1 và ĐC1:

Biểu đồ 4.1: Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS hai lớp TN1 và ĐC1 trước TNSP

Nhìn vào kết quả của biểu đồ trên HS cho thấy, SL học sinh chưa chọn được ngành, nghề chiếm tỉ lệ tương đối lớn. Qua trò chuyện, và hỏi tại sao chưa chọn được ngành, nghề thì các em trả lời như sau: “*Em không biết em phù hợp với ngành, nghề nào, nên em chưa chọn được cô ạ*” (Đỗ Thị B, trường THPT NT); “*Em chưa chọn được ngành, nghề vì bố mẹ em đang hướng em theo sự lựa chọn của bố mẹ mà*

em thì không thích lắm” (Phan Huy P, THPT NT, thích làm kinh tế, kinh doanh, nhưng bố mẹ yêu cầu là thi Xây dựng).

Các em HS còn lại thì có em chọn được ngành, nghề *Tương đối phù hợp* như: Em Dương Thị H, Sở thích nghề nghiệp của H là Công tác sư phạm và Giáo dục, em có khí chất Ưu tư, khả năng nghề nghiệp Xã hội và Kỹ thuật thích làm việc trong môi trường tự nhiên, có khả năng nghiên cứu, do vậy em đã chọn ngành, nghề sau này làm nhà nghiên cứu sinh học. Như vậy, với tính cách hướng nội và khí chất Ưu tư, cùng với khả năng nghiên cứu trong nghề nghiệp cũng như thích làm việc với môi trường tự nhiên nên em chọn như vậy là tương đối phù hợp. Tuy nhiên sau khi trò chuyện, trao đổi với em thì em cũng nhận thấy mình làm nghề dạy học rất phù hợp. Vì vậy cuối cùng em quyết tâm lựa chọn GV, và em đã đăng kí thi vào trường ĐH Sư phạm HN1 và ĐH Sư phạm 2.

Các HS khác thì chọn ngành, nghề *Ít phù hợp*, ví dụ như trường hợp em Cán Diệu L, có sở thích về Sử học và hoạt động xã hội, Tính cách: Hướng nội, khí chất Ưu tư, có khả năng về mặt Xã hội. Tuy nhiên khi em chọn lại là Quan hệ công chúng. Theo như yêu cầu của ngành này thì đòi hỏi con người phải hoạt bát, năng động, nhạy bén, có kỹ năng phán đoán và xử lý tình huống; làm việc theo nhóm, hòa nhập và phát triển trong môi trường làm việc mới. Nhưng với đặc điểm của người có khí chất ưu tư thì là người ngại giao tiếp, ít nói, khó thích nghi với môi trường mới do vậy sự lựa chọn của em là chưa phù hợp. Tuy nhiên sở thích và khả năng về mặt xã hội, nên cuối cùng xem xét và em lựa chọn ngành, nghề cho mình đó là ngành Văn hóa học và GV.

Một số em chọn được ngành, nghề nhưng *Không phù hợp* chiếm tỉ lệ (46,7%), tức là các em chọn được ngành, nghề nhưng không phù hợp với bất kì yếu tố nào, như không phù hợp với đặc điểm của bản thân, không phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Ví dụ: Em Đỗ Công T, Sở thích Toán - Lí, Khí chất Bình thản, có khả năng về mặt Xã hội. Em lựa chọn ngành, nghề Quản lí. Qua trao đổi với em tại sao em lại lựa chọn Quản lí thì em nói rằng: “Em nghe mọi người nói về quản lí và em cũng thấy những người làm quản lí họ kiếm tiền dễ dàng, nên em chọn ngành, nghề đó”. Có thể nói rằng sự lựa chọn của T là thiếu căn cứ, em chỉ nghe nói mà cũng chưa tìm hiểu xem mình thực sự có phù hợp với nó không, và lại cũng không có ngành, nghề quản lí mà chỉ có ngành quản trị kinh doanh, quản trị du lịch.....

Như vậy, qua kết quả trên, cho thấy HS nhận thức về đặc điểm bản thân, hiểu biết về ngành, nghề và hiểu biết về thị trường lao động còn nhiều hạn chế điều này dẫn đến nhiều HS chưa lựa chọn được ngành, nghề và nếu có chọn được thì cũng chưa phù hợp.

** Phân tích về mặt định tính*

Qua trò chuyện, trao đổi với HS, chúng tôi được biết là các em rất cần được giúp đỡ trong quá trình chọn ngành, nghề. Các em tâm sự: *“Em rất cần có người tư vấn cho em khi em chọn ngành, nghề cô ạ, em cũng tự mình đi tìm hiểu về ngành nghề, nghề nhưng cũng mông lung lắm vì không biết phải chọn ngành, nghề như thế nào”* (Đương Thị Thùy D, trường THPT NT); *“Em đang chọn ngành, nghề, nhưng không biết là chọn ngành, nghề nào phù hợp với bản thân em, em vẫn biết là chọn ngành, nghề phải phù hợp với bản thân, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động nhưng em cũng không biết là bây giờ xã hội đang cần nhân lực gì?”* (Trần Mạnh T); *“Em tìm hiểu về ngành, nghề, nhưng không biết là cần tìm hiểu những thông tin nào, vì vậy khi em tìm hiểu về ngành, nghề em chỉ tìm xem là ngành, nghề đó sau này ra làm gì, có những trường nào đào tạo ngành, nghề đó vì vậy khi cô yêu cầu bọn em làm phiếu em mới thấy mình cần tìm hiểu nhiều thông tin nữa”* (Nguyễn Thị Thùy T).

Như vậy, qua tìm hiểu cho thấy HS còn nhiều lúng túng trong quá trình chọn ngành, nghề, đa phần các em không biết mình phù hợp với ngành, nghề nào và làm thế nào để có thể chọn ngành, nghề phù hợp.

4.2.1.2. Phân tích kết quả sau TN

Sau khi kiểm chứng sự tương quan giữa các lớp TN và các lớp ĐC, chúng tôi tiến hành tổ chức TN theo quy trình đã xây dựng. Đó là đối với lớp ĐC vẫn được các GV tiến hành thực hiện bình thường theo đúng lịch trình nhà trường quy định. Đối với lớp TN, chúng tôi tiến hành vận dụng quy trình tham vấn nghề đã xây dựng. Sau khi kết thúc, chúng tôi cho HS của các lớp TN và ĐC đánh giá lại các tiêu chí đã liệt kê ở trên nhằm đánh giá hiệu quả của quy trình hoạt động tham vấn nghề đã xây dựng. Kết quả được thể hiện qua bảng như sau:

** Mức độ nhận thức của HS trong quá trình chọn ngành, nghề sau TN*

Bảng 4.8. Mức độ nhận thức của HS trong quá trình chọn ngành, nghề sau TN

STT	Nội dung	TN1	TB	ĐC1	TB
1	Nhận thức và đánh giá bản thân	4,24	2	3,13	1
2	Nhận thức về ngành, nghề	3,28	3	2,53	3
3	Nhận thức về trường đào tạo	4,49	1	2,84	2
Tổng		4,0		2,83	

Mức độ nhận thức và đánh giá bản thân

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN và lớp ĐC có sự nhận thức bản thân là khác nhau giữa các cặp TN và ĐC. Các lớp TN có mức độ nhận thức bản thân tốt hơn hẳn so với lớp ĐC. Cụ thể:

- Nhận thức và đánh giá bản thân \bar{X} của lớp TN1 là 4,24 và lớp ĐC1 3,13; Độ chênh lệch là 1,11

Sau TN nhận thức và đánh giá bản thân của HS đã tăng lên rõ rệt. Cụ thể:

- Nhận thức về bản thân của HS lớp TN1: trước TN \bar{X} trước là 2,32 và sau TN là 4,24 ; Độ chênh lệch là 2,08

Như vậy, mức độ nhận thức của HS về đặc điểm tâm lí bản thân, về ngành, nghề và về trường của cả lớp TN1 và ĐC1 đều tăng, tuy nhiên ở lớp TN1 mức độ nhận thức của HS sau TN1 đã tăng lên rõ rệt, và mức độ nhận thức bản thân vẫn xếp thứ bậc 1 - cao nhất. Lúc này HS lớp TN1 đã có thể liệt kê về bản thân mình một cách đầy đủ và chính xác. Hầu như em nào cũng liệt kê được ít nhất 5 đặc điểm tâm lí của bản thân. Còn HS lớp ĐC1 chỉ một vài em liệt kê được đầy đủ những đặc điểm tâm lí của bản thân.

Cụ thể: Sau khi nghiên cứu, được hướng dẫn của GV, HS đã có khả năng tự nhận thức, đánh giá về bản thân tốt hơn hẳn. Em Vũ Thị Th – THPT NT miêu tả về mình như sau: *“Tính cách: ôn hòa, nhã nhặn, nhạy cảm, mơ mộng, thiếu kiên quyết, trầm, ít giao tiếp; Phẩm chất: thương người, giàu lòng vị tha, kiên nhẫn, bao dung, nhân hậu; Khả năng: cảm nhận cái đẹp, vẽ đẹp, quan sát tốt, khả năng sáng tác truyện, thơ; Sở thích: Thích vẽ, thích sáng tác truyện, thơ, kịch bản, chăm sóc động vật”*.

Em Lê Văn Ph – THPT NT đã viết về khả năng, tính cách, sở thích của bản thân như sau: *“Tính cách: Lạc quan, chăm chỉ, thích làm việc một mình, thích làm mọi người bất ngờ, có lòng quyết tâm, làm chủ được cảm xúc, cẩn thận, tỉ mỉ, có chí*

cầu tiến. Khả năng: sáng tạo, nhạy bén, tính toán, tính kiên trì cao; Sở thích: thích đọc sách, thích tìm hiểu máy móc, nghiên cứu chế tạo máy móc”.

Em Tăng Quốc V: *“Tính cách: năng động, vui vẻ, thiếu tính kiên trì và nhẫn nại, nhiệt tình; Khả năng: thuyết phục người khác, tính toán tốt; tư duy tốt, có khả năng phán đoán chính xác, thích ứng nhanh, hòa đồng nhanh; Sở thích: Thích chủ động trong công việc, thích sự sáng tạo, thích lãnh đạo, thích cái mới lạ”.*

Mức độ nhận thức về ngành, nghề sau TN

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN và lớp ĐC có sự nhận thức về ngành, nghề là khác nhau giữa các cặp TN và ĐC. Các lớp TN có mức độ nhận thức về ngành, nghề cao hơn hẳn so với lớp ĐC. Cụ thể:

- Nhận thức về ngành, nghề \bar{X} của lớp TN1 là 3,28 và lớp ĐC1 2,53; Độ chênh lệch là 0,65

Sau TN nhận thức về ngành, nghề của HS đã tăng lên rõ rệt. Cụ thể:

- Nhận thức về ngành, nghề của HS lớp TN1: trước TN \bar{X} trước là 1,49 và sau TN là 3,28 ; Độ chênh lệch là 1,79

Như vậy, mức độ nhận thức về ngành, nghề của HS lớp TN1 cũng đã tăng lên rõ rệt, hầu hết HS lớp TN1 liệt kê ra được chính xác những yêu cầu về ngành, nghề, phẩm chất của ngành, nghề, mục đích lao động, công cụ lao động mà không lúng túng, các em đã hiểu rõ về ngành, ngành, nghề. Còn lớp ĐC1 thì các em vẫn chưa hiểu biết đầy đủ về ngành, ngành, nghề mà các em đã chọn, không biết là khi chọn ngành, nghề thì cần phải tìm những thông tin nào.

Mức độ nhận thức về trường sau TN

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN và lớp ĐC có sự nhận thức về trường là khác nhau giữa các cặp TN và ĐC. Ở cả lớp TN và lớp ĐC đều tăng tuy nhiên lớp TN có mức độ nhận thức về trường cao hơn hẳn so với lớp ĐC. Cụ thể:

- Nhận thức về trường \bar{X} của lớp TN1 là 4,49 và lớp ĐC1 2,84; Độ chênh lệch là 1,65.

Sau TN nhận thức về trường của HS đã tăng. Cụ thể:

- Nhận thức về trường của HS lớp TN1: trước TN \bar{X} trước là 2,11 và sau TN là 4,49; Độ chênh lệch là 2,38.

* Phân tích kết quả mức độ chọn ngành, nghề của HS lớp TN1 và lớp ĐC1 sau TNSP

Bảng 4.9. Kết quả chọn ngành, nghề sau TN của lớp TN1 và lớp ĐC1

STT	Chọn ngành, nghề	TN1		ĐC1	
		SL	%	SL	%
1	Chưa chọn được ngành, nghề	0	0	4	8,89
2	Sức khỏe (bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng)	8	17,78	5	11,11
3	An ninh quốc phòng (bộ đội công an, cảnh sát)	1	2,22	2	4,44
4	Máy tính và công nghệ thông tin	2	4,44	8	17,78
5	Công nghệ kỹ thuật (Công nghệ kỹ thuật điện)	2	4,44	1	2,22
6	Kỹ thuật (Kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật cơ điện tử, kỹ thuật trắc địa bản đồ)	10	22,22	4	8,89
7	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (GV, sư phạm)	10	22,22	5	11,11
8	Kinh tế, tài chính, ngân hàng	2	4,44	8	17,78
9	Khoa học sự sống (Kỹ sư công nghệ sinh học)	1	2,22	0	0
10	Dịch vụ xã hội (công tác xã hội)	1	2,22	0	0
11	Kinh doanh và quản lý	4	8,89	5	11,11
12	Tổng kiến trúc và xây dựng	0	0	0	0
13	Nghệ thuật, diễn viên điện ảnh	0	0	0	0
14	Báo chí và truyền thông	2	4,44	0	0
15	Nhân văn (văn hóa học, Việt Nam học)	1	2,22	0	0
16	Môi trường và bảo vệ môi trường (Quản lý tài nguyên và môi trường)	1	2,22	0	0
17	Tiếp viên hàng không	0	0	3	6,67

Với kết quả bảng trên, chúng ta thấy HS đã thay đổi sự lựa chọn ngành, nghề phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích của bản thân. Từ bảng trên, chúng tôi tổng hợp và được bảng sau:

Bảng 4.10. Bảng phân phối tần xuất mức độ chọn ngành, nghề sau TNSP của lớp TN1 và ĐC1

Lớp		Mức độ chọn ngành, nghề phù hợp					
		1	2	3	4	5	
TN1	45	0	0	0	27	18	4,4
ĐC1	45	4	7	19	10	5	3,11
Tổng	90	4	7	19	37	23	3,76

Từ bảng 4.10, chúng tôi có bảng 4.11 để xếp loại kết quả đánh giá mức độ chọn ngành, nghề của HS lớp TN và ĐC sau TNSP: giá trị \bar{X} của lớp TN1 cao hơn \bar{X} của lớp ĐC1 : ($\bar{X}_{TN1} = 4,4 > \bar{X}_{ĐC1} = 3,1$).

- Lớp TN1 lớn hơn giá trị \bar{X} của lớp ĐC1 Cụ thể là : $\bar{X}_{TN1} > \bar{X}_{ĐC1}$ (4,4 > 3,1);

Bảng 4.11. Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề lớp TN1 và ĐC1 sau TNSP

Lớp	Số lượng	Kết quả đánh giá sự lựa chọn ngành, nghề sau TNSP									
		Chưa chọn được ngành, nghề		Không Phù hợp		Ít Phù hợp		Tương đối Phù hợp		Lí tưởng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN1	45	0	0	0	0	0	0	27	60,0	18	40,0
ĐC1	45	4	8,9	7	15,6	19	42,2	10	22,2	5	11,1
Tổng	90	4	4,45	7	7,8	19	21,1	37	41,1	23	25,6

Bảng 4.11 cho thấy kết quả mức độ chọn ngành, nghề của lớp TN1 cao hơn lớp ĐC1: Nếu như các lớp TN1 trước TNSP số HS chọn ngành, nghề lí tưởng và tương đối phù hợp tăng lên và không có HS nào là không chọn được ngành, nghề và chọn ngành, nghề không đúng cả. Còn các lớp ĐC1 sau TN sư phạm thì số lượng chọn ngành, nghề ở mức lí tưởng và tương đối phù hợp tăng lên nhưng không nhiều, vẫn còn HS chọn ngành, nghề không phù hợp và chưa chọn được ngành, nghề cho bản thân. Cụ thể là:

* Loại Lí tưởng: Lớp TN1 là 40% và ĐC1 là 11,1% ; độ chênh lệch là 28,9%

* Loại Tương đối phù hợp: Lớp TN1 là 60%, lớp ĐC1 là 22,2% ; độ chênh lệch là 37,8%

* Loại Ít phù hợp: Lớp TN1 là 0%, lớp ĐC1 là 42,2%; độ chênh lệch là 42,20%

* Loại Không phù hợp: Lớp TN1 là 0%, lớp ĐC1 là 15,6%; độ chênh lệch là 15,6%,

* Loại không chọn được ngành, nghề: Lớp TN1 là 0 %, lớp ĐC1 là 8,9%; độ chênh lệch là 8,9%

Biểu đồ 4.2 dưới đây thể hiện rõ các kết quả này:

Biểu đồ 4.2: Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS lớp TN1 và ĐC1 sau TNSP

Do vậy, từ kết quả nêu trên, bước đầu có thể kết luận về kết quả TN đợt 1 là: Sau TNSP, kết quả chọn ngành, nghề của lớp TN1 tốt hơn so với lớp ĐC1. Có kết quả trên là do việc vận dụng quy trình tham vấn nghề trong GDHN như đã xác định ở trên mang lại (Kiểm định T-Test với 2 mẫu độc lập cho thấy: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình khi sau TN của lớp TN1 – ĐC1: ($t = 7,580$ và $\text{sig.} = 0,000 < 0.05$).

Kết luận: Có sự khác biệt có ý nghĩa về điểm trung bình giữa các lớp TN1, ĐC1 sau khi TN. Như đã phân tích các trường hợp ở trên, sau khi được tham vấn các em đã lựa chọn được ngành, nghề phù hợp: Trường hợp của em Dương Thị H, qua trao đổi, trò chuyện với em thì em đã nhận thấy mình làm nghề dạy học cũng rất phù hợp. Vì vậy cuối cùng em quyết tâm lựa chọn GV, và em đã đăng kí thi vào trường ĐH Sư phạm HN và ĐH Sư phạm 2.

Trường hợp em Cán Diệu L, sau khi xem xét và tự nhận ra những khả năng của mình thì em đã lựa chọn ngành Văn hóa học và GV, em đăng kí thi vào ĐH Văn hóa và ĐH Thăng Long.

Em Đỗ Công T, Sở thích Toán - Lí, Khí chất Bình thản, có khả năng về mặt Xã hội. Trước tham vấn em lựa chọn ngành Công an, Quân đội. Sau khi tìm hiểu bản thân mình, em đã lựa chọn được ngành, nghề cho mình đó là Kỹ thuật điện tử. Em đăng kí thi 2 trường ĐH Xây dựng và ĐH Nông nghiệp Hà Nội.

Nhìn vào bảng thống kê (phụ lục 4.3), cho thấy HS chọn được ngành, nghề đã tăng lên và mức độ phù hợp cũng cao hơn so với kết quả ban đầu.

- Phân tích về mặt định tính:

Sau khi được tham vấn nghề, chúng tôi trao đổi, trò chuyện với HS để tìm hiểu mức độ hài lòng của các em về kết quả tham vấn nghề. “*Đây là việc làm rất có ý nghĩa, và thiết thực đối với chúng em, sau khi được cô tham vấn, chúng em thích lắm cô ạ, chúng em đã hiểu rõ hơn về bản thân mình, và đặc biệt là em đã chọn được ngành, nghề phù hợp cho mình, em cảm ơn cô ạ*” (Em Dương Văn V, THPT NT); “*Lúc đầu em rất hoang mang, vì năm nay là năm cuối rồi mà em vẫn chưa chọn được ngành, nghề nào phù hợp cho mình, nhưng sau khi được cô hướng dẫn, bây giờ em rất tự tin vào quyết định của mình, em sẽ cố gắng để đạt được những gì mình mong muốn, em rất vui*” (Bùi Mỹ H).

Thậm chí trong quá trình làm TN cho lớp 12A15, các em ở lớp khác cũng đến xin để được tham gia vào quá trình tham vấn của chúng tôi, các em rất thích thú và hài lòng.

Như vậy, từ những kết quả phân tích trên, chúng tôi nhận thấy, sau một thời gian dài tiến hành TN, năng lực giải quyết khó khăn, năng lực tự nhận thức đặc điểm bản thân, hiểu biết về ngành, nghề, trường dự thi cũng như năng lực ra quyết định chọn ngành, nghề của HS tăng lên và cao hơn so với ban đầu. Tỷ lệ HS chọn được ngành, nghề tăng lên và số HS không chọn được ngành, nghề là không còn. Điều này khẳng định kết luận mà chúng tôi đưa ra sau TN là hoàn toàn có cơ sở và quy trình tham vấn nghề chúng tôi xây dựng và sử dụng đã đem lại hiệu quả rõ rệt.

4.2.2. Phân tích kết quả thực nghiệm đợt 2

4.2.2.1. Phân tích kết quả trước TN

** Phân tích về mặt định lượng*

Trước khi tiến hành TN, dựa vào kết quả khảo sát, và tiến hành làm trắc nghiệm. Căn cứ vào thang đánh giá (mục 4.6.1.4), chúng tôi thống kê, phân tích và đánh giá kết quả trước TN. Kết quả thu được thể hiện như sau:

Sau khi xử lý thông tin thu được, chúng tôi tổng hợp kết quả thu được bằng bảng phân phối tần suất kết quả đánh giá trước TNSP trong bảng 4.12 dưới đây:

Bảng 4.12. Nhận thức của học sinh trong quá trình chọn ngành, nghề trước TN

STT	Nội dung	TN2	TB	ĐC2	TB
1	Nhận thức và đánh giá bản thân	2,33	1	2,34	1
2	Nhận thức về ngành, nghề	1,37	3	1,36	3
3	Nhận thức về trường đào tạo	2,16	2	2,17	2
Tổng		1,95		1,96	

Khả năng nhận thức và đánh giá bản thân

Ở nội dung này, chúng tôi đánh giá mức độ nhận thức và đánh giá bản thân của HS thông qua phiếu khảo sát ban đầu về đặc điểm của bản thân: Năng lực, tính cách, sở thích của bản thân. Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN và lớp ĐC có sự nhận thức và đánh giá bản thân đều ở mức độ dưới TB và nhận thức của các cặp TN và ĐC có sự tương đương. Cụ thể:

- Nhận thức và đánh giá bản thân \bar{X} của lớp TN2 là 2,33 và lớp ĐC2 là 2,34; Độ chênh lệch là 0,01

Đánh giá mức độ nhận thức về ngành, nghề:

Trong nội dung này, chúng tôi đánh giá nhận thức của HS về ngành, nghề như: yêu cầu năng lực, về phẩm chất, đặc điểm của ngành, nghề, các trường đào tạo và nơi làm việc sau này. Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN và lớp ĐC có sự nhận thức về ngành, nghề đều ở mức độ không tốt và nhận thức của các cặp TN và ĐC có sự tương đương. Cụ thể:

- Nhận thức về ngành, nghề \bar{X} của lớp TN2 là 1,37 và lớp ĐC2 là 1,36; Độ chênh lệch là 0,01.

Đánh giá mức độ nhận thức về trường HS lựa chọn

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN và lớp ĐC có sự nhận thức về ngành, nghề đều ở mức độ không hiểu biết và nhận thức của các cặp TN và ĐC có sự tương đương. Cụ thể:

- Nhận thức về trường \bar{X} của lớp TN2 là 2,16 và lớp ĐC2 là 2,17; Độ chênh lệch là 0,01.

*** Đánh giá mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS trước TN**

Bảng 4.13. Kết quả chọn ngành, nghề của HS trước TN

STT	Chọn ngành, nghề	TN2		ĐC2	
		SL	%	SL	%
1	<i>Chưa chọn được ngành, nghề</i>	28	62,22	28	59,57
2	Sức khỏe (bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng)	3	6,67	1	2,13
3	Khoa học xã hội và hành vi (bác sĩ tâm lý)	1	2,22	0	0
4	An ninh quốc phòng	2	4,44	1	2,13
5	Máy tính và công nghệ thông tin	4	11,11	3	6,38
6	Công nghệ kỹ thuật	0	0	0	0
7	Kỹ thuật, kỹ thuật điện	2	4,44	0	0
8	Khoa học giáo dục (GV)	1	2,22	4	8,51
9	Kinh tế, tài chính ngân hàng	1	2,22	4	6,38
10	Dịch vụ xã hội (công tác xã hội, ngoại giao, phiên dịch)	1	2,22	3	13,33
11	Quản trị và quản lý	1	2,22	2	4,26
12	Kiến trúc, xây dựng	1	2,22	0	0
13	Nghệ thuật (Thiết kế thời trang)	0	0	1	2,13
Tổng		45	100	47	100

Như vậy thông qua 5 chỉ số tâm lý: chỉ số Thông minh/kết quả học tập, chỉ số về Tính cách, chỉ số về Khả năng ngành, nghề nghiệp, chỉ số về Sở thích ngành, nghề nghiệp, chỉ số về Khí chất. Kết quả được thể hiện ở được bảng sau:

Bảng 4.14. Sự phù hợp với các chỉ số tâm lý

STT	Sự phù hợp với các chỉ số tâm lý	TN2		ĐC2		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	<i>Phù hợp với cả 5 chỉ số (Lí tưởng)</i>	0	0	0	0	0	0
2	<i>Phù hợp với 4 chỉ số (Tương đối phù hợp)</i>	1	2,22	2	4,26	3	3,26
3	Không phù hợp với sở thích	0	0	0	0	0	0
4	Không phù hợp với IQ/kết quả học tập	0	0	0	0	0	0
5	Không phù hợp với Tính cách	0	0	0	0	0	0
6	Không phù hợp với Khí chất	0	0	1	2,13	1	1,09
7	Không phù hợp với khả năng	1	2,22	1	2,13	2	2,17

8	Phù hợp với 3 chỉ số ít phù hợp	14	31,11	14	29,79	28	30,43
9	Không phù hợp với Sở thích và IQ/kết quả học tập	1	2,22	1	2,13	2	2,17
10	Không phù hợp với IQ/kết quả học tập và Tính cách	3	6,67	0	0	3	3,26
11	Không phù hợp với Tính cách và Khí chất	0	0	1	2,13	1	1,09
12	Không phù hợp với Khí chất và Sở thích	2	4,44	3	6,38	5	5,43
13	Không phù hợp với khả năng và tính cách	8	8,88	9	19,15	17	18,48
14	Không phù hợp với tất cả các chỉ số	2	4,44	3	6,38	5	5,43
15	Không chọn được ngành, nghề	28	62,22	28	31,91	56	60,87

Căn cứ vào phiếu điều tra và phiếu đánh giá trước TN, so sánh với kết quả trắc nghiệm của HS. Sau khi xử lý thông tin thu được, chúng tôi tổng hợp kết quả thu được bằng bảng phân phối tần suất kết quả đánh giá trước TNSP trong bảng 4.15 dưới đây:

Bảng 4.15. Bảng phân phối tần suất kết quả đánh giá của các lớp TN 2 và ĐC 2 trước TNSP

Lớp	n	Mức độ chọn ngành, nghề phù hợp					
		1	2	3	4	5	
TN2	45	28	2	14	1	0	1,73
ĐC2	47	28	3	14	2	0	1,78
Tổng	92	56	5	28	3	0	1,76

Kết quả ở bảng 4.15 cho thấy, ĐTB kết quả của cặp TN và ĐC là tương đương nhau:

- Điểm \bar{X} của lớp TN2 là 1,73 và \bar{X} của ĐC2 là 1,78, độ chênh lệch là 0,05, tần suất điểm số cũng tương đương nhau.

Từ bảng 4.15, chúng tôi có bảng 4.16 để xếp loại kết quả đánh giá mức độ chọn ngành, nghề của HS lớp TN và ĐC trước TNSP như sau:

Bảng 4.16. Xếp loại kết quả chọn ngành, nghề của các lớp TN2 và ĐC2 trước TNSP

Lớp	SL	Kết quả đánh giá sự lựa chọn ngành, nghề trước TNSP									
		Chưa chọn được ngành, nghề		Không Phù hợp		Ít Phù hợp		Tương đối Phù hợp		Lí tưởng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN2	45	28	62,22	2	4,44	14	31,11	1	2,22	0	0
ĐC2	47	28	59,57	3	6,38	14	29,79	2	4,26	0	0
Tổng	92	56	60,90	5	5,41	28	30,45	3	3,24	0	0

Nếu xếp loại các kết quả trên theo các mức độ: Lí tưởng, Tương đối phù hợp, Ít phù hợp, Không phù hợp; Không chọn được ngành, nghề, thống kê số liệu trong bảng 4.16 có thể dễ dàng nhận thấy tỉ lệ HS chọn được ngành, nghề của các lớp TN2 và ĐC2 là tương đương nhau, mức độ chênh lệch là không đáng kể. Cụ thể là:

* Loại Lí tưởng: Cả lớp TN2 và ĐC2 không có em nào chọn được ngành, nghề ở mức độ lí tưởng cả

* Loại Tương đối phù hợp: Lớp TN2 là 2,2%, lớp ĐC2 là 4,26% ; độ chênh lệch là 2,06%

* Loại Ít phù hợp: Lớp TN2 là 31,11%, lớp ĐC2 là 29,79% ; độ chênh lệch là 0,32%

* Loại Không phù hợp: Lớp TN2 là 4,44%, lớp ĐC2 là 6.38%; độ chênh lệch là 1,94%

* Loại không chọn được ngành, nghề: Lớp TN2 là 62.22%, lớp ĐC2 là 59,57%; độ chênh lệch là 2,65%.

Kiểm nghiệm T với hai mẫu độc lập, chúng tôi thu được kết quả ở lớp TN2 và ĐC 2: $t = -0,416$ và $\text{sig.} = 0,679 > 0,05$.

Kết luận: Không có sự khác biệt về ý nghĩa ĐTB trước TN giữa 2 lớp TN2 và ĐC2. Hoàn toàn có thể sử dụng 2 lớp này để TN sự phạm.

Biểu đồ dưới đây biểu thị kết quả chọn ngành, nghề trước TNSP của hai nhóm TN2 và ĐC2:

Biểu đồ 4.3: Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS hai lớp TN2 và ĐC2 trước TNSP

Nhìn kết quả ở biểu đồ trên, chúng ta thấy HS chưa chọn được ngành, nghề chiếm tỉ lệ tương đối lớn; không có một HS nào chọn được ngành, nghề ở mức lí tưởng.

**** Phân tích định tính***

HS rất lúng túng khi chọn ngành, nghề cho bản thân. Lí do vì hầu như các em không biết mình phù hợp với ngành ngành, nghề nào. Có những HS chọn được ngành, nghề đúng nhưng chỉ dựa trên sự may mắn, vì khi chúng tôi hỏi vì sao em chọn ngành, nghề này thì HS trả lời rằng vì “*Em thấy thích và hình như nó phù hợp với em*” (Lê Thị Ng).

Có những HS thì chưa đưa ra quyết định chọn ngành, nghề được vì các em nhận thấy thị trường lao động bão hòa về ngành ngành, nghề mà em chọn: “*Em thấy khó chọn quá vì ngành, nghề mà em thích bây giờ bão hòa, khó xin việc, nên em cũng đang lưỡng lự không biết mình sẽ chọn ngành, nghề gì cho phù hợp để ra trường dễ xin việc*” (Lê Ngân G, trường THPT NGT, thích tài chính - ngân hàng).

Bên cạnh những HS chưa chọn được ngành, nghề hoặc chọn chưa phù hợp thì có những HS đã chọn được ngành, nghề đúng cho mình, đối với những HS này thì mức độ hiểu biết về bản thân của các em, về ngành, nghề và về trường tốt hơn so với các bạn khác nhưng các em chưa thực sự hiểu biết một cách đầy đủ và chính xác.

4.2.2.2. Phân tích kết quả sau TN đợt 2

Sau khi kiểm chứng sự tương quan giữa các lớp TN và các lớp ĐC, chúng tôi tiến hành tổ chức TN theo quy trình đã xây dựng. Đó là đối với lớp ĐC vẫn được các GV tiến hành thực hiện bình thường theo đúng lịch trình nhà trường quy định. Đối với lớp TN, chúng tôi tiến hành vận dụng quy trình tham vấn nghề đã xây dựng và đã được rút kinh nghiệm ở TN đợt 1.

Sau khi kết thúc, chúng tôi cho HS của các lớp TN và ĐC đánh giá lại các tiêu chí đã liệt kê ở trên nhằm đánh giá hiệu quả của quy trình hoạt động tham vấn nghề đã xây dựng. Kết quả được thể hiện qua bảng sau:

* Mức độ nhận thức của HS sau TN

Bảng 4.17. Mức độ nhận thức sau TN

STT	Nội dung	TN2	TB	ĐC2	TB
1	Nhận thức và đánh giá bản thân	4,20	1	3,06	1
2	Nhận thức về ngành, ngành, nghề	3,45	3	2,63	2
3	Nhận thức về trường đào tạo	4,42	2	2,25	3
Tổng		4,02		2,64	

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy kết quả nhận thức và đánh giá về bản thân, về ngành, nghề, về trường thi của HS lớp TN đã tăng lên rõ rệt. Ở lớp ĐC cũng tăng nhưng mức độ tăng không đáng kể. Cụ thể:

Mức độ nhận thức và đánh giá đặc điểm bản thân sau TN

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN và lớp ĐC có sự nhận thức và đánh giá bản thân là khác nhau giữa các cặp TN và ĐC. Các lớp TN có mức độ nhận thức bản thân cao hơn hẳn so với lớp ĐC. Cụ thể:

- Nhận thức và đánh giá bản thân \bar{X} của lớp TN2 là 4,20 và lớp ĐC2 là 3,06; Độ chênh lệch là 1,14.

Sau TN nhận thức và đánh giá bản thân của HS đã tăng lên rõ rệt. Cụ thể:

- Nhận thức và đánh giá bản thân của HS lớp TN2: trước TN \bar{X} trước là 2,33 và sau TN là 4,20 ; Độ chênh lệch là 2,07

Em Lương Thùy V – THPT NGT phân tích về mình: Tính cách: Năng động, hoạt bát, vui vẻ, hài hước, hòa đồng, thân thiết, thích giao tiếp với mọi người; Khả năng: Giao tiếp tốt, thuyết phục người khác, bình tĩnh khi nói trước đám đông, có khả năng tính toán. Sở thích: Thích đi du lịch, thích nghe nhạc, thích đọc sách về vấn đề xã hội, thích giao tiếp với mọi người, thích tham gia các hoạt động xã hội.

Mức độ nhận thức về ngành, nghề sau TN

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN2 và lớp ĐC2 có sự nhận thức về ngành, nghề là khác nhau giữa các cặp TN và ĐC. Các lớp TN2 có mức độ nhận thức về ngành, nghề, cao hơn hẳn so với lớp ĐC2. Cụ thể:

- Nhận thức về ngành, nghề \bar{X} của lớp TN2 là 3,45 và lớp ĐC2 là 2,63; Độ chênh lệch là 0,82

Sau TN nhận thức về ngành, nghề của HS đã tăng lên rõ rệt. Cụ thể:

- Nhận thức về ngành, nghề của HS lớp TN2: trước TN \bar{X} trước là 1,37 và sau TN là 3,75 ; Độ chênh lệch là 2,38

Mức độ nhận thức về trường dự định thi sau TN

Qua bảng trên, chúng ta nhận thấy: HS lớp TN và lớp ĐC có sự nhận thức về trường là khác nhau giữa các cặp TN và ĐC. Các lớp TN có mức độ nhận thức về trường cao hơn hẳn so với lớp ĐC. Cụ thể:

- Nhận thức về trường \bar{X} của lớp TN 2 là 4,42 và lớp ĐC 2 là 2,25; Độ chênh lệch là 2,17

Sau TN nhận thức về trường của HS đã tăng lên rõ rệt. Cụ thể:

- Nhận thức về trường của HS lớp TN 2: trước TN \bar{X} trước là 2,16 và sau TN là 4,42 ; Độ chênh lệch là 2,26

*** Phân tích kết quả mức độ chọn ngành, nghề của HS lớp TN2 và lớp ĐC2 sau TNSP**

Bảng 4.18. Kết quả chọn ngành, nghề sau TN của lớp TN2 và lớp ĐC2

STT	Chọn ngành, nghề	TN2		ĐC2	
		SL	%	SL	%
1	Chưa chọn được ngành, nghề	0	0	8	17,02
2	Sức khỏe (bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng)	5	11,11	4	8,51
3	Khoa học xã hội và hành vi (bác sĩ tâm lí)	0	0	0	0,00
4	Tổng An ninh quốc phòng (CA, bộ đội, cảnh sát)	5	11,11	1	2,13
5	Máy tính và công nghệ thông tin (công nghệ phần mềm, kĩ sư tin học,	2	4,44	8	17,02
6	Công nghệ kỹ thuật (công nghệ kĩ thuật ô tô)	1	2,22	3	6,38

7	Kĩ thuật (Kĩ thuật lắp ráp ô tô, kĩ thuật cơ khí, kĩ thuật điện)	7	15,56	0	0,00
8	Tổng Khoa học giáo dục (GV)	5	11,11	4	8,51
9	Tổng kinh tế, tài chính ngân hàng	2	4,44	6	12,77
10	Tổng dịch vụ xã hội (công tác xã hội, ngoại giao, phiên dịch)	1	2,22	3	6,38
11	Tổng Quản trị và quản lí (Quản trị kinh doanh, Quản lí nhà hàng)	6	13,33	2	4,26
12	Kiến trúc, xây dựng (Kiến trúc sư, kĩ sư xây dựng)	3	6,67	4	8,51
13	Nghệ thuật (diễn viên điện ảnh)	0	0	1	2,13
14	Nhà báo	1	2,22	0	0,00
15	Khách sạn, Du lịch, thể thao (Hướng dẫn viên du lịch, vận động viên)	6	13,33	3	6,38
16	Sản xuất và chế biến (Công nghệ thực phẩm)	1	2,22	0	0,00
Tổng		45	100	47	100

Sau TN kết quả đã thay đổi rõ rệt, số lượng HS lớp TN2 chọn được ngành, nghề đã tăng lên và tỉ lệ HS chọn được ngành, nghề ở mức lí tưởng cũng chiếm tỉ lệ cao.

Bảng 4.19. Bảng phân phối tần xuất mức độ chọn ngành, nghề sau TNSP của lớp TN2 và ĐC2

Lớp		Mức độ chọn ngành, nghề phù hợp					
		1	2	3	4	5	
TN2	45	0	0	0	29	16	4,36
ĐC2	47	8	10	20	6	3	2,7
Tổng	92	8	10	20	25	19	3,53

Nhìn vào bảng 4.19 chúng ta thấy rằng giá trị \bar{X} của nhóm TN2 cao hơn \bar{X} của nhóm ĐC2 ($\bar{X}_{TN2} = 4,36 > \bar{X}_{ĐC2} = 2,7$).

- Lớp TN2 lớn hơn giá trị \bar{X} của lớp ĐC2. Cụ thể là: $\bar{X}_{TN2} > \bar{X}_{ĐC2}$ ($4,36 > 2,7$);

Từ bảng 4.19, chúng tôi có bảng 4.20 để xếp loại kết quả đánh giá mức độ chọn ngành, nghề của HS lớp TN2 và ĐC2 sau TNSP

Bảng 4.20. Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề lớp TN2 và ĐC2 sau TNSP

Lớp	SL	Kết quả đánh giá sự lựa chọn ngành, nghề sau TNSP									
		Chưa chọn được ngành, nghề		Không Phù hợp		Ít Phù hợp		Tương đối Phù hợp		Lí tưởng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TN2	45	0	0	0	0	0	0	29	64,4	16	35,6
ĐC2	47	8	17,0	10	21,3	20	42,6	6	12,8	3	6,4
Tổng ĐC	92	8	8,5	10	10,7	20	21,3	35	38,6	19	21

Bảng trên cho thấy kết quả mức độ chọn ngành, nghề của lớp TN2 cao hơn lớp ĐC2: Nếu như các lớp TN2 trước TNSP số HS chọn ngành, nghề ở mức độ Lí tưởng và Tương đối phù hợp tăng lên và không có HS nào là không chọn được ngành, nghề và chọn không đúng cả. Các lớp ĐC2 sau TN sư phạm thì số lượng chọn ngành, nghề Hoàn toàn phù hợp và Tương đối phù hợp tăng lên nhưng không đáng kể, vẫn còn HS chọn ngành, nghề Không phù hợp và Chưa chọn được ngành, nghề cho bản thân. Cụ thể là:

* Loại Lí tưởng: Lớp TN2 là 35,6% và ĐC2 là 6,4% ; độ chênh lệch là 29,2%

* Loại Tương đối phù hợp: Lớp TN2 là 64,4%, lớp ĐC2 là 12,8% ; độ chênh lệch là 41,6%

* Loại Ít phù hợp: Lớp TN2 là 0%, , lớp ĐC2 là 42,6%; độ chênh lệch là 42,6%

* Loại Không phù hợp: Lớp TN2 là 0%, lớp ĐC2 là 21,3%; độ chênh lệch là 21,3%

* Loại không chọn được ngành, nghề: Lớp TN2 là 0 %, lớp ĐC2 là 17%; độ chênh lệch là 17%

Kiểm định T-Test với 2 mẫu độc lập cho thấy: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình khi sau TN của lớp TN2 – ĐC2: ($t = 8,844$ và $\text{sig.} = 0,000 < 0,05$).

Kết luận: Có sự khác biệt có ý nghĩa về ĐTB giữa các lớp TN2, ĐC2 sau khi TN

Biểu đồ 4.4 dưới đây thể hiện rõ các kết quả này:

Biểu đồ 4.4: Xếp loại kết quả mức độ chọn ngành, nghề phù hợp của HS lớp TN2 và ĐC2 sau TNSP

Qua biểu đồ trên có thể khẳng định, số lượng HS lớp TN2 chọn được ngành, nghề và chọn được ngành, nghề phù hợp đã tăng lên rõ rệt. Bên cạnh đó số lượng HS lớp ĐC2 chọn được ngành, nghề cũng đã tăng lên tuy nhiên vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ chưa chọn được và chọn ngành, nghề không phù hợp và ít phù hợp chiếm tỉ lệ khá cao.

4.2.3. Nhận định chung

4.2.3.1. Nhận định chung trước TN:

Về mặt định lượng: Từ kết quả các bảng trước TN cho thấy: Điểm TB kết quả đầu vào của các cặp TN và nhóm ĐC tương đương nhau trong việc đánh giá về bản thân, về ngành, nghề và về trường dự định thi đầu ở mức thấp. Do vậy, việc lựa chọn những lớp TN và lớp ĐC trên hoàn toàn phù hợp trong TN.

Về mặt định tính: Học sinh rất lúng túng trong việc nhận thức và đánh giá bản thân mình, đặc biệt trong việc liệt kê các đặc điểm của bản thân như về tính cách, sở thích, năng lực. HS chỉ có thể kể ra được một hoặc hai đặc điểm của bản thân mình. Thậm chí HS đánh giá sai về bản thân mình. Có những HS qua tiếp xúc chúng tôi thấy em ít nói, và có những phản ứng gay gắt, không làm chủ được cảm xúc của bản thân nhưng em đó lại tự nhận định mình là người có tính cách hướng nội. Tuy nhiên

khi dùng các trắc nghiệm để đánh giá thì em đó lại thuộc người có tính cách hướng ngoại đặc biệt là người nóng nảy.

Nhận thức về ngành, nghề thì HS rất lúng túng và dường như không biết về những nội dung trong câu hỏi, các em không biết những đặc điểm về ngành, nghề thì cần phải liệt kê những thông tin gì. Thậm chí khi chúng tôi gợi ý nhưng các em vẫn không biết và vẫn phải hỏi lại. Nhận thức về trường thi dường như HS không chú ý đến những đặc điểm về trường như chỉ tiêu của ngành, chỉ tiêu điểm tuyển sinh của ngành, HS chỉ chú ý đến tỉ lệ cạnh tranh, chỉ tiêu của trường.

Bên cạnh đó việc giải quyết những khó khăn trong quá trình chọn ngành, nghề của HS cũng không tốt khi chúng tôi đưa ra tình huống để các em giải quyết, và những khó khăn của chính các em.

Như vậy: Từ phân tích định tính và định lượng về kết quả đầu vào của các lớp TN và lớp ĐC cho thấy: Kết quả của các lớp TN và lớp ĐC tương đương nhau, điều này khẳng định việc lựa chọn các lớp TN và lớp ĐC trên là hoàn toàn phù hợp để tổ chức quá trình TN tác động.

4.2.3.2. Nhận định chung sau TN:

Nhìn vào kết quả thống kê từ bảng và các biểu đồ sau TN cho thấy: Kết quả về nhận thức về bản thân, hiểu biết về ngành, nghề và về trường thi của HS lớp TN và lớp ĐC đã có những thay đổi rõ rệt cả về mặt định lượng và mặt định tính.

Về mặt định lượng:

Qua kết quả trên cho thấy sự đánh giá của các lớp TN và ĐC có sự chênh lệch nhau. Đối với lớp TN, ĐTB các tiêu chí như: Nhận thức và đánh giá bản thân, nhận thức về ngành, nghề, nhận thức về trường đã tăng lên rõ rệt, mặc dù lớp ĐC có tăng nhưng mức độ tăng là không đáng kể.

Kiểm định T – Test với 2 mẫu độc lập, chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ĐTB giữa 2 lớp TN và ĐC khi vận dụng quy trình hoạt động tham vấn ngành, nghề đã xây dựng.

Như vậy chúng ta có thể khẳng định sự khác biệt giữa lớp TN và lớp ĐC là có ý nghĩa về mặt thống kê.

- *Về mặt định tính:* Hầu hết HS lớp TN không còn lúng túng khi đánh giá bản thân mình mà các em rất tự tin. Ngoài ra các em còn có khả năng hướng dẫn các bạn khác thực hiện những việc này. Do vậy các em thực sự thấy thích thú và bổ ích

khi sau khi được tham vấn ngành, nghề.

HS rất linh hoạt và nhanh nhẹn khi thực hiện các thao tác đánh giá. Các em có chia sẻ: *“Dưới sự hướng dẫn của cô, chúng em đã khẳng định được mình, biết tự đánh giá mặt mạnh và mặt yếu của bản thân”*. Hoặc có em khác trao đổi: *“Chúng em thực sự thấy thích thú với những điều cô trao đổi, thảo luận với chúng em, nhờ có sự hướng dẫn của cô mà em tự tin hơn khi chọn ngành, nghề cho mình, thậm chí em còn phân tích cho các bạn các lớp khác nữa cô ạ”*. *“Trước đây em cũng vào mạng để tra thông tin nhưng em không biết những nguồn thông tin nào là chính xác và phù hợp. Từ khi được cô hướng dẫn, em đã biết mình cần tìm những thông tin ở đâu và tìm như thế nào một cách nhanh chóng nhất”*.

Như vậy: Có sự khác biệt có ý nghĩa về ĐTB giữa các lớp TN và ĐC

Từ phân tích về mặt định tính và định lượng kết quả ở trên cho thấy: ĐTB và tần suất (%) HS đạt điểm ở các lớp TN cao hơn các lớp ĐC. Điều này cho thấy việc sử dụng quy trình hoạt động tham vấn nghề cùng với những kĩ năng mà chúng tôi vận dụng trong quá trình TN đã đem lại hiệu quả trong việc giúp HS có sự nhận thức tốt về bản thân, về ngành, nghề lựa chọn và về trường dự định thi và bên cạnh đó rèn luyện các kỹ năng trong quá trình chọn ngành, nghề, để từ đó không những các em chọn cho mình được một ngành, nghề phù hợp mà các em còn có khả năng tự giải quyết những khó khăn trong quá trình chọn ngành, nghề của bản thân cũng như các khó khăn khác mà các em gặp phải trong quá trình học tập và cuộc sống sau này. Kết quả tham vấn nghề trên đã góp phần nâng cao hiệu quả GDHN trong nhà trường THPT.

4.3. MÔ TẢ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP THỰC NGHIỆM

4.3.1. Trường hợp 1: Trần Thị Ánh Ng

Trần Thị Ánh Ng - là học sinh nữ, học lớp 12 trường THPT Ngọc Tảo, là học sinh có học lực khá, nhưng tính tình nóng nảy. Khi được hỏi là em thích ngành, nghề gì thì em nói rằng: Quản lí đất đai. Lí do em chọn ngành này vì bố mẹ em bảo em thế.

Bố mẹ em đều là nông dân, Ng có 1 em gái học lớp 7. Kinh tế gia đình phụ thuộc vào chăn nuôi, ruộng đồng cuộc sống bình thường. Gia đình Ng, mặc dù không dư dả lắm vẫn cố gắng cho Ng học tập. Bố Ng nói *“Gia đình tôi đều làm nông nghiệp, cuộc sống cũng vất vả vì vậy tôi cũng cố gắng lo cho các em học hành để sau này các em đỡ khổ hơn, mong cho cháu đỗ đại học, chúng tôi cũng định*

hướng cho cháu nhưng quyết định là ở cháu”. Qua trao đổi với GV được biết: em Ng rất nhanh nhẹn, hoạt bát, tuy nhiên hơi hấp tấp vội vàng, học lực tốt.

Mức độ nhận thức đặc điểm bản thân của Ng ở mức dưới TB ($\bar{X}=2,3$), cụ thể em tự nhận thức về mình như sau: trầm, nóng nảy, hài hước, không thích giao tiếp. Mức độ hiểu biết về ngành, nghề của Ng ở mức thấp ($\bar{X}=1,38$), cụ thể: ngành, nghề đó kiếm được nhiều tiền, sau này ra trường làm ở sở địa chính. Mức độ hiểu biết về trường đào tạo ngành, nghề của Ng ở mức thấp ($\bar{X}=1,54$): trường đại học Nông nghiệp có đào tạo ngành Quản lý đất đai, thi vào điểm không cao lắm, khoảng 15, 16 điểm. Khối ôn thi: D

Nhìn một cách tổng quát ta thấy việc nhận thức về đặc điểm bản thân, về ngành, nghề, về trường đào tạo mà em chọn đạt mức thấp.

Do nhận thức được sự vất vả của bố mẹ, cũng như nhận thấy sự kì vọng của bố mẹ nên em cũng cố gắng học hành và mong muốn sau này có công việc gì đó ổn định và kiếm ra tiền. Chúng tôi hỏi sâu thêm về lí do chọn ngành, nghề thì em nói rằng: ngành, nghề quản lý đất đai vì em thấy sau này kiếm được nhiều tiền và bố mẹ em cũng nói như vậy. Và em cho biết thêm: “Bây giờ mọi người nhờ vào buôn bán đất mà giàu lắm cô ạ, nên em cũng muốn theo ngành, nghề này”. Như vậy qua đây chúng tôi nhận định em Ng đã hiểu sai về ngành quản lý đất đai. Chúng tôi có hỏi: “Em có biết học quản lý đất đai là sau này làm gì không?” Em chỉ trả lời: “Em hiểu quản lý đất đai có nghĩa là liên quan đến việc mua bán đất”.

Xác định vấn đề: Ở đây em Ng đã lựa chọn ngành, nghề theo cảm tính, và chọn sai ngành ngành, nghề so với khối thi. Sự đánh giá về bản thân của Ng còn yếu, và hiểu biết về ngành, nghề, hiểu biết về trường còn rất hạn chế.

Sau khi làm trắc nghiệm thì Ng có một số những chỉ số trắc nghiệm như sau:

IQ=112/160: ở mức Khá; Kiểu khí chất: Nóng nảy; xu hướng ngành, nghề nghiệp: nghệ thuật; Có khả năng trong lĩnh vực Xã hội. Tính cách: Nhiệt tình, vui vẻ, cởi mở, sôi nổi, dễ gần tuy, hay phản ứng mạnh mẽ, khả năng kiềm chế cảm xúc kém, dễ bị kích thích, khả năng giao tiếp tốt.

Dưới sự hướng dẫn của GV, qua trao đổi với các bạn, thì nhận ra được rõ hơn về bản thân mình. Em tự nhận định về bản thân: “Em là người hay nói, nhiệt tình, vui vẻ, thích giao tiếp, thích chạy nhảy, dễ thích nghi với môi trường mới tuy nhiên thường vội

vàng, hấp tấp. Bạn bè thường nói em là bốc đồng. Có khả năng về ngôn ngữ, giao tiếp, thích ứng nhanh, ”. Sau khi phân tích, tìm hiểu về bản thân, tìm hiểu về ngành ngành, nghề, Ng đã lựa chọn cho mình ngành, nghề tương lai: Công tác xã hội, GV; trường đăng kí dự thi: Đại học Lao động xã hội và ĐH Sư phạm Hà Nội.

4.3.2. Trường hợp 2: Bùi Nguyễn Mai A

Bùi Nguyễn Mai A học sinh nữ lớp 12 trường THPT Nguyễn Gia Thiều có học lực giỏi. Khối ôn thi: A, D. Nguyên vọng của H là học ngành công tác xã hội, vì em cho là mình có học lực phù hợp với nhóm ngành, nghề xã hội và vì em muốn giúp đỡ người khác.

Bố mẹ đều là công chức nhà nước, mẹ của A công tác trong ngành giáo dục, bố là công an. Kinh tế gia đình A tạm ổn, đủ điều kiện để lo con em ăn học, phấn đấu và phát triển. Tuy nhiên bố mẹ lại thích em thi công an để sau này xin việc cho dễ.

Hiểu biết về bản thân của A mức trên TB ($\bar{X}=3,5$): kín đáo, ít nói, thương người, dễ xúc động, thích giúp đỡ người khác, thích các hoạt động từ thiện, thích đọc sách mang tính nhân văn, thích làm những công việc đòi hỏi sự kiên trì. Mức độ hiểu biết về ngành, nghề của Ng ở mức TB ($\bar{X}=3,0$): ngành, nghề đòi hỏi phải có khả năng giao tiếp, có lòng bao dung, nhân hậu, ngành, nghề tiếp xúc với con người là chủ yếu. Mức độ hiểu biết về trường đào tạo ngành, nghề của Ng ở mức trên TB ($\bar{X}=3,67$). Các chỉ số trên cho thấy mức độ hiểu biết của A là tương đương nhau, và đều ở mức TB và trên TB.

Công tác xã hội là thiên hướng ngành, nghề mà A theo đuổi. Với học lực tốt, cộng với việc rất chăm chỉ học hành, là những điều kiện thuận lợi để A có suy nghĩ chín chắn về ngành, nghề. Theo em công tác xã hội sẽ giúp em sau này năng động hơn và giúp đỡ người khác.

Sau khi làm trắc nghiệm chúng tôi nhận thấy: IQ=126/160: Thông minh; Xu hướng ngành, nghề nghiệp: sư phạm và giáo dục; Nghệ thuật; Khí chất: hoạt bát; Thuộc kiểu người: Xã hội.

Như vậy em A có hiểu biết cơ bản về trường có thể phù hợp với công tác xã hội. Tuy nhiên em không làm thế nào thuyết phục được bố mẹ vì bố mẹ nói nếu em không thi vào trường An ninh thì bố mẹ sẽ không chu cấp tiền cho em ăn học. Ở đây là mâu thuẫn giữa bố mẹ và em A trong việc lựa chọn ngành ngành, nghề.

Vì vậy, GV đã:

- Giúp A nhận ra việc lựa chọn ngành nghề, nghề phù hợp với khả năng, phù hợp với sở thích thì sẽ có những thuận lợi gì và ngược lại nếu không làm đúng theo khả năng, năng lực và sở thích thì sẽ dẫn đến những kết quả như thế nào.

- Hiểu rõ được ngành công tác xã hội

- Nhận ra được sự quan tâm của bố mẹ đối với em

- Nhận ra được những thuận lợi và khó khăn khi nghe lời bố mẹ và tự theo ý của bản thân

- Hướng dẫn HS A phân tích, so sánh để xem xét điều gì là tốt nhất

Qua sự trao đổi, cùng nhau phân tích và cuối cùng HS A đã tự khẳng định được quyết định của mình: Chọn Công tác xã hội của Trường ĐH Lao động - Xã hội, trường ĐH Sư phạm Hà Nội.

Nhìn chung, qua 2 trường hợp mà chúng tôi nêu ở trên và thông qua quá trình tham vấn cho các trường hợp khác chúng tôi có một số nhận xét sau:

1. Nhận thức và đánh giá về bản thân, về ngành, nghề, về trường của HS còn hạn chế

2. Các em chọn ngành, nghề theo cảm tính là chủ yếu do vậy, sự lựa chọn ngành, nghề của các em thường không phù hợp so với đặc điểm tâm lý của các em, với hiểu biết của ngành, nghề.

3. Đa số HS gặp những khó khăn trong việc ra quyết định chọn ngành, nghề. Bên cạnh đó một số khó khăn mà HS hay gặp phải đó là mâu thuẫn giữa sự lựa chọn ngành, nghề của bản thân HS và sự chọn ngành, nghề của bố mẹ các em.

Kết luận chương 4

1. Quy trình tham vấn nghề cho HS THPT được thực hiện tại 2 trường THPT KV Hà Nội với mục tiêu kép: giúp HS tự tháo gỡ khó khăn trong chọn nghề và thực hiện mục tiêu GDHN.

2. Sau khi thực hiện quy trình tham vấn nghề đối với HS khối 12, nhìn chung mục tiêu tham vấn nghề và mục tiêu GDHN đã đạt được. HS có năng lực tự giải quyết được những khó khăn của bản thân trong quá trình lựa chọn ngành, nghề; đã nhận thức tốt về bản thân, về ngành, nghề lựa chọn và về trường dự thi, và đặc biệt là tự tin ra quyết định chọn ngành, nghề, trường thi phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích của bản thân và điều kiện của gia đình. HS đã có khả năng tự mình xác định những vấn đề của bản thân, tự đưa ra được những phương án giải quyết những

khó khăn đó, biết phân tích những vấn đề của bản thân và tự tin khi đưa ra những quyết định phù hợp.

3. Việc thực nghiệm quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN đã cho thấy quy trình này có tính khả thi, giả thuyết khoa học chúng tôi xây dựng là hoàn toàn đúng đắn. Có thể triển khai đến các nhà tham vấn, GV đảm nhiệm giảng dạy GDHN để có thể thực hiện tham vấn nghề trong quá trình GDHN cho HS góp phần nâng cao chất lượng GDHN trong nhà trường THPT hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

1.1. Tham vấn nghề trong GDHN là một trong những con đường GDHN hiện đại được nhiều nước trên thế giới vận dụng có hiệu quả. Tuy nhiên ở Việt Nam, tham vấn nghề còn mới mẻ và chưa được vận dụng phổ biến trong GDHN ở THPT.

1.2. Tham vấn nghề trong GDHN có nhiều ưu thế trong việc trợ giúp HS tự tháo gỡ những khó khăn trong quá trình chọn khối thi, ngành thi, trường thi và nghề nghiệp tương lai của các em. Với ưu thế như vậy, bản chất của việc tham vấn nghề trong GDHN là người GV định hướng, trợ giúp HS tự đánh giá đúng sở thích, tính cách, năng lực của mình, trợ giúp HS tự tìm kiếm thông tin về hệ thống các ngành đào tạo, các nghề trong xã hội và nhu cầu thị trường lao động, từ đó HS có những quyết định lựa chọn ngành, nghề phù hợp với bản thân và nhu cầu lao động xã hội.

1.3. Tham vấn nghề được nghiên cứu với tư cách là một con đường GDHN độc lập. Tham vấn nghề có mục tiêu, nội dung riêng và được tiến hành theo một quy trình nhất định, đảm bảo cho hoạt động tham vấn nghề phát huy hết những ưu thế của nó và thực sự mang lại hiệu quả tốt cho GDHN ở THPT.

1.4. Hiện nay trong nhà trường THPT KV Hà Nội, GDHN đã được thực hiện nhiều nhất bằng 2 con đường: thông qua các giờ học môn Hoạt động GDHN và qua tham vấn nghề. Tuy nhiên, hiệu quả của GDHN của các con đường này chưa cao, chưa được như sự mong đợi và chưa thực hiện tốt mục tiêu GDHN. Nguyên nhân của vấn đề này là hoạt động tham vấn nghề của các nhà trường THPT KV Hà Nội được thực hiện chưa đồng bộ giữa các nhà trường, giữa các GV. Hiểu biết của GV về tham vấn nghề còn hạn chế. Cách thức tham vấn nghề của các GV chưa thống nhất, chưa khoa học, chỉ dựa trên kinh nghiệm cá nhân và chưa theo quy trình nhất định.

1.5. Để tham vấn nghề cho HS thực sự trở thành con đường GDHN ở THPT, hoạt động tham vấn nghề cần được thực hiện theo quy trình mang tính khoa học. *Quy trình tham vấn nghề trong GDHN* không có sẵn mà cần được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học, đúng với bản chất của tham vấn tâm lý, phù hợp với đặc điểm của GDHN và thực hiện được mục tiêu GDHN. Quy trình này đã được xây dựng gồm 3 giai đoạn với 11 bước, đảm bảo được các yêu cầu trên.

1.6. Khi thực hiện quy trình tham vấn nghề đã được xây dựng ở hai trường THPT KV Hà Nội, mục tiêu tham vấn nghề và mục tiêu GDHN đã đạt được: HS có

năng lực tự giải quyết được những khó khăn của bản thân trong quá trình lựa chọn ngành, nghề; đã nhận thức tốt về bản thân, về ngành, nghề lựa chọn và về trường dự thi, và đặc biệt là tự tin ra quyết định chọn ngành, nghề, trường thi phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích của bản thân và điều kiện của gia đình. Bên cạnh đó HS đã có khả năng tự mình xác định những vấn đề của bản thân, tự đưa ra được những phương án giải quyết những khó khăn đó, biết phân tích những vấn đề của bản thân và tự tin khi đưa ra những quyết định phù hợp. Các kết quả đó đã khẳng định quy trình hoạt động tham vấn nghề có tính khả thi và mang lại hiệu quả cao, góp phần thực hiện tốt mục tiêu GDHN ở THPT hiện nay.

2. KHUYẾN NGHỊ

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và đào tạo

- Tham vấn nghề trong GDHN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực của HS trong việc tự đánh giá bản thân, tìm kiếm thông tin, phân tích và lựa chọn thông tin trong quá trình chọn ngành, nghề, ra quyết định chọn ngành, nghề phù hợp. Cần phải coi tham vấn nghề là một con đường để GDHN cho HS, vì vậy Bộ GD&ĐT nên quan tâm đến việc đào tạo các chuyên gia tham vấn nghề với đầy đủ các yêu cầu của nghề như: Kiến thức, kỹ năng và phẩm chất của nghề. Cần có cơ chế chính sách để mỗi trường có một phòng tham vấn và một chuyên gia tham vấn học đường để họ thực hiện nhiệm vụ tham vấn nghề và tham vấn tâm lý cho HS.

- Bộ GD&ĐT cần có cơ chế chính sách phù hợp cho những GV tham gia công tác hướng nghiệp trong nhà trường THPT nói chung và công tác tham vấn nghề nói riêng. Trong điều kiện hiện nay, chưa thể đáp ứng được nhu cầu mỗi một nhà trường có một phòng tham vấn thì Bộ GD&ĐT cần xây dựng chương trình và kế hoạch bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hướng nghiệp nói chung và kỹ năng tham vấn nghề nói riêng cho GV giảng dạy môn học và GV đảm nhiệm công tác GDHN để đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

- Hiện nay, tài liệu phục vụ cho GDHN còn nghèo nàn, do vậy Bộ GD&ĐT cần biên soạn tài liệu GDHN, những bản mô tả ngành, nghề cụ thể và chi tiết để có thể đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của HS về những yêu cầu đặc điểm của ngành, ngành, nghề. Dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực trong cả nước và từng địa phương thiếu tính cập nhật vì vậy Bộ GD & ĐT cần có những dự báo kịp thời, đầy đủ về nhu cầu thị

trường lao động trên cơ sở đó HS có được những thông tin một cách đầy đủ nhất và cập nhật nhất tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn ngành, nghề phù hợp.

2.2. Đối với các trường THPT

- Ban giám hiệu quan tâm đến công tác GDHN, ý thức được tầm quan trọng của GDHN nói chung và tham vấn nghề nói riêng, do vậy các trường THPT cần thực hiện nghiêm túc chủ trương của Bộ GD&ĐT trong việc GDHN cho HS. Đầu tư cơ sở vật chất cần thiết như: phòng tham vấn nghề, các trắc nghiệm tâm lí, hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện thời gian trong việc thực hiện hoạt động GDHN và tham vấn nghề.

- Có kế hoạch tổ chức tham vấn nghề cho HS ngay từ khi các em mới bắt đầu bước vào THPT, khi thực hiện cần lưu ý đến đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu, nguyện vọng của HS, của từng khối lớp để tiến hành hoạt động này một cách hiệu quả nhất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về tầm quan trọng và vai trò của tham vấn ngành, nghề cho HS và phụ huynh HS; Phối hợp với các cơ sở sản xuất, các trường ĐH, CĐ với phụ huynh HS. Bên cạnh đó tổ chức các buổi nói chuyện, tham vấn ngành, nghề cho chính cha mẹ HS về vấn đề chọn ngành, nghề của con em mình, tránh tình trạng cha mẹ bắt em con mình lựa chọn ngành, nghề theo sự chọn ngành, nghề của họ.

2.3. Đối với nhà tham vấn (GV)

- Nhà tham vấn (GV) cần phải ý thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác GDHN và tham vấn nghề cho HS. Có kế hoạch tự bồi dưỡng nâng cao sự hiểu biết cho bản thân về tham vấn nghề, kĩ năng tham vấn nghề và rèn luyện những phẩm chất của nhà tham vấn.

- Nhà tham vấn (GV) cần có kiến thức sâu rộng về thế giới ngành, nghề, về hệ thống các trường đào tạo trong cả nước, thường xuyên cập nhật thông tin về nhu cầu thị trường lao động của xã hội.

- Trong quá trình thực hiện quy trình hoạt động tham vấn nghề cho HS, nhà tham vấn (GV) cần vận dụng kiến thức và kĩ năng tham vấn một cách linh hoạt để đánh giá chính xác tính cách, năng lực, sở thích, hứng thú của HS, mức độ thiếu hụt về kiến thức ngành, nghề, trường đào tạo, khả năng tìm kiếm và lựa chọn thông tin của HS. Đặc biệt trong quá trình tiến hành tham vấn nhà tham vấn (GV) chủ động gợi mở, trò chuyện với HS để tìm hiểu những khó khăn, những tâm tư, nguyện vọng của

các em trong quá trình chọn ngành, nghề, kịp thời trợ giúp HS giải quyết những khó khăn vướng mắc đó để các em yên tâm học tập.

- Trước khi tiến hành tham vấn nghề cho HS, nhà tham vấn (GV) cần phải chủ động xây dựng kế hoạch tham vấn cho tập thể lớp, cho nhóm HS và cá nhân HS một cách cụ thể, rõ ràng. Sau mỗi lần tham vấn, nhà tham vấn (GV) cần rút kinh nghiệm cho bản thân điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp ở những lần tham vấn tiếp theo.

2.4. Đối với HS

- Ý thức cao trong việc chọn ngành, nghề tương lai ngay từ khi bắt đầu bước vào THPT. Nhận thức được tầm quan trọng của sự định hướng ngành, nghề để có kế hoạch tự bồi dưỡng, tích cực trong học tập nhằm hình thành những kiến thức, năng lực liên quan đến ngành, nghề mà mình đã lựa chọn.

- HS phải có thói quen tự đánh giá bản thân, tích cực tìm hiểu những thông tin về ngành, nghề về nhu cầu thị trường lao động của xã hội để có một nền tảng kiến thức vững chắc làm cơ sở cho sự lựa chọn ngành, nghề phù hợp, tránh được những sai lầm trong quá trình chọn ngành, nghề.

- Sẵn sàng hợp tác với thầy cô trong quá trình tham vấn, mạnh dạn chia sẻ, bày tỏ những khó khăn của bản thân trong quá trình chọn ngành, nghề với thầy cô, với cha mẹ và với các nhà tham vấn để họ kịp thời trợ giúp các em tháo gỡ những khó khăn đó, có như vậy mới tạo được hứng thú, củng cố niềm tin trong học tập cũng như trong việc lựa chọn ngành, nghề tương lai.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN
ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

- 1) Trương Thị Hoa, “Định hướng nghề cho học sinh trung học phổ thông trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí giáo dục*, Số đặc biệt 11/2012, tr.21-22
- 2) Trương Thị Hoa, “Thực trạng nhận thức của giáo viên và HS về GDHN ở trường trung học phổ thông”, *Tạp chí giáo dục*, Số 328 kì 2 (2/2014), tr.24-26
- 3) Trương Thị Hoa (2014), “Tham vấn nghề ở trường trung học phổ thông”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, Số 102, tháng 3-2014, tr.26-29
- 4) Trương Thị Hoa (2014), “Thực trạng giáo dục hướng nghiệp qua tham vấn nghề ở trường trung học phổ thông”, *Tạp chí Khoa học trường ĐH Sư phạm Hà Nội*, tập 59, số 6, tr.163-171
- 5) Trương Thị Hoa (2014), “Năng lực chọn nghề của học sinh trung học phổ thông”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, Số 107, tháng 8-2014, tr.16-19

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Lê Văn Anh (1982), “Một số ý kiến của N.C.Krupskaia về hướng nghiệp”, *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, số 2
2. Nguyễn Thị Nhân Ái (2011), “Các lí thuyết phát triển trong tham vấn hướng nghiệp”, *Tạp chí Giáo dục*, số 2
3. Nguyễn Thị Nhân Ái (2011), “Sử dụng trắc nghiệm, thang đánh giá sự phát triển định hướng giá trị nghề trong tham vấn hướng nghiệp”, *Tạp chí Giáo dục*, số 276
4. Alfred.W.MunZent (1997), *Trắc nghiệm IQ*, Tâm lí học Mỹ
5. Đặng Danh Ánh (1982), “Góp phần tìm hiểu vấn đề hướng nghiệp”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 2
6. Đặng Danh Ánh (2002), “Quan điểm mới về giáo dục hướng nghiệp”, *Tạp chí giáo dục*, số 37, 8/2002
7. Đặng Danh Ánh (2005), “Tur vấn nghề và phân luồng HS phổ thông sau trung học”, *Kỉ yếu hội thảo quốc tế, Đối thoại Pháp –Á về các vấn đề và hướng đi cho GDHN tại Việt Nam*
8. Đặng Danh Ánh (2005), “Tur vấn chọn nghề cho HS phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, số 121
9. Đặng Danh Ánh (2010), *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin
10. Nguyễn Trọng Bảo (1985), *Giáo dục lao động, kĩ thuật tổng hợp và hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông*, NXB Sự thật, Hà Nội
11. Nguyễn Trọng Bảo (1987), *Nhà trường phổ thông với việc giáo dục lao động, kĩ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề*, NXB Giáo dục
12. Nguyễn Trọng Bảo, Đoàn Chi, Cù Nguyên Hanh, Hà Thế Ngữ, Tô Bá Trọng, Trần Đức Xước, Nguyễn Thế Quảng (1989), *Một số vấn đề giáo dục kĩ thuật tổng hợp và hướng nghiệp*, NXB Giáo dục.
13. Nguyễn Thị Bình (1982), “Trách nhiệm của ngành ta đối với công tác hướng nghiệp và sử dụng học sinh ra trường”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 2
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1984), *Hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội

15. Đoàn Chi (1982), “Mấy biện pháp giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 2
16. Nguyễn Phúc Chính (2008), “GDHN ở trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí giáo dục*, số 191 (kì 1-6/2008)
17. Phạm Tất Dong (1965) “Một số vấn đề giáo dục lao động” , NXB Giáo dục, Hà Nội 1965
18. Phạm Tất Dong (1981), “Học tập lao động kỹ thuật và hướng nghiệp với việc chuẩn bị cho học sinh đi vào lao động sản xuất”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 3
19. Phạm Tất Dong (1982), “Nhân cách và hướng nghiệp”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 2
20. Phạm Tất Dong (1984), *Hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông* (1984), Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội
21. Phạm Tất Dong (2000), *Sự lựa chọn tương lai*, NXB Thanh Niên
22. Phạm Tất Dong, Vũ Văn Tảo, Nguyễn Như Át, Lưu Đình Mạc, Phạm Huy Thụ (2003), *Thực trạng và giải pháp phát triển và nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông*, HN
23. Phạm Tất Dong (chủ biên) (2012), *Tư vấn hướng nghiệp cho HS Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam
24. Nguyễn Hữu Dũng (2005) - *Thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội
25. Vũ Mộng Đóa (2011), “Tham vấn nghề nghiệp: Khái niệm và các lý thuyết tiếp cận”, *Báo cáo khoa học Hội nghị quốc tế lần thứ 2 về Tâm lý học đường ở Việt Nam “Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành Tâm lý học đường tại Việt Nam”*, Nhà XB đại học Huế
26. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam
27. Trần Thị Minh Đức (2002), “Tư vấn và tham vấn – thuật ngữ và cách tiếp cận”, *Tạp chí Tâm lý học*, Số 8
28. Trần Thị Minh Đức (2012), *Giáo trình “Tham vấn tâm lý*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

29. H.J. Eysenck (2004), *Những trắc nghiệm tâm lí*, tập 2. Trắc nghiệm về nhân cách: “Trắc nghiệm Tính cách và những công việc phù hợp cho nhiều tính cách khác nhau”, NXB ĐH Sư phạm
30. Võ Nguyên Giáp (1982), “Vấn đề giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 2
31. A.E.Gôlômstôc (2002), *Bài tập thực hành Tâm lí học*, “Trắc nghiệm tâm lý tìm hiểu sở thích nghề nghiệp”, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội
32. Trần Thị Giồng (1996), “Tầm quan trọng của tham vấn”, *Tài liệu tập huấn trẻ em làm trái pháp luật – Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển - Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em*, Hà Nội
33. Lê Văn Hồng (chủ biên, 2002), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
34. Nguyễn Văn Hộ- Nguyễn Thị Thanh Huyền (2006), *Hoạt động GDHN và giảng dạy kĩ thuật trong trường THPT*, NXB Giáo dục
35. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2007), “Làm tốt công tác tư vấn nghề góp phần nâng cao hiệu quả GDHN ở trường phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, số 156
36. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2008), “Mô hình tư vấn nghề cho cá nhân HS trong trường THPT”, *Tạp chí Giáo dục*, số 198
37. Nguyễn Thị Thanh Huyền “Nhu cầu tư vấn nghề của HS THPT KV Miền núi phía Đông Bắc” (2009), *Tạp chí Giáo dục*, số 203
38. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2009), “Thực trạng tư vấn nghề ở các trường THPT KV miền núi Đông Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 41
39. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2009) “*Xây dựng mô hình tư vấn nghề trong nhà trường THPT KV miền núi Đông Bắc Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ, trường Đại học Thái Nguyên
40. Lê Hương (2000), “Một số nét đặc trưng của lứa tuổi thanh niên”, *Tạp chí Tâm lí học*, số 2
41. Lê Thị Thanh Hương (chủ biên) (2010), *Tư vấn hướng nghiệp cho HS THPT thực trạng ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế*, NXB Khoa học xã hội
42. Phạm Văn Khanh (2012), *Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học các môn học khoa học tự nhiên ở trường trung học phổ thông KV Nam Trung Bộ*, Luận án tiến sĩ, Đại học Thái Nguyên

43. Hoàng Kiện, Nguyễn Thế Trường, Phạm Tất Dong, Bộ Giáo dục và Đào tạo (1996), *Sinh hoạt hướng nghiệp 11,12: Sách giáo viên*, NXB Giáo dục
44. Kỉ yếu hội thảo (2005), “*Đối thoại Pháp – Á về các vấn đề và hướng đi cho giáo dục hướng nghiệp Việt Nam*”, Hà Nội
45. Kôn.I.X (1987), *Tâm lí học thanh niên*, NXB Trẻ (Phạm Minh Hạc, Ngô Hào Hiệp dịch)
46. Nguyễn Văn Lê (chủ biên) (2004), *Giáo dục phổ thông và hướng nghiệp - nền tảng để phát triển nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Đề tài KX05-09 thuộc chương trình Khoa học công nghệ cấp nhà nước KX05, Hà Nội
47. Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền (2004), *Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
48. Phạm Ngọc Linh (2013), *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông*, luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội
49. Trần Thế Linh (1994), “Mức độ hiểu nghề trong việc chọn nghề của HS những năm gần đây”, *Nghiên cứu giáo dục*, số 11 năm 1994
50. Luật Giáo dục (2005)
51. Bùi Thị Xuân Mai (2003), “Bàn về thuật ngữ: tư vấn, tham vấn và cố vấn”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 4
52. Phùng Đình Mẫn (chủ biên) (2005), *Một số vấn đề cơ bản về hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông*, NXB Giáo dục
53. Muler P.H (2003), *Các lí thuyết về tâm lí học phát triển*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội
54. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội
55. Nguyễn Thị Nhung (2009), *Biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông miền núi Tây Bắc*, Luận án tiến sĩ, trường Đại học Sư phạm Hà Nội
56. Lê Đức Phúc (1984), “Chẩn đoán và tư vấn nghề nghiệp”, *Hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông*, Bộ Giáo dục, Hà Nội
57. Bùi Việt Phú (2009), *Tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo tinh thần xã hội hóa*, Luận án tiến sĩ, Đại học Giáo dục

58. Nguyễn Ngọc Quang (1989), “Những khái niệm cơ bản về lí luận quản lí giáo dục”, Trường CBQL Giáo dục TW I, Hà Nội
59. Quyết định 126/CP ngày 19 tháng 3 năm 1981 của Hội đồng Chính phủ về “Công tác hướng nghiệp trong các trường Phổ thông và việc sử dụng HS các cấp Phổ thông cơ sở và Phổ thông trung học tốt nghiệp ra trường”
60. Quyết định số 16/2006/QĐ –BGD&ĐT của Bộ giáo dục và đào tạo ngày 5/5/2006
61. Nguyễn Kim Quý (2007), “Hướng nghiệp và các giải pháp nâng cao hiệu quả tham vấn hướng nghiệp cho HS phổ thông”, Hội thảo Mô hình đào tạo chuyên gia tham vấn – trị liệu tại Việt Nam, UNICEF Việt Nam
62. Phạm Văn Sơn (2012), “Xây dựng và sử dụng bản mô tả nghề trong tư vấn hướng nghiệp cho HS phổ thông”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 6 (156)
63. Nguyễn Viết Sự (1999): “ Về giáo dục kĩ thuật và hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông ở nước ta thời gian tới” , *Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục*, số 76
64. Nguyễn Viết Sự (2001), : “Một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục kĩ thuật và hướng nghiệp ở trường THCS và THPT trong giai đoạn tới”, *Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục*, số 87
65. Huỳnh Thị Tam Thanh (2009), *Tổ chức hoạt động GDHN cho HS bổ túc THPT tại các trung tâm giáo dục thường xuyên theo định hướng phát triển nhân lực*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
66. Nguyễn Thị Việt Thắng (2008), “Các lí thuyết về tham vấn hướng nghiệp”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 7 (117)
67. Thông tư 31/TT ngày 17/8/1981 của Bộ Giáo dục hướng dẫn thực hiện quyết định 126/CP
68. Phạm Huy Thụ (1996), *Hoạt động Lao động – Hướng nghiệp của HS phổ thông Việt Nam*, Trường Cán bộ quản lí giáo dục và đào tạo,
69. Trần Trọng Thủy (1987), “Những cơ sở khoa học của công tác hướng nghiệp”, *Thông báo khoa học*, Số A
70. Mạc Văn Trang (1993), *Báo cáo tổng kết đề tài “Nghiên cứu những yêu cầu tâm lí cơ bản đối với một số nghề và phương pháp xác định những đặc điểm tâm lí cá nhân phù hợp nghề, làm cơ sở cho công tác hướng nghiệp, tư vấn nghề”*

71. Nguyễn Đức Trí (2005), “Hướng nghiệp: Một số lí luận và thực tế”, *Tạp chí Giáo dục*, số 119
72. Hà Thế Truyền (1996), *Một số giải pháp tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật ứng dụng (nghề phổ thông) cho học sinh phổ thông bậc trung học tại các trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp - dạy nghề*, Luận án tiến sĩ khoa học Sư phạm - Tâm lý
73. Hà Thế Truyền (2005), “Một số biện pháp thực hiện giáo dục lao động – Hướng nghiệp – Dạy nghề góp phần thực hiện tốt việc phân luồng trong đào tạo”, *Tạp chí Giáo dục*, số 107
74. Nguyễn Quang Uẩn, (2010), *Tâm lí học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội
75. Unicef Việt Nam, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em Việt Nam (2006), *Tài liệu tập huấn khóa đào tạo giảng viên nguồn về tham vấn tâm lí*

Tài liệu tiếng Anh

76. Anthony.Y (1993), *Counseling – A Problem solving Approach*, Amour, Publishing
77. Brown D; Brooks L (1990), *Career choice and development* (2nd ed.). SanFrancisco: Jossey-Bass
78. Crites, J.O. (1969), *Vocational psychology*, New York: McGraw-Hill
79. David Capuzzi, Mark D. Stauffer (2011), *Career counseling*, Printed in the United States of America; International Standard Book
80. Elizabeth B. Yost; M. Anne Corbishley (1987), *Career Counseling*, Jotsey-Bass Publishers, San Francisco, London
81. Eugene Joseph Martinez (1980), *The effects of the experimental career counseling approaches on the career decision – making and career Maturity of Chicano college students*, Doctor of Philocopy School of Eriucation
82. Gideon Arulmani and Sonali Nag Armani (2004), *Career Counseling a Handbook*, Tala McGram – Hill Publishing Company Limited, New Del
83. Ginzberg, E; Ginsburg, S.W; Axelrad, S, & Herma (1951), *Occupational choice: An approach to general theory*, New York: Columbia University Press
84. Gottfredson, L. S. (1981), *Circumscription and compromise: A developmental theory of occupational aspirations*, Journal of Counseling Psychology

85. Gysbers N.C., Heppner. M.J., và Johnston J.A (1998), *Career counseling: Process, issues, and techniques*, Boston: Allyn & Bacon
86. Herr, E. L., & Cramer, S. H. (1996), *Career guidance and counseling through the life span: Systematic approaches*(5th ed.), New York: HarperCollins
87. Holland, J.L (1997), *Making vocational choice: A theory of vocational personalities and work environment*. Odessa, FL: Psychological Assessment Resources
88. Howard Figler & Richard Nelson Bolles (2009), *The career counselor's handbook*, Ten speed press Berkeley
89. Isaacson, L.E, & Brown, D (2000), *Career infomation, Career Counseling, and Career development*, Boston: Allyn & Bacon.
90. James P. Sampson, JR. Robert C. Readon, Gary W. Peterson, Janet G. Lenz (2004), *Career counseling and Services*, Publisher Thomson Learning
91. Jennifer M Kidd (2006), *Understanding career counselling theory, research and practice*, Sage Publications
92. Krumboltz, J. D., Mitchell, A., & Gelatt, H. G. (1975), *Applications of social learning theory of career selection*, Focus on Guidance
93. Lynda Ali and Barbara Graham (1996), *The counseling approach to careers guidance*, Routledge
94. Mark Pope, Ed.D (1997), *History and Development of Career Counseling in the USA*, University of Missouri – St. Louis
95. Mark Pope (2003), *Career counseling in the twenty-first century: beyond cultural encapsulation*, National Career Development Association
96. Mary J. Heppner and P. Paul Heppner (2004), *Career Counseling*, University of Missouri, Columbia, Missouri, USA
97. Mary McMahan and Wendy Patton (2006), *Career Counseling: Constructive Approaches*, Routledge
98. Migel Jayasinghe (2001), *Counseling in Careers Guidance*, First Published 2001
99. Mihai Jigău (2007), *Counseling compendium of methods and techniques*, Publisher: AFIR
100. Nathan,R.&Hill,L (2006): *Career Counseling*, London: Sage Publications

101. Norman C. Gysbers (2008), *Career Guidance and Counseling in Primary and Secondary Educational Settings*, Publisher: Springer Netherlands.
102. Norman C. Gysbers, Mary J. Heppner, Joseph A. Johnston (2009), *Career counseling: contexts, processes, and techniques*, American Counseling Association
103. Neukrug E.D (1999), *The World of counselor*, Brooks/Cole Publishing Company
104. Nystul, M.S (2005), *Introduction to Counseling: An Art and Science*, Nystul New Mexico State University
105. Parsons, F. (1909), *Choosing a vocation*, Boston: Houghton Mifflin
106. Ramesh Chatuverdi (2007), *Education and Vocation Guidance and Counseling*, New Delhi, Crescent Publication
107. Robert Lee Metcalf (1999) “*The function of vocational, occupational, and career counseling and guidance as perceived by Washington state community college deans of student, vocational directors, and counselor*” Doctor off Philosophy in education
108. Roger D. Herring (1998), *Counseling In schools Multicultural and Development*, American Counseling Association tr.1
109. Rudolf Kohoutek, CSc (2012),*The history and present in career counseling*, Května
110. Samuel H. Osipow (1987), *Counseling psychology:Theory, research, and practice in career*, Copyright © 1987 by Annual Reviews Inc
111. Schmidt,J.J, (1996), *Counseling in school: Essential services and comprehensive programs*, Boston: Allyn & Bacon
112. Super D.E (1980), *A life – Span,life space approach to career development*, Journal of Vocational Behavior
113. UNESCO (2002), *Handbook on career counseling*, Nations Educational, Scientific and Cultural Organization
114. Vernon G.Zunker (2002), *Career counseling: applied concepts of life planning*, Pacific Grove, CA: Brooks/Cole
115. Walsh, W. B. (1990), *A summary and integration of career counseling approaches*, Hillsdale, NJ: Erlbaum.

116. Wendy Patton and Mary Mc Mahon(2006), *Career Development and Systems Theory*, Sense Publishers Rotterdam/ Taipei;
117. Zhang.Weiyuan, Hu.Xiaolu; Pope.Mark (2002), *The evolution of career guidance and counseling in the People's Republic of China*, Publisher:National Career Development Association
118. www.vvob.be/vietnam
119. <http://mbti.toppion.com/>

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 CÁC LOẠI BẢNG HỎI

Phụ lục 1.1

PHIẾU ĐIỀU TRA (Dùng cho học sinh)

Các em học sinh thân mến!

Nghề nghiệp rất quan trọng đối với mỗi người, để có được một nghề phù hợp với bản thân thì cần phải có sự định hướng nghề nghiệp chính xác, phù hợp. Trong thực tế, các em học sinh đã có sự định hướng nghề nghiệp cho bản thân như thế nào và Nhà trường đã giáo dục hướng nghiệp cho các em như thế nào? Để tìm hiểu những thông tin trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT KV Hà Nội qua tham vấn nghề”. Mong các em vui lòng đọc kỹ và trả lời các câu hỏi trong phiếu điều tra.

Xin chân thành cảm ơn mọi sự hợp tác và ý kiến đóng góp của em!

PHẦN CÂU HỎI

1. Theo em, trong nhà trường đã tiến hành GDHN thông qua các con đường nào sau đây:

(5: Rất thường xuyên; 4: Thường xuyên; 3: thỉnh thoảng; 2: Hiếm khi; 1: Không bao giờ)

TT	Các con đường	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Thông qua dạy học các môn khoa học cơ bản					
2	Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp					
3	Thông qua hoạt động ngoại khóa					
4	Thông qua dạy học môn kĩ thuật và lao động sản xuất					
5	Tổ chức cho học sinh tham quan các làng nghề và các cơ sở sản xuất					
6	Các giờ học môn Hoạt động giáo dục hướng nghiệp					
7	Thông qua tham vấn nghề					

2. Trong quá trình chọn nghề, em gặp những khó khăn nào trong những khó khăn dưới đây? (có thể chọn nhiều phương án)

- Khả năng tự đánh giá bản thân còn hạn chế
- HS không biết mình phù hợp với ngành nghề nào

Không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề

HS không biết quyết định lựa chọn ngành nghề nào

HS gặp khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin

Hiểu biết về ngành nghề của HS còn hạn chế

Hiểu biết về các trường đào tạo còn hạn chế

Thiếu tài liệu liên quan đến chọn nghề

Những khó khăn khác (yêu cầu ghi cụ thể):

3. Khi gặp những khó khăn trong quá trình chọn nghề em đã đến gặp ai để nhờ giúp đỡ?

GV chủ nhiệm

GV bộ môn

Thầy cô trong Ban giám hiệu

Cán bộ đoàn

Các lực lượng khác (ghi cụ thể):

4. Em hãy nêu những đặc điểm của bản thân mình và xếp theo thứ tự giảm dần

STT	Năng lực	Tính cách	Sở thích
1			
2			
3			
4			
5			

5. Em chọn nghề gì?:

Vì sao em chọn nghề đó?

Nếu em chọn được nghề hãy tiếp tục trả lời câu hỏi dưới đây:

6. Em hãy nêu hiểu biết về 1 nghề phù hợp nhất đối với em:

STT	Yêu cầu về năng lực và phẩm chất của ngành, nghề	Đặc điểm của ngành nghề	Công việc cụ thể của nghề	Nơi làm việc của của nghề	Những trường đào tạo ngành nghề
1					
2					
3					
4					
5					

7. Em dự định đăng kí thi vào trường nào?

- Nguyên vọng 1:.....

- Nguyên vọng 2:.....

Nếu em chọn được trường thì hãy tiếp tục trả lời câu hỏi dưới đây:**8. Em hãy nêu những hiểu biết về 1 trường ĐH/CD mà em dự định đăng kí thi**

STT	Tỉ lệ cạnh tranh của trường	Điểm chuẩn của trường	Điểm chuẩn của ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh của trường
2013					

Em hãy cho biết một số thông tin cá nhân:Giới tính: Nam Nữ

Lớp:.....

Trường:.....

Khối ôn thi:.....

Xếp loại học lực HKI: Giỏi Khá Trung bình

Nghề nghiệp của bố:Nghề nghiệp của mẹ:

Nghề truyền thống của gia đình (Nếu có):

Cảm ơn những ý kiến đóng góp của em, chúc em khỏe và học giỏi!

Phụ lục 1.2**PHIẾU ĐIỀU TRA****(Dùng cho giáo viên)****Các Thầy/Cô giáo kính mến!**

Nghề nghiệp rất quan trọng đối với mỗi người, để có được một nghề phù hợp với bản thân thì cần phải có sự định hướng nghề nghiệp chính xác, phù hợp. Trong thực tế, các em học sinh đã có sự định hướng nghề nghiệp cho bản thân như thế nào và Nhà trường đã giáo dục hướng nghiệp cho các em như thế nào? Để tìm hiểu những thông tin trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT KV Hà Nội qua tham vấn nghề”. Mong các thầy/cô vui lòng đọc kỹ và trả lời các câu hỏi trong phiếu điều tra.

Xin chân thành cảm ơn mọi sự hợp tác và ý kiến đóng góp của quíthầy /cô!

PHẦN CÂU HỎI

1. Thầy /cô đã tiến hành giáo dục hướng nghiệp thông qua các con đường nào sau đây:(5: Rất thường xuyên; 4: Thường xuyên; 3: thỉnh thoảng; 2: Hiếm khi; 1: Không bao giờ)

TT	Các con đường	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Thông qua dạy học các môn khoa học cơ bản					
2	Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp					
3	Thông qua hoạt động ngoại khóa					
4	Thông qua dạy học môn kĩ thuật và lao động sản xuất					
5	Tổ chức cho học sinh tham quan các làng nghề và các cơ sở sản xuất					
6	Các giờ học môn Hoạt động giáo dục hướng nghiệp					
7	Thông qua tham vấn nghề					

2. Theo thầy/cô thế nào là tham vấn nghề cho HS?

.....

.....

.....

.....

3. Theo thầy cô, tham vấn nghề trong nhà trường đã đạt được những mục tiêu nào sau đây?(5: Rất đúng, 4: Tương đối đúng, 3: không hoàn toàn đúng, 2: Hầu như không đúng, 1: rất không đúng)

STT	Mục tiêu của tham vấn nghề	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	HS giải tỏa được những khó khăn, lo lắng, băn khoăn trong quá trình chọn nghề					
2	Đánh giá và phân tích được năng lực của bản thân					
3	Đánh giá và phân tích được sở thích, xu hướng nghề của bản thân					
4	Đánh giá và phân tích được tính cách của bản thân					
5	Đánh giá và phân tích được giá trị nghề của bản thân					
6	Tìm được những thông tin tuyển sinh ở các trường đại học, cao đẳng					
7	Tìm được thông tin về nghề, yêu cầu, đặc điểm của nghề từ nhiều nguồn khác nhau					
8	Tìm được những thông tin về nhu cầu thị trường lao động, tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương					
9	HS xác định được mục tiêu nghề nghiệp và lập được kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai					
10	HS tự tin khi quyết định chọn nghề phù hợp					

4. Thầy cô giáo đã thực hiện những nội dung tham vấn nghề nào sau đây? (5: Rất đúng, 4: Tương đối đúng, 3: không hoàn toàn đúng, 2: Hầu như không đúng, 1: rất không đúng)

STT	Nội dung tham vấn nghề	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Trợ giúp HS giải tỏa những khó khăn, lo lắng, băn khoăn trong quá trình chọn nghề phù hợp					
2	Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích năng lực của bản thân					
3	Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích sở thích, xu hướng nghề					
4	Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích tính cách của bản thân					
5	Hướng dẫn HS đánh giá và phân tích giá trị nghề của bản thân					
6	Trợ giúp HS tìm những thông tin tuyển sinh ở các trường đại học, cao đẳng					
7	Trợ giúp HS tìm thông tin về nghề, yêu cầu, đặc điểm của nghề từ nhiều nguồn khác nhau					
8	Trợ giúp HS tìm những thông tin về nhu cầu thị trường lao động, tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương					
9	HS xác định được mục tiêu nghề nghiệp và lập được kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai					
10	Trợ giúp HS ra quyết định chọn nghề phù hợp					

9. Thầy/cô hãy liệt kê các bước giải quyết những khó khăn cho HS mà các thầy cô đã thực hiện:

Bước 1:

Bước 2:

Bước 3:

Bước 4:

Bước 5:

Bước 6:

Bước 7:

10. Theo thầy cô các yếu tố sau đây ảnh hưởng đến quá trình tham vấn nghề ở mức độ nào?(5: Rất ảnh hưởng, 4: Tương đối ảnh hưởng, 3: ảnh hưởng ít, 2: Hầu như không ảnh hưởng; 1: Không ảnh hưởng)

STT	Các yếu tố ảnh hưởng đến tham vấn nghề	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo về hoạt động tham vấn nghề					
2	Sự hợp tác của cha mẹ với nhà tham vấn trong quá trình tham vấn nghề cho HS					
3	Kinh phí dành cho tham vấn nghề					
4	Cơ sở vật chất dành cho tham vấn nghề					
5	Cơ chế chính sách của nhà nước về tham vấn nghề					
6	Nhận thức của GV về tham vấn nghề					
7	Khả năng tìm hiểu đặc điểm tâm lí HS					
8	Nhu cầu tham vấn của HS					
9	Kĩ năng của GV trong việc sử dụng các công cụ đánh giá các đặc điểm tâm lí cho HS					
10	Kĩ năng tham vấn nghề của GV					

11. Theo thầy cô những khó khăn dưới đây ảnh hưởng việc tổ chức tham vấn nghề trong nhà trường ở mức độ nào? (5: Rất khó khăn; 4: Khó khăn; 3: Bình thường; 2: Ít khó khăn; 1: Không khó khăn):

STT	Những khó khăn khi tổ chức tham vấn nghề	Mức độ				
		5	4	3	2	1
1	Thời lượng dành cho hoạt động hướng nghiệp còn ít					
2	Kĩ năng tham vấn nghề của GV còn hạn chế					
3	HS chưa chủ động tìm đến GV để tham vấn nghề					

4	Thiếu tài liệu cho hoạt động tham vấn nghề					
5	Thiếu chuyên gia tham vấn nghề trong trường					
6	Hiểu biết về tham vấn nghề còn hạn chế					
7	Chưa có sự đầu tư cho hoạt động tham vấn nghề trong các trường THPT					
8	Chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện hoạt động tham vấn nghề hiệu quả					

12. Theo Thầy cô có những biện pháp nào để khắc phục những khó khăn trong quá trình tham vấn nghề?

.....

.....

.....

.....

.....

Xin các thầy cô cho biết những thông tin dưới đây, những thông tin này không nhằm đánh giá bất cứ điều gì, chỉ phục vụ cho vấn đề nghiên cứu.

Trường công tác:.....Giới tính:

.....

Thâm niên công tác:.....

Phụ trách môn:.....

Công việc kiêm nhiệm:

Trình độ đào tạo:.....

Cảm ơn sự đóng góp ý kiến của quý Thầy /Cô!

Phụ lục 1.3**PHIẾU ĐIỀU TRA**

(Ban Giám hiệu các trường THPT)

Các Thầy/Cô giáo kính mến!

Nghề nghiệp rất quan trọng đối với mỗi người, để có được một nghề phù hợp với bản thân thì cần phải có sự định hướng nghề nghiệp chính xác, phù hợp. Trong thực tế, các em học sinh đã có sự định hướng nghề nghiệp cho bản thân như thế nào và Nhà trường đã giáo dục hướng nghiệp cho các em như thế nào? Để tìm hiểu những thông tin trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT KV Hà Nội qua tham vấn nghề”. Mong các thầy/cô vui lòng đọc kỹ và trả lời các câu hỏi trong phiếu điều tra.

Xin chân thành cảm ơn mọi sự hợp tác và ý kiến đóng góp của quý thầy /cô!

I. Đề nghị Thầy/Cô cho biết một số thông tin chung về trường:**1. Tổng số học sinh:**.....

Trong đó: Nam:.....em

Nữ:..... em

Khối 10 có:.....HS chia ra thành:.....lớp

Khối 11 có:.....HS chia ra thành:.....lớp

Khối 12 có:.....HS chia ra thành:.....lớp

2. Tổng số giáo viên: người

Trong đó: Nam:..... Nữ:.....

Trình độ: Đại học chính quy:.....

3. Số lượng giáo viên tham gia giảng dạy môn GDHN:

Số lượng giáo viên chuyên trách môn GDHN:

Số lượng giáo viên kiêm nhiệm môn

GDHN:.....

3. Đặc điểm địa bàn địa phương nơi trường đóng

.....

.....

.....

.....

4. Sơ lược về trường, về học sinh của trường

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II. Xin Thầy/Cô cho biết những thông tin về hoạt động giáo dục hướng nghiệp và hoạt động tham vấn nghề của nhà trường

1. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp

* Về nội dung:

.....

.....

* Về hình thức tổ chức:

.....

.....

* Về thời gian:

.....

.....

.....2. Hoạt động tham vấn nghề

* Về nội dung:

.....

.....

* Về hình thức tổ chức:

.....

.....

* Về thời gian:

.....

.....

* Những điều kiện phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp và tham vấn nghề

.....

.....

Phụ lục 1.4**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CHUYÊN GIA**

Kính thưa ông (bà)!

Chúng tôi tiến hành tìm hiểu việc đánh giá quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN cho HS THPT. Từ kinh nghiệm thực tiễn của mình, xin ông (bà) trả lời một số câu hỏi dưới đây. Ý kiến của ông (bà) sẽ giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong nghiên cứu.

Câu hỏi 1: Ông (bà) hãy đánh giá mức độ phù hợp quy trình hoạt động tham vấn nghề thực hiện theo một trình tự như sau:

Các giai đoạn	Các bước	Mức độ		
		Phù hợp	Phân vân	Chưa phù hợp
Giai đoạn 1: Khảo sát tìm hiểu đặc điểm HS	<i>Bước 1: Chuẩn bị</i>			
	<i>Bước 2: Điều tra, khảo sát sơ bộ về HS</i>			
	<i>Bước 3: Tổ chức cho HS làm trắc nghiệm</i>			
	<i>Bước 4: Phân loại nhóm và xác định vấn đề của HS</i>			
	<i>Bước 5: Lập kế hoạch tham vấn nghề</i>			
Giai đoạn 2: Tham vấn nghề cho HS	<i>Bước 6: Thiết lập mối quan hệ và xác định mục tiêu, cách thức thực hiện tham vấn nghề</i>			
	<i>Bước 7: Trợ giúp HS nhận thức vấn đề</i>			
	<i>Bước 8: Trợ giúp HS giải quyết vấn đề</i>			
Giai đoạn 3: Tổng kết, đánh giá quá trình tham vấn	<i>Bước 9: Trợ giúp HS ra quyết định</i>			
	<i>Bước 10: Tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm sau quá trình tham vấn nghề</i>			
	<i>Bước 11: Rút ra những kết luận, đề xuất những giải pháp nâng cao GDHN</i>			

Phụ lục 1.5**PHIẾU PHỎNG VẤN HỌC SINH****+ Nội dung phỏng vấn:**

1. Họ và tên:.....
2. Học lớp:.....
3. Học lực:.....
4. Khối thi:
5. Các nội dung thầy cô thường tham vấn cho em?
6. Các cách đánh giá của thầy cô về học sinh: năng lực, tính cách, sở thích của học sinh
7. Em gặp khó khăn gì trong quá trình chọn nghề? Em thường hỏi giáo viên về những vấn đề gì trong quá trình chọn nghề?
8. Giáo viên thường tham vấn cho em như thế nào? Và khi nào?

Phụ lục 1.6**PHIẾU PHỎNG VẤN GIÁO VIÊN****+ Nội dung phỏng vấn:**

1. Họ và tên:.....
2. Môn học đảm nhiệm:.....
3. Môn học kiêm nhiệm:.....
4. Công việc kiêm nhiệm.....
5. Các nội dung thầy cô thường tham vấn cho HS?
6. Các cách đánh giá của thầy cô về học sinh: năng lực, tính cách, sở thích
7. HS gặp khó khăn gì trong quá trình chọn nghề? Những vấn đề HS thường hỏi trong quá trình chọn nghề
8. Thầy cô thường tham vấn cho HS như thế nào? Và khi nào?
9. Trong quá trình tham vấn nghề cho HS, thầy cô thường gặp những khó khăn nào nhất? Cách giải quyết của thầy cô như thế nào?

PHỤ LỤC 2
PHIẾU ĐÁNH GIÁ TRƯỚC VÀ SAU THỰC NGHIỆM

1. Em chọn ngành, nghề gì:

.....

Vì sao em chọn nghề đó:

Em chọn trường nào để đăng kí dự thi:.....

.....

2. Em hãy mô tả về bản thân em (Về tính cách, năng lực, sở thích) liên quan đến ngành nghề mà em đã chọn ở trên

Tính cách:

.....

Năng lực:.....

.....

Sở thích:

.....

3. Em hãy nêu những hiểu biết về 1 ngành, nghề mà em thấy phù hợp nhất đối với em

Những trường đào tạo ngành, nghề em định chọn:

.....

.....

Đặc điểm của ngành nghề:.....

.....

.....

Năng lực, tính cách, phẩm chất cần có của nghề đó:

.....

.....

Nơi làm việc sau này của nghề đó:.....

.....

.....

Những công việc cụ thể của nghề đó:.....

.....

.....

4.Em hãy nêu những hiểu biết về 1 trường ĐH/CĐ mà em thấy phù hợp nhất đối với em:

STT	Tỉ lệ cạnh tranh của trường	Điểm chuẩn của trường	Điểm chuẩn của ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh của trường
2013					

Em hãy cho biết một số thông tin cá nhân:

Họ và tên:

Giới tính: Nam Nữ

Lớp:.....

Trường:.....

Khối ôn thi:.....

Xếp loại học lực HK: Giỏi Khá Trung bình

Nghề nghiệp của bố:

Nghề nghiệp của mẹ:

Cảm ơn những ý kiến đóng góp của em, chúc em khỏe và học giỏi!

PHỤ LỤC 3
PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Trường:

Họ và tên: Lớp:.....

Khối thi:

Điểm TBHT cuối kỳ I lớp 12 các môn trong các khối thi:

Khối 1: Môn 1:..... Môn 2:..... Môn 3:.....

Khối 2: Môn 1:..... Môn 2:..... Môn 3:.....

1. Trắc nghiệm trí thông minh (IQ)

Câu hỏi	Đáp án					Câu hỏi	Đáp án					Câu hỏi	Đáp án				
	a	b	c	d	e		a	b	c	d	e		a	b	c	d	e
1						21						41					
2						22						42					
3						23						43					
4						24						44					
5						25						45					
6						26						46					
7						27						47					
8						28						48					
9						29						49					
10						30						50					
11						31						51					
12						32						52					
13						33						53					
14						34						54					
15						35						55					
16						36						56					
17						37						57					
18						38						58					
19						39						59					
20						40						60					

Đánh dấu × vào các đáp án lựa chọn, thời gian làm bài trắc nghiệm 45 phút.

Số câu trả lời đúng: câu; Chỉ số thông minh:

Các câu hỏi thuộc về não trái: 1, 2, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 13, 16, 17, 18, 20, 23, 24, 28, 29, 30, 32, 33, 34, 35, 36, 38, 39, 41, 43, 44, 45, 48, 50, 52, 53, 55, 56, 58, 60

Các câu hỏi thuộc về não phải: 3, 4, 9, 12, 14, 15, 19, 21, 25, 27, 31, 37, 40, 42, 46, 47, 49, 51, 54, 57, 59

Số câu trả lời đúng của não trái:/37 =

Số câu trả lời đúng của não phải:/23 =

2. Trắc nghiệm Tính cách

E hay I

E		I	
Hành động trước hết, suy nghĩ và cân nhắc sau		Suy nghĩ và cân nhắc kỹ lưỡng trước khi hành động	
Cảm thấy khổ sở nếu bị cách ly với thế giới bên ngoài		Cần có một khoảng thời gian riêng tư đáng kể để nạp năng lượng	
Hứng thú với con người và sự việc xung quanh		Hứng thú với đời sống nội tâm, đôi khi tự cô lập với thế giới bên ngoài	
Quáng giao, thích tiếp xúc với nhiều người		Thích nói chuyện riêng tư 2 người	
Dễ bắt chuyện		Hiếm khi chủ động xin ý kiến của người khác	

S hay N

S		N	
Sống với hiện tại		Hay nghĩ đến tương lai	
Thích các giải pháp đơn giản và thực tế		Sử dụng trí tưởng tượng, hay sáng tạo ra những khả năng mới	
Có trí nhớ tốt về các chi tiết của những sự kiện trong quá khứ		Thường chỉ nhớ đến ý chính và các mối liên hệ	
Giỏi áp dụng kinh nghiệm		Giỏi vận dụng lý thuyết	
Thoải mái với những thông tin rõ ràng và chắc chắn		Thoải mái với sự nhập nhằng, hay những thông tin không rõ ràng	

T hay F

T		F	
Luôn tìm kiếm sự kiện và tính logic để đưa ra kết luận		Xem xét cảm xúc cá nhân và ảnh hưởng của một quyết định lên người khác trước khi đưa ra quyết định đó.	
Có xu hướng để tâm đến các nhiệm vụ, công việc cần phải hoàn thành		Nhạy cảm với những nhu cầu và phản ứng của người khác.	
Dễ dàng đưa ra những phân tích thấu đáo và khách quan		Tìm kiếm sự nhất trí và ý kiến của số đông.	
Chấp nhận xung đột là một phần tự nhiên trong mối quan hệ giữa người với người.		Khó xử khi có xung đột; hoặc có phản ứng tiêu cực khi xảy ra bất hòa.	

J hay P

J		P	
Có kế hoạch chu đáo trước khi hành động		Có thể hành động mà không cần lập kế hoạch; lập kế hoạch tùy theo tình hình	
Tập trung vào các hoạt động có tính nhiệm vụ, hoàn tất các công đoạn quan trọng trước khi tiếp tục		Thích làm nhiều việc cùng lúc, thích sự đa dạng, có thể vừa làm vừa chơi	
Làm việc tốt nhất và không bị stress khi hoàn thành công việc trước thời hạn		Chịu sức ép tốt, làm việc hiệu quả nhất khi công việc gần hết hạn	
Tự đặt ra mục tiêu, thời hạn, và các chuẩn mực để quản lý cuộc sống		Tìm cách tránh né cam kết nếu nó ảnh hưởng đến sự linh động, sự tự do và đa dạng của bản thân	

Chữ cái lựa chọn:**Tính cách của tôi:****3. Trắc nghiệm tìm hiểu sở thích nghề nghiệp**

Sau khi đã đọc kỹ các câu hỏi trong phiếu tìm hiểu hứng thú, hãy ghi vào các ô tương ứng với các câu hỏi:

(++) - rất thích và muốn trở thành chuyên gia.

(+) – thích hiểu biết, nhưng không thích làm.

(-) – không thích.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65
66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78

Chuyển các ký hiệu trong phiếu trả lời thành điểm số:

“++” = 5; “+” = 3; “-” = 1

Cộng điểm số của từng cột trong 13 cột trên. Số điểm tổng cộng của mỗi cột trong 13 cột trên sẽ nói lên hứng thú của học sinh về lĩnh vực tri thức và hoạt động tương ứng. Cột có điểm số cao nhất là xu hướng của học sinh

Hứng thú (..... điểm)

4. Trắc nghiệm tìm hiểu khí chất

Đọc kỹ các câu hỏi, nếu thấy câu nào đúng với bản thân mình thì ghi dấu “+” ở trước số thứ tự của câu hỏi đó, còn nếu có điều nào không đúng với bản thân thì ghi dấu “-“ ở trước số thứ tự của câu hỏi tương ứng. Hãy trả lời một cách trung thực, không bỏ quăng. Gặp các câu không quen thuộc hãy cứ trả lời theo cách suy nghĩ của mình. Hãy trả lời theo những ý nghĩ nảy sinh trong đầu trước tiên (chú ý tốc độ trả lời: 2 – 3 câu trong 1 phút).

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57			

Cách chấm điểm

Phần c: Cho mỗi câu 1 điểm, nếu các câu hỏi sau đây trả lời là có “+”: 6, 24, 36. Cho mỗi câu 1 điểm, nếu các câu hỏi sau đây trả lời là không “-“: 12, 18, 30, 42, 48, 54.

Tổng điểm phần c:

Phần a: Cho mỗi câu 1 điểm nếu những câu hỏi sau đây trả lời là có “+”: 1, 3, 8, 10, 13, 17, 22, 25, 27, 44, 46, 49, 53, 56. Cho mỗi câu 1 điểm nếu những câu hỏi sau đây trả lời là không “-“: 5, 15, 20, 29, 32, 34, 37, 41, 51.

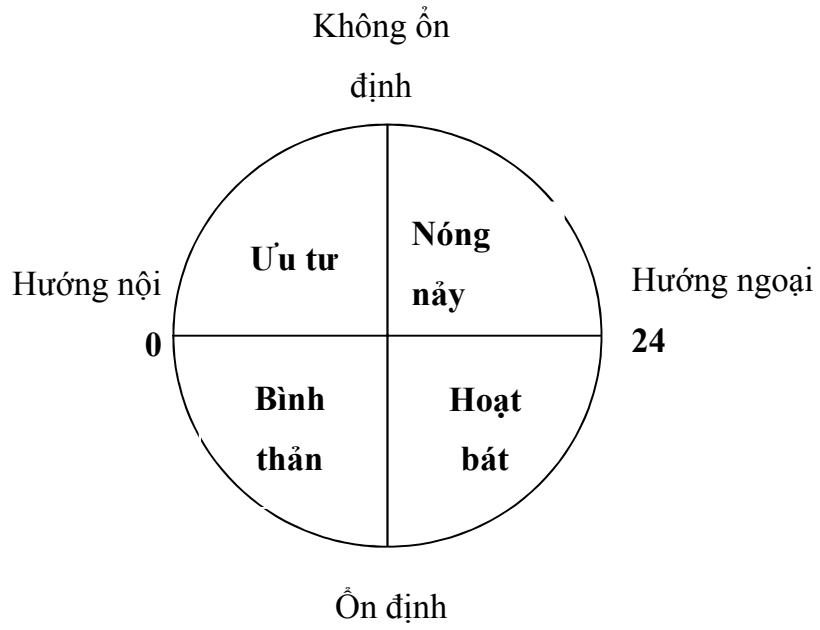
Tổng điểm phần a: **Mức độ:**..... (**hướng nội, hướng ngoại**)

Phần b: Cho mỗi câu 1 điểm, nếu các câu hỏi sau đây trả lời là có “+”: không cho điểm nếu trả lời là không “-“: 2, 4, 7, 9, 11, 14, 16, 21, 23, 26, 28, 31, 33, 35, 38, 40, 43, 45, 47, 50, 52, 55, 57.

Tổng điểm phần b: **Mức độ:** (**ổn định, không ổn định**)

Xác định vị trí số điểm của phần a tương ứng trên trục “hướng nội - hướng ngoại”; xác định số điểm của phần b tương ứng trên trục “ổn định - không ổn định”

Tìm tọa độ của 2 điểm trên, xem nó rơi vào góc nào để xác định loại khí chất.



Thuộc kiểu khí chất:

6. Trắc nghiệm tìm hiểu sở thích nghề nghiệp

Phần "R" (Thực tế)	Mức độ đúng nhất						Cách tính điểm
	1	2	3	4	5	Điểm	
Tính kiên trì							Mức 1: (rất thấp) = 1 điểm
Tính tự lập							Mức 2: (thấp) = 2 điểm
Có đầu óc thực tế							Mức 3: (vừa) = 3 điểm
Tính nghiêm khắc							Mức 4: (cao) = 4 điểm
Đạt được những tiêu chuẩn rõ ràng							Mức 5: (rất cao) = 5 điểm
Linh động trong công việc							
Làm công việc thực hành							
Khoẻ mạnh và nhanh nhẹn							
Làm công việc thủ công							
Tiếp xúc với thiên nhiên, động vật							
TỔNG CỘNG							

Phần "I" (Nghiên cứu)	Mức độ đúng nhất						Cách tính điểm
	1	2	3	4	5	Điểm	
Điềm tĩnh							Mức 1: (rất thấp) = 1 điểm
Tính chính xác							Mức 2: (thấp) = 2 điểm
Tính logic							Mức 3: (vừa) = 3 điểm
Tính tìm hiểu, khám phá							Mức 4: (cao) = 4 điểm
Đóng góp kiến thức mới vào một lĩnh vực							Mức 5: (rất cao) = 5 điểm
Có thể tổ chức công việc của mình							
Thực hiện vấn đề phức tạp							
Quan sát, phản ánh nghiên cứu							
Phân tích, giải quyết vấn đề							
Giả thuyết, suy luận sự việc							
TỔNG CỘNG							

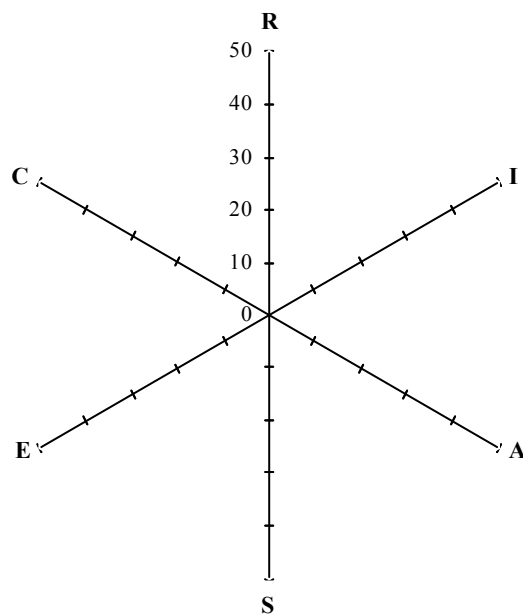
Phần "S" (Xã hội)	Mức độ đúng nhất						Cách tính điểm
	1	2	3	4	5	Điểm	
Tinh thần hợp tác							Mức 1: (rất thấp) = 1 điểm
Biết đồng cảm							Mức 2: (thấp) = 2 điểm
Thân thiện							Mức 3: (vừa) = 3 điểm
Lịch thiệp							Mức 4: (cao) = 4 điểm
Đóng góp để thế giới tốt đẹp hơn							Mức 5: (rất cao) = 5 điểm
Cảm thấy việc mình làm tạo nên sự khác biệt							
Trực tiếp giúp đỡ người khác							
Tư vấn, đào tạo và hướng dẫn							
Giải quyết vấn đề hoặc hoà giải							
Chăm sóc, an ủi người khác							
TỔNG CỘNG							

Phần "E" (Lãnh đạo)	Mức độ đúng nhất						Cách tính điểm
	1	2	3	4	5	Điểm	
Quyết đoán							Mức 1: (rất thấp) = 1 điểm
Có nghị lực							Mức 2: (thấp) = 2 điểm
Có sức thuyết phục							Mức 3: (vừa) = 3 điểm
Mạnh mẽ							Mức 4: (cao) = 4 điểm
Có thể nhanh chóng vượt lên người khác							Mức 5: (rất cao) = 5 điểm
Gây ảnh hưởng đối với hoạt động của người khác							
Làm người khác thay đổi ý kiến							
Khả năng diễn đạt, tranh luận trước công chúng							
Lên kế hoạch và quyết định							
Đánh giá và dự đoán nhu cầu							
TỔNG CỘNG							

Phần "C" (Lề lối)	Mức độ đúng nhất						Cách tính điểm
	1	2	3	4	5	Điểm	
Chính xác							Mức 1: (rất thấp) = 1 điểm
Tỉ mỉ							Mức 2: (thấp) = 2 điểm
Chu đáo							Mức 3: (vừa) = 3 điểm
Cẩn thận							Mức 4: (cao) = 4 điểm
Làm công việc với nhiệm vụ rõ ràng							Mức 5: (rất cao) = 5 điểm
Hoàn thành những công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ							
Kế hoạch, điều phối công việc							
Tính toán, so sánh số liệu							
Lưu trữ, cập nhật và phân loại thông tin							
Tính toán, dự kiến chi tiêu							
TỔNG CỘNG							

Kết quả trắc nghiệm

Với số điểm tương ứng của mỗi phần đánh dấu vị trí tương ứng trên biểu đồ và nối các điểm đó với nhau.



PHỤ LỤC 4
CÁC BẢNG BIỂU

Phụ lục 4.1. Ý kiến chuyên gia về mức độ phù hợp của quy trình hoạt động tham vấn nghề trong GDHN

Các giai đoạn	Các bước	Mức độ					
		Phù hợp		Phân vân		Chưa phù hợp	
		SL	%	SL	%	SL	%
Giai đoạn 1: Khảo sát tìm hiểu đặc điểm HS	<i>Bước 1: Chuẩn bị</i>	10	100	0	0	0	0
	<i>Bước 2: Điều tra, khảo sát sơ bộ về HS</i>	10	100	0	0	0	0
	<i>Bước 3: Tổ chức cho HS làm trắc nghiệm</i>	8	80	0	0	0	0
	<i>Bước 4: Phân loại nhóm và xác định vấn đề của HS</i>	8	80	2	20	0	0
	<i>Bước 5: Lập kế hoạch tham vấn nghề</i>	10	100	0	0	0	0
Giai đoạn 2: Tham vấn nghề cho HS	<i>Bước 6: Thiết lập mối quan hệ và xác định mục tiêu, cách thức thực hiện tham vấn nghề</i>	10	100	0	0	0	0
	<i>Bước 7: Trợ giúp HS nhận thức vấn đề</i>	10	100	0	0	0	0
	<i>Bước 8: Trợ giúp HS giải quyết vấn đề</i>	10	100	0	0	0	0
	<i>Bước 9: Trợ giúp HS ra quyết định</i>	10	100	0	0	0	0
Giai đoạn 3: Tổng kết, đánh giá quá trình tham vấn	<i>Bước 10: Tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm sau quá trình tham vấn nghề</i>	10	100	0	0	0	0
	<i>Bước 11: Rút ra những kết luận, đề xuất những giải pháp nâng cao GDHN</i>	10	100	0	0	0	0

PHỤ LỤC 5
NỘI DUNG MÔN HOẠT ĐỘNG GDHN Ở TRƯỜNG THPT

Tháng	Chủ đề lớp 10	Chủ đề lớp 11	Chủ đề lớp 12
9	Em thích nghề gì?	Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành Giao thông vận tải và địa chất	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương
10	Năng lực nghề nghiệp và truyền thống nghề nghiệp gia đình	Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ	Những điều kiện để thành đạt trong nghề
11	Tìm hiểu nghề dạy học	Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành Năng lượng, Bru chính-Viễn thông, Công nghệ thông tin	Tìm hiểu hệ thống đào tạo TCCN và Dạy nghề của Trung ương và địa phương
12	Vấn đề giới trong chọn nghề	Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng	Tìm hiểu hệ thống đào tạo đại học và Cao Đẳng
1	Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	Giao lưu với gương vượt khó, điển hình về sản xuất, kinh doanh giỏi	Tư vấn chọn nghề
2	Tìm hiểu một số nghề thuộc các ngành Y và Dược	Nghề nghiệp với nhu cầu của thị trường lao động	Hướng dẫn học sinh chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh
3	Tìm hiểu thực tế một cơ sở sản xuất công nghiệp hoặc nông nghiệp	Tôi muốn đạt được ước mơ	Thanh niên lập thân, lập nghiệp
4	Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành xây dựng	Tìm hiểu thực tế một trường ĐH (hoặc CĐ, TCCN, Dạy nghề) tại địa phương	Tổ chức tham quan hoặc hoạt động giao lưu theo chủ đề hướng nghiệp
5	Nghề tương lai của tôi		
Tổng số tiết	9	9	9